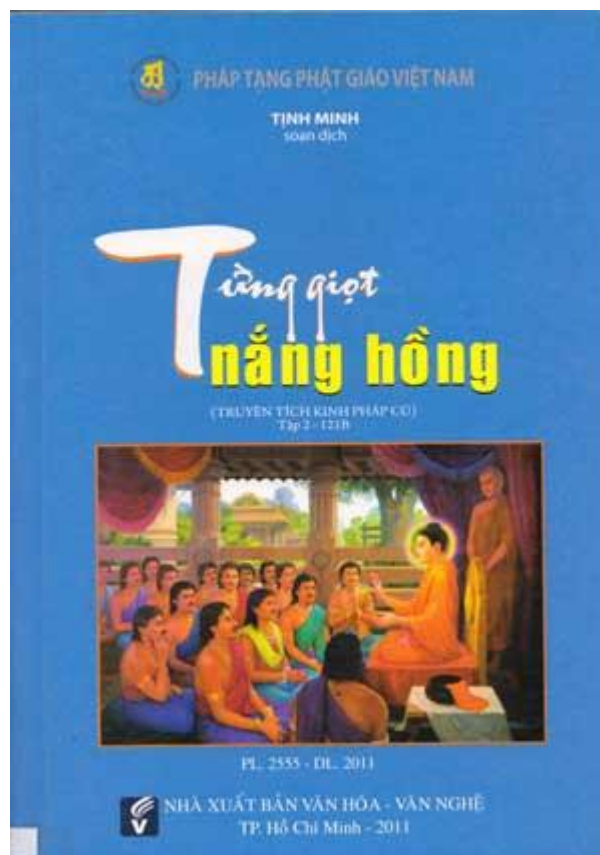


TỪNG GIỌT NẮNG HỒNG

Tịnh Minh soạn dịch



LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Pháp Cú vốn thuộc về loại kinh “Vô vấn tự thuyết”, như kinh Di Đà.v.v... trong 12 phần giáo của Đức Phật. Kinh Pháp Cú là một quyển kinh được dịch thành nhiều thứ tiếng nhất, in nhiều lần nhất, cũng như nhiều người dịch nhất. Kinh Pháp cú mang nhiều tên như: Pháp Cú Kinh, Pháp Cú Tập Kinh, Pháp Cú Lục, Đàm Bát Kinh, Đàm Bát Kệ... Trong Đại Chánh tập 4, kinh này cũng có nhiều tên, như: Pháp Cú Thí Dụ Kinh, Pháp Cú Bản Mặt Kinh, Pháp Cú Dụ Kinh, Pháp Dụ Kinh, Pháp Cú Thí Kinh,.v.v... Kinh Pháp Cú nguyên bản có cả 1.000 kệ (cú), theo thời gian thanh lọc lần lần còn 900 - 800 - 700 kệ..... hiện nay là 423 kệ, được lưu hành phổ thông.

Năm 1973, trường Chuyên khoa Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang, thầy Tuệ Sỹ đã dịch 20 cú đầu (Song Yếu) - cả mẫu truyện và kệ - để dạy cho Tăng Ni sinh Chuyên khoa Phật học. Theo nguyên văn của bản dịch này thì mẫu truyện duyên khởi dành cho mỗi cú diễn tả dài quá. Sau đó, tôi đọc bản dịch của ông Phạm Kim Khánh dịch từ nguyên bản của ngài Narada thì thấy ngắn gọn quá, có truyện bị hụt hẫng, khó hiểu.

Độ mười năm gần đây, tôi thấy thầy Tịnh Minh (Đặng Ngọc Chúc) - đệ tử Cổ Hòa Thượng Viên Giác, cựu Học tăng Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang, nguyên Giảng viên Phật khoa Viện Đại Học Vạn Hạnh, và hiện là Giảng viên Anh văn của trường Cao Cấp Phật Học Vạn Hạnh, thành phố Hồ Chí Minh... có dịch các mẫu truyện duyên khởi của Kinh Pháp Cú đăng trên báo Giác Ngộ. Vốn dĩ, tôi thích và “ghìên” Pháp Cú nên tôi gợi ý Tịnh Minh sau khi đăng báo rồi, tập trung lại đưa tôi in thành sách để phổ biến.

Nay, Tịnh Minh soạn dịch được phần đầu của Kinh Pháp Cú, gồm 59 mẫu truyện, không dài dòng lắm, cũng không thu gọn quá, trao cho tôi xem, mang tên TỪNG GIỌT NẮNG HỒNG, tôi hoan hỷ viết lời giới thiệu và xếp vào tập 121-A của Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam (Phần còn lại của Kinh sẽ được tiếp tục in và xếp vào các tập 121-B, 121-C). Đồng thời tôi cũng dùng tập sách này để kỷ niệm Đệ nhị chu niên ngày thành lập Ban phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Nam (19.2 Nhâm Ngọ – 19.2 Giáp Thân, vía đức Bồ-tát Quán Thế Âm).

Tôi mong quý Tăng Ni Phật tử dành thì giờ đọc truyện Kinh Pháp Cú này để cùng nhau hưởng pháp lạc từ những lời vàng ngọc do lòng từ bi mà đức Thích Ca Bản Sư của chúng ta đã ban bố trong từng vấn đề.

THÍCH ĐỒNG MINH
Kính cẩn cúng dường

ĐÔI LỜI SOẠN DỊCH

1. Duyên khởi

Sau khi ấn phẩm “*Thi Hóa Pháp Cú Kinh*” được chuyển thể từ bản tản văn tiếng Anh (Dhammapada) của ngài Nārada, xuất bản tại Colombo năm 1962, sang vận văn tiếng Việt, và được phép lưu hành nội bộ tại trường Cơ Bản Phật Học thành phố Hồ Chí Minh năm 1990, thì được Hòa thượng Thích Đức Chơn, trụ trì tu viện Quảng Hương Già Lam, quận Gò Vấp, người rất yêu văn phong thiên vị, cảm mến và mời một số văn nghệ sĩ nổi tiếng ở thành phố Hồ Chí Minh ngâm vào băng cassette. Đến năm 1995, ấn phẩm được tái bản với tựa đề: “Thi Kệ Pháp Cú Kinh”, mục đích là để tránh sự hiểu nhầm từ “Thi Hóa” và để đảm bảo tính nghiêm túc của bản dịch.

Rồi một hôm, tình cờ gặp được bộ sách “*The Harvard Oriental Series*”, gồm 3 cuốn, do Charles Rockwell Lanman làm chủ biên với sự hợp tác của nhiều học giả nổi tiếng khác, cùng với Hội Pali Text tái bản bộ “Buddhist Legends”, do Eugene Watson Burlingame dịch và chú giải kinh Pháp Cú từ nguyên bản Pali ra Anh ngữ, ở tại Anh quốc năm 1990, dưới sự cho phép của nhà xuất bản Đại Học Harvard. Từ đó, duyên khởi của mỗi kệ Pháp Cú được lần lượt xuất hiện trên tuần báo Giác Ngộ. Lúc đầu chỉ chọn tựa đề “Pháp Thoại Pháp Cú” chung cho các truyện, nhưng rồi nhân dịp hàn huyên tại tòa báo, Thượng tọa Giác Toàn gợi ý: “Thầy nên đặt một tựa đề tế nhị, hấp dẫn, phù hợp với tình tiết cốt truyện thì hay hơn”. Nhất là khi gặp Hòa thượng Thích Đồng Minh tại chùa Già Lam, Ôn đưa tay ra dạng xá xá, nói: “TM, oi, ông biết tôi mê Pháp Cú rồi đó; ráng hoàn tất phần duyên khởi cho tôi đọc, chứ bản dịch của ông Phạm Kim Khánh sao tôi thấy hụt hụt quá!...” Trời ơi, các bậc đạo sư tôn đức thường khích lệ môn đồ hậu bối bằng những ngôn từ, cử chỉ thâm diệu mà sắc sảo như thế. Tôi chấp tay xá Ôn, ngậm lãnh trách nhiệm, nhưng trong lòng thấy lo ngại vì sợ rằng không đáp ứng được hoài vọng của Ôn. Từ đó, tôi càng quý trọng thời gian và siêng giữ hai thời công phu hơn. Ví dụ sáng nào đi làm sớm thì tôi phải tụng kinh bù trên đường đến trường, coi như mình đã hoàn thành nhiệm vụ buổi mai. Mục đích là để nạp thêm năng lượng, nhớ tưởng công trình. Thế rồi nay một ít, mai một ít, dần dần rồi cũng đạt được đôi chút công phu. Đúng là đã đi thì sẽ đến, dừng lại tức thụt lùi. Xin được chia sẻ chút thiện duyên hỷ lạc với những ai đã và đang âm thầm làm công tác văn hóa văn nghệ cho Phật giáo và dân tộc.

2. Xung động

Đứng về phương diện dịch thuật (translation) mà nói thì có nhiều cách: dịch nguyên văn (technical), dịch văn chương (literary), dịch truyền đạt (communicative), dịch ngữ nghĩa (semantic), dịch sát nghĩa (literal) v.v..., nhưng dịch cách nào thì cũng phải tôn trọng ba nguyên tắc cốt lõi: trung thực với nguyên bản, diễn đạt hài hòa, và văn phong tao nhã. Ở đây, khi động đến truyện tích về duyên khởi Pháp Cú, tôi phải ứng dụng phương pháp soạn dịch, chứ không thể nào dịch nguyên văn hay sát nghĩa được, vì có truyện nội dung đơn giản, ngắn gọn; có truyện tình tiết quá dài, bao hàm nhiều truyện tiền thân liên kết với nhau, nhất là ngôn từ xa xưa, văn phong cổ kính, khó mà tách bạch rạch ròi, quán triệt cốt truyện. Người dịch xin gồng mình tinh luyện, biến chế, xông ướp, gia giảm sao cho tình tiết cốt truyện thêm phần mạch lạc và sinh động, độc giả dễ dàng tiếp nhận sự kiện và biện luận trong lòng.

Điều thú vị nhất mà người soạn dịch có được mỗi khi chạm đến từng trang duyên khởi Pháp Cú là cách vận hành lý trí, hoạt dụng ngôn từ, thể nhập tâm tư, nhào lộn biến hóa theo từng nhân vật cốt truyện: khi thì thấy tự thân hiển hiện như Phật Tổ Thánh Tăng, lúc thì đột nhiên hóa kiếp thành lục lâm yêu quái, khi thì nuôi dưỡng hành vi hiền thiện, lúc thì vung vít ngôn hạnh hoang sơ, khi thì chân tình ân nghĩa, lúc thì hỗn lảo bạo tàn v.v... Chao ôi!... tất cả, tất cả đều lờ mờ ẩn khuất hay phơi phới tung bồng qua từng sát na màu nhiệm như vài ba cảm nghiệm sau đây:

2.1 Thăng hoa:

“ ... Nay các thầy Tỳ kheo, để tiến đến Thánh đạo hay chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bước đầu hành giả phải tu tập thân khẩu ý theo bảy điều cơ bản như sau:

1. Chánh niệm: suy nghĩ và ghi nhớ chánh pháp, loại bỏ tạp niệm vọng tưởng, một đường thẳng đến mục tiêu tối thượng.
2. Trạch pháp: xem xét, khảo sát, tuyển chọn cho mình những đối tượng tư duy chân thật, lành mạnh; nhất là chọn đúng pháp môn tu tập, phù hợp với căn cơ và thể trạng tâm sinh lý của chính mình.
3. Tinh tấn: xác định hướng đi đích thực rồi thì phải nỗ lực phấn đấu, phát huy thiện căn, hàng phục tập khí, đồng mãnh tiên bước trên lộ trình giải thoát.
4. Hỷ lạc: vui vẻ phấn chấn, hòa hợp lạc quan; nghe đông tổ như gió lộng đồi non, thấy tuyết sương như nắng hồng sưởi ấm; nhất là xem ôm đau

ngịch cảnh như quân bình thể lý tâm tư, gặp hủy báng khinh khi như xoa bóp thân được tiêu trừ kiêu căng ngạo mạn.

5. Khinh an: nhẹ nhàng thanh thản, tự tại thông dong; ăn rau rừng như nhai cam thảo, uống nước suối như nuốt đê hồ; nghe chim ca như nhạc trời vang vọng, ngắm hoa nở như cánh mạn đà la; phiền não tiêu tan, kiến chấp khô kiệt.

6. Thiền định: tâm tư tịch tịnh, vắng lặng, đứng yên; vọng tưởng hết duyên đầy khởi, thân tâm rũ sạch hồng trần.

7. Hành xả: buông bỏ, xả ly; dứt bật kiến chấp, ngã pháp tiêu vong, tâm cảnh dung thông, tuệ giác hiển lộ.”

2.2 Ngâm ngùi:

“ ... Kính bạch Pháp sư, hôm nay chúng con có chút duyên lành, được gặp Pháp sư, xin Pháp sư từ bi chỉ dạy cho chúng con một số vướng mắc về Phật pháp.

- Nghi gì cứ hỏi. Biết đâu nói đó. Miễn khách sáo!

- Dạ... thưa Pháp sư, lâu nay chúng con học tập kinh văn nhưng chưa hiểu rõ thế nào là “ngũ uẩn giai không và tứ đại phù trì”.

- Có thể mà cũng hỏi! Ngũ uẩn giai không là năm uẩn đều không. Tứ đại phù trì là bốn đại giữ giúp.

- Sao đơn giản thế, thưa Pháp sư! Theo giáo lý chúng con học thì ngũ uẩn là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; tức là hình sắc, cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức. Năm yếu tố này hoàn toàn lệ thuộc vào các điều kiện thời gian và không gian, chúng không có thật tánh, không hiện hữu độc lập, nên gọi là không. Còn tứ đại là: đất, nước, gió, lửa; tức là bốn nguyên tố: rắn, lỏng, khí và nhiệt vận hành trong mỗi cá thể chúng sanh. Ngũ uẩn và tứ đại hỗ tương duyên hợp với lục căn lục trần mà hoạt dụng tương tục theo dạng giả danh, nên gọi là không.

- Thiện tai! Thiện tai! Cái uyên áo và diệu dụng của Pháp sư là ở chỗ đó. Khoi gọi. Khoi gọi cho ý thức tham vấn bùng vỡ đúng lúc. U-đa-di gõ gõ ngón tay trở xuống thành pháp tòa nói.

- Thưa Pháp sư, chúng con còn một môi nghi nữa!

- Tự nhiên!

- Thế nào là quán “tứ niệm xứ”?

- Chà!... thấy các sư thông thái quá mà còn hỏi chi nữa hè!

- Chúng con muốn lĩnh thọ thâm ý kiến giải của Pháp sư.

- Vậy là các người muốn đố ta! Muốn chơi ta hả?

- Dạ không dám! Chúng con thật sự muốn cầu học, xin Pháp sư hoan hỷ!
- Ủ!... thế thì được. Nhưng trước hết ta muốn thấy sự hiểu biết của quý vị. Hãy trình bày ta xem.

- Thừa Pháp sư, theo chúng con biết thì quán “tứ niệm xứ” là quán niệm, suy xét về bốn lĩnh vực hay đối tượng cơ bản, tiên quyết cho cuộc hành trình của người xuất gia, tu hạnh giải thoát. Đó là: 1. Quán thân bất tịnh: quán sát sâu sắc để thấy rõ căn thân là một tổ hợp không trong sạch, nói cách khác là bản thủ. 2. Quán thọ thị khổ: chiêm nghiệm tận cùng để thấy mọi cảm thọ vui buồn đều khổ; nói chung, nhận lãnh sắc thân và nhu cầu sinh hoạt là đương đầu với vô vàn khổ lụy. 3. Quán tâm vô thường: soi rọi tinh tế để thấy tâm tư máy động, luồn lách vô thường. 4. Quán pháp vô ngã: rà xét toàn triệt để thấy các pháp hữu vi vô vi, tức là đối tượng của nhận thức, đều do duyên sanh, không có tự tánh, hoàn toàn vô ngã. Quán niệm và ngộ đạt “tứ niệm xứ” sẽ giúp hành giả vững bước trên lộ trình thẳng đến mục tiêu thánh đạo.

- Hay!... Cái bí quyết ưu việt của Pháp sư là thế đó. Khởi gợi. Khởi gợi cho tinh hoa phát tiết, nghi vấn tự tiêu.”

2.3 Gian trá:

“ ... Tan lễ, trên đường về nhà, Mật Thủ cười nói huyền thuyên, ra vẻ rất tâm đắc về những lời thuyết giảng của Đức Phật. Đoạn gã quay sang Chí Thiện, hỏi:

- Này, cậu đã nấu cơm ở nhà chưa?
- Chưa! Tay làm hàm nhai áy mà. Định trên đường về, mua ít gạo nấu cho tiện.
- Thấy cậu giờ này mà còn lặn đận, thiếu trước hụt sau. Độc thân là hẩm hiu thế đó! Lấy vợ đi. Kiếm cô nào phốp pháp, lanh lợi, xông xáo một chút. Như vợ tớ đấy!... vừa về tới ngõ là đã nghe tiếng cười nói rộn rã từ trong nhà vọng ra. Mình luồn lách cực khổ cỡ nào cũng thấy mát ruột khi có được một nội tướng đồng thanh đồng thủ như thế. Nghe lời tớ đi! Đừng chần chừ nữa! Hay... để tớ làm mai cho một tiểu thư... đúng một!
- Xin cảm ơn! Nghe Thế Tôn thuyết pháp riết rồi mình muốn đi tu quá.
- Ngu!... Mật Thủ quắc mắt nói như một nhát búa phạt vào khúc gỗ mục. Cậu tưởng đi tu sướng lắm hả! Sống lệ thuộc vào lòng hảo tâm của bá tánh lương dân mà hãnh diện! Mọi người như tớ thì thầy trò ông Cồ Đàm có nước treo y máng bát chứ ở đó mà dài lưỡi “luân hồi sanh tử, vô ngã giả danh”. Đã vô ngã giả danh thì nhận lễ vật cúng dường làm gì? Chẳng lẽ để ra sức nuôi dưỡng cái thân tướng vô ngã giả danh ấy! Thấy chưa? Toàn là mâu

thuần và phi lý. Này... mà “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại” là gì cậu? Tớ nghe ông nói hồi sáng mà như vịt nghe sấm, chả hiểu gì cả.

- Đầu óc anh đâu có tập trung vào chuyện lễ nghi giáo điển mà hiểu. Thế anh có bao giờ nghe nói đến câu tục ngữ: “Ngu tầm ngu, mã tầm mã” chưa?
- Có!... Trâu theo trâu, ngựa theo ngựa. Đúng quá!
- Đó đó!... na ná như vậy đó. Mèo hoang thì gặp chó hoang, chàng đi móc túi gặp nàng chia chôm.
- Cậu nói ai móc túi? Đừng vu khống nhé! Cậu là cái thá gì mà dám mĩa mai vợ chồng tớ là phường đầu trộm đuôi cướp, trâu ngựa chó mèo. Hãy giữ miệng giữ mồm đầy! Mật Thủ nói với vẻ mặt choắt lại và đôi môi run run mím mím như điện giật.”

2.4 Ti tiện:

“ ... Thọ trai xong, với âm thanh ngọt ngào êm dịu, Thế Tôn cất lời hồi hướng công đức:

Cung nguyện thập phương tam thế Phật
Hộ trì gia đạo vĩnh an khương
Viễn ly ác kiến tam đồ khổ
Bát nhã hoa khai tuyệt đoạn thường.

Thế Tôn vừa dứt lời thì tín nữ và các Phật tử phụ hầu trai lễ đều đồng thanh niệm danh hiệu Đức Bổn Sư, biểu lộ sự hoan hỷ và hãnh diện được Phật quang lâm, thọ ký.

Từ phòng sau, nghe mọi người đồng niệm hồng danh Bổn Sư, ẩn sĩ lửa thề khởi tâm kiêu mạn, ghen tức trong lòng, bèn xông ra phòng ngoài, lớn tiếng hủy báng:

- Con đĩ già kia, mi đâu còn là tín nữ của ta. Rồi đây mi sẽ tan xương nát thịt vì cái tội tán dương, cung kính lão ăn mày lẻo mép này.”

Còn rất nhiều, rất rất nhiều giây phút hưng phấn hay xót xa, chan hòa hay cô độc. Xin mời quý độc giả thiện chí lên đường, làm cuộc hành hương “Về nguồn” để tận mắt ngắm lại “khuôn viên” nhà mình có nhiều hoa thơm trái ngọt, hay rong rêu nấm mốc giăng mắc khắp nơi.

3. Xúc tác

Một điều thú vị nữa trong việc sàng lọc chữ nghĩa là được những bậc thiện hữu tri thức, huynh đệ xa gần, hoặc trực tiếp hay gián tiếp, tán dương, khích

lệ, và dĩ nhiên là phải phù hợp với nội dung, thực chất. Tỉnh thoảng mới năm, sáu giờ sáng đã có điện thoại reo. Khi thì Thượng tọa Hoàng Đức, trụ trì chùa Pháp Hoa, Bình Thạnh, độc giả ưu ái báo Giác Ngộ, thấy duyên khởi Pháp Cú là vui cười hoan hỷ, ngỏ lời ca ngợi hay góp ý thẳng thừng, nếu có gì thắc mắc. Thượng tọa Đạt Đạo, viện chủ tu viện Bát Nhã, Bình Thạnh, có lần la lên: “Đã quá!... Đã quá!... sư huynh ơi! Mới lạy thù ân ra đó nghe!” Thậm chí có lúc thầy còn “mail” cho những lời quá u đậm đặc tương chao: “Hạt ngọc trong văn thơ Phật giáo” khi đọc được mấy câu tôi dịch của Shakespeare:

“What’s in a name? That which we call a rose
By any other name would smell as sweet.”

*Sá gì trong một danh xưng
Thế mà thiên hạ kẻ mừng người đau
Hoa hồng dù gọi thế nào
Thì hương vị vẫn ngọt ngào xưa nay.*

Có lẽ khí vị Việt ngữ và thần thái của Shakespeare đã phóng trúng tầng số của thầy. Bây giờ đầu óc tôi trống rỗng nhưng đôi mắt thì dính chặt vào màn hình computer.

Rồi một hôm, mới sáng sớm, Thượng tọa Thiện Bảo, tổng thư ký tạp chí Giác Ngộ, điện thoại với ngữ điệu hiền hòa quen thuộc nhưng không kém phần phần khích tươi vui: “ Hay quá anh TM. ơi, đặc biệt là lối văn biên ngẫu, và nhất là tựa đề anh chọn, có duyên và thâm thúy làm sao!

Tôi cười sáng khoái, đáp lời cảm ơn, và tự thấy mình phải nỗ lực hơn nữa.

Có lần vừa thấy tôi đến tòa soạn, thầy Trí Chơn vụt đứng dậy, dang tay, nghiêng nghiêng cái đầu, reo lên: “Ồ!... chỉ thấy tựa đề của thầy là độc giả bỏ ba ngàn ra mua tờ Giác Ngộ ngay.” Lại một niềm vui ran người chợt đến! Xin cảm ơn lời gợi ý của Thượng tọa Giác Toàn.

Cảm động nhất là Thượng tọa Thích Phước Đường, trụ trì chùa Trúc Lâm Paris, gửi thư tán thán, lời lẽ chơn chất mộc mạc, nhưng nội hàm vời vợi tình thân.

Còn những anh em huynh đệ khác, khi xưa chung sống trên đồi Hải Đức, Nha Trang, hay Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn, nay tản mác khắp bốn phương trời, nhưng khi gặp nhau, có người ôm tôi nói: “Mỗi khi đọc bài của anh là em thấy anh từ đầu đến chân.” Tôi được nhiều bất ngờ thú vị quá. Những giây phút như thế thì ngôn ngữ đành bất lực, không sao diễn tả nỗi sự cảm thông, quý trọng và rung rức trong lòng. Vinh quang thay cho những ai nửa đêm vùng dậy, bật đèn, ghi nhanh một tú thơ chợt lóe trong giấc ngủ,

hoặc trên đường, dừng xe lại, mở cặp ghi nhanh một tựa đề bị nghẹn mấy hôm. Xin chân thành cảm ơn từng vòng tay rộng mở, bao ánh mắt nồng nàn của tất cả quý thân bằng thiện hữu, giáo thọ ân sư; những người đã mặc nhiên truyền nhiệt cho công trình này được thành tựu đôi nét.

4. Chí thiết

Như trên đã nói, đây là công trình soạn dịch, tức có thêm có bớt, có tín có đạt, có nhả có thô; mục đích là khơi bật tinh hoa cốt truyện, tái hiện thể sự nhân tình, giải trình vọng tâm tập khí, biện lý trạch pháp công phu. Mong độc giả nên hội ý ly ngôn, đạt nghĩa vong từ mà thấy được con người trong vô lượng kiếp.

Điểm đáng đề cập nữa là danh vị của tựa đề: Từng Giọt Nắng Hồng. Đây là mỹ ý hoạt hiện với hy vọng mỗi khi đụng đến ấn phẩm này, ai ai cũng được phơi phơi trong lòng như đang tắm mình dưới ánh nắng hồng trên đỉnh đồi cao. Rõ là: mỗi truyện duyên khởi, một giọt nắng hồng, sưởi ấm lòng người, tô điểm trần gian.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn Eugene Watson Burlingame, Charles Rockwell Lanman, và hội Pali Text đã tạo thiện duyên giao tiếp cho văn tự Việt Nam được dịp phô diễn thêm hình tượng, thiết lập thêm thanh sắc, và xông ướp thêm thi vị, thiền vị vào kho tàng văn hóa Phật giáo nước nhà.

Cuối Đông Nhâm Ngọ, 2002

TỊNH MINH

Chân thành cảm ơn TT. Thích Nguyên Tạng Tu Viện Quảng Đức đã gửi tặng TVHS phiên bản điện tử tập sách này. (Tâm Diệu)

Phần 1 - VỌNG TÂM KHÔNG SANH KHỞI - ÁC NGHIỆP NÀO KHỞI SANH

Tại thành Xá Vệ (Sāvatti) có một thương gia tên là Đại Phú (Māha Suvanna). Ông rất mực giàu sang nhưng hiếm muộn con cái. Một hôm, nhân đi tắm sông về, thấy bên rừng có một cây cổ thụ um tùm, ông bèn nghĩ: “Cây này hẳn là có thần linh trú ngụ”. Vì vậy, ông xây tường bao quanh gốc cây, quét dọn sạch sẽ, trang hoàng cờ phướn, và khẩn nguyện rằng: “Nếu con sanh được con trai hay con gái, con sẽ hết lòng bảo vệ cây này và tôn vinh ngài”. Quả thật vợ ông lần lượt sanh được hai người con trai. Và để nhớ mình là người bảo vệ (Pāla), ông đặt tên đứa con thứ nhứt là Vệ anh (Mahā Pāla), và đứa con thứ hai là Vệ em (Culla Pāla). Khi đến tuổi trưởng thành,

chúng được cha mẹ xây dựng gia thất; và sau một thời gian, cha mẹ chúng qua đời, để lại toàn bộ gia sản cho chúng quản lý. Bây giờ Đức Thế Tôn đang an trú tại Kỳ Viên (Jetavana), và đã hóa độ được hàng ngàn đệ tử tu hạnh giải thoát.

Một hôm, Vệ anh thấy ai ai cũng ăn mặc chỉnh tề, tay cầm cành hoa thẳng đến Kỳ Viên. Cậu cũng theo họ đến chùa nghe pháp. Cậu rất chú tâm nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng về hạnh trì giới, nhẫn nhục, thiền định, ly tham, xuất gia hành đạo, và đặc biệt là đoạn Thế Tôn nhấn mạnh: “Khi một người nhắm mắt xuôi tay thì cung vàng điện ngọc, tiền bạc của cải, danh vọng địa vị, vợ chồng con cái, và ngay cả thân mạng của người ấy, cũng không thể theo họ sang bên kia thế giới”. Trục nhận được lẽ vô thường sanh diệt, Vệ anh đến quỳ dưới chân Đức Thế Tôn xin xuất gia.

Ngài nói:

- Ông có người thân nào không?
- Bạch Đức Thế Tôn, con còn một người em trai.
- Thế thì về hỏi ý kiến em ông.

Lòng lâng lâng sung sướng, Vệ anh về nhà gọi em lại nói rằng:

- Em à, hôm nay anh giao toàn bộ tài sản gia đình lại cho em, hãy vui vẻ duy trì và phát triển gia nghiệp.

- Còn anh thì sao? Người em ngạc nhiên hỏi.
- Anh sẽ xuất gia theo Đức Thế Tôn, gia nhập Tăng đoàn.

- Anh nói gì vậy? Cha mẹ mất rồi, em luôn luôn coi anh như cha mẹ, anh nỡ vất bỏ cơ nghiệp gầy dựng của cha mẹ sao? Anh ơi! đừng xuất gia theo Phật nghe anh.

- Em yêu thương của anh, nghe lời Thế Tôn dạy, anh đã nhận chân được ba đặc tính của vạn pháp, đó là vô thường, khổ và vô ngã. Giáo pháp phải được xiển dương rực rỡ ngay ở đầu, ở giữa và ở cuối. Anh không thể hành trì giáo pháp giữa cảnh bận bịu gia đình.

- Anh ơi, anh còn trẻ mà, chờ ít năm nữa rồi anh vào chùa cũng được.

- Chờ đến khi mắt lờ tai điếc thì còn làm được gì! Thôi, anh đi đây, em ở lại mạnh khỏe. Mặc cho Vệ em đứng đau buồn thôn thức, Vệ anh đi thẳng đến Kỳ Viên.

Năm năm trôi qua, một hôm Tỳ kheo Ma-ha Pa-la đến hầu Đức Thế Tôn và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu nhiệm vụ trong nếp sống tu hành?

- Có hai, Đức Thế Tôn đáp. Nhiệm vụ nghiên cứu giáo pháp, tức là đường hướng quán thông ba tạng kinh điển; và nhiệm vụ tu tập thiền định, con đường dẫn đến quả vị A la hán.

- Bạch Thế Tôn, con nay tuổi già sức yếu, khó mà thực hiện nhiệm vụ thứ nhất, xin Thế Tôn cho con thực hiện nhiệm vụ thứ hai, phù hợp với khả năng của con hơn.

Đức Thế Tôn truyền cho Ma-ha Pa-la một pháp môn thiền định, và được 60 vị Tỳ kheo tháp tùng, Ma-ha Pa-la đi đến một ngôi làng xa xôi để an cư mùa mưa năm đó. Dân làng hết lòng hộ trì; một y sĩ cũng phát tâm chăm sóc sức khỏe cho quý sư. Nếp sống tu hành rất là trang nghiêm, thanh tịnh. Ma-ha Pa-la thấy các pháp hữu tận dụng bốn tư thế đi đứng ngồi nằm trong nhứt tâm quán niệm, sư cũng phát nguyện không nằm, tất cả đều chuyên tâm tu tập.

Cuối tháng thứ nhất, Ma-ha Pa-la cảm thấy nhức ở hai mắt, nước mắt chảy hoài, được y sĩ chữa trị, nhưng vì sư không chịu nằm nghỉ nên việc điều trị không có kết quả. Tuy vậy, sư vẫn quyết tâm duy trì hạnh nguyện: không nằm, ngồi thiền suốt đêm; và một đêm nọ, khi hai mắt sư bị hồng thì cũng là lúc sư chứng quả A la hán. Cuối mùa mưa, các vị chứng quả A la hán muốn về hầu thăm Đức Bổn Sư. Ma-ha Pa-la biết trên đường đi có một cánh rừng thường bị ma quỷ quấy nhiễu, phần sợ gây trở ngại cho cuộc hành trình, sư khuyên các Sa môn đi trước và nhớ báo giùm với Vệ em cho người đến đón sư.

Được tin anh mình bị mù lòa khôn khổ, Vệ em quỳ mọp dưới chân các Sa môn khóc nức nở, đoạn giới thiệu Pa-li-ta (Pālita), cháu kêu ông bằng cậu đi đón Trưởng lão Ma-ha Pa-la. Các sư bảo đường xá xa xôi hiểm trở, nếu đi với hình thức cư sĩ e không tiện, và thế là Pa-li-ta trở thành một chú sa đi

vạm vỡ, đẹp trai. Pa-li-ta đến gặp sư ông cậu mình, bày tỏ tự sự, và sau hai tuần chí tâm hầu hạ, Pa-li-ta dắt cậu tạm biệt dân làng, trở về Kỳ Viên hầu thăm Thế Tôn.

Khi hai thầy trò đi ngang qua cánh rừng Ka-tha-na-ga-ra (Katthanagara), Pa-li-ta bỗng nghe tiếng hát quyến rũ của một phụ nữ đang kiếm củi, chú sa di đâm ra cảm kích, quên mất sứ mạng, bèn thưa:

- Bạch thầy, hãy ngồi nghỉ giây lát, con đi đây một chút.

Pa-li-ta đến gặp nàng, hai bên cười cười nói nói, liếc mắt đưa tình, quên hẳn lời nguyện xuất gia học đạo. Lát sau cậu trở lại nói:

- Bạch thầy, đi nào!

- Con đã phạm giới rồi phải không Pa-li-ta? sư Ma-ha Pa-la hỏi.

Giật mình như bị sét đánh, Pa-li-ta đứng lặng thinh. Sư hỏi hai ba lần nữa nhưng Pa-li-ta vẫn đứng yên, không thốt nên lời. Đoạn ngài nói:

- Một người phạm giới như con không thể vin vào đầu gậy tích trượng của thầy. Thôi, con đi đi!

Vô cùng ân hận, Pa-li-ta cởi y vàng, mặc lại thường phục và thưa rằng:

- Bạch thầy, trước đây con là tu sĩ, bây giờ con là cư sĩ. Con khoác áo tu sĩ không phải vì chí nguyện xuất gia, mà vì sợ đường xá xa xôi hiểm trở. Nào, mời thầy tiếp rục lên đường.

Sa môn Ma-ha Pa-la nói:

- Kẻ xấu thì ở đâu cũng xấu, cư sĩ hay tu sĩ gì cũng vậy. Con thọ giới sa di mà không giữ nổi năm giới thì làm cư sĩ liệu con có khá hơn không? Một người phạm giới như con không thể vin vào đầu gậy tích trượng của thầy.

- Bạch thầy đường xá ma quỷ nhiều lắm, phần thầy mù lòa, làm sao thầy có thể ở lại đây?

- Đừng lo chuyện đó! Thầy dù phải nằm chết nơi đây, hay lang thang vất vưởng đâu đó, chứ nhứt định không đi với con nữa.

Pa-li-ta vò đầu ân hận và kêu lên rằng:

- Thật là một lỗi lầm nghiêm trọng, ta đã phạm phải một hành động tàn bạo và bất lương!

Chàng bung mặt khóc rồi đi thẳng vào rừng.

Bấy giờ thần vương Xa-ka (Sakka) thấy rõ tình cảnh của Ma-ha Pa-la, bèn đến gặp ngài, hỏi han tâm sự đôi điều rồi cùng ngài về Xá Vệ.

Xa-ka đưa ngài đến hầu Đức Thế Tôn, rồi về thảo am mà em trai ngài đã dựng lên cho ngài trú tạm trước kia để báo cho em ngài biết là ngài đã về.

Vệ em tức tốc đến thảo am, và vừa thấy anh mình là ông gieo người xuống đất, ôm chân anh khóc nức nở, than rằng:

- Em biết hoạn nạn khôn khổ thế nào rồi cũng xảy ra; chính vì vậy mà em không muốn anh xuất gia làm Sa môn.

Sau đó ông về trả tự do cho hai cậu bé nô lệ, khuyên chúng xuất gia và được ngài nhận vào giáo hội. Hai chú sa di vô cùng sung sướng, tinh tấn tu hành và hết lòng hầu hạ ngài.

Một hôm, có một nhóm du tăng đến Kỳ Viên thăm Đức Thế Tôn. Sau khi đánh lễ Ngài, thăm hỏi tám mươi vị Trưởng lão, nhóm du tăng đi dạo quanh tu viện, khi đến thảo am của Trưởng lão Ma-ha Pa-la, họ định vào thăm ngài. Nhưng vì trời tối, gió bão sắp nổi lên, họ phải quay lui và hứa sáng mai sẽ đến thăm ngài.

Tối hôm đó trời mưa dữ dội, đến canh hai mới tạnh. Đầu canh năm, Trưởng lão Ma-ha Pa-la, con người có thừa nghị lực, ra trước hiên am thiền hành. Bây giờ các loại côn trùng, sau cơn mưa lớn, trồi lên trên mặt đất ẩm ướt và bị ngài dẫm chết rất nhiều. Các sư thường trú chưa kịp quét dọn thì nhóm du tăng đã đến, thấy nhiều côn trùng bị dẫm chết trên mặt đất liền hỏi chú sa di:

- Này, ai đã đi qua lại thêm này?
- Thầy của chúng con, bạch Đại đức.

Họ lên giọng nói:

- Hãy nhìn những gì vị Tỳ kheo phạm phải kia! Khi mắt sáng, sư ấy nằm ngủ và không phạm tội; bây giờ mắt mù thì đi thiền hành và sát hại nhiều loại côn trùng. Sư ấy cho điều mình làm là đúng nhưng thực sự thì sai lầm.

Nhóm du tăng đến trình sự việc với Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Ma-ha Pa-la đi thiền hành và đã sát hại nhiều loại côn trùng.

- Nhưng các thầy có thấy thầy ấy giết chúng không?
- Chúng con không thấy, bạch Thế Tôn.

- Vậy đó! Các thầy không thấy thầy ấy, cũng như thầy ấy không thấy côn trùng. Này các thầy Tỳ kheo, ai giải thoát nhiễm ô, người ấy không còn ý nghĩ sát hại.

- Bạch Thế Tôn, thầy ấy chứng quả A la hán sao còn bị mù?
- Vì ác nghiệp của thầy ấy trong tiền kiếp.
- Thầy ấy đã làm gì, bạch Thế Tôn?
- Ồ... này các thầy Tỳ kheo, vậy thì hãy lắng nghe.

* * *

Trong tiền kiếp xa xưa, khi quốc vương Ka-xi (Kàsi) trị vì tại thành Ba La Nại (Benares), có một y sĩ hành nghề qua các phố phường, làng mạc. Một hôm, thấy một phụ nữ ngồi nhắm mắt, hai tay ôm trán, ông hỏi:

- Bà làm sao thế?

- Tôi bị đau mắt.

- Tôi sẽ chữa trị cho bà.

- Được sao, thưa ngài! Ngài sẽ cho tôi thuốc gì? Nếu ngài chữa lành mắt tôi, tôi sẽ làm nô lệ cho ngài, con trai con gái tôi cũng vậy.

- Thế thì hay lắm!

Ông bốc thuốc cho bà, và chỉ đắp một liều là mắt bà lành mạnh, sáng lại ngay.

Sau đó bà suy nghĩ: “Mình đã hứa làm nô lệ cho ông ấy, con trai con gái của mình cũng vậy. Nhưng mình đã hứa lỡ. Mình sẽ đánh lừa ông ta rằng: ông ta không chữa trị cho mình một cách tử tế” .

Hôm sau vị y sĩ đến hỏi bà bệnh tình thuyên giảm thế nào, bà đáp:

- Trước đây mắt tôi đau ít, bây giờ chúng hành tôi đau nhức hơn bao giờ hết.

Vị y sĩ trầm nghĩ:

- Mụ này láo thật, dám lừa ta! Mụ không muốn đền đáp công ơn của ta. Ta không cần tiền thù lao của mụ. Nào, ta sẽ làm cho mụ đui luôn.

Thế là vị y sĩ về nhà báo cho vợ biết. Vợ ông không nói gì. Ông bèn pha một loại thuốc hiểm ác, đem đến nhà và hướng dẫn bà xát thuốc vào mắt. Bà làm theo lời ông. Ít hôm sau, hai mắt bà lồi ra như hai ngọn tim đèn. Vị y sĩ đó là Ca-khu-pa-la (Cakkhupàla), tiền thân của Trưởng lão Ma-ha Pa-la này vậy.

Dừng lại trong giây lát, đoạn Đức Thế Tôn tiếp:

- Này các thầy Tỳ kheo, ác nghiệp đeo đuổi người tạo ác cũng như bánh xe lăn theo vết chân của con bò kéo xe vậy.

Ngài đọc kệ:

Tâm dẫn đầu các pháp.

Tâm là chủ, tạo tác.

Nếu nói hay hành động,

Với tâm niệm bất tịnh,

Khô não liền theo sau,

Như xe theo bò vậy.

(PC. 1)

SÂN THAM THOÁNG KHỞI, KHỔ NÃO BÙNG LÊN TÍN TÂM NẢY SANH, CÔNG ĐỨC THÀNH TỰU

Cũng tại thành Xá Vệ, có một người Bà la môn vô cùng keo kiệt, ông không bao giờ cho ai vật gì, nên người ta gọi ông là Trùm-kiệt (Adinnapubbaka). Ông chỉ có một đứa con trai duy nhất mà ông hết lòng yêu quý. Bây giờ ông muốn sắm cho con mình một đôi bông tai nhưng sợ tốn tiền cho thợ bạc nên ông đích thân gò vàng, mài giữa thành một đôi trông có vẻ láng láng cho con; cậu bé do đó có cái tên là Ma Nhĩ Hoa (Maiihakudali).

Khi mười sáu tuổi, cậu bé bị bệnh vàng da. Người mẹ nhìn con, xót xa nói:

- Ông ơi, con nó bệnh rồi đó. Ông nên đi mời y sĩ về chữa bệnh cho con.

- Bà sao! .- Người chồng nói. Nếu mời y sĩ thì phải trả công bằng gạo. Bà không hề để ý gì đến việc mất mát tài sản của tôi.

- Thế ông định làm gì bây giờ?

- Tôi sẽ tìm cách chữa trị mà không tốn hao tiền bạc.

Ông đi hỏi thăm nhiều y sĩ và được họ mách cho ông giã vỏ cây này, tán vỏ cây nọ ra làm thuốc.

Ông làm theo lời họ, nhưng bệnh tình của con ông ngày càng trở nên trầm trọng. Thấy con đến hồi nguy kịch, ông cho mời y sĩ tới, y sĩ nhìn cậu bé, lắc đầu nói:

- Trễ quá rồi! Rất tiếc là tôi không thể cứu được cháu. Ông bà nên mời y sĩ khác.

Thấy vị y sĩ từ chối, cáo lui, và biết con mình sắp chết, ông thâm nghĩ:

- Tất cả những ai đến thăm thằng nhỏ này đều thấy hết của cải trong nhà ta, vậy là ta phải mang nó ra ngoài.

Ông đem con ra khỏi nhà và đặt nó trên một mô đất.

Sáng sớm hôm đó, Đức Thế Tôn khởi tâm đại bi, dùng Phật nhãn quán sát thế giới, xem xét những ai từng có thiện duyên công đức với vô lượng vô biên chư Phật quá khứ, và thấy ngay Ma Nhĩ Hoa đáng thương đang nằm thoi thóp trên mô đất. Động lòng lân mẫn, Đức Thế Tôn đi đến thăm cậu. Nhìn thấy Thế Tôn, cậu mới ý thức rằng cậu đã bị người cha tệ hại vất ra khỏi nhà và trong lòng khởi lên ý niệm:

- Vậy là ta có đủ lý do theo Phật. Cha ta quá ư bủn xỉn nên ta mới ra nông nổi này. Ta không được lễ Phật, nghe Pháp và cúng dường Ngài; ngay cả hai tay ta cũng không còn đủ sức chấp lại để tỏ lòng cung kính Ngài. Ta không làm được gì nữa cả. Xin dâng lên Đức Thế Tôn tấm lòng thành kính của con.

Cậu bé trút hơi thở cuối cùng và được tái sinh làm thiên thần ở thiên giới thứ Ba mươi ba. Người cha đem thiêu xác con và ngày ngày đến lò thiêu khóc than kể lể:

- Con ơi! Con trai duy nhứt của ta ơi, con nỡ bỏ cha đi đâu?

Để hóa độ cha mình, Ma Nhĩ Hoa hiện lại thân người, rồi cũng ngày

ngày đến gò thiêu khóc than thảm thiết. Thấy vậy người Bà la môn hỏi:

- Ta khóc than vì nỗi bất hạnh của con ta, còn cậu vì sao khóc than ai oán thế?

- Cháu muốn có mặt trời mặt trăng.

- Cậu ngu quá!

- Ai ngu hơn ai! Người khóc than đòi hỏi những gì hiện thực, hay người khóc than đòi hỏi những gì không hiện thực?

Bấy giờ người Bà la môn mới nhận ra sự thật. Cậu thanh niên nói:

- Nay ông Bà la môn, ông làm tiền nhiều của. Ông nên đến gặp Đức Thế Tôn, đánh lễ, cúng dường, nghe pháp và hỏi Ngài.

Nói xong cậu đi mất.

Ông về nhà báo cho vợ con biết mọi việc rồi đến thẳng tu viện lễ Phật, và thưa:

- Bạch Thế Tôn, trưa nay mời Ngài cùng đại chúng đến nhà con thọ trai.

Đức Thế Tôn chấp thuận. Trưa hôm đó, được đại chúng tháp tùng, Ngài đến nhà Bà la môn.

Thọ trai xong, người Ba la môn cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn, có ai tái sinh thiên giới mà không cần cúng dường, đánh lễ, nghe pháp, chay tịnh, chỉ cần một cử chỉ thành tín?

- Nay Bà la môn, tại sao ông hỏi ta? Ma Nhĩ Hoa, con trai ông, không báo cho ông biết là cậu ấy đã tái sinh thiên giới chỉ vì tỏ lòng thành tín Thế Tôn?

- Hồi nào, bạch Tôn giả?

- Hôm nay ông không đến gò thiêu, và trong khi ông than khóc thảm thiết thì không gặp một thanh niên khóc than ai oán?

Đức Thế Tôn kể lại đầy đủ chi tiết cuộc đối thoại giữa hai cha con và toàn bộ sự tình của Ma Nhĩ Hoa. Sau đó Đức Thế Tôn dạy:

- Nay Bà la môn, không phải một trăm hay hai trăm, mà là hằng hà sa số người đã được tái sinh thiên giới chỉ vì tỏ lòng thành tín Thế Tôn.

Và để xoa tan sự ngờ vực của mọi người, Đức Thế Tôn gọi Thiên thần Ma-nhĩ-hoa xuất hiện trong ánh huy hoàng rực rỡ. Ngài hỏi:

- Nay Ma Nhĩ Hoa, người tạo công đức gì mà được huy hoàng rực rỡ?

- Bạch Thế Tôn, chỉ vì lòng thành tín Thế Tôn.

- Chỉ vì lòng thành tín Thế Tôn?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

Dân chúng hân hoan cất lời tán thán:

- Kỳ diệu thay thần lực của Thế Tôn! Con trai Bà la môn Trùm Kiệt chỉ thành tín Thế Tôn mà được thành tựu công đức, tái sinh thiên giới, rực rỡ huy hoàng.

Cuối cùng Đức Thế Tôn dạy:

- Nay các thầy Tỳ kheo và chư vị cư sĩ, tư tưởng của chúng ta là suối nguồn của mọi hành động thiện ác, và cũng chỉ có tư tưởng của chúng ta mới kiểm soát được những hành động đó.

Ngài đọc kệ:

Tâm dẫn đầu các pháp.

Tâm là chủ, tạo tác.

Nếu nói hay hành động,
Với tâm niệm thanh tịnh,
An lạc liền theo sau,
Như bóng chẳng rời hình.
(PC. 2)

KIÊU CĂNG NGẪN THÁNH ĐẠO TỪ TÔN ĐÓN VÔ MINH

Hình như Thượng tọa Ti-xa (Tissa) là con trai của người em gái phụ hoàng Đức Thế Tôn. Sư già rồi mới xuất gia, mập lấm, và được gọi là Ti-xa béo. Sư lúc nào cũng dựa thế uy đức của Thế Tôn, thọ dụng thức ăn của Ngài, mang đắp y hậu lảng coóng và hay ngồi giữa chánh điện.

Một hôm có vài Sa môn đến hầu thăm Như Lai (Tathàgata), tưởng Ti-xa là Đại lão Tỳ kheo nên xin phép được cung kính cúng dường và lau rửa chân ngài. Ti-xa cứ tự nhiên, im lặng. Sau đó, một Tỳ kheo trẻ hỏi:

- Bạch Thượng tọa, Thượng tọa đã an cư được mấy hạ?
- Không có hạ nào cả, ta mới đi tu.

- Sư cao ngạo quá! Sư thấy đấy, chưa bao giờ sư tỏ vẻ lễ độ, nhún nhường với các đại lão Tỳ kheo. Các ngài cung kính cúng dường lễ vật cho sư thì sư chỉ biết im lặng đón nhận, nhất là sư không hề tỏ vẻ ân hận chút gì về hành vi không đẹp của sư.

Búng búng hai ngón tay, và để lấy lại phong độ kiêu hãnh của một thành viên dòng võ tướng, Ti-xa nghiêm nghị hỏi:

- Các người đến thăm ai?
- Chúng tôi đến thăm Đức Bôn Sư.
- Nhưng các người có biết gì về sự liên hệ giữa ta với Đức Thế Tôn không? Coi chừng chứ ta búng gốc dòng tộc các người đấy!

Nói xong Ti-xa đến gặp Đức Thế Tôn, tỏ vẻ buồn rầu, tỉ tê than khóc.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Ti-xa, vì sao ông đến gặp tôi rồi khóc than khổ sở thế?
- Bạch Thế Tôn, các sư lăng nhục con.
- Thế ông ngồi ở đâu?

- Dạ... giữa chánh điện.
- Ông có thấy các thầy khi họ đến không?
- Dạ... con có thấy.
- Ông có đứng dậy chào đón các thầy không?
- Dạ... thưa không.
- Ông có cất giùm y bát cho các thầy không?
- Dạ... thưa không.
- Ông có đem nước ra mời các thầy không?
- Dạ... thưa không.
- Ông có đem tọa cụ mời các thầy ngồi là lau chân họ không?
- Dạ... thưa không.

- Ti-xa, lẽ ra ông phải làm tất cả những việc đó cho các vị cao tăng, bởi vì ai không làm như vậy thì không có quyền ngồi giữa chánh điện. Ông đáng trách lắm! Hãy đi sám hối các thầy.

- Nhưng họ lắng nhục con, bạch Thế Tôn. Con sẽ không sám hối họ.
- Ti-xa, không nên như vậy. Ông đáng trách lắm! Hãy sám hối các thầy.
- Con sẽ không sám hối họ, bạch Thế Tôn. Con nhứt định không sám hối họ.

Sau đó các Sa môn đến hầu Đức Thế Tôn, nói:

- Bạch Thế Tôn, sư Ti-xa bướng bỉnh quá!

Đức Thế Tôn đáp:

- Này các thầy Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ti-xa tỏ vẻ bướng bỉnh; trong tiền kiếp thầy ấy cũng ngang ngạnh như vậy.
- Bạch Thế Tôn, chúng con biết tính ngang bướng hiện nay của sư Ti-xa, nhưng sư ấy đã làm gì trong tiền kiếp?
- Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ kheo.

*

* *

Ngày xưa, khi một quốc vương trị vì tại thành Ba La Nại, có một ả sĩ khổ hạnh tên là Đê-va-la (Devala) từ Hy Mã Lạp Sơn về thành khát thực và định an cư ba tháng mùa mưa tại đó. Lúc trời sắp tối, thấy hai cậu bé đứng trước cổng thành, ả sĩ hỏi:

- Các em có biết những vị Sa môn đến thành này nghỉ đêm ở đâu không?

- Tại xưởng làm đồ gốm, thưa sư.

Đê-va-la đến ngay cửa xưởng, hỏi:

- Ba-ga-va (Bhaggava), xin ông vui lòng cho tôi nghỉ tạm một đêm.

- Được! Tối nay xưởng nghỉ làm, còn rộng chỗ, sư có thể nghỉ tại đây.

Đê-va-la vừa vào phòng ngồi thì có một ả sĩ khác tên là Na-ra-đa (Nārada) cũng từ Hy Mã Lạp Sơn về, đến xin trọ.

Đê được thuận thảo và giảm bớt trách nhiệm, chủ xưởng nói với ả sĩ mới đến:

- Thưa sư, nếu sư Đê-va-la hoan hỷ thì sư có thể nghỉ đêm với sư ấy.

Na-ra-đa đến gần Đê-va-la, nói:

- Bạch thầy, nếu thầy hoan hỷ, tôi xin nghỉ lại đây một đêm.

- Cửa gì tôi, xưởng còn rộng mà! Thầy cứ tự nhiên.

Na-ra-đa vào ngồi cạnh đê-va-la, hai bên chào hỏi rất thân mật.

Đến khi đi ngủ, Na-ra-đa để ý rất cẩn thận chỗ nằm của Đê-va-la và vị trí cánh cửa ra vào rồi mới nằm nghỉ. Nhưng, thay vì nằm đúng chỗ, Đê-va-la nằm ngang qua khung cửa; do đó, khi ra ngoài ban đêm, Na-ra-đa giậm phải tóc của Đê-va-la. Trúng kế, Đê-va-la quát lên:

- Ai giậm tóc tôi thế?

- Thưa thầy... tôi ạ! Na-ra-đa đáp.

- Sư dỏm! Đê-va-la nói. Ông từ núi rừng đến đây để chà đạp tóc tôi à!

- Thưa thầy... tôi không biết thầy nằm đây, xin lỗi!

Na-ra-đa chấp tay, cúi đầu sám hối rồi im lặng ra ngoài, mặc cho Đê-va-la cảm râm, oán thán.

Hậm hực một lát, Đê-va-la bèn nghĩ ra một kế khác để nguyên rửa cho đã tức:

- Ta sẽ để gã giậm mình lần nữa khi hắn đi vào.

Thế là Đê-va-la nằm quay đầu lại; và khi đi vào, Na-ra-đa giậm ngay cổ của Đê-va-la. Đê-va-la lại thét lên:

- Ai đó?

- Thưa thầy... tôi ạ! Na-ra-đa đáp.

- Sư dõm! Đê-va-la nói. Lần trước ông giậm tóc tôi, lần này ông đập cổ tôi. Ông mặc áo cà sa mà chả có chút oai nghi tế hạnh nào cả!

- Thưa thầy, tôi không đáng trách. Tôi không biết thầy nằm như vậy. Khi đi vào, tôi nghĩ là lần trước tôi đã giậm phải tóc thầy nên lần này tôi bước qua chân thầy, xin lỗi!

- Sư dõm! Tôi sẽ nguyên rửa ông.

- Đừng làm thế, thưa thầy!

Bất chấp lời van xin của Na-ra-đa, Đê-va-la vẫn lớn lời độc địa:

- Ngày mai, khi mặt trời mọc, nguyện đầu ông sẽ vỡ ra bảy miếng.

- Thưa thầy, Na-ra-đa nói, quả thật tôi không phạm lỗi, nhưng thầy vẫn nguyên rửa tôi. Vậy thì ai có tội, đầu người ấy sẽ vỡ ra bảy miếng.

Na-ra-đa là một Thánh tăng có thần thông diệu lực, thấy lời nguyện đó giáng đúng vào đầu Đê-va-la, pháp hữu của ngài, nên động lòng thương xót, dùng thần lực không cho mặt trời mọc.

Sáng hôm sau, không thấy ánh mặt trời, dân chúng tụ tập trước cổng hoàng cung, lo sợ than trách:

- Muôn tâu bệ hạ, mặt trời không mọc. Bệ hạ là quốc vương, xin bệ hạ cầu nguyện cho mặt trời mọc lại.

Quốc vương rà xét mọi hành vi, ngôn ngữ và tư tưởng của mình, thấy không có gì sai lầm, bèn nghĩ nguyên nhân có lẽ do sự tranh chấp của các Sa môn. Quốc vương điều tra:

- Trong thành này có Sa môn nào không?

- Tâu bệ hạ, tối hôm qua có vài Sa môn ngủ trọ tại xưởng làm đồ gốm. Một cận thần đáp.

Quốc vương đến đó ngay, đánh lễ Na-ra-đa, cung kính ngồi xuống một bên và hỏi rằng:

- Bạch Đại đức Na-ra-đa, tại sao màn đêm bao trùm cả thế giới?

- Tâu bệ hạ, vì lý do này. Na-ra-đa kể lại đầu đuôi câu chuyện và cho quốc vương biết rằng sáng mai, khi mặt trời mọc, đầu của Đê-va-la sẽ vỡ ra bảy miếng. Vì lòng lân mẫn, bần đạo không cho phép mặt trời mọc.

- Nhưng bạch Đại đức, làm sao thầy ấy thoát khỏi tai họa?

- Chỉ bằng cách sám hối, tâu bệ hạ.

Quốc vương khuyên Đê-va-la sám hối, nhưng Đê-va-la nói:

- Tâu đại vương, gã đó giậm tóc tôi, rồi đập cổ tôi; vậy sao tôi phải sám hối gã sư dỏm đó!

- Nên sám hối, bạch Đại đức; không nên nói thế.

- Tâu đại vương, ta sẽ không sám hối ai hết.

- Đầu sư sẽ vỡ ra bảy miếng!

- Trăm miếng đi nữa ta cũng không sám hối.

- Trẫm tin chắc rằng sư sẽ không thành tâm sám hối.

Đoạn quốc vương ôm xúc Đê-va-la, bắt sư phải quỳ lạy sám hối dưới chân Đại đức Na-ra-đa.

Đại đức Na-ra-đa nói:

- Mời thầy đứng lên, tôi đã hoan hỷ xá tội cho thầy.

Quay sang quốc vương, Đại đức Na-ra-đa nói:

- Tâu đại vương, thầy ấy không thực tâm sám hối. Hãy đưa thầy ấy đến một hồ nước cách thành không xa, bắt thầy ấy đứng dưới nước ngập tới cổ và đội một dè đất sét trên đầu.

Quay sang Đê-va-la, Đại đức Na-ra-đa nói:

- Thưa thầy, tôi sẽ vận dụng thần lực cho mặt trời mọc lại. Nhưng xin thầy nhớ cho rằng khi mặt trời vừa ló dạng, thầy hãy lặn xuống nước và trôi lên nơi khác.

Sáng hôm sau, khi mặt trời ló dạng, Đê-va-la vừa lặn xuống nước thì dè đất sét kia vỡ ra bảy miếng.

Im lặng trong giây lát, Đức Thế Tôn mỉm cười nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, vì vua kia là A Nan (Ānanda), Đê-va-la là Ti-xa, và Na-ra-đa chính là ta vậy.

Đoạn Đức Thế Tôn quay sang Ti-xa nói:

- Ti-xa, nếu Tỳ kheo mà cứ ầm ức: “Tôi bị lăng nhục, tôi bị ngược đãi, tôi bị đánh đập, tôi bị tước đoạt”, lòng hận thù không bao giờ diệt được. Nhưng nếu Tỳ kheo không cur mang những ý nghĩ như thế thì lòng hận thù sẽ tự nhiên tiêu tan.

Ngài đọc kệ:

Hấn mắng tôi, đánh tôi,

Hấn hạ tôi, cướp tôi,

Ai ôm niềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.
Hắn mắng tôi, đánh tôi,
Hắn hạ tôi, cướp tôi,
Ai xả niềm hận ấy,
Hận thù tự nhiên nguôi.
(PC. 3,4)

TÂM CƯU MANG THÙ HẬN CHUỐC BÁT TẬN KHỔ ĐAU

Thuở nọ có một phụ nữ nghèo, chồng mất sớm, ở vậy nuôi đứa con trai cho đến lúc trưởng thành. Thấy mình mỗi ngày một yếu, phần con cũng đã lớn khôn, bà nói:

- Con à! Con thấy đấy, nhà mình đơn chiếc, mẹ thì già rồi, một mình con cáng đáng bao nhiêu công việc trong nhà ngoài ruộng, mẹ thấy con tội nghiệp quá; mẹ đi hỏi vợ cho con nhé!

- Thừa mẹ, người con nói, con muốn ở vậy hầu mẹ suốt đời; biết đâu thêm người thì thêm chuyện rắc rối.

- Không được đâu con, con vất vả lắm! Để mẹ hỏi vợ cho con.

Can ngăn hai ba lần không được, người con nói:

- Mẹ định tìm vợ cho con ở nhà nào?

- Thì nhà bà hai Trương hay nhà ông bốn Chánh cũng được.

- Không được đâu mẹ! Nếu mẹ thương con thì hãy cưới con gái bác sáu Phúc cho con.

Chiều lòng con, người mẹ đi hỏi dâu và chọn ngày lành tháng tốt rước dâu về nhà.

Mấy năm sau, không thấy dâu con sanh đẻ, người mẹ tìm hiểu và hay rằng nàng dâu mắc bệnh hiếm muộn, không thể sanh con. Vừa lo, vừa tức, bà gọi con, nói:

- Mà y vừa lòng rồi đấy! Một hai mà bắt tao cưới con Tâm, con gái ông sáu Phúc cho mà, bây giờ nó trơ như đá mà thấy chưa?! Nếu mà không có con thì gia đình mình tuyệt diệt. Con hãy nghe lời mẹ, để mẹ kiếm vợ khác cho con.

- Thôi mẹ à, đủ rồi!

Nhưng người mẹ vẫn khăng khăng tìm vợ khác cho con.

Cô dâu bất hạnh nghe được ý định của mẹ chồng, bèn nảy sinh một ý:

- Con trai nào mà chẳng nghe lời cha mẹ. Nếu để bà tìm dâu khác, rồi sanh con đẻ cháu thì mình khác gì con nô lệ, chỉ bằng mình cưới vợ bé cho anh ấy.

Thấy cô Thảo, con ông bà năm Định, nét na thùy mị, có thể phải lòng với chồng mình, nàng đến dạm hỏi nhưng bị ông bà từ chối. Nàng giải thích:

- Tôi vô phúc mang bệnh hiểm nghèo, không thể sanh con, nổi nghiệp dòng tộc, nay ông bà bằng lòng gả con gái cho chồng tôi, mai kia cô ấy có con, gia nghiệp sẽ thuộc về cô ấy, tôi có nghĩa gì! Và lại tôi cũng rất thương yêu cô ấy.

Nghe xuôi tai, ông bà bằng lòng, nàng lựa ngày đưa dâu về nhà chồng.

Sau đó một ý nghĩ oan nghiệt xuất hiện trong đầu óc nàng:

- Nếu con hầu này sanh con, nó sẽ nghiễm nhiên thành bà chủ. Ta nhứt định không cho nó làm mẹ.

Nàng ra bộ thương yêu chiều chuộng, nói:

- Khi nào em có thai, cho chị biết nhé!

- Cảm ơn chị! Em... đã có bầu.- Cô thứ đáp.

Thế là ngày ngày nàng tự tay chăm sóc cơm nước, và rồi một hôm trộn thuốc độc vào tô cháo làm cho cô thứ trụ thai. Nàng âm mưu làm cô thứ trụ thai hai lần. Đến khi mang thai lần thứ ba, các bà hàng xóm thương tình, hỏi:

- Này, sao cô hư thai hoài vậy?

Cô kể qua cung cách chăm sóc của bà cả, các bà bực tức nói:

- Chỗ bà con lảng giềng tui tui mới nói ghen, có lẽ cô bị đầu độc rồi đó! con mẹ đòu gớm lắm đấy! Lần này cô đừng để cho nó biết rằng cô có bầu, nghe chưa?

- Dạ!... cảm ơn hai bác.

Cô không nói gì, nhưng bà cả thấy bụng cô lớn dần nên ra vẻ lo lắng hỏi:

- Sao em có bầu mà không cho chị biết?

- Chính bà đưa tôi về đây rồi cũng chính bà ra tay trục thai tôi hai lần. Cho bà biết làm gì nữa!.- Cô nói một cách giận dữ.

Lạnh lùng như băng giá, nàng âm thầm theo dõi cô thứ, rồi một hôm, lợi dụng thời cơ, nàng đổ thuốc độc vào sữa cho cô thứ uống; và, mặc dù thai nhi đã lớn, nhưng cũng bị sanh non, cô thứ đau đớn quằn quại, nói:

- Mày đã giết tao! Chính mày đưa tao về đây rồi cũng chính mày giết ba mẹ con tao. Nay tao chết, tao sẽ đầu thai làm quỷ dạ xoa để ăn tươi nuốt sống các con mày.

Thề xong, cô trút hơi thở cuối cùng trong cơn hận thù, tức tưởi.

Người chồng uất ức, bắt trói con vợ oan nghiệt lại, nói rằng:

- Chính mày hủy hoại gia đình tao!

Nói xong, chàng lên gối, xuống chõ, dần mụ vợ quái ác một trận chí tử. Mụ ngã bịnh và chết một cách thê thảm.

Sau đó hai bà oán thù chồng chất, vay trả trả vay liên tiếp trong ba đời. Khi thì thành mèo thành gà, lúc thì thành hươu thành báo, mục đích là quyết tâm rửa hận diệt thù. Đến đời thứ ba, bà thứ đầu thai thành quý dạ xoa, bà cả thành một cô gái nghèo khổ, xấu xí tại Xá Vệ.

Lớn lên, cô gái lấy chồng và đến ở gần cổng thành. Sau một thời gian, cô sanh được một bé trai. Quý dạ xoa cải dạng thành bạn thân đến thăm và thừa cơ ăn tươi nuốt sống em bé. Hai lần bị quý dạ xoa ăn thịt con mình, lần mang thai thứ ba, cô nói với chồng:

- Anh à! Đã hai lần con mình bị quý dạ xoa ăn thịt. Nay để em về bên nhà cha mẹ em sanh đẻ.

Chiều lòng vợ, người chồng đồng ý; và sau một năm mẹ tròn con vuông, hai vợ chồng làm lễ đặt tên cho con rồi đưa con về nhà lại. Trên đường qua, trước tu viện có một hồ nước, người vợ trao con cho chồng rồi xuống hồ tắm; tắm xong lên bệ con cho chồng xuống tắm. Trong khi đang ngồi cho con bú thì quý dạ xoa lù lù tiến tới, người vợ hoảng hốt hét lên :

- Anh ơi... anh ơi!... Lệ lên... lệ lên!... Quý dạ xoa tới!... Cô vừa la vừa bế con chạy thẳng vô tu viện.

Bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp giữa Tăng chúng. Người vợ đặt con dưới chân Ngài, nói:

- Con cho Ngài cháu này. Xin Ngài cứu lấy mạng cháu!

Quý dạ xoa cũng xông vào nhưng bị thần Xu-ma-na (Sumana) chặn lại tại cổng. Đức Thế Tôn bảo A Nan ra gọi dạ xoa vào. Vừa thấy quý dạ xoa, người vợ hét lên:

- Quý dạ xoa!... Bạch Thế Tôn.

- Hãy để dạ xoa vào, đừng làm ồn.- Thế Tôn nói.

Quý dạ xoa đứng tần ngần trước mặt Đức Thế Tôn, Ngài nói:

- Tại sao ngươi làm thế? Ngươi đã không đối diện với Như Lai sao? Ngươi đã nuôi dưỡng hận thù như lòng dạ cú điều qua bao số kiếp. Sao ngươi không trả hận thù lại cho hận thù? Hận thù không dập tắt được hận thù, chỉ có tình thương mới dập tắt được hận thù.

Ngài đọc kệ:

Hận thù diệt hận thù,

Đời này không thể có,
Tù bi diệt hận thù,
Là định luật nghìn thu.

(PC. 5)

Quay sang người phụ nữ, Đức Thế Tôn nói:

- Hãy đưa cháu cho quý dạ xoa.
- Con sợ lắm! Bạch Thế Tôn.
- Đừng sợ! Con không còn lý do để sợ quý dạ xoa nữa.

Bà mẹ trẻ đưa con cho quý dạ xoa. Dạ xoa bế cháu lên, vuốt ve, âu yếm, xong trả cháu lại cho mẹ nó rồi bung mặt khóc nức nở.

- Tại sao người khóc? .- Đức Thế Tôn hỏi.
- Bạch Thế Tôn, trong quá khứ con đã xoay sở trăm phương nghìn kế để kiếm được miếng ăn, nhưng vẫn không đủ. Bây giờ làm sao con sống đây!
- Đừng lo! Đức Thế Tôn an ủi.

Quay sang người mẹ, Ngài nói:

- Hãy đưa quý dạ xoa về nhà, mỗi tối nấu cháo loãng cho dạ xoa ăn.

Người vợ đưa quý dạ xoa về và cho ở trên mái nhà. Nhưng đến vụ mùa, cần suốt lúa đưa lên đưa xuống, quý dạ xoa cứ nơm nớp lo sợ đầu mình sẽ bị bửa ra làm hai, nên xin gia chủ cho ở nơi khác. Ở đâu dạ xoa cũng phập phồng lo sợ, hoảng hốt trong lòng. Cuối cùng gia chủ phải đưa dạ xoa ra ở một nơi thanh vắng ngoài đồng, và từ đó dạ xoa hết lòng hộ trì gia trạch và toàn thể dân làng.

THÍCH LÝ SỰ ƯƠNG NGẠNH NGÔN HẠNH LẠNH NHƯ TIỀN

Tại tu viện Gô-xi-ta (Ghosita) ở Kô-xam-bi (Kosambi) có hai Sa môn uy tín, một là Giám luật và một là Giáo thọ. Cả hai đều hướng dẫn 500 chúng Tỷ kheo. Một hôm tắm giặt xong, vị Giáo thọ ra khỏi phòng tắm mà không đổ hết nước trong chậu, vị Giám luật thấy vậy hỏi:

- Thầy để nước trong chậu phải không?
- Thưa vâng, sao a ã?

- Như vậy là có tội! Nhưng nếu vô tình thì không sao.

- Thật sự tôi không cố ý, xin cảm ơn Thượng tọa đã nhắc nhở.

Sau đó đề chúng của vị giám luật hay chuyện và tỏ vẻ xách mé với môn đệ của vị giáo thọ:

- Thầy của các anh chỉ chú trọng về mặt chữ nghĩa văn tự, chứ có quan tâm gì đến oai nghi tế hạnh, giới luật tu hành; nhiều chuyện còn thô tháo, bết bát lắm!

Nóng mũi vì những lời trích thượng, môn đệ của vị Giáo thọ đến tỏ vẻ với thầy mình, rồi cũng ra mặt trả đũa:

- Thầy của quý vị ngon lắm! Bề ngoài trông có vẻ “tu rì tu rì” nhưng bên trong ai mà lường được: quanh co khúc khuỷu, lờm chớm gồ ghề!

Thế là hai bên hỏa bốc, ai cũng ra sức bảo vệ uy danh của thầy mình, dần dần tạo thành một cuộc khẩu chiến dai dẳng, tệ hại.

Đức Thế Tôn được tin và đã hai lần gọi lời giảng hòa nhưng không được, lần thứ ba Ngài đích thân đến tu viện Gô-xi-ta, họp chúng và khuyên rằng:

- Nay các thầy Tỳ kheo, đủ rồi! Đừng cãi nhau nữa. Các thầy thấy đấy, cãi vã, xung đột, bất hòa, tranh luận v.v... tất cả đều bất lợi. Các thầy nên đoàn kết, hòa thuận với nhau.

Họ không những không nghe lời khuyên của Đức Thế Tôn mà có vị còn ngông nghênh, lên mặt:

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy an thân lập mệnh, hãy ung dung thanh thản trên cõi đời này. Chúng tôi cãi vã, xung đột, bất hòa, tranh luận... nhưng nổi danh đó!

Đức Thế Tôn im lặng trong giây lát rồi tha thiết nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, các thầy đã từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo, thọ trì giới luật, nghiên cứu kinh văn, hãy để ngọn đèn trí tuệ của các thầy tỏa sáng khắp nhân gian mới xứng danh là bậc thượng sĩ ly tham, hiếu hòa, nhẫn nhục.

Mặc cho Đức Thế Tôn hết lời khuyên răn, nhưng chúng nào tạt nẩy, họ cho rằng có tranh cãi mới lừng danh, tiền bộ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhận thấy rằng:

- Như thế này thì ta bị vây hãm, chen lấn và không sao có được cuộc sống an lành. Thiết tưởng ta nên rút khỏi đám đông, lui về cô tịch.

Ngài đi khát thực một vòng ở Kô-xam-bi, rồi không một lời từ già Tăng đoàn, Ngài lặng lẽ ôm bát đến thẳng làng Ba-la-ka (Balaka) thuyết pháp cho Đại đức Ba-gu (Bhagu) hiểu được nếp sống cô tịch. Sau đó Ngài đến vườn Lộc Uyển, phía đông rừng Trúc Lâm, giáo hóa cho ba thanh niên nhận ra cảnh an lạc hạnh phúc của sự hòa hợp; và từ đó Ngài đến Pa-ri-lay-da-ka (Pàrileyyaka), nơi Ngài hoan hỷ an cư mùa mưa tại rừng Bảo Lâm, dưới một cây cổ thụ xanh mát với sự trợ giúp của một chú voi già.

Các Phật tử ở Kô-xam-bi một hôm đến tu viện hầu thăm Đức Thế Tôn nhưng không thấy Ngài, họ hỏi:

- Bạch quý sư, Đức Thế Tôn đâu?
- Đến rừng Pa-ri-lay-da-ka rồi.
- Vì sao?
- Ai mà biết được!

Sau đó họ vỡ lẽ và nổi nóng nói:

- Các sư này quái quái lắm! Chúng ta đừng lễ nghi cung kính, cúng dường ẩm thực cho họ nữa.

Và từ đó họ bày tỏ thái độ xem thường các sư ồn ào lất phất, lơ ngơ hiểu thẳng kia.

Không còn mấy ai tới lui giúp đỡ, thiếu trước hụt sau, đói khát dài dài, các sư mới nhận ra hậu quả tai hại của sự phóng ngôn kiêu mạn. Họ cùng nhau xin lỗi, và muốn gặp Đức Thế Tôn để đánh lễ sám hối, nhưng vì mùa mưa đang thời cao điểm, không thể đi được, họ phải đành chịu cảnh khốn khó, cơ hàn. Trong khi Đức Thế Tôn, một mình một bóng, an nhiên tự tại trong chốn rừng sâu với chú voi già viễn ly tịch tịnh và câu khỉ vàng thân thiện, khôn lanh.

Cuối mùa mưa, các Phật tử thuần thành và 500 Tỳ kheo khấn cầu tôn giả A Nan đi cung thỉnh Đức Thế Tôn về. A Nan và các sư lên đường, nhưng khi đến rừng Bảo Lâm, A Nan tế nhị để họ đứng bên ngoài, một mình vào vấn an, hầu Phật. Sau khi đánh lễ Bồn Sư, A Nan ngồi sang một bên, Đức Thế Tôn hỏi:

- Thầy đến một mình sao?
- Bạch Thế Tôn, với 500 Tỳ kheo nữa.
- Các thầy ấy đang ở đâu?
- Dạ... quý huynh đệ đang đứng bên ngoài.
- Mời các thầy ấy vào..

A Nan mời các thầy vào. Họ mừng mừng tủi tủi, quỳ lạy dưới chân Đức Thế Tôn, và ngậm ngùi nói:

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn phải chịu cảnh gian khổ như thế này, cô quạnh và hiu hắt quá! Không một bóng người tới lui giúp đỡ; bốn bề cây cỏ, dày đặc núi rừng, gạo nước đâu mà sống qua ngày?! Các thầy đồng loạt khóc nức nở.

Đức Thế Tôn mỉm cười, nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, đừng lo ngại và đau buồn cho ta. Chú voi già Pa-ri-lay-da-ka là người bạn tâm phúc của ta. Chú không biết nói tiếng người nhưng chú hiểu được lòng người và có một tâm hồn vị tha, chung thủy vô hạn. Ai có được người bạn như thế, người ấy không bao giờ cảm thấy cô đơn và rất vững tâm trên bước đường viên ly tịch tịnh.

Ngài đọc kệ:

Nếu gặp bạn sáng suốt,
Cẩn trọng, sống hiền lương,
Hàng phục mọi nguy biến,
Hoan hỷ kết bạn đường.

Nếu không gặp bạn trí,
Cẩn trọng, sống hiền lành,
Nên như vua từ bỏ,
Vương quốc bị xâm lăng,
Hãy sống đời đơn độc,
Như voi giữa rừng xanh.

Thà sống cảnh cô đơn,
Hơn bạn bè kẻ ngốc,
Sống lẻ loi đơn độc,
Không gây nghiệp hoành hành,
Như voi giữa rừng xanh,
Thênh thang vô tư lự.

Đức Thế Tôn đọc kệ xong thì 500 Tỳ kheo liền chứng quả A la hán.

Bấy giờ A Nan mới trình lời cung thỉnh của hàng ngàn đệ tử nam nữ tại gia mời Thế Tôn trở về Kô-xam-bi. Đức Thế Tôn chấp thuận, và thế là thầy trò thu xếp y bát trở về Kỳ Viên. Tội nghiệp cho chú voi già, cứ quẩn quít bên Đức Thế Tôn và buồn buồn chen giữa các thầy, tỏ vẻ lưu luyến không muốn giã từ ánh mắt hiền hòa và dung nhan từ ái của đấng đại giác Thế Tôn. Hiểu ý, Thế Tôn vỗ vai voi, nói:

- Nay Pa-ri-lay-da-ka, ta hiểu rõ tấm lòng thiết tha trung hậu của bạn, nhưng rất tiếc là kiếp này bạn chưa có thể cùng chung sống và tu học với đại chúng. Hãy nuôi dưỡng chánh hạnh như ta và bạn dưới cội cây này. Thôi, hãy ở lại vui vẻ, ta đi đây. Pa-ri-lay-da-ka liền sụp hai chân trước xuống với hai hàng nước mắt rờn rờn. Không ai bảo ai, các thầy nhìn nhau và cũng rung rung nước mắt. Đưa tay vẫy chào tạm biệt chú voi già trung hậu và cánh rừng êm ả bao dung, Đức Thế Tôn cùng đồ chúng trở về Xá Vệ.

Được tin Đức Thế Tôn đã về, nhóm Tỳ kheo lăm chuyen ở Kô-xam-bi kéo nhau đến sám hối. Quốc vương Kô-xa-la hay tin, đến thăm Đức Thế Tôn và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ không cho các sư lộn xộn, quá khích đó vào nước con.

Đức Thế Tôn nói:

- Đại vương, đó là những Tỳ kheo có tâm tu học, chỉ vì thích tranh cãi mà không nghe lời Như Lai. Nay họ đã nhận ra lỗi lầm và đến sám hối ta, nên để cho họ tới.

Được sự cho phép của Đức Thế Tôn và quốc vương, các thầy Tỳ kheo nông nghênh kia đến gặp Đức Bôn Su, quỳ mọp dưới chân Ngài và khóc nức nở. Họ thành tâm sám hối, xin Đức Thế Tôn tha cho cái tội xung khí, bóc đồng của họ trước kia. Đức Thế Tôn hỷ xả, nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, các thầy đã phạm phải một lỗi lầm nghiêm trọng. Các thầy đã cắt đứt ái ân, xa rời cha mẹ, theo ta học đạo, tôn ta làm thầy; vậy mà các thầy không nghe lời ta! Thôi, hãy đứng lên. Hãy chánh niệm, hòa hợp và tinh tấn. Chánh niệm, hòa hợp và tinh tấn thì an lạc.

Ngài đọc kệ:

Lắm người không biết rằng,

Ta chết vì cãi nhau,

Ai nhận ra điều đó,

Tranh cãi lắng dịu mau.

(PC. 6)

--- o0o ---

Phần 2 - VỌNG TÂM TÀ Ý TIÊU PHƯỚC THIỆN CHÁNH NIỆM TINH CẦN ĐẠT CÔNG PHU

Ka-la-út, Ka-la-thứ và Ka-la-cả (Culla Kāla, Majjhima Kāla, Mahā Kāla) là ba anh em ruột sống tại Xê-ta-vy-a (Setavya). Ka-la-út và Ka-la-cả thường đem 500 cỗ xe ngựa ra nước ngoài mua hàng về cho Ka-la-thứ bán. Bấy giờ họ đang trên đường đến Xá Vệ và dừng lại nghỉ giữa Xá Vệ với Kỳ Viên.

Một hôm, Ka-la-cả thấy rất nhiều Phật tử thuần thành cầm hoa đi lễ Phật, nghe pháp. Ông dặn người em coi chừng xe cộ và cùng theo họ đến chùa cầu kinh, thỉnh pháp.

Hôm đó Đức Đạo Sư thuyết giảng về sự hiện hữu của khổ đau, cảnh vô thường sanh diệt của ngũ uẩn và sự mê muội đắm chìm trong dục lạc. Cảm nhận được lẽ thặng trầm, biến dịch của kiếp người và vạn vật, ông trở về giao toàn bộ tài sản cho người em rồi đến xin Đức Thế Tôn xuất gia. Ka-la-út hết lời khuyên can anh mình nhưng không được, cậu bèn sắp xếp công việc, theo anh làm Sa môn với ý nghĩ rằng sau một thời gian cậu sẽ hoàn tục và đem anh cậu về.

Ka-la-cả tu hành rất tinh tấn. Và sau khi thọ giới Tỳ kheo, sư tự thấy mình tuổi cao sức yếu, không thể thực hành đạo nghiệp qua việc nghiên cứu kinh văn, nên xin Đức Thế Tôn tu theo pháp môn quán niệm, và thế là sư được phép đến gò thiêu tu tập.

Sa môn Ka-la đến gặp Ka-li (Kāli), một phụ nữ quản lý gò thiêu và được bà yêu cầu:

- Bạch thầy, trong khi tu tập tại gò thiêu, thầy không được ngủ ban ngày, phải có nghị lực và toàn tâm toàn ý; và trong khi họ mang xác chết vất bừa nơi đây, con sẽ đặt thi hài lên giàn thiêu với đầy đủ hương hoa, lễ nghi cúng bái. Nếu thầy không ngộ đạo, con sẽ đốt rụi giàn thiêu, kéo xác ra ngoài, băm ra từng mảnh rồi vất chúng vào ngọn lửa hung tàn, đốt sạch.

- Hay thay! Hay thay! Thừa bà.

Nhưng nếu bà thấy thi hài nào phù hợp với mục tiêu quán niệm về sắc thân thì xin cho biết.

- Thừa vâng, bạch thầy!

Bấy giờ có một thiếu nữ vừa qua đời, thi hài còn nguyên, chưa biến dạng; thân quyến mang xác cô đến gò thiêu với củi, dầu v.v... và nhờ Ka-li thiêu xác. Họ trả tiền lệ phí rồi ra về. Trong khi cời đồ tẩm liệm, Ka-li bỗng sờ thấy xác cô thiếu nữ xinh đẹp, vàng óng, liền nghĩ :

- Xác này đích thị là một chủ đề thiên quán rất phù hợp với Trưởng lão.

Bà liền báo cho Ka-la-cả biết. Sư đến xem xét thi hài từ lòng bàn chân đến đầu sợi tóc, rồi nói:

- Hãy ném thi thể xinh đẹp, vàng óng này vào lửa, và khi ngọn lửa phủ lấy thi hài thì cho thầy biết. Nói xong sư trở về vị trí và tham thiền nhập định.

Khi ngọn lửa đã hùng hực lên cao, bà đến báo tin cho Trưởng lão. Sư đến quan sát thi thể và thấy thân xác nàng như một con bê thui: chân cẳng thò ra, lủng lẳng; hai tay co quắp, đen nám và không còn một chút da nào trên trán. Trưởng lão suy nghĩ:

- Thân hình này có thể đã làm cho bao người đắm đuối, quên đi chữ nghĩa thánh hiền, nay lại tới hồi suy tàn, tới kỳ hủy diệt.

Trưởng lão trở lại am tranh, thiên quán, trực nhận ra lẽ vô thường sanh tử và an vui niết bàn.

Các pháp là vô thường,

Bản chất là sanh diệt,

Sanh diệt đoạn diệt rồi,

Tịch diệt ấy là vui.

Lời kệ vừa thoáng qua đầu óc thì Trưởng lão Ka-la-cả liền chứng quả A la hán.

Được tin Đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn vân du giáo hóa nay đã đến thành Xê-ta-vy-a, và vào rừng Xim-xa-pa (Simsapa). Các bà vợ của Ka-la-út liền nghĩ:

- Thế là chúng ta sẽ bắt lại chồng.

Họ tổ chức lễ trai tăng, thỉnh Đức Thế Tôn và đại chúng đến thọ thực. Ka-la-út được phái đến chỉ đạo sắp xếp bàn ghế, và vừa trông thấy sư, các bà lên tiếng trêu chọc:

- Sư làm gì đây? Chi xớ rớ hả? Sư lấy quyền gì chỉ tay năm ngón? Ai cho phép sư khoác áo Sa môn? Sư đến đây với mục đích gì?

Họ vừa trêu tức vừa ôm xé y phục của Ka-la-út, khoác lên mình sư một bộ đồ màu trắng, đặt lên đầu sư một vòng hoa, rồi xô sư ra ngoài, nói:

- Đi thỉnh Đức Thế Tôn đến đây! Tránh chỗ cho chúng tôi thiết lễ.

Không bận tâm về vấn đề y phục, Ka-la-út đến thỉnh Đức Thế Tôn chứng trai.

Khi thọ trai xong, các bà vợ của Ka-la-cả tự nghĩ:

- Các bà thê thiếp của Ka-la-út đã giành được chồng, chúng ta cũng sẽ giành được chồng.

Thế là họ cung thỉnh Đức Thế Tôn và đại chúng thọ trai ngày hôm sau. Nhưng lần này một Tỳ kheo khác đến chỉ đạo sắp xếp bàn ghế chứ không phải Ka-la-cả nên các bà không có cơ hội gần gũi sư. Trong khi chứng trai, đại chúng mới phát hiện ra rằng Ka-la-út có hai bà, Ka-la-thứ bốn bà, và Ka-la-cả tám bà. Một số các sư thấy khó chịu, đứng dậy ra về, số khác thì tiếp tục thọ trai, còn Đức Thế Tôn thì an nhiên tự tại, dùng bữa như thường. Xong việc, các bà thưa:

- Bạch Thế Tôn, thỉnh Ngài về trước, Ka-la-cả có đôi lời cảm niệm rồi về sau.

Đức Thế Tôn mỉm cười, hồi hướng công đức rồi ra về.

Khi Ngài ra tới cổng làng, đại chúng thắc mắc nói:

- Đức Thế Tôn hôm nay thế nào ấy! Ngài làm vậy là vô tình hay cố ý? Hôm qua Ka-la-út đến trước, và thế là hết đời tu sĩ. Hôm nay sư khác đến thì không sao. Bây giờ trưởng lão Ka-la-cả ở lại, sư ấy là người đức hạnh, chân chánh, nhưng liệu họ có kết thúc cuộc đời tu hành của sư ấy không?

Nghe các sư thắc mắc, Đức Thế Tôn dừng lại, hỏi:

- Các thầy nói sao? Các thầy nghĩ là Ka-la-cả không giống như Ka-la-út chứ?

- Vâng, bạch Thế Tôn. Ka-la-út có hai bà, còn Ka-la-cả có tám bà. Nếu tám bà bao vây tóm gọn Ka-la-cả thì thầy ấy sẽ ra sao, bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, đừng nói thế. Ka-la-út lúc nào cũng bận rộn, xông xáo và nghĩ đến dục lạc. Ka-la-cả thì trái lại, không mong cầu lạc thú, tâm hồn an nhiên bất động như một núi đá kiên cố.

Ngài đọc kệ:

Ai sống theo lạc thú,

Không nhiếp hộ các căn,

Ăn uống thiếu tiết độ,

Lười biếng kém siêng năng,
Sẽ bị Ma vương kéo,
Như cây yếu gió quằn.
Ai sống quán bất tịnh,
Nhiếp hộ đượ các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Thành tín và siêng năng,
Ma vương không chuyển nổi,
Như núi đá gió qua.
(PC. 7,8)

**LÀNH THAY CHIẾC ÁO CÀ SA
NGUY THAY NGƯỜI MẠC CHĂNG LÀ SA MÔN**

Thuở nọ có hai vị thượng thủ, mỗi vị hướng dẫn 500 Tỳ kheo đánh lễ tạm biệt Đức Thế Tôn và lên đường đi từ Kỳ Viên đến Vương Xá. Dân chúng thành Vương Xá, theo phong tục, tập trung thành từng nhóm cúng dường lễ vật cho các Sa môn dọc hai bên đường. Một hôm, Trưởng lão Xá Lợi Phất (Sàriputta) ngỏ lời tán thán công đức của các thí chủ như sau:

- Nay các đạo hữu, người nào bố thí mà không hướng dẫn người khác bố thí, người ấy đời sau đượ an lạc phú quý mà không đượ quần chúng hậu thuẫn; người nào hướng dẫn người khác bố thí mà chính mình không bố thí, người ấy đời sau đượ quần chúng hậu thuẫn mà không đượ an lạc phú quý; còn ai không hề bố thí và cũng không muốn người khác bố thí, người ấy đời sau phải chịu khốn khổ cơ hàn. Tuy nhiên, ai hoan hỷ bố thí và khuyến khích người khác bố thí, người ấy vô lượng vô biên kiếp sau sẽ đượ an lạc phú quý và quần chúng hậu thuẫn.

Bấy giờ có một hiền giả tự nghĩ:

- Lời thuyết giáo của Trưởng lão Xá Lợi Phất thật là thậm thâm vi diệu. Ta cần phải tích lũy công đức sao cho đượ hai thành tựu này.

Ông cung thỉnh Trưởng lão Xá Lợi Phất ngày mai đến nhà ông thọ trai.

Trưởng lão nói:

- Đạo hữu muốn mời bao nhiêu sư?

- Nhưng, bạch Trưởng lão, hiện nay trong Tăng đoàn có bao nhiêu Sa môn?

- Có một ngàn, thừa đạo hữu.

- Thế thì hay quá! Xin Trưởng lão mời tất cả quý sư ngày mai đến nhà con thọ trai.

Trưởng lão Xá Lợi Phát hoan hỷ chấp thuận.

Sau đó, vị đạo hữu đi khắp phố phường khuyên khích dân chúng cúng dường và được mọi người hưởng ứng: người thì cúng mè cúng gạo, kẻ thì dâng sữa dâng đường, thôi thì đủ thứ.

Bấy giờ có một gia chủ cung kính dâng lên một tấm vải may áo cà sa lộng lẫy, trị giá hàng trăm quan tiền, nói:

- Nếu lễ vật cúng dường chưa đủ thì bán tấm vải này để đắp vô cho đủ; còn nếu đủ rồi thì ngài dâng nó cho sư nào tùy ý.

Lễ vật cúng dường đã đầy đủ, duy chỉ thiếu một điều, vị đạo hữu thưa:

- Kính bạch quý Thượng tọa và Đại đức, tấm vải may áo cà sa này do một thí chủ cúng dường với mục đích bán nó để lấy tiền mua lễ vật cho đủ, nhưng nay lễ vật đủ rồi, vậy thỉnh ý quý thầy dâng vải cho ai?

Số thì đệ nghị Trưởng lão Xá Lợi Phát, số thì bảo Xá Lợi Phát thường vân du đây đó theo vụ mùa; chỉ có Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là thường trú, lúc nào cũng sẵn sàng như cái bình nước trên bàn, chúng ta nên dâng tấm cà sa đó cho Đề Bà Đạt Đa.

Sau một hồi thảo luận, cuối cùng đa số biểu quyết dâng tấm vải sang trọng đó cho Đề Bà Đạt Đa.

Lòng lâng lâng sung sướng, Đề Bà Đạt Đa cắt tấm vải ra làm hai phần, một phần làm y, một phần làm hậu, khâu kết rất thời trang, đem nhuộm và lấy làm hãnh diện mỗi khi mặc chúng ra ngoài. Tăng chúng thấy vậy nói:

- Y hậu đó mà để cho Đề Bà Đạt Đa mặc thì chả hợp tí nào, Trưởng lão Xá Lợi Phát thì phải hơn.

Bấy giờ có một Sa môn từ Vương Xá đến Xá Vệ hầu thăm Đức Thế Tôn và thiên môn pháp lữ. Sau khi đánh lễ và bày tỏ niềm vui mừng gặp lại Bổn Sư và đại chúng, sư được Đức Thế Tôn hỏi thăm tình hình tu tập và cách hướng dẫn Tăng đoàn của hai vị thượng thủ ở đó. Sư cứ thật tình thuật lại sự kiện dâng y và được Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các thầy Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề Bà Đạt Đa mặc áo cà sa không phù hợp. Trong tiền kiếp thầy ấy cũng đã làm như vậy. Các thầy muốn nghe tích truyện này không?

- Hay thay, bạch Thế Tôn!

- Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ kheo.

*

* *

Ngày xưa, khi Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) trị vì tại thành Ba La Nại, có một thợ săn chuyên sinh sống bằng nghề săn giết voi, lấy ngà, móng và những thứ có giá trị đem bán. Bấy giờ trong rừng có một đàn voi đông đến hàng ngàn con; mỗi khi ra vào đồng cỏ, chúng đều cung kính đánh lễ chư vị Độc Giác.

Một hôm, nhìn thấy cung cách lễ bái của đàn voi, gã thợ săn suy nghĩ:

- Ta khó có thể hạ sát được đàn voi này. Nhưng mỗi khi ra vào chúng đều đánh lễ chư vị Độc Giác. Điều gì đã làm chúng cung kính như thế?

Sau đó gã tìm hiểu và đi đến kết luận rằng chỉ vì chiếc áo cà sa. Thế là gã tìm cách đoạt cho được chiếc y quý hiếm kia.

Gã đi đến hồ nước và lén đánh cắp chiếc áo cà sa để trên bờ của một tôn giả đang tắm. Hắn đến ngồi bên vệ đường, nơi đàn voi thường qua lại với ngọn giáo ác nghiệt trong tay và chiếc cà sa hiền thiện trùm đầu. Đàn voi nhìn thấy, tưởng hắn là Đức Phật, bèn sụp hai chân trước đánh lễ rồi tiếp tục đi qua; đến con cuối cùng, hắn phóng một giáo vào yết hầu, con voi ngã lăn ra chết. Chờ một lát cho đàn voi đi khuất, hắn tung cà sa đứng lên, cắt lấy ngà và các thứ có giá trị, đoạn chôn xác voi rồi mang thành tích lên đường.

Sau đó có một Đức Phật vị lai tái sanh thành một con voi chúa, gọi là tượng vương, cai quản đàn voi đông đúc đó. Bấy giờ gã thợ săn chuyên nghiệp kia cũng dùng thủ thuật như xưa để giết voi kiếm lời. Voi chúa thấy dòng tộc mình mỗi ngày một giảm, bèn đâm ra nghi ngờ:

- Gã mang áo cà sa ngồi bên vệ đường hẳn là nguyên nhân gây ra sự tổn thất này, hẳn đang âm mưu gì đó!

Voi chúa dùng kế, để cho đàn voi đi trước, tượng vương đi sau cùng và quan sát cẩn thận. Khi đàn voi lần lượt đánh lễ như thường lệ và đi qua, thấy voi chúa tiến đến gần, gã thợ săn liền kéo tấm cà sa ra khỏi đầu và phóng ngay một giáo. Voi chúa trờ lui, tránh được ngọn giáo oan nghiệt, và nói:

- À, đúng rồi! Đích thị là tên sát hại đàn voi của ta rồi!

Nói xong, voi chúa phóng tới, vung vòi chộp lấy gã thợ săn, nhưng hắn liền nhảy đại vào một bụi cây, co rúm người lại. Voi chúa thét lên:

- Ta sẽ phong tỏa bụi cây này, tóm cho được tên thợ săn quý quýet kia và ném hắn xuống đất cho tan xác tan hồn.

Gã thợ săn sợ quá, vội cầm áo cà sa đưa lên; và khi nhìn thấy pháp y, voi chúa liền nghĩ:

- Nếu ta xúc phạm người này tức là xúc phạm đến hàng hà sa số chư Phật và chư vị A la hán.

Đành phải ần nhẫn, voi chúa hỏi:

- Chính người đã giết hại nhiều bà con huynh đệ của ta phải không?

- Vâng, thưa ngài!

- Tại sao người làm một việc tàn ác quá vậy! Người khoác áo cà sa, một loại pháp y chỉ dành cho những ai đã đoạn trừ tham dục. Còn người, chẳng hợp tí nào! Người đã phạm phải một tội ác khủng khiếp. Người không xứng đáng mặc chiếc áo giải thoát đó.

Dừng lại trong giây lát, Đức Thế Tôn mỉm cười nói:

- Đây các thầy Tỳ kheo, người thợ săn đó là Đê Bà Đạt Đa, còn voi chúa kia chính là ta vậy.

Ngài đọc kệ:

Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa sạch uestrợc,
Không tự chế, không thực,
Không xứng mặc cà sa.

Ai tẩy trừ uestrợc,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chân thực,
Xứng đáng mặc pháp y.

(PC. 9, 10)

CHÂN TÌNH ĐÔI BẠN TÂM GIAO ĐOẠN TRỪ TÀ KIẾN LIỀN VÀO CHÂN NHƯ

Trước khi Đức Thế Tôn xuất hiện trên đời, có hai ngôi làng Bà la môn cách thành Vương Xá không xa, đó là làng U-pa-ti-xa (Upatissa) và Kô-li-ta (Kolita). Một hôm, vợ của Ru-pa-xa-ri (Rùpasàri), người làng U-pa-ti-xa,

cần thai, và vợ của Mô-ga-li (Moggali), người làng Kô-li-ta cũng cần thai. Tương truyền rằng hai gia đình này đã ba đời thân thiện và gắn bó với nhau nên họ rất lấy làm vui mừng chăm sóc hai bà mẹ mang thai cho đến ngày khai hoa nở nhụy, và hai bà đã sanh được hai cậu con trai tuyệt vời.

Đến ngày thôi nôi, để đánh dấu hai gia đình cội cả trong làng, họ đặt tên U-pa-ti-xa là Xá Lợi Phát (Sàriputta) cho cậu bé sanh ở làng U-pa-ti-xa, và Kô-li-ta tức Mục Kiền Liên (Moggallàna) cho cậu bé ở làng Kô-li-ta. Khi lớn lên, hai cậu học hành xuất chúng trong các lãnh vực nghệ thuật và khoa học. Mỗi khi đi xem cảnh ở hoa viên hay sông hồ, Xá Lợi Phát được 500 chiếc kiệu vàng và Mục Kiền Liên 500 cỗ xe ngựa với 500 tùy viên theo hầu. Hai cậu học hành và sinh hoạt như hai ông hoàng ở hai ngôi làng nhỏ.

Bấy giờ có một lễ hội truyền thống được tổ chức tưng bừng tại Vương Xá. Hai cậu đến xem nghi thức và ngồi chung trên một chiếc ghế đặc biệt. Cả hai đều biểu lộ tình cảm như nhau theo từng tình tiết diễn: cảnh vui, cả hai đều cười sáng khoái; cảnh buồn, cả hai đều khóc sướt sùi; đến cảnh quyên góp bố thí, cả hai đều dốc túi làm phước. Cả hai hân hoan theo dõi hội diễn trong mấy ngày liền. Rồi một hôm, khi đã lớn khôn, cả hai không còn cảm thấy hân hoan, bi lụy hay sẵn lòng giúp đỡ theo tình tiết như xưa. Hai cậu đều suy nghĩ:

- Tại sao ta phải xem hoài cái màn hội diễn khóc cười điên đảo này? Hàng trăm năm qua, bao lớp người đã ngất ngậy quần quai, khóc khóc cười cười theo cảnh đời ngược xuôi ngược, để rồi cùng chung số kiếp đi vào lãng quên. Ta nên tìm đường giải thoát.

Họ ngồi cạnh bên nhau, Mục Kiền Liên nói:

- Xá Lợi Phát, hình như bạn không được vui như những ngày nào, trông bạn có vẻ u buồn thối thiết lắm! Bạn đang suy nghĩ gì?

- Này Mục Kiền Liên! Vâng, ta đang suy nghĩ. Ta thấy hình như không có một niềm vui nào lâu bền, tất cả đều vô vị. Ta phải tìm đường giải thoát đi thôi.

Cả hai tán đồng quan điểm, rủ nhau xuất gia, nhưng chưa biết theo vị đạo sư nào.

Bấy giờ có một du sĩ tên là Xan-ja-da (Sañjaya) vào thành Vương Xá với nhiều môn đệ tháp tùng. Xá Lợi Phát và Mục Kiền Liên nói:

- Ta sẽ xuất gia theo Xan-ja-da.

Thế là cả hai cho phép 500 tùy viên ra về và nói:

- Hãy đem hết xe kiệu này đi.

Sau đó cả hai cùng với 500 thuộc hạ đến gặp Xan-ja-da xin xuất gia tu học. Từ khi có hai thanh niên ưu tú xuất gia, Xan-ja-da đã đạt đến tột đỉnh uy danh vinh dự. Nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, cả hai đã nắm được toàn bộ giáo nghĩa của Xan-ja-da. Vì thế họ hỏi ông:

- Thưa Thầy, đây là toàn bộ giáo thuyết mà Thầy đã đạt, hay còn gì khác?

- Đây là tất cả. Những gì ta chứng ngộ, hai con đã quán triệt.

Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên liền nghĩ:

- Nếu đây là toàn bộ giáo nghĩa của Xan-ja-da thì làm môn đệ của người cũng chẳng ích lợi gì. Con đường giải thoát chúng ta đang tìm chẳng đáng gì với vị đạo sĩ này. Hãy tiếp tục lên đường tìm thầy học đạo!

Từ đó trở đi, nghe nơi nào có đạo sĩ Bà la môn uyên bác, họ đều đến tham vấn, nhưng rốt cuộc họ không thỏa mãn với một đạo sĩ nào. Thất vọng, họ bèn lui bước trở về. Nhưng trước khi chia tay, Xá Lợi Phất nói với Mục Kiền Liên:

- Nay Mục Kiền Liên, nếu ai trong hai ta đạt đạo trước thì hãy báo cho người kia biết.

Họ đồng ý và chia tay nhau trong niềm thao thức kiếm tìm chân lý.

Bây giờ Đức Thế Tôn vân du đến thành Vương Xá, tiếp nhận tu viện Trúc Lâm (Veluvana) và an trú tại đó. Ngài phái 61 vị A la hán lên đường truyền bá chánh pháp và nói:

- Hãy lên đường, này các thầy Tỳ kheo, hãy lên đường truyền bá chánh tín Tam bảo đến cho mọi người.

Sáng sớm hôm đó, Trưởng lão A-xa-ji (Assaji) vào thành Vương Xá khát thực. Xá Lợi Phất trên đường đi đến rừng khỏ-hạnh thì gặp Trưởng lão. Vừa thoáng thấy ngài, Xá Lợi Phất tự nhủ:

- Ta chưa bao giờ thấy một tu sĩ nào hiền hòa uy nghi như thế. Ngài chắc là đã chứng quả A la hán hoặc trên đường tiến đến quả vị đó. Ước gì ta được thân cận bên ngài! Ngài xuất gia với ai? Ai là thầy của ngài? Ngài theo giáo thuyết nào?

Nhưng rồi Xá Lợi Phất liền nghĩ:

- Bây giờ không phải là lúc tham vấn vị tu sĩ này. Ngài đang khát thực. Ta nên lặng lẽ theo sau ngài. Những ai muốn làm môn đồ đều phải tinh nguyện dõi theo từng bước chân đi của Thầy.

Khát thực xong, Trưởng lão A-xa-ji định ngồi dưới một tàng cây thọ thực. Xá Lợi Phất vội tiến ra phía trước, thi lễ và xin được phép trải tọa cụ hầu

ngài. Xong bữa, Xá Lợi Phát dâng nước cho Trưởng lão và sau đó bày tỏ niềm hân hoan tiếp chuyện với ngài. Xá Lợi Phát tán thán:

- Thưa sư huynh, thân tướng của sư huynh trông thanh tịnh trang nghiêm làm sao! Sắc diện của sư huynh sao mà hồng hào trong sáng thế! Sư huynh xuất gia với ai? Ai là Thầy của sư huynh? Sư huynh theo giáo thuyết nào?

Trưởng lão A-xa-ji tỵ nghĩ:

- Các vị du sĩ thường không mấy thân thiện với đạo giáo của ta. Ta sẽ chứng tỏ cho vị du sĩ này nhận ra chỗ thâm diệu, uyên áo của giáo pháp Phật đà.

Ngài tỏ vẻ khiêm tốn:

- Thưa huynh, tôi mới xuất gia tu học, hãy còn là một tu sĩ tập sự, chưa tiếp cận được nhiều với giới luật kinh văn; do đó, khó mà lý giải giáo pháp một cách tường tận.

- Thưa sư huynh, bản đạo là Xá Lợi Phát, xin sư huynh giảng giải ít nhiều gì cũng được. Bản đạo có thể nhận ra yếu nghĩa bằng trăm ngàn cách.

Trưởng lão A-xa-ji vừa đọc câu thứ nhứt trong bài kệ bốn câu:

- Các pháp do duyên sanh...

Đôi mắt của Xá Lợi Phát bỗng dung sáng lên, miệng mỉm cười và trực nhận được lý duyên sanh của vạn hữu. Để nhấn mạnh ý nghĩa của giáo pháp, Trưởng lão đọc hết bài kệ:

Các pháp do duyên sanh,

Lại cũng do duyên diệt,

Thầy ta là Đức Phật,

Thường thuyết giảng như vậy.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Xá Lợi Phát hỏi:

- Bạch Trưởng lão, Thầy của chúng ta hiện giờ ở đâu?

- Tại tu viện Trúc Lâm, thưa huynh.

- Thế thì mời Trưởng lão về trước. Bản đạo còn một người bạn đã từng giao ước với nhau rằng ai tìm ra chánh đạo, người ấy phải báo cho người kia biết. Bản đạo sẽ đưa người bạn đó đến xin quy y với Đức Thế Tôn và xin được hân hạnh cùng tu tập với Trưởng lão.

Nói xong, Xá Lợi Phát sụp lạy dưới chân Sa môn A-xa-ji, đi ba vòng quanh ngài theo chiều kim đồng hồ, rồi ngỏ lời tạm biệt ngài để về gặp Mục Kiền Liên.

Thấy Xá Lợi Phát từ xa đi lại, Mục Kiền Liên lòng hân hoan phơi phới và tự nhủ:

- Hôm nay nét mặt của bạn ta sao mà tươi sáng thế! Chắc là Xá Lợi Phát đã tìm ra chánh đạo. Mục Kiền Liên hỏi ngay và được Xá Lợi Phát đáp:

- Vâng, thưa huynh! Tôi đã tìm ra chánh đạo, tôi đã nhận ra diện mục của bất tử vô sanh.

Xá Lợi Phát vừa đọc xong bài kệ của Trưởng lão A-xa-ji thì Mục Kiền Liên hỏi ngay:

- Thế... Thầy của chúng ta hiện giờ ở đâu?

- Tại tu viện Trúc Lâm.

- Vậy thì chúng ta cùng đến diện kiến Ngài.

Để tỏ lòng biết ơn Thầy cũ, Xá Lợi Phát và Mục Kiền Liên đến thăm đạo sĩ Xan-ja-da với dụng ý thuyết phục ông theo họ đến quy y Phật. Nhưng vừa thấy hai người, Xan-ja-da cất tiếng hỏi:

- Xin chào, hai bạn tu hành đắc đạo rồi chứ?

- Vâng, thưa Thầy! Chúng tôi đã thấy Đức Thế Tôn xuất hiện trên đời. Chánh pháp đã được thuyết giảng và giáo hội đã được thành lập. Thầy đang làm một cuộc hành trình phi chân, vô vọng. Hãy theo chúng tôi đến cầu đạo Đức Thế Tôn. Chúng tôi khuyên Thầy với lòng chân thành cảm mến.

- Các bạn đi đi, ta không thể!

- Vì sao?

- Ta đã là đạo sư thuyết giảng trước bá quan vạn dân, nay bỗng dung làm đồ đệ, chuyện đó khôì hài và phi lý lắm! Ta không thể nào làm cái chuyện bê nước pha trà cho Thầy nữa.

Thưa Thầy, hiện nay biết bao vua chúa thần dân cung kính cúng dường Đức Thế Tôn.

- Các bạn nghĩ xem, trên thế gian này số người nào đông hơn, hạng ngu si hay giới thông thái?

- Thưa Thầy, hạng ngu si thì nhiều, giới thông thái thì ít.

- Vậy thì hãy để cho những ai thông thái đến với Gô-ta-ma, còn bọn ngu si thì hãy lại đây với kẻ đàn độn này. Các bạn đi đi, ta không đi đâu cả!

- Chúc Thầy khỏe mạnh và rạng danh đạo sĩ!

Xá Lợi Phát và Mục Kiền Liên đi rồi, đồ chúng của Xan-ja-da liền tan rã. Thấy môn đệ ly tán, cảnh vật điêu tàn, Xan-ja-da uất ức ho lên mấy tiếng và

máu trong miệng ông vọt ra xối xả. 500 du sĩ đi với Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên được một đoạn thì 250 vị quay gót trở về với Xan-ja-da, còn 250 vị thì tiếp tục theo Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến tu viện Trúc Lâm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp giữa đại chúng, thấy hai du sĩ từ xa đi lại, Ngài dang tay, nói:

- Này các thầy Tỳ kheo, hai bạn Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến kìa, hỡi hai đệ tử vĩ đại của ta!

Hai vị du sĩ đánh lễ Đức Thế Tôn và thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đến đây với mục đích duy nhất là xin được xuất gia tu học với đại chúng. Mong Thế Tôn từ bi chấp thuận cho chúng con. Namo Sakya Muni Buddha!

Đức Thế Tôn nói:

- Hãy đến đây, này các thầy Tỳ kheo! Chánh pháp đã được thuyết giảng một cách tốt đẹp. Hãy sống đời phạm hạnh. Sống đời phạm hạnh thì hết sạch khổ đau.

Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên liền có y bát như hai vị Trưởng lão đã tu hành cả trăm năm.

Với sự hiện diện của hai vị đại đệ tử này, chánh pháp được thuyết giảng mỗi ngày một thêm lan rộng, mặc dù Mục Kiền Liên sau bảy ngày và Xá Lợi Phất sau mười bốn ngày quy y thọ giới mới chứng đạt thánh quả và thành tựu trí tuệ viên mãn.

Một hôm, nhân lúc thuyết giảng về lý vô thường, vô ngã và duyên sinh, Đức Thế Tôn hỏi Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên vì sao từ giã giáo thuyết và phương pháp tu hành của Xan-ja-da, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên thuật lại quá trình thao thức kiếm tìm chân lý, đặc biệt là đụng phải tà kiến, hoài nghi, bất tín nhân quả của Xan-ja-da. Đức Thế Tôn mỉm cười, đọc kệ:

Phi chân tưởng chân thật,

Chân thật thấy phi chân.

Ai ôm ấp tà vọng,

Không bao giờ đạt chân.

Chân thực biết chân thực,

Phi chân biết phi chân,

Ai nuôi dưỡng chánh hạnh,

Ắt hẳn đạt được chân.

(PC. 11, 12)

TÂM RỘNG RANG THANH TỊNH ẮT AN ĐỊNH NỘI TÂM

Sau khi chuyển vận bánh xe chánh pháp, Đức Thế Tôn lui về Vương Xá và an trú tại Trúc Lâm. Phụ thân Ngài, quốc vương Tịnh Phạn, phái chín sứ thần đến gặp Ngài, thỉnh Ngài về cung, nhưng cả chín đều xuất gia theo Thế Tôn, chừa quả A la hán và không về hoàng triều nữa. Cận thần Ka-la U-đa-di (Kàla Udàyi) là người thứ mười, được quốc vương tin yêu nhất, nhận lãnh sứ mạng cung thỉnh Thế Tôn nhưng cũng không về. U-đa-di khoác áo Sa môn và cũng chừa quả A la hán.

Một hôm, thấy thời tiết êm dịu, khí hậu mát mẻ, rất thuận lợi cho Thế Tôn và đệ tử về thăm hoàng triều, U-đa-di đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã đến lúc Thế Tôn nên về thăm phụ hoàng, thân quyến và dân thành Ca-tỳ-la Vệ. Tất cả đang mong chờ Ngài.

Đức Thế Tôn chấp thuận, và cùng với hàng ngàn môn đệ tháp tùng, Ngài lên đường về thăm thành đô vào một ngày nắng vàng rực rỡ.

Về tới hoàng thành, Ngài và phái đoàn được hoàng thân quốc thích và bá quan văn võ long trọng đón tiếp trong tiếng khóc cười chứa chan hoài cảm. Sau đó mọi người đều được tắm mình trong cơn mưa pháp thanh bình. Quốc vương Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề đều nhận ra yếu chỉ, liền quy y Phật và thọ trì giáo pháp.

Ngày hôm sau, trong khi cả nhà đang nô nức tổ chức hôn lễ cho hoàng tử Nan Đà (Nanda) thì Đức Thế Tôn đến khát thực. Ngài đặt chiếc bình bát của Ngài trong tay Nan Đà và chúc chàng gặp nhiều may mắn. Sau đó Ngài đứng lên, ra đi mà không quay nhìn chiếc bình bát. Với lòng tôn kính Như Lai, Nan Đà không dám nói gì, cứ lặng lẽ ôm bát theo sau Ngài.

Bấy giờ có người đến báo với Ja-na-pa-đa Ka-ly-a-ni (Janapada Kalyani), vị hôn thê của Nan Đà, rằng:

- Công nương ơi, Đức Thế Tôn đã đem Nan Đà đi rồi, Ngài cố tình cướp đoạt chàng đấy!

Ja-na-pa-đa Ka-ly-a-ni giật mình hoảng hốt, cầm đầu cầm cổ chạy theo Nan Đà với hai hàng nước mắt rờn rờn, và lớn tiếng gọi:

- Hoàng tử ơi, về ngay nhé!

Âm vang của nàng đã làm choáng váng đầu óc và rung động tâm can Nan Đà, nhưng Đức Thế Tôn vẫn lặng lẽ dẫn chàng về tu viện. Sau đó Ngài hỏi:

- Nan Đà, em muốn làm Sa môn không?

Vì lòng kính trọng Đức Thế Tôn, Nan Đà đáp đại:

- Em rất muốn, thưa tôn huynh.

- Vậy thì hay quá! Hãy ở lại đây tu học với đại chúng.

Và thế là sau ba ngày về thăm kinh thành Ca-tỳ-la Vệ, Đức Thế Tôn đã hóa độ Nan Đà khoác áo Sa môn.

Đến ngày thứ bảy, Da Du mặc y phục sang trọng cho La Hầu La (Rahula) rồi ôm con vào lòng dạy rằng:

- Con à, hãy đến gặp vị Sa môn kia, cha của con đó! Hãy nói con là thái tử dòng Thích Ca, chẳng bao lâu nữa con sẽ nối nghiệp hoàng gia, trị vì thiên hạ và mở mang xã tắc. Cha ơi, xin cha trả lại di sản cho con, cái di sản mà đã một thời nằm trong tay của cha đó!

Chờ cho Đức Thế Tôn thọ trai xong, La Hầu La đến đứng bên Ngài thỏ thẻ:

- Hạnh phúc thay cho con đứng trong vòng tay ấm áp của cha.

Thản nhiên, Đức Thế Tôn hồi hướng công đức, đứng lên và ra đi. Thái tử La Hầu La lẽo đẽo theo sau Ngài, chốc chốc lại nói:

- Thưa cha, xin cha trả lại di sản cho con.

Đức Thế Tôn vẫn im lặng đếm từng hơi thở theo nhịp bước thiền hành. Và La Hầu La cũng theo Ngài từng bước về đến Trúc Lâm. Sau đó Đức Thế Tôn chợt nghĩ:

- Cái di sản phụ tử mà La Hầu La tìm kiếm hẳn là mang sẵn mầm mống suy tàn, hủy diệt. Ta sẽ trao cho La Hầu La cái di sản cao quý mà ta đã đạt được dưới cội Bồ đề. Ta sẽ giáo dục La Hầu La trực nhận cái di sản siêu việt đó.

Đức Thế Tôn cho mời trưởng lão Xá Lợi Phất đến, nói:

- Xá Lợi Phất, hãy giúp ta giáo dục La Hầu La trở thành Sa môn.

Và thế là La Hầu La được nhận vào giáo hội, còn quốc vương Tịnh Phạn thì đau khổ vô vàn. Ngài bày tỏ nỗi niềm đau buồn, thương nhớ với Đức Thế Tôn và ngỏ lời thỉnh nguyện:

- Bạch Thế Tôn, từ nay về sau xin Ngài đừng nhận ai vào giáo hội nếu không có sự đồng ý của cha mẹ họ. Đừng để họ phải đêm đêm trần trọc khóc thầm như trẫm đã từng héo hon thương nhớ con cháu của trẫm.

Đức Thế Tôn chấp tay với nụ cười chứa chan thông cảm.

Sau đó Ngài về Xá Vệ và an trú tại Kỳ Viên. Bấy giờ Nan Đà hơi bất mãn, bộc lộ những điều phiền não ẩn tàng của mình với một số huynh đệ:

- Các thầy biết đấy, tôi chán quá! Cuộc đời tu hành đôi lúc thấy đơn điệu và tẻ nhạt làm sao! Chắc tôi phải về lại với nếp sống gia đình.

Nghe lời than trách, Đức Thế Tôn cho gọi Nan Đà đến hỏi và được thầy ấy đáp:

- Thưa tôn huynh, hình ảnh cực kỳ diễm lệ của Ja-na-pa-đa Ka-ly-a-ni cứ ngày đêm hành hạ tâm trí em. Anh ơi, anh là tôn huynh của em, xin anh hãy cho em về! Em về thì phụ hoàng vui, mẫu hậu vui, vợ em vui, hoàng thân quốc thích vui, bá quan văn võ vui, quốc dân đồng bào vui, cả anh cũng vui nữa... hà-hà!...

Chẳng nói chẳng rằng, Đức Thế Tôn nắm tay Nan Đà, bằng thần thông diệu lực, Ngài đưa sư đến tầng trời thứ Ba mươi ba. Và trên đường đi, Đức Thế Tôn chỉ cho Nan Đà thấy một con khỉ đói gớm ghiếc, đã bị lửa cháy sém tai sém mặt và mất cả đuôi, đang ngồi trơ vợ trên một gốc cây đen nám giữa cánh đồng xám xịt tro than. Khi lên đến tầng trời thứ Ba mươi ba, Ngài lại chỉ cho Nan Đà thấy 500 tiên nữ duyên dáng thướt tha trong những bộ xiêm y rực rỡ đang lui tới hầu hạ thiên chủ Đế Thích (Sakka). Sau đó Ngài hỏi:

- Này Nan Đà, cô vợ mà ông cho rằng yếu diệu thực nữ đó so với các tiên nữ ở đây ai đẹp hơn ai?

- Bạch Thế Tôn, dung nhan của Ja-na-pa-đa Ka-ly-a-ni chỉ đẹp hơn con khỉ khốn nạn giữa cánh đồng trơ trụi dưới kia chứ không thể nào sánh bằng nhan sắc của các tiên nữ ở đây.

- Hay thay, Nan Đà! Ta đoán chắc rằng ông cũng sẽ được những cô tiên nữ như thế.

- Bạch Thế Tôn, nếu Ngài bảo đảm như vậy thì con nguyện tinh tấn tu hành, nhiếp tâm chánh hạnh.

Sau đó Đức Thế Tôn và Nan Đà trở về Kỳ Viên.

Chẳng mấy chốc, đại chúng hay tin và một số Sa môn nhạy miệng châm biếm:

- Sư Nan Đà, bào đệ của Đức Thế Tôn, nay hạ thủ công phu, an tâm lập mệnh chỉ vì muốn chiếm đoạt 500 tiên nữ chứ chẳng phải hảo tâm thiện chí gì. Tội nghiệp và khốn khổ lắm thay!

Nan Đà vẫn an nhiên tự tại, nỗ lực tiến tu, toàn tâm toàn ý trên bước đường vun trồng đạo nghiệp, và cuối cùng thầy chứng quả A la hán.

Một hôm Nan Đà đến hầu chuyện với Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin trả lại lời hứa của Ngài trước kia. Con không quan tâm đến 500 tiên nữ nữa.

- Hay thay, Nan Đà! Đức Thế Tôn nói. Thầy nào sống rộng rang thanh tịnh, cần mẫn chuyên tu, nhứt tâm quán niệm; thầy ấy sẽ sớm diệt trừ vọng tưởng điên đảo, thành tựu trí tuệ siêu việt và đạt đến cứu cánh niết bàn.

Thấy Nan Đà mỗi ngày một thêm linh hoạt, vui tươi, tướng hảo, nhất là không hề than phiền hay tỏ vẻ khó chịu trước những lời châm chọc thái quá, một số Sa môn hơi nông nổi kia đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, thầy Nan Đà đạo này trông thật là đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan, lại thuyết giảng thao thao, quán thông kinh điển, khác với tâm trạng bi quan thất vọng trước kia.

Đức Thế Tôn mỉm cười trong giây lát, đoạn Ngài nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, cá tính của Nan Đà trước kia cũng giống như ngôi nhà vụng lợp, nhưng nay thì cá tính ấy đã giống như ngôi nhà khéo lợp. Kể từ lúc gặp tiên nữ, thầy ấy đã quyết chí tu hành, nhứt tâm thiền quán, và tất nhiên là thầy ấy đã thành tựu công hạnh, thầy ấy đã chứng quả A la hán.

Ngài đọc kệ:

Như ngôi nhà vụng lợp,

Nước mưa len lỏi vào,

Tâm không tu cũng vậy,

Tham dục rỉ rả vào.

Như ngôi nhà khéo lợp,

Nước mưa không thấm vào,

Tâm khéo tu cũng vậy,

Tham dục khó lọt vào.

(PC. 13, 14)

NHÂN QUẢ XƯA NAY VỐN NHÃN TIỀN VUNG TAY TẠO TỘI KHỔ TRIỀN MIÊN

Cun-đa (Cunda) sinh sống bằng nghề mổ lợn trong suốt 55 năm và được mệnh danh là tay đồ tể dạn dày kinh nghiệm. Thoáng nhìn qua con heo là ông biết ngay nó khoảng bao nhiêu ký, mắc bệnh hay khỏe mạnh, thịt nạc nhiều hay thịt mỡ nhiều v.v... Ông dành một khoảng đất trống khá rộng phía sau nhà, rào chắn cẩn thận, thả heo vào đó và nuôi chúng bằng đủ loại thức ăn, kể cả chất thải của con người.

Khi nào muốn giết lợn, ông buộc chặt con heo vào một cột trụ, dùng một khúc cây quất nó cho da thịt phồng lên và mềm ra. Sau đó ông banh miệng heo, nhét vào đó một cái nêm và đổ nước sôi vào. Nước sôi sẽ vào bụng heo, ngấm vào ruột non ruột già, làm lỏng phân giải và tổng các chất cặn bã theo đường hậu môn ra ngoài. Bao lâu nước thải còn đục là ông còn tiếp tục đổ nước sôi vào miệng heo. Làm như vậy cho đến khi nào nước trong bụng heo thải ra trong sạch mới thôi.

Phần nước sôi còn lại ông đem đổ trên lưng heo cho bong hết lớp da đen đúa, rồi dùng một bó đuốc thui cháy hết lông, cắt đầu, lấy máu trét khắp thân heo, sau đó quay nó trên lửa cho thật chín rồi cùng vợ con ngồi lại bên nhau đánh chén. Nếu thịt còn thừa thì ông đem ra chợ bán. Ông sinh sống như vậy trong suốt 55 năm mà không hề thân thiện hay quà cáp cho ai chút gì, ngay cả Đức Phật ở tại một tịnh xá gần làng mà ông cũng không bao giờ lui tới hay cúng dường Ngài một vốc gạo, một cành hoa! Ông sống keo kiệt, làm lười; chỉ biết đến vợ con và gia đình mình.

Rồi một hôm, ông bị căn bệnh hiểm nghèo ập đến, dày vò hành hạ ông cả ngày lẫn đêm. Ông chỉ cầu mong sao cho sớm trút hơi thở cuối cùng, nhưng không được. Ông đau đớn quần quai và lửa dữ cứ phùng phùng hùng hực trước mắt ông. Ông cảm thấy đầu óc bị quay cuồng bởi những tiếng kêu la thất thanh eng éc, tay chân tê buốt như bị trói chặt, ruột gan nóng rát như bị thiêu đốt và đứt ra từng đoạn. Ông lẫn lộn, vật vã, tru tréo; rồi bỗng dưng ông chồm dậy, trợn mắt, nhe răng, gậm gừ, chấp nuốt như heo và bò đi lồm ngồm, xiêu vẹo khắp sàn nhà. Chốc chốc ông lại húc đầu vào tường và kêu lên the thé như tiếng heo sấp tất thờ. Người nhà cố giữ ông lại, kẻ thì bịt miệng, người thì cột tay chân và bấy giờ trông ông giống như một con heo bị trói nằm trên sàn.

Vừa thương, vừa sợ, vừa cảm thấy tội nghiệp cho cha ông của mình, con cháu trong nhà luân phiên túc trực, đóng cửa cài then, canh phòng nghiêm mật, để cho ông được tự do bò tới bò lui trong nhà và mặc sức gậm gừ tru tréo. Đến ngày thứ bảy, ông lăn đùng ra chết và bị đọa vào địa ngục A tỳ.

Một số Sa môn, trên đường khát thực, ngày ngày đi ngang qua nhà Cun-đa, thấy cửa ngõ kín mít nhưng trong nhà thì ồn ào với tiếng heo kêu eng éc, bèn đến gặp Đức Thế Tôn và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, trong bảy ngày qua, cửa ngõ căn nhà của đồ tể Cun-đa đóng kín mít, nhưng trong nhà họ vẫn tiếp tục mổ heo, chắc là ông ta sắp mở tiệc lớn. Bạch Thế Tôn, biết bao nhiêu heo đã bị giết chết! Rõ ràng là ông ta không có một chút thiện tâm, nhân ái gì cả! Chưa thấy ai dã man, tàn ác như ông ấy.

- Nay các thầy Tỳ kheo, Đức Thế Tôn nói, nhân nào thì quả nấy; sự trừng phạt nào cũng phù hợp với hành động quá khứ của mỗi người. Ngay khi còn sống, Cun-đa cũng đã bị thiêu đốt bởi ngọn lửa hung tàn của nghiệp lực. Do vậy mà ông phải bò tới bò lui, xiêu xiêu vẹo vẹo, té lên té xuống và gầm gừ rên rỉ trong bảy ngày liền. Hôm nay ông ấy già từ dương thế, thì lại bị đày thai vào địa ngục A tỳ.

- Bạch Thế Tôn, các Sa môn nói, Cun-đa đã bị đau khổ ở đời này, nhưng khi tái sinh ở nơi khác cũng bị đau khổ nữa sao?

- Đúng vậy! Nay các thầy Tỳ kheo, những ai buông lung phóng dật, keo kiệt ác tâm, tu sĩ hay cư sĩ cũng bị điều linh khốn khổ ở hai nơi như nhau.

Ngài đọc kệ:

Nay buồn, đời sau buồn,

Làm ác hai đời buồn,

Hấn u buồn, tàn tạ,

Thấy ác nghiệp mình luôn.

(PC. 15)

Phần 3 - LỜI KINH QUÁN NIỆM NGÂN VANG CHÁNH TÍN TAM BẢO THOÁT VÒNG TRẦM LUÂN

Thuở nọ, tại Xá Vệ có 500 Phật tử thuần thành, chánh trực. Mỗi vị có 500 thân hữu rất mực tin yêu và giúp đỡ nhau trong cuộc sống cũng như trên bước đường tu học. Vị Phật tử cao niên và uy tín nhất sanh được bảy người con trai và bảy người con gái. Họ rất hảo tâm và giàu lòng bố thí. Gia đạo của họ mỗi ngày một thêm hưng thịnh, hạnh phúc. Họ làm ăn càng phát đạt bao nhiêu thì họ càng chánh tín Tam bảo bấy nhiêu, và họ coi việc bố thí

người nghèo, giúp đỡ người khó, hộ trì Phật pháp là nghĩa vụ thiêng liêng đối với họ.

Một hôm, vị Phật tử cao niên và thâm tín chư Phật ngã bệnh. Thấy sức khỏe mỗi ngày một yếu, sinh lực mỗi ngày một khô và thọ mạng mỗi ngày một giảm, ông gọi lời đến Đức Thế Tôn, cung thỉnh mười sáu vị Sa môn đến nhà ông tụng kinh, thuyết pháp cho ông nghe. Đức Phật chấp thuận, và mười sáu thầy tức khắc đến thăm hỏi và ngồi quanh giường bệnh chuẩn bị khai kinh, thuyết pháp. Ông nói:

- Kính bạch chư tôn đức, thật là vạn hạnh cho con được thân cận và gặp gỡ quý thầy. Con yếu lắm rồi! Cái chết đang cận kề bên con. Kính mong quý thầy từ bi tụng cho con nghe một thời kinh ngắn gọn.

- Đạo hữu muốn nghe thời kinh gì? - Một trưởng lão hỏi.

- Xin quý thầy cho con nghe thời kinh Quán niệm (Satipatthana Sutta), thời kinh cúng dường chư Phật đó.

Các Sa môn bắt đầu tụng những lời kinh quen thuộc: “Chỉ có một con đường, này các thầy Tỳ kheo, đây là con đường duy nhất đưa chúng sanh đến bến bờ giải thoát ...”

Ngay lúc đó có sáu cỗ xe được trang hoàng lộng lẫy do một ngàn tuấn mã kéo, nối dài một trăm năm mươi dặm từ sáu thiên giới hiện đến. Trên mỗi cỗ xe đều có một thiên thần đứng uy nghiêm trong thế nghinh đón. Họ đều cất tiếng thỉnh nguyện:

- Xin cung nghinh ngài lên thế giới chư thiên, nơi thọ hưởng phước điền, an vui hạnh phúc của những chúng sanh đã bao đời vun trồng phước thiện.

Không muốn bị gián đoạn nghe Pháp, vị đạo hữu chánh tín Tam bảo kia đưa tay ra hiệu, nói:

- Khoan, khoan!

Tưởng là ông yêu cầu ngưng tụng kinh, các Sa môn liền dừng lại. Thế là con trai con gái của ông òa lên khóc, than rằng:

- Trước đây cha chúng con chưa bao giờ được nghe Pháp trọn vẹn, nay được quý Trưởng lão cho văn Kinh thánh Pháp thì đột nhiên bảo dừng lại. Thật là thiếu duyên thiếu phước, tội nghiệp cho cha chúng con quá! Nhưng xét cho cùng, không ai là người không sợ chết.

Các Sa môn nhìn nhau, nói:

- Vậy là nhân duyên chưa hội ngộ, chúng ta đâu còn thì giờ và lý do ở lại đây.

Họ đứng lên, ngỏ lời cáo từ và ra về.

Sau một lúc, vị đạo hữu hồi tâm, hỏi các con:

- Vì sao các con khóc?

- Cha ơi! - Chúng nói - Cha thỉnh quý Trưởng lão đến tụng Kinh thuyết Pháp, rồi bỗng dưng cha bảo các ngài dừng lại. Chúng con khóc là vì rốt cuộc thì không ai là người không sợ chết.

- Thế các bậc tôn đức hiện giờ ở đâu?

- Các sư bảo rằng nhân duyên chưa tròn, không còn thời giờ và lý do lưu lại nên họ đã ra về hết rồi!

- Trời ơi! Cha đâu có nói gì với quý thầy.

- Vậy chứ cha nói chuyện với ai?

- Sáu vị thiên thần đứng trên sáu cỗ xe cực kỳ lộng lẫy từ sáu thiên giới đến trụ giữa hư không nói với cha rằng:

- Xin cung thỉnh ngài lên thiên giới, xin cung thỉnh ngài lên thiên giới. Cha nói chuyện với chư thiên đấy.

- Thế các cỗ xe đâu, thưa cha? Chúng con nào có thấy gì!

- Các con có thể cho cha một vòng hoa?

- Vâng, thưa cha!

- Các con biết cảnh giới nào an lạc nhất?

- Cảnh Cực lạc, tức cõi Tịnh độ (Tusita), thưa cha, nơi an trụ của hằng hà sa số phụ mẫu chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

- Thế thì hãy tung vòng hoa này lên, và xin nguyện vòng hoa gắn vào cỗ xe từ cảnh giới Cực lạc đến.

Các con làm theo lời cha, và vòng hoa kia gắn vào cỗ xe đong đưa giữa hư không. Mọi người đều thấy vòng hoa phát phơ theo gió nhưng không thấy cỗ xe. Vị đạo hữu nói:

- Các vị có thấy vòng hoa không?

- Vâng, chúng tôi có thấy.

- Vòng hoa đang gắn vào cỗ xe từ cảnh Cực lạc đến đó. Ta sắp về cõi Tịnh độ đây. Đừng bịn rịn đau buồn nhé! Nếu quý vị muốn sanh về thế giới Cực lạc với ta thì hãy tạo nhiều công đức phước thiện như ta vậy.

Nói xong, ông đưa tay ra hiệu cáo biệt mọi người và đôi mắt của ông từ từ khép lại. Ông đã để lại cho đời biết bao phước điền ân ích.

Khi các Sa môn về tới tu viện, Đức Thế Tôn hỏi:

- Này các thầy Tỳ kheo, vị đạo hữu đó có chí tâm nghe các thầy tụng Kinh thuyết Pháp không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn. Nhưng đến giữa chừng ông ta bỗng dừng đưa tay bảo: “Khoan, khoan!” nên chúng con dừng lại. Sau đó đám con của ông khóc òa lên, và chúng con thấy phải cáo từ ra về là hợp lý.

- Này các thầy Tỳ kheo, ông ấy đâu có nói gì với các thầy. Sáu thiên thần đứng trên sáu cỗ xe lộng lẫy từ sáu cõi chư thiên đến rước ông ấy về thế giới Cực lạc, ông ấy không muốn thời Kinh bị gián đoạn nên yêu cầu chư thiên: “Khoan khoan!”

- Đúng vậy sao, bạch Thế Tôn?

- Đúng vậy!

- Hiện giờ ông ấy được sanh về đâu, bạch Thế Tôn?

- Hẳn là về thế giới Cực lạc.

- Bạch Thế Tôn, trước đây ông ấy sống an vui hạnh phúc giữa gia đình và bà con quyến thuộc, nay ông ấy lại được sanh về cõi Tịnh độ và tiếp tục vui hưởng thanh bình.

- Đúng như vậy, này các thầy Tỳ kheo. Những ai tinh cần cẩn trọng, chánh hạnh đoan nghiêm, dù tu sĩ hay cư sĩ cũng được thái hòa an lạc ở hai nơi.

Ngài đọc kệ:

Nay vui, đời sau vui,

Làm phúc hai đời vui,

Hẳn an vui, hoan hỷ,

Thấy tịnh nghiệp mình nuôi.

(PC. 16)

VỪA MANH TÂM PHẢN PHÚC LIÊN ĐỨC KẾT OAN KHIÊN

Thuở nọ, Đức Thế Tôn theo lời cung thỉnh của vua Tần Bà Sa La (Bimbisàra), khởi cuộc hành trình từ Xá Vệ đến Vương Xá. Đi được nửa đường, Ngài dừng chân tại một thị trấn để giáo hóa dân chúng địa phương. Nhiều người đã theo Ngài xuất gia học đạo. A Nậu Lô Đà (Anuruddha),

một vương tử dòng Thích Ca, thấy bàn dân thiên hạ theo Thế Tôn tu hành và giải thoát khá đông, bèn xin mẹ xuất gia theo Ngài. Bà một mực từ chối, nhưng A Nậu Lô Đà cứ van xin mãi, cuối cùng bà nói:

- Nếu quốc vương Bạt Đề (Bhaddiya), bạn thân của con, xuất gia làm Sa môn thì mẹ cũng chiều theo ý con.

Thế là A Nậu Lô Đà đến gặp Bạt Đề, nhờ to tâm sự:

- Anh thấy đấy, chúng mình là hoàng thân quốc thích, dòng họ Thích Ca, vậy mà chả có mộng nào dám từ bỏ quyền quý cao sang, lên đường theo Thế Tôn học đạo. Trong khi hào quang của Ngài đang tỏa khắp nơi thì chúng ta vẫn còn lủi thủi trong rừng núi vô minh, đêm trường dày đặc, nghĩ mà xấu hổ!

Nghe bùi tai, Bạt Đề cùng A Nậu Lô Đà đến thuyết phục A Nan (Ānanda), Ba-gu (Bhagu), Kim Tỳ La (Kimbila), và Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), tất cả đều quyết tâm giã từ kinh thành, theo Thế Tôn xuất gia, cầu đạo giải thoát.

Trên đường tâm sư học đạo, họ gặp Ưu Ba Ly (Upāli), một gã hớt tóc, và biếu hết ngọc ngà châu báu cho ông. Biết họ là những công tôn vương tử thuộc dòng quý tộc, Ưu Ba Ly quỳ mọp dưới chân họ van xin từ chối, nhưng họ nói:

- Ở kia! Chúng tôi thật tình biếu hết báu vật này cho anh. Chúng tôi không cần những thứ này nữa. Chúng tôi đang trên đường đến gặp Đức Thích Ca Mâu Ni và xin Ngài xuất gia học đạo.

Ưu Ba Ly tay nâng châu báu mà mắt ngó trân trân các vị vương tử. Họ vẫy tay, cười chào và tiếp tục lên đường. Một lát sau, Ưu Ba Ly tự nghĩ:

- Công danh cái thế, quyền lực ngút trời mà họ còn vất đi như ném bó ra khô, huống nữa là thân phận hèn mọn và cái quán ọp ẹp của mình. Không, đừng điên rồ mà vương vào cái của nợ này!

Ưu Ba Ly máng hết báu vật lên cành cây rồi cùng theo họ đến gặp Đức Thế Tôn và được nhận vào giáo hội đầu tiên. Về sau, Ưu Ba Ly trở thành một trong mười vị đệ tử vĩ đại của Phật, nổi danh về hạnh giữ giới. Sáu vị kia cũng đạt được thánh quả A la hán. Riêng Đề Bà Đạt Đa, vừa được thần thông thì đã hiu hiu tự mãn.

Một hôm, các Phật tử đến Kiền Thường Di (Kosambi) thăm viếng, cúng dường lễ vật cho Đức Thế Tôn và các Trưởng lão như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Bạt Đề, A Nậu Lô Đà, A Nan, Ba-gu, Kim Tỳ La v.v... Thấy không ai nhắc đến tên mình, Đề Bà Đạt Đa trong lòng cay cú, âm ức:

- Ta cũng dòng võ tướng, cũng giai cấp cao sang, cũng xuất gia một ngày, cũng đạt được trí tuệ, vậy mà không ai thèm điếm xỉa đến danh tánh. Khinh ta há! Rồi các người sẽ biết!

Sau đó một ý nghĩ oan nghiệt chợt đến với Đề Bà Đạt Đa : triệt hạ quốc vương Tần Bà Sa La, đệ tử trung kiên của Đức Thế Tôn, và ám sát Phật để thống lãnh Tăng đoàn.

Biết A Xà Thế (Ajatasattu), nghịch tử của quốc vương Tần Bà Sa La, là một thanh niên nhẹ dạ, ham danh và mù quáng, Đề Bà Đạt Đa cải dạng thành một dị nhân, đầu mình tay chân quần đầy rắn độc, từ trên không hiện xuống ngồi vào lòng A Xà Thế. Thất kinh, A Xà Thế chấp tay với giọng nói run run:

- Xin thưa ... ngài là ai?

- Thái tử không nhận ra bản đạo sao? Đề Bà Đạt Đa vừa đáp vừa đứng dậy và hiện nguyên hình Sa môn với ca sa bình bát đầy đủ.

Lòng thâm thán phục, A Xà Thế liền kết thân với Đề Bà Đạt Đa và hứa cùng nhau thực hiện mưu đồ.

Một hôm, Đức Thế Tôn đang thuyết giảng giữa đại chúng, Đề Bà Đạt Đa từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đánh lễ Ngài và thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Ngài nay tuổi cao sức yếu, khó khăn lắm mới điều khiển nổi Tăng đoàn. Thế Tôn nên an thân lập mệnh theo giáo pháp thượng thừa mà Ngài đã chứng đạt, còn giáo hội, xin hãy để đó cho bản tăng.

Đức Thế Tôn im lặng không trả lời, sau đó bảo Xá Lợi Phất thông báo cho đại chúng và Phật tử thành Vương Xá biết rằng Đề Bà Đạt Đa muốn thống lãnh Tăng đoàn; và, từ nay về sau, giáo hội không chịu trách nhiệm về hành vi ngôn ngữ của sư ấy nữa.

Uất ức về lời thông báo của Đức Thế Tôn, Đề Bà Đạt Đa quyết tâm thực hiện mưu đồ lãnh tụ. Y đến gặp A Xà Thế và trở tài thuyết phục:

- Nay! Thái tử thấy đây, chúng ta đang sống trong một thời đại nhiễu nhương, những bậc hiền tài đáng ngôi thiên tử thì phải sống dờ chết mòn hay trọn đời làm tôi vào luồn ra cúi chứ không bao giờ được lên ngôi để cứu dân cứu nước. Đời người quả thật mong manh, thọ mạng của phụ vương ngài làm tôi lo cho ngài không ít. Nào! Hãy ra tay dứt điểm. Do dự là đại nghiệp bất thành. Hãy thanh toán phụ hoàng càng nhanh càng tốt, còn bản mạng của Gô-ta-ma thì để ta hạ thủ. Được như vậy là vạn phúc cho sơn hà xã tắc và quần chúng nhân dân.

Như bị thôi miên bởi quyền lực và địa vị, A Xà Thế soán ngôi và hành hình vua cha trong ngục tối.

Cậy quyền A Xà Thế, Đề Bà Đạt Đa quyết tâm triệt hạ Đức Thế Tôn. Y thuê một nhóm côn đồ đến ám sát Ngài, nhưng vừa trông thấy ánh mắt hiền hòa và thân tướng uy nghiêm của Ngài là chúng quăng ngay dao mác, quỳ lạy chân thành và xin quy y với Ngài.

Lòng tràn đầy căm tức, Đề Bà Đạt Đa đích thân leo lên đỉnh núi Kền Kền phục kích và chỉ tay lên trời thề rằng: chỉ có cánh tay này mới triệt tiêu mạng sống của Gô-ta-ma. Và y đã xô một tảng đá khổng lồ xuống Đức Thế Tôn khi Ngài đi ngang qua chân núi, nhưng tảng đá chỉ làm chân Ngài chảy máu chút ít.

Tức khí, Đề Bà Đạt Đa tung Na-la-gi-ri (Nalàgiri), một con voi cực kỳ hung ác để sát hại Ngài. Thấy con voi hung hăng từ xa chạy đến, A Nan vội chạy ra trước, đứng dang hai tay để che cho Đức Thế Tôn, nhưng Ngài kéo A Nan qua một bên, và con voi liền sụp hai chân trước xuống với hai giọt nước mắt lăn tròn như tỏ lòng ân hận, sám hối.

Sau đó, thấy Phật tử mỗi ngày một thêm phần uất và tẩy chay mình, Đề Bà Đạt Đa liền đưa ra cái gọi là năm điếm cương lĩnh, mục đích là để vớt vát uy tín, nhằm xác định vai trò và đường hướng tu hành theo giáo hội mới, giáo hội ly khai. Đó là: Tỳ kheo phải sống trong rừng, phải đi khát thực, phải mặc áo vá, phải ngủ dưới gốc cây và không được ăn thịt cá, tức là không được ăn mặn.

Với 500 Tăng chúng quy phục, Đề Bà Đạt Đa dẫn họ đến sống tại Ga-da-xi-a (Gayāsīa) và sinh hoạt theo tôn chỉ dị giáo.

Một hôm, sau chín tháng mang bệnh liệt giường, Đề Bà Đạt Đa muốn gặp Đức Bổn Sư, y bày tỏ ý định với đồ chúng nhưng được họ đáp:

- Khi khỏe mạnh thì thầy hiềm khích với Đức Thế Tôn, bây giờ đau yếu khốn khổ thế này thì đi đâu!

- Xin đừng giết ta trong túi nhục và ân hận. Ta đã phạm phải sai lầm và tội ác. Ta đã căm thù Thầy ta, nhưng Thầy ta chưa bao giờ dấy lên một cọng lông hay sợi tóc than trách ta. Kính lạy Đức Như Lai từ bi và hỷ xả!

Đề Bà Đạt Đa được đồ chúng khiêng trên một cái cang đến sám hối Đức Thế Tôn. Tăng chúng hay tin, họ đến báo cho Thế Tôn biết và ngó ý không muốn Ngài ngó mặt hạng người phản phúc đó.

- Cứ tự nhiên, Đức Thế Tôn nói. Khi thành lập cái gọi là giáo hội ly khai, Đề Bà Đạt Đa đã tuyên thệ là không bao giờ gặp Như Lai nữa. Chính vì lời thề

tuyệt hậu đó mà dù cho Đè Bà Đạt Đa có đến tu viện Trúc Lâm cũng không thể gặp được Như Lai.

Đè Bà Đạt Đa được môn đệ khiêng đến Trúc Lâm và để nghỉ cạnh một hồ sen. Trong khi họ xuống hồ tắm, Đè Bà Đạt Đa ngồi dậy và vừa đặt hai chân xuống đất thì toàn thân cứ lún dần, lún dần và chìm hẳn vào lòng đất.

Sau đó, đại chúng đến đánh lễ Đức Thế Tôn, hỏi:

- Bạch Thế Tôn, cái chết của Đè Bà Đạt Đa thật là khủng khiếp, chẳng hay người ấy đầu thai về đâu?

- Địa ngục A tỳ, Đức Thế Tôn đáp.

- Bạch Thế Tôn, đời này người ấy đã khổ như vậy, đầu thai nơi khác người ấy cũng khổ nữa sao?

- Đúng thế! Nay các thầy Tỳ kheo, những ai buông lung phóng dật, ngạo mạn, ác tâm, tu sĩ hay cư sĩ đều bị khốn khổ, cơ hàn ở hai nơi.

Ngài đọc kệ:

Nay than, đời sau than,

Làm ác hai đời than.

Hắn than: “Ta làm ác”.

Đọa cõi khổ, càng than.

(PC. 17)

CHĂM LO GIÚP ĐỠ CHƯ SƯ HỘ TRÌ TAM BẢO CHỨNG TƯ ĐÀ HÀM

Thuở nọ, tại Xá Vệ, hằng ngày có 2.000 Sa môn thọ trai tại nhà trưởng giả Cấp Cô Độc (Anàthapiṇḍika), và 2.000 Sa môn thọ trai tại nhà tín nữ Vi-xa-kha (Visàkhà). Để tránh lời ra tiếng vào, nhỏ to dị nghị, những ai phát tâm cúng dường chúng tăng đều được yêu cầu tự mình mang lễ vật đến văn phòng hộ trì Tam bảo của hai Phật tử thuần thành đó.

Một hôm, Vi-xa-kha thấy mình mỗi ngày một yếu, cần phải có người trẻ trung tháo vác, thành tâm thiện chí thay bà phục vụ âm thực cho đại chúng. Bà chọn cháu gái của bà đảm trách công việc đó. Cấp Cô Độc cũng chọn cô gái đầu lòng của mình là Ma-ha Xu-ba-đa (Maha Subhaddà) chăm sóc trai phạn cho chúng tăng. Ái nữ của Cấp Cô Độc là người rất mực thuần thành, chăm lo các sự sớm hôm chu đáo, nhất là chí tâm tu hành, lắng lòng nghe

Pháp. Nhờ thế mà cô sớm chứng quả Tu đà hoàn. Sau đó cô lập gia đình và về sống bên nhà chồng. Cấp Cô Độc lại chỉ định Cu-la Xu-ba-đa (Culla Subhaddà), em gái của Ma-ha Xu-ba-đa, giúp đỡ các sư. Cô này nhẹ nhàng, cẩn trọng, noi gương thành tín của chị mình và cũng chứng quả Tu đà hoàn. Sau đó lấy chồng và cũng về sống bên nhà chồng. Cuối cùng ông chỉ định cô gái út là Xu-ma-na (Sumanà) thay chị phục vụ Tam bảo. Xu-ma-na một lòng kính Phật trọng Tăng, phát tâm cúng dường, vun bồi phước huệ; và chẳng mấy chốc cô ấy chứng quả Tu đà hàm. Một hôm cô cho người mời cha cô đến. Ông hỏi:

- Có chuyện gì mà con cho người mời cha vậy, con gái cung của cha?
- Em nói sao? Hỡi người em út yêu thương của chị! Xu-ma-na hỏi vặn lại.
- Con ăn nói gì mà điên rồ vậy con! Bộ con ... không nhận ra cha sao? Con bị sốt nặng rồi, tội nghiệp con tôi!
- Không! Chị không bao giờ nói năng điên rồ. Chị luôn luôn thương em. Em là em yêu của chị. Chị có đau yếu cảm sốt gì đâu!
- Con có sợ ... lộng ngôn không con?
- Không! Chị chưa bao giờ lộng ngôn ý ngữ. Chị luôn luôn trung thành với lời Phật dạy chân thật bất hư.

Nói xong, cô lên giường, miệng mỉm cười và đôi mắt từ từ khép lại.

Cấp Cô Độc tuy đã chứng quả Tu đà hoàn nhưng không chịu nổi cảnh đau buồn mất mát cứ dâng lên trong lòng. Tang lễ xong, ông đến quỳ dưới chân Thế Tôn khóc sụt sùi. Đức Thế Tôn hỏi:

- Trưởng giả, vì sao ông đau buồn, khóc lóc khổ sở thế?
- Bạch Đức Thế Tôn, Xu-ma-na, con gái yêu thương của con mất rồi!
- Vậy há! Thế ông khóc vì lẽ gì? Chết không phải là định luật tất yếu cho mọi người?
- Con vẫn biết thế, bạch Thế Tôn, nhưng con gái của con rất mực thông minh trí tuệ, hiền hòa khiêm tốn, làm việc gì cũng thành tựu viên mãn. Điều làm cho con đau khổ nhất là tư tưởng hoảng loạn của nó trước khi qua đời. Nó đã bỏ con ra đi trong cơn mê sảng. Bạch Thế Tôn, tội nghiệp con của con quá!
- Nhưng mà con gái của ông đã nói gì, này trưởng giả?
- Bạch Thế Tôn, con gọi nó là con gái cung của cha, nó bảo con là em yêu quý của chị! Con bảo nó nói năng điên rồ, nó nói là chân thật bất hư. Sau đó nó nhẹ nhàng ra đi không một lời trần trối.

- Này trưởng giả, Đức Thế Tôn nói, con gái ông nói năng nghiêm chỉnh, đâu có điên rồ!

- Vậy tại sao nó nói thế?

- Chỉ vì ông chính là em trai út của cô ấy. Này trưởng giả, con gái của ông đã chứng quả Tu đà hàm trong khi ông mới chứng quả Tu đà hoàn. Và như ông đã biết, tứ thánh quả là Tu đà hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán. Cô ấy gọi ông em út là vậy đó.

- Mô Phật ... té ra là như thế!

Cấp Cô Độc chấp tay xá Đức Thế Tôn với ánh mắt hiện rõ nét cung kính và hoan hỷ.

- Nhưng ... chẳng hay hiện giờ con gái của con tái sanh nơi đâu, bạch Thế Tôn?

- Nơi cảnh trời Đâu Suất.

- Bạch Thế Tôn, khi sống với gia đình và bà con quyến thuộc, con của con lúc nào cũng an lành hạnh phúc, nay đầu thai nơi khác, nó cũng được an lạc êm đềm?

- Đúng vậy! Này trưởng giả, những ai chuyên tâm cần mẫn, nỗ lực tiến tu, tu sĩ hay cư sĩ đều được thông dong an lạc ở hai nơi.

Ngài đọc kệ:

Nay mừng, đời sau mừng,

Làm phúc hai đời mừng,

Hấn mừng: “Ta làm phúc”

Sanh căn lành, mừng hơn.

(PC. 18)

BIỆN TÀI KIÊU MẠN MANG CHUỖNG NGHIỆP CHÁNH NIỆM KHIÊM CUNG HƯỞNG VÔ UÛ

Thuở nọ, tại Xá Vệ có hai người bạn tuổi tác chênh lệch nhưng rất thân nhau và coi nhau như anh em ruột. Một hôm, nhân theo Phật tử đến tu viện Trúc Lâm nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, nhận ra lẽ vô thường biến dịch của vạn vật trên đời, họ đâm ra xem thường công danh, nhàm chán lạc thú, dốc lòng theo Phật, cầu đạo giải thoát. Sau năm năm thọ trì giới luật, học hỏi kinh văn với các vị giáo thọ, họ đến dâng lễ Đức Thế Tôn và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, lâu nay chúng con được hân hạnh tu học với đại chúng, nhưng chưa biết nhiệm vụ của một Sa môn, xin Thế Tôn từ bi chỉ dạy.

- Vậy sao! Đức Thế Tôn nói. Nhiệm vụ chính yếu của một Sa môn là phải nghiên cứu kinh văn và tu tập thiền định. Có định thì có tuệ, có tuệ thì mới có từ bi, hỷ xả và giải thoát, phải vậy không?

- Đúng vậy! Vị Sa môn cao niên nói. Nhưng, bạch Thế Tôn, con nay tuổi già sức yếu, e khó mà thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu kinh văn, xin Thế Tôn cho phép con thực hiện nhiệm vụ tu tập thiền định.

- Được rồi! Vậy thầy hãy nỗ lực tinh tấn, y theo giáo pháp mà quán niệm hành thiền cho đến khi thành tựu đạo nghiệp.

- Bạch Thế Tôn, vị Sa môn trẻ nói, con sẽ hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu kinh văn. Con sẽ quyết tâm nghiên cứu toàn bộ tam tạng giáo điển, vì đó là những lời vàng ngọc của Đức Thế Tôn đã thuyết giảng.

Thế là, từ đó đi đâu thầy cũng trình trọng xiển dương giáo pháp. Chẳng mấy chốc thầy trở thành một pháp sư nổi tiếng, làm giáo thọ cho 500 Tỷ kheo và y chỉ cho mười tám cộng đồng Tăng già.

Bấy giờ có một nhóm Sa môn chuyên tu thiền định đến yết kiến Thầy mình, vị Trưởng lão tu thiền đã chứng quả A la hán, và ngỏ ý xin phép về thăm Đức Thế Tôn. Thiền sư đáp:

- Lành thay! Cho tôi gửi lời về hầu thăm Đức Thế Tôn, các vị Trưởng lão và pháp sư thân hữu của tôi.

Các Sa môn về Trúc Lâm đánh lễ Đức Thế Tôn, viếng thăm các vị Trưởng lão rồi đến vấn an pháp sư, nói:

- Kính bạch Thượng tọa, Thầy chúng con xin gửi lời thăm sức khỏe Thượng tọa.

- Thầy của quý vị là ai? .- Pháp sư hỏi.

- Bạch Thượng tọa, Thầy của chúng con là pháp hữu của Thượng tọa.

- Thế ... quý vị đã học được gì với thầy ấy? Trong các Trường bộ kinh, Trung bộ kinh, Tiểu bộ kinh v.v... quý vị đã học được bộ nào? Trong ba tạng kinh điển, quý vị đã học được tạng nào?

Và rồi pháp sư tự nghĩ:

- Một bài kệ bốn câu không biết, chuyên môn lượm giẻ rách làm y, vào rừng ngồi lim dim suốt buổi, vậy mà nay cũng có môn đồ pháp quyến, sư đệ như ai! Có dịp ta sẽ hỏi sư ấy năm ba câu xem sao.

Ít lâu sau, vị Sa môn cao niên về thăm Đức Thế Tôn, các vị Trưởng lão và đến viếng pháp sư thân hữu. Được dịp trở tài, vị pháp sư thông minh lanh lợi kia định lên mặt chơi khăm pháp hữu của mình thì Đức Thế Tôn liền nghĩ:

- Nếu khởi tâm khinh miệt, xúc phạm Thánh tăng thì thầy ấy có thể bị đọa địa ngục.

Vì lòng lân mẫn, Đức Thế Tôn giả vờ dạo quanh sân tu viện rồi ghé vào tịnh xá hỏi vị Sa môn thông thái đôi điều về thế giới hữu hình, vô hình; và, để chứng tỏ tài bát thông kinh luận của mình, pháp sư lên giọng hùng hồn về ý nghĩa của dục giới, sắc giới, vô sắc giới; rồi nào là không vô biên xứ thiên, thức vô biên xứ thiên, vô sở hữu xứ thiên, phi tướng phi phi tướng xứ thiên v.v... Thầy ấy giảng thao thao như gió reo thác đổ, Đức Phật và vị Sa môn cao niên rất hoan hỷ về tài hùng biện và trí nhớ tuyệt vời của pháp sư. Nhưng đến khi đức Thế Tôn hỏi làm thế nào thấy rõ thực tướng của vạn pháp và đoạn trừ sanh tử luân hồi thì pháp sư biện giải loanh quanh như kiến bò miệng chén, trong khi vị Sa môn chứng quả A la hán giải đáp vấn đề rõ ràng, dứt khoát bằng kinh nghiệm tu chứng của chính mình. Và Đức Thế Tôn tán thán:

- Hay thay!... Hay thay!... Sa môn!

Nghe Đức Thế Tôn tán thán vị Sa môn cao niên, môn đồ của pháp sư lâu thông kinh điển lấy làm khó chịu, sau đó họ đến đánh lễ Đức Thế Tôn, hỏi:

- Bạch Thế Tôn, Thầy của chúng con biện tài vô ngại, trí nhớ tuyệt vời, và hiện là giáo thọ của 500 Tỷ kheo, vậy mà không được Thế Tôn tán thán; trong khi thiên sư kia chưa từng miệt mài kinh điển, chỉ biết nhập định tham thiền thì lại được ân huệ của Thế Tôn!

- Này các thầy Tỷ kheo, Đức Thế Tôn nói, các thầy nói sao? Nên biết thầy của các người hành trì giáo pháp cũng như kẻ chăn bò thuê, ngày ngày lừa bò ra đồng, chăm sóc vỗ béo từng con, nhưng không có con nào là của mình cả, và cũng chẳng bao giờ nếm được hương vị của sữa bò. Còn vị Sa môn cao niên kia thì giống như ông chủ, không chăn bò mà hưởng được những sản phẩm tuyệt diệu từ sữa bò làm ra.

Ngài đọc kệ:

Dầu đọc tụng nhiều kinh,

Tâm buông lung cầu thả,

Như kẻ chăn bò thuê,

Khó hưởng Sa môn quả!

Dầu đọc tụng ít kinh,
Nhưng hành trì giáo pháp,
Như thật, tâm giải thoát,
Từ bỏ tham sân si,
Hai đời không chấp trì,
Thọ hưởng Sa môn quả.
(PC. 19, 20)

MƯỜI SÁU CÀNG KẾT NGHIỆP DÀY TÍN TÂM NIỆM PHẬT SẠCH NGAY OÁN THÙ

Ma-gan-đi-da (Màgandiyà) và Xa-ma-va-ti (Sàmvàti) là hoàng hậu và cung phi của quốc vương U-đe-na (Udena), một vị vua thông minh, anh dũng và rất mực hiền đức. Cung phi Xa-ma-va-ti, vốn thâm tín chư Phật, hướng dẫn 500 thị nữ quy y Tam bảo, cúng dường chúng tăng và tinh tấn nghe Pháp; trong khi hoàng hậu Ma-gan-đi-da thì nghi ngờ chánh pháp, hủy báng Tăng đoàn và thường ganh tị với cung phi Xa-ma-va-ti.

Một hôm, Ma-gan-đi-da đến cung thất của các thị nữ, thấy trong phòng có một lỗ trống, bèn hỏi:

- Cái gì thế này?

Không biết hoàng hậu cảm tức Đức Thế Tôn, các thị nữ thưa:

- Đức Thế Tôn đã du hóa đến thành này, thị nữ chúng em đang đứng chờ chiêm ngưỡng dung nhan và đánh lễ Ngài.

- Thế là tên ẩn sĩ Gô-ta-ma đã đến đây rồi!

Ma-gan-đi-da thầm nghĩ: “Ta biết phải làm gì. Bọn thị nữ rất thuận thành với gã. Các người rồi sẽ biết tay ta”.

Nàng đến gặp quốc vương, tâu rằng:

- Tâu hoàng thượng, Xa-ma-va-ti và đám cung nữ hần đã không trung thành với hoàng thượng, bọn chúng đang âm mưu tước đoạt mạng sống của hoàng thượng đó.

- Họ không nỡ nào làm như vậy đâu! .- Quốc vương ngỏ lời xác tín.

Nàng lập đi lập lại lời cáo trạng hai ba lần, nhưng quốc vương vẫn không tin. Cuối cùng nàng khẳng định:

- Nếu hoàng thượng không tin thần thiếp thì xin mời hoàng thượng đến cung thất của họ sẽ rõ.

Quốc vương đến đó, thấy trên tường phòng nào cũng có một lỗ trống, bèn hỏi:

- Thế này là thế nào?

Sau khi nghe lời giải thích của họ là để chiêm ngưỡng dung nhan và đánh lễ Đức Thế Tôn, quốc vương đã không tỏ vẻ nóng giận, quát mắng, mà còn cho thay các lỗ trống bằng những cửa sổ xinh xắn.

Không trị được các cung nữ, Ma-gan-đi-da lại mưu tính:

- Bất cứ giá nào ta cũng phải triệt hạ cho được lão Gô-ta-ma.

Và thế là nàng mua chuộc dân chúng xúi giục đám nô lệ sĩ vả, lẳng nhục và ra sức tấn xuất Tăng đoàn ra khỏi thành thị. Giới ngoại đạo nhân đó lại càng lên mặt, cuồng ngôn lộng ngữ thóa mạ Đức Thế Tôn:

- Ngươi mà là Đạo sư! Ngươi chỉ là một tên trộm cướp đầu đường xó chợ, một gã ngu ngốc vất vưởng lang thang, một âm binh ma quái, một súc sanh trá hình, một loại trâu bò lừa ngựa; ngươi mà cũng mong cầu giải thoát, ngươi sẽ bị vĩnh kiếp đọa đày. Chúng vừa theo sau Ngài vừa vung vít lời lẽ rất hỗn xược trong khi Đức Thế Tôn vẫn thản nhiên theo từng bước thiền hành.

Thấy thầy trò bị xúc phạm, A Nan đau buồn, thưa:

- Bạch Thế Tôn, dân chúng ở đây hung dữ quá, mình nên đi nơi khác thì hơn.

- Nên đi đâu, A Nan? - Đức Thế Tôn hỏi.

- Đến một thành phố khác, bạch Thế Tôn.

- Nếu ở đó có người hủy báng nữa thì sao?

- Thì đến thành phố khác nữa.

- Nếu bị hủy báng nữa?

- Thì đến nơi khác nữa.

- A Nan, ta như một thớt voi lâm trận, chấp nhận mọi cung tên và kham nhẫn mọi hủy báng. Có ai nghe voi than phiền giữa trận mạc bao giờ! A Nan, đừng phiền muộn nữa. Hãy tu tập hạnh nhẫn nhục. Chỉ trong bảy ngày thì mọi việc sẽ đâu vào đó. Và đúng như vậy, sau bảy ngày, mọi việc trở lại bình thường, tốt đẹp.

Âm mưu bài Phật bị thất bại, Ma-gan-đi-da lại bày ra một quỷ kế khác. Biết cung phi thị nữ là Phật tử trung kiên, nàng bèn quyết tâm triệt tiêu họ trước. Nhân một hôm quốc vương U-đe-na vui vầy trong yến tiệc, nàng mật sai cậu nàng mang đến tám con gà trống sống và tâu với quốc vương ra lệnh cho đám cung nữ làm thịt đãi hoàng thượng. Quốc vương chuẩn y. Các cung nữ được lệnh, liền tâu:

- Tâu hoàng thượng, chúng thần là Phật tử, không bao giờ sát hại sinh mạng, mong hoàng thượng lượng thứ.

Ma-gan-đi-da thừa thế, làm tới:

- Đấy! Hoàng thượng thấy chưa? Họ đâu có xem hoàng thượng ra gì! Lệnh của quốc vương từ nay không còn hiệu lực nữa rồi! .- Bỗng nàng gằn giọng:

- Hoàng thượng hãy lệnh cho họ làm thịt tám con gà trống đó để đãi Sa môn Gô-ta-ma xem sao.

Rồi nàng mật bảo nô tỳ mang tám con gà trống chết đến cho cung nữ và được họ chấp thuận làm tiệc ngay. Thế là Ma-gan-đi-da được trốn thoát lên:

- Bọn nô tỳ đáng chết, dám khi quân phạm thượng. Hoàng thượng đã tin lời thần thiếp chưa? Phải mà! Thần thiếp có ra gì mà hoàng thượng phải tin! Giờ thì cháy nhà mới ra mặt chuột, rõ là nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà!

Quốc vương vẫn bình thản, xem như không có chuyện gì xảy ra.

Tức khí, Ma-gan-đi-da ngậm nhờ cậu nàng tìm một con rắn độc, bỏ nó vào lỗ ống tiêu luyện voi mà quốc vương đi đâu cũng mang theo, rồi cắm vào lỗ đó một cành hoa, chờ cơ hội thực hiện yêu kế.

Hôm sau, quốc vương đến lượt viếng khuê phòng của Xa-ma-va-ti, Ma-gan-đi-da liền cản:

- Tâu hoàng thượng, thần thiếp nghĩ hoàng thượng không nên đến đó hôm nay.

- Vì sao? Quốc vương hỏi:

- Đêm qua thần thiếp nằm mộng chẳng lành, e hoàng thượng ...!

- Ta không tin mộng mị.

- Tâu hoàng thượng, hay là cho thần thiếp theo hầu hoàng thượng để có gì xảy ra thì ...

Thế là sau khi dự tiệc vui thú với Xa-ma-va-ti, quốc vương nằm ngủ và để ống tiêu bên cạnh gối đầu. Ma-gan-đi-da giả vờ đứng hầu, rồi lén rút cành hoa, con rắn độc từ từ bò ra, phùng mang thở phì phì và Ma-gan-đi-da thét lên:

- Hoàng thượng! Hoàng thượng! Rắn độc! Cứu hoàng thượng với!... Người đâu!... Người đâu!...

Quốc vương thất kinh lăn xuống giường, Ma-gan-đi-da trợn mắt đay nghiến:

- Ta biết từ lâu rồi mà! Bọn đốn mạt vô lại kia lúc nào cũng muốn ám sát hoàng thượng. Hoàng thượng thấy chưa? Hoàng thượng có bao giờ nghe lời thần thiếp đâu!

Nhìn thấy con rắn thè thè cái lưỡi đen ngòm với đôi mắt đỏ ngầu, quốc vương vỗ bàn, hạ chỉ:

- Lôi Xa-ma-va-ti và 500 cung nữ ra pháp trường, sắp thành hàng một, Xa-ma-va-ti đứng đầu!

Và đích thân quốc vương trưng cung nhắm ngay ngực Xa-ma-va-ti bắn một phát, nhưng lạ thay, mũi tên bay đến ngực Xa-ma-va-ti thì rớt xuống đất. Quốc vương trợn mắt, buông cung, và tay chân run lẩy bẩy, vì mũi tên quốc vương bắn ra có thể xuyên thủng một tảng đá.

Xa-ma-va-ti chấp tay, quỳ xuống, và tâu rằng:

- Muôn tâu hoàng thượng, thần thiếp và cung nữ đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Chúng thần lúc nào cũng trang trải tình thương và tôn trọng sự sống.

Quốc vương cảm kích đến rơi lệ. Ngài dang hai tay, ngửa mặt lên trời, nói lớn:

- Huyền diệu thay! Hồi Đức Thế Tôn, đấng cha lành của nhân thế.

Mưu kế bị thất bại liên tục, lần này Ma-gan-đi-da lại nghĩ ra một quái chước oan nghiệt hơn. Nàng lệnh cho cậu nàng nhúng vải vào dầu rồi quấn chúng vào các trụ cột của cung thất Xa-ma-va-ti và thị nữ. Thấy vậy, Xa-ma-va-ti hỏi:

- Ngài đang làm gì thế?

- Xin quý nương nương hãy vào trong an nghỉ. Đây là lệnh của quốc vương muốn cột trụ được rắn chắc hơn.

Xa-ma-va-ti và đám cung nữ vừa vào trong thì các cửa được khóa chặt, và những ngọn lửa hung tàn chẳng mấy chốc đã xông lên rần rạt một góc trời.

Xa-ma-va-ti lên tiếng nhẩn nhủ:

- Nay các tỷ muội, chắc các tỷ muội còn nhớ đấy! Đức Thế Tôn dạy: Chúng ta đã trải qua vô lượng vô biên kiếp sanh tử luân hồi trong đau thương khói lửa; nay chúng ta được may mắn làm người, lại được gặp Phật, Pháp và Thánh tăng; chúng ta hãy nhứt tâm chánh niệm, chánh niệm thì an lạc. Họ

chí tâm niệm danh hiệu Đức Thế Tôn ba lần rồi cùng nhau đi vào chánh định trong ngọn lửa hung tàn.

Quốc vương nhìn thấy cảnh tượng ghê hồn mà ngậm ngùi than thở cho lòng dạ ghen ghét, ác độc của con người. Sau đó quốc vương ra lệnh bắt hết gia quyến của Ma-gan-đi-da, chôn họ tới cổ, rồi chất rom trên đầu mà đốt cho đến tan xương nát thịt. Rõ là một bi kịch khủng khiếp trên cõi trần ai!

Các Sa môn hay tin, đến đánh lễ Đức Thế Tôn và thắc mắc không biết vì sao những Phật tử tinh tấn thuần thành, hiền lành, hiếu đạo như Xa-ma-va-ti và các cung nữ lại phải chết thảm như thế! Đức Thế Tôn nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, nếu nhìn những hiện tượng xảy ra trên cõi đời này thì lắm khi thấy bất công và phi lý lắm. Nhưng, như các thầy đã biết, trong vòng xích sanh tử luân hồi, mắc xích nào cũng có nguyên nhân và kết quả của nó. Nay thì Xa-ma-va-ti và các cung nữ đã thành tựu đạo nghiệp, thấp nhất là quả vị Tu đà hoàn.

- Nhưng, bạch Thế Tôn, họ đã làm gì mà nay lâm vào cảnh thê thảm như thế?

Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ kheo.

*

* *

Trong một tiền kiếp xa xưa, Xa-ma-va-ti và các cung nữ đó là thần phi mỹ nữ của quốc vương Bra-ma-đát-ta (Bramadatta) trị vì tại thành Ba La Nại. Một hôm đi thưởng ngoạn, tắm sông đến chiều tối, các phi tần tắm lạnh, họ bèn rủ nhau kiếm củi đốt lên sưởi ấm. Họ đã đốt nhầm một vị Phật Độc giác đang nhập định trên đồng cỏ khô, và sau khi phát hiện, sợ vua nghiêm phạt, họ cố tình phi tang bằng cách chất thêm cỏ và đổ dầu lên đốt cho mau xong việc. Hành động trước thì vô tình, hành động sau thì cố ý. Thật là nhân quả trùng trùng, nghiệp cảm điệp điệp.

- Nhưng, bạch Thế Tôn, cái chết của Xa-ma-va-ti và các cung nữ cùng với cái chết của Ma-gan-đi-da có gì khác biệt?

- Nay các thầy Tỳ kheo, những ai buông lung phóng dật, lòng dạ hẹp hòi, ghen ghét đố kỵ, thương mình hại người như Ma-gan-đi-da thì sống cũng như đã chết, còn ngược lại như Xa-ma-va-ti và các cung nữ thì chết cũng như đang sống.

Ngài đọc kệ:

Tinh cần là đường sanh,

Buông lung là ngô tử,
Tinh cần là bất tử,
Buông lung như thây ma!
Hiểu rõ sai biệt ấy,
Người trí luôn tinh cần,
Hoan hỷ không phóng dật,
Vui thánh quả xuất trần.
Ai chuyên tập thiền định,
Quyết tâm tu vãng vàng,
Giải thoát mọi trói buộc,
Chứng vô thượng niết bàn.
(PC. 21, 22, 23)

--- o0o ---

Phần 4 - THUẬN THEO TỪNG TÌNH CẢNH ÁT TRÁNH MỌI ĐAU THƯƠNG

Thuở nọ có một nạn dịch bộc phát tại nhà của một đại phú hào ở thành Vương Xá. Lúc đầu các loại gia cầm gia súc như gà vịt trâu bò tự nhiên phình bụng vài hôm rồi lăn đùng ra chết, tiếp đến là những người nô lệ và sau cùng là ông bà chủ nhà. Vừa mới nhuốm bệnh, và biết thế nào cũng chết, họ đứng nhìn đứa con trai duy nhất với hai hàng nước mắt ràn rụa, nói rằng:

- Con ơi! Con là đứa con trai duy nhất của cha mẹ. Cả đời cha mẹ tảo tần gây dựng gia nghiệp cho con. Đừng lưu luyến cha mẹ nữa. Hãy trốn ra khỏi thành càng sớm càng tốt. Hãy ẩn náu ở một nơi thật xa rồi một ngày thuận tiện nào đó con sẽ trở về khai quật kho báu cha mẹ chôn ở nơi này lên mà tiêu dùng.

Trước trận dịch đang lan tràn khủng khiếp, đứa con phải sục sùi roi lệ, chấp tay quỳ lạy và ngỏ lời vĩnh biệt song thân. Chàng đi đến một cánh rừng già u tịch và sống ở đó được mười hai năm.

Khi chàng trở về, râu tóc bù xù, mặt mày hốc hác, áo quần người ngợm trông lôi thôi lếch thếch như một kẻ ăn mày. Không ai nhận ra chàng là “cậu ấm” của một danh gia vọng tộc, vang bóng một thời. Chàng lần tìm đến nơi kho tàng được cất giấu và thấy nó vẫn còn nguyên. Lòng mừng mừng tủi tủi, loay hoay không biết phải làm gì. Cuối cùng chàng tự nghĩ:

- Không ai biết ta từng sống nơi đây. Nếu ta khai quật vàng bạc ngọc ngà lên và sống theo lối trưởng giả thì e rằng sẽ bị nghi ngờ, theo dõi; sẽ bị giam cầm, tra tấn hoặc bị thủ tiêu vì cái kho báu này không chùng. Tốt hơn hết là ta nên đến xóm lao động, làm thuê làm mướn, sinh sống qua ngày, chả ai quấy rầy dòm ngó; cuộc sống bề ngoài trông có vẻ quạnh hiu, lam lũ nhưng trong lòng thật tự tại, thênh thang. Và thế là chàng quyết định giã từ báu vật, an phận giản đơn, chấp nhận làm công cho một nông gia với sớm chiều chăm lo trâu bò đồng áng, và chàng được cấp một căn nhà.

Một hôm, nhân chuyến tham quan cảnh sinh hoạt vụ mùa, vua Tần Bà Sa La, người có tài đoán tướng qua âm thanh, nghe tiếng nói của chàng và quả quyết rằng đó là âm thanh của người đại phú, đại quý. Một cung nữ đứng bên vua nghe được điều đó, nằng mặt sai nô tỳ đi tìm cho được người có âm thanh phú quý kia. Hai ba phen nhọc công tìm kiếm nhưng lần nào nàng cũng được báo cáo là chỉ gặp một gã làm công áo quần nhếch nhác, lu bu với trâu bò vườn ruộng suốt ngày.

Để xác định sự thật và tìm cho ra manh mối, cung nữ lại tâu vua:

- Tâu hoàng thượng, người có âm thanh phú quý kia, theo thiếp biết, chỉ là một tên nô bộc không hơn không kém.

Quốc vương nói:

- Không đúng! Âm thanh đó đích thị là hiện thân của bậc đại phú, đại quý.

Thế là nàng liền xin phép quốc vương, cùng ái nữ của mình lên đường đi tìm người có âm thanh đặc biệt đó.

Họ cải dạng thành khách bộ hành lữ bước, vào nhà chàng trai làm công kia xin tá túc một đêm. Sáng hôm sau họ giả vờ lên cơn sốt và thế là họ được ở lại mấy hôm chung sống vui vẻ. Rồi một hôm nọ, nghe tiếng con gái thút thít khóc, người mẹ hỏi:

- Có việc gì vậy con?

- Mẹ ơi!... Con biết nói sao bây giờ.

Sáng hôm sau chàng thanh niên thành thật xin lỗi và xin chịu mọi biện pháp gia hình. Người mẹ nói:

- Chuyện đã lỡ rồi! Nhưng mà hai đứa có thương nhau không?

- Cả hai im lặng, chỉ khẽ liếc mắt nhìn nhau.

- Đã vậy thì hai đứa từ nay nên vợ nên chồng, phải thương yêu, tin tưởng và đùm bọc lẫn nhau suốt đời.

- Cả hai đều quỳ xuống và ôm hôn gối mẹ.

Thấy cuộc sống chật vật, phần thương mẹ thương vợ, chàng thanh niên Kum-ba-gô-xa-ka (Kumbhaghosaka) lên đến chỗ cất giấu kho báu, gỡ lấy một ít vàng bạc đem về đưa cho vợ, và thế là bà mẹ vợ mật chuyển số vàng bạc đó về tâu vua. Quốc vương liền phái vệ binh đến tróc nã Kum-ba-gô-xa-ka. Thất kinh, chàng thanh niên hồn nhiên, chất phác sững sờ thấy mình bị trói tay, áp giải đến hoàng triều. Người mẹ vợ thấy vậy nói:

- Bọn nha môn hỗn man kia không được làm kinh động con rể ta.

Rồi bà quay sang chàng, nói:

- Con cứ bình tĩnh theo họ về triều. Mọi việc đã có mẹ.

Chàng thanh niên nhìn mẹ, nhìn vợ với hai hàng nước mắt rờn rờn.

Trước mặt quốc vương, Kum-ba-gô-xa-ka khấu đầu lạy tạ và đợi lời thăm vấn. Quốc vương hỏi:

- Người là Kum-ba-gô-xa-ka?

- Thưa vâng, muôn tâu bệ hạ!

- Tại sao người chiếm đoạt tài sản của người khác?

- Muôn tâu bệ hạ, thảo dân đâu có tài sản. Con sinh sống bằng nghề cày thuê cuốc mướn. Mong bệ hạ lượng xét.

- Hừ!... Người còn dám to gan lờng gạt cả trăm nữa sao?

- Muôn tâu bệ hạ, thảo dân không dám!

Thế là quốc vương đưa vàng bạc ra, hỏi:

- Vàng bạc này của ai?

Thất kinh, Kum-ba-gô-xa-ka chỉ biết đưa mắt nhìn quanh, và thấy hai người phụ nữ quen thuộc ăn mặc lộng lẫy đứng hầu dưới bệ rồng.

Quốc vương quát:

- Nói đi!... Tại sao người dám trộm cắp châu báu của kẻ khác?

- Muôn tâu bệ hạ, Kum-ba-gô-xa-ka cúi đầu thưa, kho báu đó quả thật là của cha mẹ con để lại cho con. Nhưng nay cha mẹ con không còn nữa, con tứ cố vô thân, không nơi nương tựa, không người chở che, sợ khai quật kho báu sẽ liên lụy đến tánh mạng, nên con đành phải chọn cuộc sống gánh thuê vác mướn cho yên thân yên phận. Ước gì bệ hạ là nơi nương tựa của con!

- Khá khen cho người, quốc vương nói.

Đoạn ngài ra lệnh chở toàn bộ châu báu về hoàng cung, sung vào công quỹ, phong Kum-ba-gô-xa-ka làm quan thủ khổ và gả công nương cho chàng.

Sau đó quốc vương đưa chàng đến đánh lễ Đức Thế Tôn, và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, không ai như cháu này: không ham vàng bạc, không chuộng công danh, chỉ vui với nếp sinh hoạt bình dị, khiêm tốn, thật là hiếm có trên đời!

Nghe qua, Đức Thế Tôn nói:

- Đại vương, cháu ấy vốn có nếp sống cương trực, chánh niệm, cẩn trọng, tự chế trong cả ngôn ngữ, tư tưởng và hành động; người như vậy sẽ đi từ thành công này đến thành công khác, từ sức mạnh này đến sức mạnh khác.

Ngài đọc kệ:

Ai nỗ lực, chánh niệm,
Trong sạch và nghiêm cần,
Tự chế, sống chân chánh,
Tiếng lành tăng trưởng dần.

(PC. 24)

TINH CHUYÊN BỢN CÁU THẢY TIÊU TRỪ DỮ SẠCH TRẦN DUYÊN LIỀN THANH TỊNH

Thuở nọ, tại thành Vương Xá, có một thương gia giàu có nhưng chỉ sanh được một cô con gái xinh đẹp nên ông bà rất nuông chiều. Đến tuổi trưởng thành, sợ ong bướm dập dìu, động đến “cành vàng lá ngọc”, cha mẹ bắt cô ở trên tầng thứ bảy của một biệt thự lộng lẫy và được hầu hạ cẩn trọng bởi một gã nô lệ đứng tuổi. Lúc đầu, chủ tớ phân minh, nói năng mực thước, nhưng rồi lửa lòng của cô cứ mỗi ngày một thêm rạo rức trước tấm thân rám nắng, chắc nịch của gã nô lệ, hai bên liếc mắt đưa tình, dan díu vụng trộm và dần dần đi đến say đắm lúc nào không hay. Sợ sự việc vỡ lở, nàng khuyên chàng:

- Chúng ta không thể ở đây lâu hơn nữa. Nếu thiên hạ đàm tiếu và cha mẹ biết được chuyện này thì em sẽ bị tan xương nát thịt. Tốt hơn là chúng mình nên đi nơi khác sinh sống, anh nhé!

Cả hai thu xếp một ít đồ đạc cần thiết rồi vội vã ra khỏi nhà. Đi được một đoạn, chàng hỏi:

- Đi đâu bây giờ hả em?

- Đi đâu cũng được, nàng quả quyết nói, miễn là không ai hay biết hay rêu rao dòm ngó gì đến chúng mình.

Họ cùng nhau tay xách nách mang, dắt díu đùm tùm đến một ngôi làng xa xôi hẻo lánh và định cư ở đó. Chín tháng trôi qua, gần đến ngày sinh nở, nàng nói:

- Nếu em sanh con nơi đây thì chúng mình chắc phải khổ lắm. Chi bằng đưa em về quê cũ, có cha có mẹ, có bà con quyến thuộc thì hơn.

- Em muốn anh bị treo cổ hả? Một liều ba bảy cũng liều, đã đốn thì vác, con anh anh nuôi, khổ cách nào anh cũng không ngán, miễn sao em sanh cho anh một thằng cu tèo.

- Không được đâu anh! Đàn ông đi biển có đôi, đàn bà đi biển mò côi một mình. Xin anh thương em!

Nói gì thì nói chàng cũng không nghe. Cuối cùng nàng tự nghĩ:

- Có cha có mẹ thì hơn, không cha không mẹ như đờn đứt dây. Và, thừa lúc chàng vắng nhà, nàng bụng mang dạ chửa, một mình một bóng, lủi thủi lên đường trở về quê mẹ.

Về tới nhà không thấy vợ, chàng cắm đầu cắm cổ chạy theo và bắt kịp nàng giữa đường. Ngay lúc đó nàng chuyển dạ và sanh được một hài nhi. Chàng sung sướng nhảy câng câng, hỏi:

- Trai hay gái... em? Trai hay gái... em?

- Con trai. Em mệt quá! Cho em miếng nước! .- Nàng thều thào nói.

- Nước đâu giữa đường em ơi! Ráng một chút nữa em nhé!

Chàng vừa thương vợ thương con, vừa loay hoay cuống quít không biết phải làm gì. Cuối cùng chàng quyết định bế vợ con trở lại nhà.

Về tới nhà, chàng đặt nàng trên một tấm phản, sung sướng nói:

- Cảm ơn em, cảm ơn em! Trời đã cho ta của quý. Con sanh giữa đường thì đặt tên Rớt – cu Rớt – em chịu hôn?

Nàng mỉm cười và liếc nhìn chồng bằng cái nhìn yêu thương, triu mến.

Vài năm sau, nàng thọ thai và cũng sanh được một bé trai giữa đường. Họ vui mừng và cũng đặt tên con là Rớt: Rớt anh - Rớt em.

Đến khi biết nhận định đôi chút, nghe bọn trẻ khoe khoang về ông bà dòng tộc của chúng, Rớt anh Rớt em cũng thắc mắc hoài với mẹ về họ hàng thân thích của mình. Lòng tự hào nổi dậy, hai vợ chồng quyết định đưa con về Vương Xá để gặp ông bà, những thương gia cự phú, vang danh nhứt vùng.

Được tin con gái đưa chồng con về nương nhờ cha mẹ, ông bà thương gia vừa mừng, vừa tức, vừa xót thương cho cảnh cơ hàn khốn khổ của con,

nhưng vì danh dự gia phong, họ chỉ nhận nuôi hai cháu, còn cha mẹ chúng thì được cho tiền của và phải đi nơi khác sinh sống.

Rót anh lanh lợi, khôi ngô, thường được ông nội dẫn đến chùa nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp. Dần dần Rót anh mến Tăng, kính Phật, cuối cùng cậu xin xuất gia và tất nhiên là được ông nội sung sướng cho phép lên đường theo Đức Thế Tôn.

Rót anh được một Trưởng lão hướng dẫn tu tập thiền định và học hỏi kinh văn trước khi gia nhập giáo hội. Cậu thiếu niên thông minh sắc sảo, cần mẫn chuyên tâm, học đâu nhớ đó. Cậu được các bậc Trưởng lão và Đức Thế Tôn quan tâm yêu mến, cho nhập Tăng đoàn, thọ giới quy y và, sau một thời gian tinh chuyên nỗ lực, cậu chứng quả A la hán.

Cảm nghiệm được niềm hỷ lạc siêu thoát, thầy nghĩ: “Nếu Rót em tinh tấn tu học thì sẽ cũng được như vậy”. Thầy về nhà thưa nội cho phép Rót em theo thầy vào Đạo, làm đệ tử Phật. Rót em được Đức Thế Tôn thọ ký và được Thượng tọa Rót anh giáo dục. Khốn nỗi Rót em căn trí chậm lụt, học trước quên sau, nói đâu quên đó, bốn tháng trôi qua mà không thuộc nổi một bài kệ bốn câu.

Thượng tọa Rót anh thấy vậy quyết định:

- Thôi! Cậu nên ra về. Hình như cậu không có căn cốt tu hành. Chậm lụt như vậy làm sao đạt đến thánh quả! Hãy ra khỏi chùa ngay.

Rót em quỳ lạy anh ba lạy, méo máo khóc cho thân phận u trệ của mình...

Bấy giờ có thí chủ Ji-va-ka Kô-ma-ra-ba-ka (Jivaka Komàrabhacca) đem hương hoa đến chùa lễ Phật cúng dường và thỉnh đại chúng trưa mai đến nhà thọ trai. Đức Phật chấp thuận. Thượng tọa Rót anh, với tư cách là quản chúng, thông báo cho 500 Tỳ kheo ngày mai đi trai tăng, trừ Rót em.

Được tin bị “lọt sổ”, Rót em đau buồn, thầm nghĩ: “Vì ngu si đần độn nên phải chịu cảnh thấp hèn, cốt nhục ly cách. Thôi thì tép tôm theo phận tép tôm. Về thì về! Biết đâu về nhà mình lại được an lạc và làm nhiều việc phước thiện hơn; thọ hưởng tứ sự cúng dường của thập phương bá tánh mà tu hành chiếu lệ, học tập lai rai thì chỉ có đọa”.

Sáng sớm hôm sau, Rót em đánh lễ Thượng tọa Rót anh ba lạy rồi thông tay, lui thủi ra về trong niềm cảm xúc nghẹn ngào, buồn tủi.

Vừa tới cổng chính, Rót em gặp ngay Đức Thế Tôn, cậu liền chấp tay quỳ xuống với hai giọt nước mắt rung rung. Đức Thế Tôn ôn tồn hỏi:

- Con đi đâu sớm vậy?

- Bạch Thế Tôn, con không được ở chùa nữa! Rót em mếu máo thừa. Con ngu quá nên Thượng tọa đuổi con, hu... hu!...

- Về hay ở là do Thầy chứ đâu phải do Thượng tọa của con. Sao con không đến nói cho Thầy biết.

Đoạn Đức Thế Tôn đưa tay xoa đầu Rót em và dắt cậu về tịnh xá. Sau đó Ngài đưa cho cậu một tấm vải trắng tinh, dạy rằng:

- Con hãy ngồi đây, mặt quay về phương đông, dùng tay vuốt tấm vải này và nói: “Tẩy trừ cấu uế! Tẩy trừ cấu uế!”

Rót em, theo lời Phật dạy, ngồi xoay mặt về phương đông, hai tay vuốt vuốt tấm vải, nói:

- Tẩy trừ cấu uế! Tẩy trừ cấu uế!

Và sau một lúc làm như vậy thì cậu thấy tấm vải bị hoen ố. Cậu liền bừng sáng, nghĩ rằng: “Trước đây tấm vải trắng tinh, sau khi tay ta chà vuốt một hồi thì nó trở nên hoen ố. Cấu uế từ trong thân tâm này mà ra, không phải từ ngoài vào. Thế thì mọi thứ hiện hữu trên đời cũng vậy: vô thường, biến hoại!” .

Rót em ngộ lý duyên sanh và phát huy thiền quán đến cội nguồn căn đế của vạn pháp. Và, thấy cơ duyên đã đến, Đức Thế Tôn đến ngồi trước mặt Rót em, nói:

- Rót em, đừng nghĩ rằng chỉ có tấm vải này bị hoen ố, bất tịnh. Trong người con cũng đầy đầy cấu uế. Hãy thanh tẩy chúng. Con biết đấy: Tham dục là cấu uế. Hận thù là cấu uế. Si mê là cấu uế.

Đức Thế Tôn vừa dứt lời thì Rót em liền chứng quả A la hán, sung mãn thần thông diệu lực và thông đạt tam tạng giáo điển.

Trưa hôm sau, khi Ji-va-ka Kô-ma-ra-ba-ka dâng nước cho Đức Thế Tôn, Ngài đưa tay che bát, nói:

- Ji-va-ka, ở tu viện không còn ai nữa sao?

- Bạch Thế Tôn, không còn thầy nào nữa ạ! Thượng tọa Rót anh nhanh nhẩu đáp.

- Nhưng còn đây, Ji-va-ka!

Thế là Ji-va-ka cho người đến tu viện và Rót em được mời đến nhà thí chủ.

Thọ trai xong, Đức Thế Tôn bảo Rót em thay mặt đại chúng có đôi lời hỏi hướng công đức. Như một chú sư tử con với những biểu hiện thần thông kỳ lạ, Rót em cất lên những lời hùng tráng, linh hoạt, xảo diệu và hoàn toàn phù hợp với giáo pháp. Mọi người chấp tay im lặng và thán phục khôn cùng.

Tối hôm đó, sau giờ hành thiền mà đại chúng vẫn còn ngồi trong chánh điện, họ bàn tán và không ngớt lời ca ngợi thành quả siêu việt của Rốt em. Thấy vậy Đức Thế tôn vào, hỏi:

- Quý thầy có gì mà thảo luận vui thế?

- Bạch Thế Tôn, một Trưởng lão đáp, hôm trước bài kệ bốn câu không thuộc, hôm sau biện tài vô ngại, diệu lực thần thông; đúng là niệm trước mê tức chúng sanh, niệm sau ngộ tức Phật.

- Hay thay! Hay thay! Này các thầy Tỳ kheo, Đức Thế Tôn nói, thầy nào nỗ lực tu hành, toàn tâm toàn ý với chánh pháp thì sớm muộn gì cũng đạt đến thánh quả.

Ngài đọc kệ:

Nhờ nhiệt tâm cố gắng,

Tự chế, sống nghiêm trang,

Người trí xây hòn đảo,

Nước lụt khó ngập tràn.

(PC. 25)

Đại chúng hoan hỷ, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi sư đệ cùng lui về hậu thất.

NGU PHU THƯỜNG LỘNG NGŨ TRÍ GIẢ LUÔN NHIỆP TÂM

Một hôm, tại Xá Vệ có những ngày lễ gọi là “ngu phu lễ hội”: ngày hội của bọn ngu si. Nhân dịp đó, những kẻ si mê đàn độn hăm hở trét tro và phân bò lên đây người, đi đứng nghênh ngang, nói năng thô tục, cử chỉ hỗn láo, và liên tục trong bảy ngày, họ không hề bày tỏ dấu hiệu thân thiện với bất cứ ai, kể cả bà con quyến thuộc, thân hữu láng giềng hay các vị Sa môn họ gặp; họ chỉ đứng trong cửa ngõ nguyên rửa, nhục mạ, tru tréo, chửi bới những ai họ thấy đi qua. Ai không chịu nổi thái độ hỗn xược, lời lẽ thô bỉ đó thì hỏi lộ cho chúng nửa xu hay một cắc, tùy theo khả năng của mình, và chúng sẽ hân hoan, vênh váo nhận tiền rồi ra khỏi nhà.

Bấy giờ tại Xá Vệ có hàng vạn Phật tử thuần thành, quyền uy chức tước ngỏ lời với Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, trong bảy ngày này, Thế Tôn và Tăng đoàn dừng vào thành phố, nên an cư cắm túc tại tu viện.

Và trong bảy ngày đó, các đệ tử trung kiên luân phiên chuẩn bị trai phạn, rồi phái người đem đến chùa cúng dường Thế Tôn và Tăng đoàn chứ họ cũng không ra khỏi nhà. Tuy nhiên, đến ngày thứ tám, khi lễ hội kết thúc, các Phật tử thỉnh Tăng đoàn vào thành phố và cúng dường rất nhiều lễ vật. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn và cung kính ngồi sang một bên, họ trình trọng thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đã phải trải qua bảy ngày bực tâm bực trí, phiền não khôn cùng. Tai của chúng con gần như bị vỡ ra vì phải nghe những lời ngông cuồng, thô lậu của bọn ngu si, thiếu trí. Bạch Thế Tôn, khổ quá! Không còn lễ nghi, thể thống gì cả! Không còn văn minh, lịch sự gì cả! Đúng là sống với kẻ si mê ắt bốn bề sâu tối, gần với bọn ngu muội giống như gặp kẻ thù: không còn nể nang tử tế gì ráo! Chính vì thế mà chúng con không muốn Thế Tôn và Tăng đoàn vào thành hóa duyên truyền Đạo. Bản thân chúng con cũng không ra khỏi nhà.

Đức Thế Tôn lắng nghe tín tâm và thiện chí kính Phật trọng Tăng của họ, đoạn Ngài nói:

- Các Phật tử quan ngại là phải. Không ai muốn sư trưởng và thiện hữu tri thức của mình bị hủy báng, lăng nhục. Và như quý vị thấy đây, hạng ngu si mê muội thì có những lễ lược và hành xử với nhau như vậy. Còn những ai thông minh trí tuệ, nỗ lực tinh cần, chuyên tâm chánh niệm như giữ kho bảo vật thì sẽ an lạc thân tâm, liễu sanh thoát tử và chúng đắc Niết bàn.

Ngài đọc kệ:

Kẻ đần độn ngu si,
Thích buông lung phóng dật,
Người trí luôn nhiếp tâm,
Như giữ kho bảo vật.
Không say sưa dục lạc,
Không phóng dật buông lung,
Người chuyên tu thiền định,
Được an lạc vô cùng.

(PC. 26, 27)

***DUY CHỈ TRI KIẾN PHẬT
QUÁN TRIỆT VÒNG DUYÊN SANH***

Thuở nọ, Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp (Mahà Kassapa) ẩn tu trong hang động Pi-pa-li (Pipphali). Một hôm, sau khi khát thực một vòng quanh thành Vương Xá, ngài trở về tịnh xứ thọ trai rồi tham thiền, quán niệm. Ngài dùng thiên nhãn quán sát tất cả chúng sanh: tinh cần hay phóng dật, dưới nước hay trên khô, trong núi hay ngoài gò, hiện còn hay đã mất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang an trú tại tu viện Trúc Lâm, Ngài cũng dùng thiên nhãn quán sát thế gian và thấy Ma Ha Ca Diếp, đệ tử vĩ đại của Ngài đang dốc tâm quán niệm cảnh sinh diệt của chúng sanh, Ngài nói:

- Nhận thức về cảnh sinh diệt của chúng sanh không thể lãnh hội được. Chúng sanh luân chuyển từ hiện hữu này sang hiện hữu khác và luôn có khái niệm mới trong bào thai của người mẹ mà không có nhận thức của người mẹ hay người cha, và nhận thức đó không thể nắm bắt được. Ca Diếp, tri kiến của ông chưa được sâu sắc lắm, chưa có thể quán triệt được chúng đâu. Chỉ tri kiến của chư Phật mới biết và thấy được toàn bộ quá trình sinh diệt của chúng sanh.

Nói xong, Ngài phóng quang sáng ngời và hiện thân rực rỡ trước mặt Ca Diếp, đọc kệ:

Nhờ diệt trừ phóng dật,
Người trí hết ưu phiền,
Lên lâu cao trí tuệ,
Nhìn chúng khổ triền miên,
N như người hiện trên núi,
Nhìn đám ngu đất liền.

(PC. 28)

***TINH CẦN NÂNG ĐẠO NGHIỆP
GIẢI ĐÃI HẠI THÂN TÂM***

Thuở nọ, có hai Tỳ kheo lãnh thọ yếu chỉ thiền quán từ Đức Thế Tôn rồi lui về rừng Khổ Hạnh tu tập. Sáng sớm hôm đó, một vị mang củi ra, chuẩn bị lò than chu đáo để suốt canh một đêm đó ngồi sưởi ấm, tán dóc với các chú sa di và các chú điếu, thôi thì bàn tán đủ thứ: chuyện trong chùa ngoài phố, chuyện thiện nam tín nữ, chuyện xuất gia hoàn tục, chuyện giải đãi trầm

luân, chuyện cải trang khát thực, chuyện giả danh Sa môn, chuyện nghe kinh ngữ gục v.v... Các chú sa di và các chú điều cứ há mồm ra nghe thầy nhận xét và luận chuyện phiếm mà không biết chán. Trong khi vị Sa môn kia thì nhứt tâm quán niệm, hạ thủ công phu. Thấy pháp hữu của mình phí phạm giờ giấc một cách oan uổng, thầy ngỏ lời nhắc nhở:

- Thưa huynh, xin huynh đừng giận nghe! “Trung ngôn nghịch nhĩ” đó. Thấy huynh đêm đêm ngồi chơi tán gẫu uổng quá. Huynh biết đấy, thời giờ như tên bắn, ngày tháng tợ thoi đưa; vả lại “Thị phi chỉ vị đa khai khẩu”. Nói nhiều thì lỗi nhiều. Chê khen nhiều thì tâm hồn mình bị rối rắm. Đức Thế Tôn từng dạy:

Vậy đó A tu la,
Xưa nay đều thế cả,
Ngồi im bị đả phá,
Nói nhiều bị người chê,
Nói ít bị người phê,
Không ai không bị trách,
Trên trần thế bộn bề!

Phân tích, mổ xẻ, phê bình, chỉ trích thì dễ lắm, nhưng bắt tay vào việc, âm thầm hành đạo, mang lại lợi ích cho mình cho người, cho hiện tại và cho tương lai thì khó khăn vô cùng. Đúng là:

Khó thay sống khiêm tốn,
Thanh tịnh tâm vô tư,
Giản dị đời trong sạch,
Sáng suốt trọn kiếp người.

Tỳ kheo mà buông lung câu thả, lộng ngữ phóng tâm, lững thững qua ngày thì nhứt định phải đắm chìm khổ não. Không thể dùng xảo ngôn, lợi khẩu mà lường gạt ân đức của Phật Tổ, Tôn Sư. Chỗ huynh đệ thâm giao, xin huynh tha cho những lời chân tình, thăm thiết.

Động lòng tự ái, vị Sa môn giải đãi buông lời hờn mát:

- Ôi!... Phật pháp nhiệm màu, thậm thâm vi diệu, tám vạn bốn ngàn pháp môn; ông tu ông đắc bà tu bà đắc, hơi đâu mà bận tâm đến gia phong đạo nghiệp của người khác. Xin cảm ơn thiện tâm, hảo ý của đại sư. Thấy mình chưa đủ sức cảm hóa thân hữu, vị Sa môn tinh chuyên, cần mẫn liền nhập từ bi quán, cất bước hành thiền và đi vào chánh định.

Sau canh tán dóc bên lò lửa, vị Sa môn thích ba hoa đi vào cùng lúc với vị Sa môn tinh tấn, đã xả thiền và về am riêng của mình. Lát sau, thấy vị sư tinh tấn nằm ngủ, vị giải đãi đến thả giọng đâm hông:

- Ủa! Đại sư lãnh thọ yếu chỉ thiền tông của chư Phật để rồi vào rừng ăn no, ngủ kỹ như vậy à?! Đại sư không chuyên tâm tinh thức, nội quán thanh lương nữa sao?

Nói xong, sư về phòng nằm đánh một giấc ngon lành tới sáng. Còn sư tinh tấn thì canh ba thức dậy, quán niệm, thiền hành, và sau một thời gian nỗ lực tu tập, sư chứng quả A la hán, đầy đủ thần thông diệu dụng; trong khi sư ba hoa kia thì mãi lún sâu vào nếp sống buông lung, phóng dật.

Sau giai đoạn ẩn tu trong rừng khổ hạnh, hai sư cùng về thăm Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn rất hoan hỷ và ngỏ lời thăm dò:

- Ta tin là các thầy đã nỗ lực trong nếp sống tinh tấn tu hành. Ta tin là các thầy đã thành tựu đạo nghiệp.

Vị sư phóng túng đáp:

- Bạch Thế Tôn, làm sao thầy ấy có thể được gọi là tinh chuyên cần mẫn! Từ khi xa Đức Thế Tôn, thầy ấy chỉ biết trường dưỡng sắc thân, ngủ nghỉ thoải mái.

- Còn thầy thì sao? .- Đức Thế Tôn hỏi.

- Con ấy à! Bạch Thế Tôn, sáng sớm con đem củi ra chuẩn bị một lò than thơm tất để đêm đêm ngồi sưởi ấm và luận chuyện đông tây kim cổ chứ không ngủ.

- Thầy đã hoang phí thời giờ trong buồng lung thất niệm mà gọi là chuyên tâm thiền định sao?! .- Đức Thế Tôn nói. Thầy đã làm hạnh nỗ lực tinh cần với tính buông lung cầu thả. Thầy biết đấy, trong cuộc so tài, con tuấn mã bao giờ cũng bỏ xa con ngựa hèn.

Ngài đọc kệ:

Tinh cần giữa phóng dật,

Tinh thức giữa ngủ mê,

Người trí như tuấn mã,

Bỏ xa con ngựa hèn.

(PC. 29)

Phần 5 - ĐA NGHI ÁY BÌNH PHẠM PHU TRÁI TÂM ĐỨC HẠNH ĐƯỜNG TU THÁNH HIỀN

Thuở nọ hoàng tử Ma-ha-li (Mahàli) sống tại Tỳ Xá Li, nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng công đức vô biên và hạnh nguyện cao cả của thiên chủ Đế Thích (Sakka), chàng đâm ra nghi ngờ, tự hỏi:

- Đấng đại giác Thế Tôn mô tả thiên chủ Đế Thích thật là rực rỡ huy hoàng, nhưng không biết Ngài đã thực sự nhìn thấy Đế Thích chưa? Ngài đã quen biết Đế Thích chưa? Ta sẽ đến hỏi Đức Thế Tôn cho ra lẽ mới được.

Thế là hoàng tử Ma-ha-li đến gặp Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ Ngài, rồi trình trọng ngòì sang một bên và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, Ngài đã thực sự nhìn thấy thiên chủ Đế Thích chưa?

- Thấy rồi, Ma-ha-li! Ta đã nhìn thấy thiên chủ Đế Thích tận mắt.

- Bạch Thế Tôn, đó chẳng qua là bóng dáng giả danh của Đế Thích đó thôi, bởi vì, bạch Thế Tôn, Đế Thích đâu phải là lọ hoa, bình nước mà ai cũng nhìn thấy. Theo con, thấy được Đế Thích quả là chuyện hy hữu, nếu không muốn nói là huyền hoặc.

- Nhưng, này Ma-ha-li, ta biết rõ Đế Thích. Ta biết Đế Thích đã được hun đúc bởi những đức hạnh gì. Ta biết quả vị Đế Thích đã được thành tựu nhờ những công phu tu dưỡng như thế nào.

Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người được may mắn sinh ra trong hoàng cung nên được gọi là hoàng tử Ma-ga (Magha). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người đã làm nhiều việc phước thiện nên được gọi là Pu-rin-đa-đa (Purindada). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người không ngừng phát huy hạnh nguyện bố thí nên được gọi là Xa-ka (Sakka). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người luôn luôn dốc tâm xây nhà, dựng trại cho kẻ gặp cảnh khốn cùng nên được gọi là Va-xa-va (Vàsava). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người có thể nghĩ ra trăm công nghìn việc chỉ trong khoảnh khắc nên được gọi là Xa-ha-xa-kha (Sahassakkha). Này Ma-ha-li, thiên chủ Đế Thích cũng có một cô trình nữ tên là Xu-ja-ta (Sujata) làm vợ, nên được gọi là Xu-jam-pa-ti (Sujampati). Này Ma-ha-li, thiên chủ Đế Thích cũng giữ vai trò chủ quản thiên thân ở tầng trời thứ Ba mươi ba nên được gọi là Thiên Vương. Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người đã phán đấu hoàn tất bảy lời thệ nguyện, nên đạt đến quả vị Đế Thích. Bảy lời thệ nguyện đó là:

Một là phụng dưỡng mẹ cha,
Hai là cung kính cúng dường Sa môn,
Ba là ăn nói ôn tồn,
Bốn là tránh tiếng vu oan cho người,
Năm là bỏ tánh xan tham,
Đầu óc phóng khoáng, tâm hồn thanh cao,
Thuận lời thỉnh nguyện thừa cầu,
Hoan hỷ bố thí suốt đời không tranh,
Sáu là nói giọng chân thành,
Bảy là dứt hẳn mối manh giận hờn.

Này Ma-ha-li, trong tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích đã dốc tâm, dốc sức hoàn tất bảy lời thệ nguyện như vậy nên đạt được quả vị Đế Thích.

Sau đó Đức Thế Tôn kể lại toàn bộ quá trình tu dưỡng và công hạnh bố thí, cúng dường vĩ đại của thiên thần Ma-ga (Maghà), rồi Ngài đọc kệ:

Đế thích đạt thiên vương,
Nhờ tinh cần đi tới,
Tinh cần được ca ngợi,
Buông lung bị trách chê.

(PC. 30)

THOÁNG NHÌN NGỌN LỬA RỪNG LIÊN BỪNG LÊN THÁNH ĐẠO

Thuở nọ, có một Sa môn lãnh thọ yếu chỉ thiên quán từ Đức Thế Tôn rồi lui về rừng sâu tu tập. Mặc dù sự chuyên tâm cần mẫn, nỗ lực tiến tu, phấn đấu hàng phục mọi trở ngại, nhưng sự vẫn chưa đạt đạo quả. Do đó, sự tự nhủ:

- Ta sẽ về thỉnh Đức Thế Tôn cho ta một chủ đề thiên quán khác hay hơn, cụ thể hơn, hợp với khả năng và nhu cầu của ta hơn.

Tạm biệt núi rừng, sự trở về Trúc Lâm để bày tỏ công phu tu tập của mình chưa được thành tựu và xin Ngài một công án khác. Trên đường về, sự bất gặp một cảnh cháy rừng khủng khiếp: những ngọn lửa phừng phừng cứ mỗi lúc một lên cao, rồi trải dài, lan rộng như một biển lửa. Thầy vội chạy lên ngòi trên một đỉnh đồi trọc để tránh nạn. Thấy cây cối thảo mộc cứ dần dần bị thiêu hủy bởi muôn ngàn ngọn lửa hung tàn, sự nhận ra yếu chỉ và nhập định quán tưởng:

“Nhu đám cháy cứ mỗi lúc một lan dần và thiêu sạch mọi chướng ngại lớn nhỏ. Ta cũng vậy, phải dũng mãnh đi tới, bởi vì hồng nào hồng chẳng có gai, thành công nào lại không dài gian lao. Ta phải quyết chí vươn lên, đoạn diệt mọi nghịch duyên vướng mắc bằng ngọn lửa trí tuệ và thánh đạo” .

Đang thiền định trong tịnh xá, Đức Thế Tôn nhìn thấy dòng tư tưởng hưng phấn, quyết liệt của vị Sa môn tinh cần, Ngài cất lời tán thán:

- Đúng thay!... Đúng thay!... Sa môn . Như ngọn lửa thiêu hủy mọi chướng ngại lớn nhỏ. Cũng vậy, cần có ngọn lửa trí tuệ để thiêu sạch mọi ràng buộc vi tế hay thô lậu trong mỗi chúng sanh.

Ngài phóng quang rực rỡ, phân thân đến ngồi trước mặt vị Sa môn trí tuệ và kiên định kia, ngỏ lời tán thán và đọc kệ:

Tỳ kheo sợ phóng dật,
Thích nỗ lực tinh cần,
Như ngọn lửa lan dần,
Thiêu sạch mọi kiết sử.

(PC. 31)

Ngài vừa dứt lời thì vị Sa môn liền chứng quả A la hán, đầy đủ phước trí trang nghiêm, sung mãn thân thông diệu lực. Sư xả thiền, lên đường trở về Trúc Lâm hầu thăm Đức Thế Tôn.

BIẾT ĐỦ THÌ AN LÀNH CẦU CẠNH SANH KHỔ LỤY

Thuở nọ có một thanh niên tên là Ni-ga-ma Ti-xa (Nigama Tissa), sinh trưởng tại một thị trấn cách thành Xá Vệ không xa, xuất gia theo Phật, gia nhập Tăng đoàn. Sư lúc nào cũng chu toàn bổn phận, mẫu mực trang nghiêm, tinh chuyên nỗ lực; nổi bậc nhất là hạnh cần kiệm, tri túc, thanh tịnh, quyết tâm, và cũng chính nhờ những phẩm hạnh đó mà sư trở thành biểu tượng cao đẹp cho toàn thị trấn. Sư thường đi khất thực một vòng quanh làng, nơi bà con thân tộc của sư cư ngụ. Mặc dù rất nhiều Phật tử, đặc biệt là trưởng giả Cấp Cô Độc và quốc vương Ba Tư Nặc (Pasennadi), hai đại thí chủ, cúng dường vô số lễ vật cho Tăng đoàn tại thành Xá Vệ, nhưng Sa môn Ti-xa vẫn không bao giờ đến đó.

Thấy Ti-xa thường thiền hành và khất thực quanh quần trong làng, các Sa môn một hôm đến thưa với Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sư Ni-ga-ma Ti-xa lúc nào cũng bận bịu, vương vীu với bà con thân tộc, không bao giờ lên Xá Vệ kinh hành khát thực, cho dù trường giả Cấp Cô Độc và quốc vương Ba Tư Nặc cúng dường rất nhiều lễ vật, không đâu sánh bằng.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn cho mời Ti-xa đến, hỏi:

- Nghe nói thầy ngày ngày quanh quẩn, liụ bịu với bà con xóm làng, không bao giờ lên thành hóa duyên truyền đạo, khát thực thiền hành, có đúng vậy không?

- Bạch Thế Tôn, không phải con nặng lòng gắn bó với bà con thân tộc. Con chỉ nhận vật thực của họ vừa đủ mỗi ngày một bữa cho con. Dù ngon hay dở, con vẫn nhiếp tâm thọ dụng, tán thán và chú nguyện công đức của đàn na thí chủ. Bạch Thế Tôn, con nghĩ như vậy là đủ lắm rồi. Mình chẳng lao động sản xuất ra của cải vật chất mà ngửa tay đón nhận lễ vật cúng dường quá nhiều thì e rằng không hợp, con sợ lắm!

Biết rõ tánh hạnh của Ti-xa, Đức Thế Tôn mỉm cười, ca ngợi:

- Lành thay, lành thay, Sa môn! Ta rất vui là có được một môn đệ như vậy. Nay Ti-xa, cần kiệm là bản chất và tập quán của ta đó!

Rồi, theo yêu cầu của đại chúng, Đức Thế Tôn kể một truyện tích như sau:

*

* *

Ngày xưa, có một bầy kết nhiều đến hàng mấy ngàn con sinh sống tại một cánh rừng toàn cây vả, trong rặng Hy Mã Lạp Sơn, trên bờ sông Hằng. Gặp mùa hạn hán, cây cỏ khô cằn, hoa quả tàn rụi, sông ngòi cạn kiệt. Không còn trái cây để ăn, bầy kết mỗi lúc một lâm vào tình trạng nguy kịch. Bấy giờ con kết đầu đàn không chê ngon dở, hợp khẩu hay không; nó gặp thứ gì ăn được thì ăn: hoặc lá chồi khô héo, hoặc vỏ rễ cứng dòn; ăn xong xuống sông Hằng uống nước rồi bay lên cành cây thông dong ca hát, vui vẻ hài lòng với nếp sống hiện tại của mình. Thấy rõ nguyên nhân và phẩm hạnh tri túc của con kết đầu đàn, Đế Thích quyết định thử nghiệm bằng cách vận dụng thần thông xô ngã các cây, chỉ còn trơ vơ những gốc rễ khẳng khiu, nứt nẻ lổm chổm. Mỗi khi gió lộng, hơi nóng bốc lên, bụi bay mù mịt, kết đầu đàn vẫn ung dung tự tại, thư thả trong lòng: mổ rĩa một vài mẫu rễ cây nho nhỏ rồi xuống sông uống nước, lên cành líu lo, mặc cho gió gào, nắng gắt.

Thấy phong thái tự nhiên, tâm hồn an lạc của con kết, Đế Thích tự nhủ:

- Ta sẽ đến gặp kết để thấy rõ hơn tình thân hữu, và làm cho cánh rừng và đầm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái trở lại.

Đế Thích cải dạng thành một con ngỗng trời xinh đẹp bay đến đậu trên một gốc cây, rồi tỏ vẻ thân thiện bắt chuyện với kết:

Kết này:

Có nhiều cây xanh lá,
Vớ trái ngọt đầy cành,
Sao kết vẫn an phận,
Vớ gốc rễ vây quanh!

Kết đáp:

Ta vốn thích an lành,
Thuận theo từng tình cảnh,
Tri túc và chánh hạnh,
Cho trọn vẹn ngày xanh!

Im lặng trong giây lát, Đức Thế Tôn mỉm cười, nói:

- Này các thầy Tỳ kheo, Đế Thích bấy giờ là A Nan, còn con kết đầu đàn chính là ta vậy. Các thầy thấy đấy, biết đủ là bản chất và tập quán của ta đó! Và cũng chả có gì xa lạ, Ni-ga-ma-va-xi Ti-xa (Nigamavàsi Tissa), luôn luôn an lạc và biết đủ, đã từng là con trai của ta nên đã nhận ta làm Thầy. Một Sa môn như thế thì nhứt định phải đạt đến niết bàn.

Ngài đọc kệ:

Tỳ kheo thích tinh cần,
Sợ hãi nhìn phóng dật,
Ắt không bị thối thất,
Nhất định gần niết bàn.

(PC. 32)

XA CHÙA XA BẠN XA THẦY NHƯ CHIM XA TỔ NHƯ CÂY XA RỪNG

Thuở xưa, vì sự ràng buộc, bức bách của ba dòng tư tưởng độc hại tham, sân, si nên Trưởng lão Mê-ghi-da (Meghiya) không thể tiếp tục tu tập hành thiền trong khu rừng xoài, mà phải trở về gặp Đức Thế Tôn để giải bày tâm sự. Vừa thấy Thế Tôn ngồi giữa đại chúng, Trưởng lão Mê-ghi-da liền ngỏ lời chào hỏi, cung kính đánh lễ Ngài và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin sám hối về cái tội đã không nghe lời khuyên răn của Đức Thế Tôn, đã tự ý vào rừng tịnh tâm tu niệm. Nhưng, bạch Thế Tôn, tu tập một mình, xa cách đồng môn pháp lữ quả thật vô cùng khó khăn. Cái cảm giác cô đơn trống vắng cứ vang dội trong tim, trong óc con; nhất là từ khi xa Đức Thế Tôn, không biết sao tâm ý con cứ chập chờn loạn động, thoát đến thoát đi, lảng nhãng lít nhít, không sao tĩnh tâm, định ý được; ngay trong giấc ngủ con cũng không cảm thấy an lành, cái tâm quả thật đáng sợ, khó bề nhiếp phục làm sao!

Đức Thế Tôn mỉm cười, nói:

Vậy đó! Tăng ly chúng tăng tàn, hổ ly sơn hổ bại. Tôi khuyên thầy ở lại tu tập với tôi một thời gian, chờ thầy khác đến rồi thầy hãy đi, vậy mà thầy nỡ để tôi một mình một bóng nơi đây. Tỳ kheo không được tự ý bỏ Thầy ra đi trong khi Thầy yêu cầu mình ở lại. Thầy đã phạm phải một lỗi làm nghiêm trọng đó, Mê-ghi-da! Hơn nữa, như thầy biết đây, trên bước đường tu tập, không phải Tỳ kheo nào cũng cảm thấy dễ dàng trong việc điều phục thân tâm, bởi vì tâm ý con người luôn luôn thay đổi, hiện khởi liên tục như những đợt sóng cuộn cuộn trên mặt đại dương. Nếu không thân cận với các bậc thiện hữu tri thức, tôn đức minh sư thì khó mà hộ trì nhiếp phục, thúc liễm vọng tâm lắm Mê-ghi-da à!

Ngài đọc kệ:

Tâm dao động bất thường,

Khó hộ trì nhiếp phục,

Người trí điều tâm phúc,

Như thợ tên uốn tên.

Như cá vớt khỏi nước,

Quãng trên bờ vực khô,

Tâm lo sợ vùng vẫy,

Vượt thoát cảnh ma đồ.

(PC. 33, 34)

Vừa nghe Đức Thế Tôn đọc kệ xong thì Trưởng lão Mê-ghi-da liền chứng quả Tu đà hoàn, một số Sa môn khác chứng quả Tư đà hàm và A na hàm. Tất cả đều lâng lâng hỷ lạc, đứng lên niệm danh hiệu Đức Bổn Sư và đánh lễ Ngài ba lần. Sư đệ nhìn nhau bằng ánh mắt thân thương với nụ cười nồng ấm như ánh nắng ban mai sưởi ấm rừng núi đông phương.

CHỨNG ĐẮC THA TÂM THÔNG DO KỶ CÔNG QUÁN NIỆM

Tại vương quốc Kô-xa-la (Kosala), dưới chân một dãy núi, có một ngôi làng xinh xinh tên là Ma-ti-ka (Matika). Một hôm, sáu mươi Sa môn cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn, lãnh thọ yếu chỉ thiền quán, rồi đến ngay làng này khát thực. Đây là ngôi làng trù phú, dân cư đông đúc và rất mực thuần thành với quý sư. Trưởng làng là Ma-ti-ka, một Phật tử trung kiên và gương mẫu trong mọi công tác phật sự. Bấy giờ mẹ của Ma-ti-ka, một ưu bà di nhân hậu, đứng nhìn đoàn Sa môn đang lặng lẽ đếm từng bước thiền hành dưới bóng xoài râm mát, bà sung sướng đem nhiều lễ vật ra cúng dường quý sư và hỏi:

- Xin thưa... quý sư định đi đâu?

- Đến nơi nào tạm ổn, thưa cụ.

Hiểu được tâm trạng các Sa môn đang cần một nơi an cư trong mùa mưa, bà liền quỳ xuống, đánh lễ và thưa:

- Nếu quý sư an trú ba tháng nơi đây thì thật là phúc cho cả làng, chúng con sẽ có dịp thọ trì tam quy ngũ giới và thân cận với quý sư.

Thấy lời thỉnh nguyện chân thành của một cụ bà chánh tín, các sư chấp thuận và có cùng một ý nghĩ:

- Lành thay! Chúng ta đã gặp thiện duyên. Vậy là khỏi bận tâm về chuyện ẩm thực và trú xứ. Chỉ còn nỗ lực tu tập sao cho tương xứng với tấm lòng tinh khiết của bá tánh thập phương.

Thế là mẹ của Ma-ti-ka đích thân lo việc xây dựng một tu viện và nhiều am thất làm nơi tịnh tâm tu dưỡng cho các Sa môn. Trước tinh thần hộ trì Tam bảo cao cả của cụ bà khả kính, các sư, một hôm, nhóm họp giữa chánh điện, và Thượng tọa trưởng đoàn đã thốt lên những lời phát nguyện đầy cảm kích, quyết tâm tu tập và sách tấn cho nhau:

- Thưa quý huynh đệ, chúng ta đã có duyên lành sanh được làm người, được Đức Thế Tôn thọ ký và trao truyền giáo pháp, được thập phương thí chủ lân mẫn hộ niệm; vậy chúng ta hãy ra công tu tập, cần mẫn tinh chuyên, hàng phục vọng niệm để khỏi phụ lòng đàn na tín thí, và nhất là khỏi rơi vào tình trạng hoang mang lo sợ như đàn cá trong ao mỗi ngày một cạn nước. Chắc quý huynh đệ đều nhận thấy rằng ân đức và đạo nghiệp của Đức Thế Tôn

không thể đền đáp bằng tâm ý buông lung, vọng cầu thất niệm. Mô Phật, xin quý huynh đệ niệm tình cho cái tội trực ngôn tự đáy lòng này.

Không ai bảo ai, tất cả đều chấp tay, cúi đầu xá trong im lặng.

Sau đó mỗi sư về tịnh thất riêng của mình với thỏa thuận rằng: nếu có ai ngã bệnh thì đến chánh điện thỉnh ba tiếng chuông, tất cả tăng chúng sẽ đến thăm và giúp đỡ bệnh nhân.

Một hôm, trong khi các sư đang nhập thất tịnh tu, thì cụ bà Phật tử cùng với một nhóm gia nhân đem bọ, sữa, mạch nha, mật ong v.v... đến cúng dường Tăng đoàn nhưng không thấy ai trong tu viện. Bà hỏi vài ba Phật tử lân cận thì họ cho biết là các sư đang chuyên tâm tu niệm trong am thất, không ra ngoài. Nếu muốn gặp họ thì đến chánh điện thỉnh ba tiếng chuông. Bà làm theo lời hướng dẫn và thấy các sư lác đác đến từ khắp mọi phía. Bà thăm nghĩ:

- Hẳn là các sư đã có chuyện bất hòa với nhau rồi!

Sau khi đánh lễ Tăng đoàn, bà lên tiếng thưa:

- Kính bạch chư sư, chẳng hay các sư có gì chưa vừa ý? Có tranh luận, cãi vã gì không? Sao Tăng đoàn trông có vẻ rời rạc thế này?

- Dạ, không có gì vướng mắc. Thượng tọa trưởng đoàn đáp. Chúng tôi đang tu tập thiền định, đang quan sát và quán chiếu 32 thành phần cấu tạo cơ thể, gọi là niệm thân, thưa cụ!

- Quán chiếu các thành phần cơ thể để làm chi?

- Để biết thân này vốn do duyên sanh, không có thật tánh; để thấy rõ bốn sự thật cao cả: sanh-lão-bệnh-tử mà Đức Thế Tôn đã tuyên dương sau ngày thành đạo cho năm người bạn cũ của Ngài.

- Chỉ có các sư mới được phép thực hành thiền định, quán chiếu sắc thân? Phật tử chúng con tu tập như vậy được không?

- Được chứ, thưa cụ! Pháp môn thiền định đâu chỉ dành riêng cho ai.

- Vậy thì xin các sư hướng dẫn cho chúng con với.

- Hay thay, thưa cụ!

Các sư dạy cho bà thực tập pháp môn quán niệm về 32 thành phần cấu tạo sắc thân, và chỉ trong một thời gian ngắn, bà chứng đắc ba thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm; bốn phép thần thông: thần túc thông, tha tâm thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, và vượt qua ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Bằng cái nhìn liễu ngộ siêu việt và niềm hoan hỷ đạt đạo, bà tự nhủ:

- Không biết đến bao giờ các sư mới đạt thánh quả! Các sư còn nhiều bận bịu quá! còn bị vướng kẹt trong vòng xích tham sân si. Các sư quán chiếu nhiều mà chưa nếm được hương vị thiền duyệt.

Nhưng sau đó bà nhận thấy các sư cũng có đủ nhân duyên và phương tiện hành trì giáo pháp như y phục, phòng xá, thuốc thang v.v... nhất là năng lực nội quán thanh lương của các sư để đạt đến đạo quả. Bà thiết lễ trai tăng tại nhà với nhiều lễ vật và thực phẩm đặc biệt rồi thỉnh Tăng chúng đến thọ thực. Trong lúc chúng trai, các sư chú tâm về ba mục tiêu: nguyện đoạn đứt thiết ác, nguyện tu đứt thiết thiện, thế độ đứt thiết chúng sanh; và năm phép quán về tự thân: 1. Xem xét khả năng thiền định. 2. Đánh giá đức hạnh tu hành. 3. Hàng phục tham tâm vọng tưởng. 4. Nghĩ thực phẩm là thuốc hay. 5. Vì đạo nghiệp mà thọ thực. Trong lúc đứt tâm quán niệm, các Sa môn bỗng thấy thân tâm khinh an, thanh tịnh và chứng quả A-la-hán. Họ cùng nhau tán thán:

- Lành thay! Cao quý thay công đức hộ trì Tam bảo. Nếu không có lễ Trai Tăng hôm nay, chúng ta hẳn không bao giờ chứng thành đạo quả.

Sau đó, Tăng chúng quyết định về hầu thăm Đức Bổn Sư. Họ cùng nhau đến thăm và ngỏ lời tạm biệt vị ân nhân cao quý được xem như mẹ hiền.

- Kính bạch tôn thân, hôm nay chúng con về thăm Đức Từ Phụ, xin cảm ơn đôi tay từ ái của mẹ, chúc mẹ ở lại mạnh khỏe trong ánh hào quang của chư Phật.

- Lành thay! Chúc các sư lên đường bình an. Và cho đệ tử kính lời hầu thăm Đức Thế Tôn.

Khi tăng chúng về đến Xá Vệ, họ đánh lễ Đức Thế Tôn và cung kính ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

- Các thầy tu hành tiến bộ chứ? Có gì trở ngại trong việc sinh hoạt, ẩm thực và trú xứ không?

- Bạch Thế Tôn, chúng con đã gặp thiện duyên, đã được một Phật tử Ưu bà di hết lòng hộ đạo nên ba tháng an cư của chúng con rất hanh thông, tốt đẹp. Bà là mẹ của Ma-ki-ta. Bà đọc được tâm trạng và ý nghĩ của chúng con nên bà hộ trì vật thực rất chu đáo.

Một Sa môn nghe quý huynh đệ tán thán công đức của nữ thí chủ liền muốn đến đó tham thiền.

Sau khi thọ lãnh yếu chỉ thiền quán từ Đức Thế Tôn, sư đánh lễ Ngài, ngỏ lời tạm biệt Tăng chúng, từ giã tu viện Kỳ Viên, và thẳng đường đến làng Ma-ti-ka. Vừa vào tu viện, sư liền nghĩ: “Ta nghe nói có một tín nữ biết rõ

tâm tư nguyện vọng của người khác. Ước gì giờ đây có người đến quét dọn tu viện chứ ta mệt lắm rồi, cuộc hành trình dài quá!” .

Thế là bà liền cho người đến vấn an sức khỏe sư và quét dọn phòng ốc sạch sẽ.

Từ đó sư nghĩ cần thức ăn thức uống gì thì bà liền cho người mang đến ngay.

Được ít lâu, sư thăm nghĩ: “Nữ thí chủ này đọc được từng ý nghĩ của ta. Ta phải gặp bà tận mắt. Ước gì bà đích thân mang lễ vật đến chùa lễ Phật cho ta thăm một chút” .

Bà liền đem lễ vật đến thăm sư.

Trong lúc thọ thực, sư hỏi:

- Thừa cụ, cụ là mẫu thân của Ma-ti-ka?
- Đúng vậy, bạch Đại đức.
- Cụ đã đắc tha tâm thông?
- Sao sư hỏi thế?
- Cụ đã đáp ứng mọi nhu cầu theo ý nghĩ của tôi.
- Biết bao Sa môn cũng hiểu được như vậy.
- Tôi không hỏi người khác. Tôi đang hầu chuyện với cụ.

Bà cụ vẫn một mực tìm cách tránh né câu trả lời.

Bấy giờ vị Sa môn liền tự nghĩ: “Ta đang ở trong một tư thế lúng túng nhất. Cư sĩ mà có thần thông, thấy được tư tưởng cao thượng hay thấp hèn của người khác. Nếu như ta khởi tâm vọng niệm sai lầm thì chắc là bà sẽ vồ vào đầu ta như tóm chặt một tên trộm. Khiếp quá! Ôi thôi, tốt nhất là ta phải rời khỏi nơi này” . Sư nói:

- Thừa cụ, tôi muốn đi đây.
- Sư sẽ đi đâu?
- Về thăm Đức Thế Tôn.
- Hãy ở lại đây thêm một thời gian nữa, bạch Đại đức.
- Không thể ở lâu hơn nữa. Tôi dứt khoát phải đi thôi, thưa cụ.

Và thế là sư tạm biệt bà, lên đường trở về với Đức Thế Tôn.

Vừa gặp sư, Đức Thế Tôn hỏi:

- Thầy không ở đó nữa sao?

- Bạch Thế Tôn, con không thể ở đó được nữa.
- Vì sao thế?
- Bạch Thế Tôn, cụ bà Phật tử đó biết rõ từng ý nghĩ của con. Con nhận thấy cư sĩ mà có thần thông, phân minh, tách bạch được tư tưởng cao thượng hay thấp hèn của người khác. Nếu như con khởi tâm vọng niệm sai lầm thì chắc bà sẽ vồ vào đầu con như tóm chặt một tên trộm. Khiếp quá! Bạch Thế Tôn, con phải về lại thôi.
- Đây, đó chính là nơi cho thầy an tâm tu tập.
- Con không thể, bạch Thế Tôn. Con không dám ở đó nữa.
- Ở kia! Vậy thầy có thể phòng hộ một điều duy nhất không?
- Dạ!... Bạch Thế Tôn, ý Thế Tôn ... con chưa hiểu!
- Hãy phòng hộ tâm tư, tức điều phục tư tưởng, vì tư tưởng khó nhiếp phục lắm. Hãy thúc liễm tâm tư, đừng để tâm dong ruổi, vì tâm tư khó hàng phục lắm.

Ngài đọc kệ:

Tâm đôi thay khó kiểm,
 Vun vút theo dục trần,
 Lành thay điều phục tâm,
 Điều tâm thì an lạc.

(PC. 35)

Theo lời Đức Thế Tôn, sư trở lại tu viện và, sau một thời gian hành thiền, sư cũng chứng quả A la hán với sự trợ giúp chân tình của cụ bà hảo tâm và đầy thần lực.

Phần 6 - CHƯA MẶC CA SA NGẠI VIỆC NHIỀU MẶC RỒI VIỆC LẠI TRỮ VAI THÊM

Tương truyền rằng trong khi Đức Thế Tôn đang an trú tại Xá Vệ thì có cậu thanh niên, con trai của một trưởng ty ngân khố, đến gần một Trưởng lão đang đứng khát thực trước nhà cậu và hỏi:

- Bạch Trưởng lão, con muốn hết khổ. Xin Trưởng lão từ bi chỉ cách cho con giải trừ đau khổ.
- Hay thay! Nguyên cầu thập phương Tam bảo gia hộ cho cậu được an lành. Vị Trưởng lão chấp tay chú nguyện và tiếp:

- Nếu muốn hết khổ thì hãy phát tâm bố thí, cúng dường y phục, thực phẩm, phòng xá, thuốc thang v.v... cho Tăng chúng. Hãy chia tài sản ra làm ba phần: một phần để cứu kinh doanh, phần thứ hai cho vợ con, và phần thứ ba phụng sự Tam bảo.

- Hay thay! Bạch Trưởng lão.

Cậu thanh niên hứa làm đúng theo lời dạy của vị Sa môn. Sau đó cậu lại hỏi:

- Bạch Trưởng lão, con còn phải làm gì nữa?

- Nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, và thọ trì năm giới: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

- Hay thay! Bạch Trưởng lão.

Cậu nguyện thọ trì tam quy, ngũ giới. Rồi cậu hỏi tiếp:

- Còn gì nữa, bạch Trưởng lão?

- Còn chứ! Sau năm giới, đến mười giới. Con nên giữ thêm năm giới nữa, tức là không được mang hoa, thoa hương, đánh phấn; không được ca, múa, đàn, hát, hoặc đi xem, nghe; không được ngồi giường cao, rộng lớn; không được ăn lất nhắt, phi thời; và không được cất giữ vàng bạc, châu báu. Con thọ trì được không?

- Thừa được, bạch Trưởng lão.

Cậu phát tâm tôn kính Tam bảo và giữ gìn giới luật tinh nghiêm, nhưng cậu lại hỏi:

- Còn gì nữa, bạch Trưởng lão?

- Còn việc duy nhất nữa là cậu nên xuất gia làm Sa môn như bản tăng đây vậy.

Cậu thanh niên vô nhà thưa với cha mẹ rồi theo Trưởng lão đến gặp Đức Thế Tôn, xin quy y và làm đệ tử Ngài.

Sư được hai Trưởng lão hướng dẫn tu tập: một là thầy giáo thọ, chuyên về luận lý (Abhidhamma) và một là thầy giám luật, chuyên về giới luật (Vinaya). Khi học với thầy giáo thọ thì phải đạt cách lý luận sắc bén, ngữ khí hùng hồn; thế này hợp lý, thế kia phi lý v.v... Còn khi đến với thầy giám luật thì đâu là dung nghi đỉnh đặc, ngôn hạnh đoan trang, chỉ trì tác phạm v.v... Rồi còn phải khất thực, thiền hành, chấp tác!... Ôi, sao mà phải học, phải nhớ, phải làm nhiều thứ quá! Mệt quá! Cậu đâm ra chán nản, thối chí và thậm nghĩ: “Ồ đời vốn khổ, vô chùa thoát khổ nhưng lại khổ hơn. Đúng là: “Vị trước ca sa hiem đa sự, trước đắc ca sa sự cánh đa”. Thôi, thôi!... Ta phải về lại với cuộc sống gia đình, tự do hơn, thoải mái hơn; nhất là với vai

trò một gia trưởng, khỏi phải trùng tuyên văn nghĩa và lễ nghi cung cách gì cả” .

Từ đó, sư đâm ra hoang mang, thất vọng, bất mãn, không thiết tha học hành và thực tập thiền quán. Sư mỗi lúc một gầy guộc, hốc hác, da thịt nhăn nheo, gân cốt nhô lên khắp người. Tâm trạng chán chường, mệt mỏi dần vất sư khiến cho toàn thân mang đầy sẹo vảy. Thấy sư tiêu tụy cả thân tâm, các chú đệ tử và Sa di đến thăm sư, hỏi:

- Sư đi đứng ngồi nằm ở đâu mà mang bệnh tội nghiệp thế này?! Đừng buồn nghe! Chắc sư bị ung thư quá! Thấy sư ngày một teo tóp, da thịt rúm riu, gân cốt lòi ra, còn sẹo sọ đầy người nữa chứ!... Sư đã làm gì đến nông nỗi này!

- Tôi chán quá!

- Vì sao?

Sư kể hết tâm sự cho các chú nghe, các chú kể lại cho hai thầy giáo thọ và giám luật biết, thế là hai Trưởng lão đưa sư đến gặp Đức Thế Tôn.

Thấy các Sa môn đến, Đức Thế Tôn hỏi:

- Các thầy đến có chuyện chi?

- Bạch Thế Tôn, sư này nản lòng, thối chí, không thích tu nữa.

- Sao vậy?... Các thầy nói thế có đúng không?

- Dạ... thưa đúng, bạch Thế Tôn!

- Thầy bất mãn về chuyện gì?

- Bạch Thế Tôn, con đi tu để cầu mong thoát khổ, nhưng vô chùa thấy còn khổ hơn. Đến thầy giáo thọ thì phải nghe, phải thuộc những đoạn văn lý luận dài dằng dặc; còn đến thầy giám luật thì phải luyện tâm dưỡng chí, trụ chỉ oai nghi với những giới luật khắt khe, vi tế. Mệt quá! Bạch Thế Tôn, con muốn hết khổ, nhưng lại chuốc khổ vào thân. Ở đây, con nghĩ, không còn một kẽ hở cho con dang tay hít thở khí trời. Bạch Thế Tôn, cho con về. Làm chủ hộ đờ khổ hơn làm thầy tu.

- Nay, thầy muốn giải thoát khổ đau, vậy mà thầy không hàng phục được một điều gây ra đau khổ.

- Dạ!... điều gì, bạch Thế Tôn?

- Thầy có thể điều phục được tư tưởng của thầy không?

- Dạ!... con có thể, bạch Thế Tôn.

- Vậy thì hãy nỗ lực phòng hộ tư tưởng của thầy.

Ngài đọc kệ:

Tâm tế vi, khó thấy,
Vun vút theo đục trần,
Người trí phòng hộ tâm,
Phòng tâm thì an lạc.

(PC. 36)

TÂM LANG THANG PHIÊU BẠT ĐẬP QUẠT VÀO ĐẦU THẦY

Truyện kể rằng có một thanh niên thuộc dòng danh gia vọng tộc sống tại Xá Vệ. Sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, cậu xin xuất gia, hội nhập Tăng đoàn, thọ cụ túc giới, và chỉ trong vài hôm, cậu chứng quả A la hán. Cậu được mệnh danh là Trưởng lão Xan-ga-ra-ki-ta (Sangharakkhita). Khi cô em út của Trưởng lão sanh được một bé trai, cô đặt tên cháu theo tên Trưởng lão, và do đó cháu được gọi là cháu Xan-ga-ra-ki-ta. Đến tuổi trưởng thành, cháu được phép vào Tăng đoàn và mang cùng danh hiệu với Trưởng lão. Sau khi thọ giới sa di, chú được an cư với đại chúng trong ba tháng mưa tại một tu viện xa xôi ở nông thôn. Chú được cúng dường hai bộ y hậu, một dài, một ngắn. Chú quyết định cúng bộ y dài cho Trưởng lão y chỉ sư, và giữ lại cho mình bộ y ngắn hơn. Mãn mùa an cư, chú trở về thăm Trưởng lão y chỉ, và tiện đường thực tập thiền hành. Chú đến tu viện trước khi Trưởng lão đi khát thực và hóa duyên về. Chú quét dọn phòng ốc, trải bày tọa cụ, và chuẩn bị nước rửa tay chân cho Trưởng lão rất thơm mát. Khi Trưởng lão về, chú ra vái chào, mang hộ y bát và thỉnh Trưởng lão vào ngồi nghỉ trong chánh điện. Sau đó chú mời Trưởng lão uống nước, rửa chân cho Trưởng lão, rồi cầm chiếc quạt lá kê quạt hầu sau lưng ngài. Cuối cùng chú đặt bộ y hậu dưới chân Trưởng lão, quỳ xuống và thưa rằng:

- Bạch Trưởng lão, con xin kính cúng dường Trưởng lão bộ y này.

Tác bạch xong, chú tiếp tục hầu quạt.

Trưởng lão nói:

- Này Xan-ga-ra-ki-ta, thầy có bộ y hậu rồi. Con hãy cất nó đi mà dùng.

- Bạch Trưởng lão, từ khi con thọ nhận bộ y hậu này, con đã có ý định cúng dường nó cho Trưởng lão. Xin Trưởng lão nhận cho!

- Đừng bận tâm, Xan-ga-ra-ki-ta. Thầy có rồi. Hãy cất nó đi.

- Bạch Trưởng lão, xin đừng từ chối thiện ý của con. Nếu Trưởng lão mặc bộ y hậu này, con nhất định sẽ được phước lớn.

Chú tác bạch nhiều lần nhưng Trương lão vẫn không chấp thuận lời thỉnh nguyện. Thế rồi chú tự nghĩ: “Khi Trương lão còn là cư sĩ, thì ta là cháu kêu người bằng cậu. Nay ngài là Sa môn, thì ta là pháp quyến của ngài. Ngài còn là y chỉ sư của ta, thế mà ngài không thêm san sẻ với ta chút tình thiêng liêng huyết tộc. Vậy ta ở chùa làm gì? Làm Sa môn cầu đạo phỏng có ích chi! Thà làm nghiêm đường chủ hộ còn hơn” .

Rồi chú lại nghĩ: “Thật khó mà thích nghi với cuộc sống gia đình. Giả sử ta là một gia trưởng, ta sẽ sinh sống ra sao?” .

Cuối cùng, cậu suy nghĩ: “Ta sẽ bán bộ y dài, mua một con dê cái. Dê cái có lợi lắm. Chúng chóng sanh con. Ta sẽ bán dê con, tích lũy vốn liếng dần dần, rồi sẽ kiếm một cô vợ. Vợ ta sẽ sanh cho ta con trai, và ta sẽ đặt tên nó theo tên cậu ta. Ta sẽ đặt con trai ta trên một chiếc xe đẩy, đưa vợ con đến đánh lễ người. Rồi khi đi trên đường, ta sẽ bảo vợ ta:

“Hãy đưa con cho anh bế một chút, em ạ!”

Nàng đáp:

“Anh bế con không được đâu! Hãy đến đây đẩy xe và ngắm con cười nè” .

Nói xong, nàng bế con, và nựng:

“Cục cưng của mẹ đây!... Cục cưng của mẹ đây!...”

Bất giác nàng sẩy tay, đánh rơi con xuống đường, và bị chiếc xe cán qua em bé. Thế là ta trọn mắt mắt nàng:

“Cô tệ lắm! Cô không cho tôi bế con. Yếu như sên mà ra bộ tài giỏi. Cô hại tôi rồi!”

Nói xong, ta chụp lấy cành cây bên đường và quất cho nàng mấy phát vào lưng chí tử...

Đứng quạt đầu Trương lão mà đầu óc cứ chạy nhảy theo vọng tưởng liên miên, đến khi giật mình sực tỉnh thì chú đập phải chiếc quạt vào đầu Trương lão. Ngài thềm nghĩ: “Tại sao Xan-ga-ra-ki-ta đập quạt vào đầu ta?”

Ngay tức khắc, ngài thấy rõ từng ý nghĩ đã diễn ra trong đầu óc của thằng cháu. Ngài nói:

- Xan-ga-ra-ki-ta, đánh phụ nữ không được thì trút căm tức lên đầu ông già này phải không? Già này đã làm gì nên tội hề?!

Chú sa di liền nghĩ: “Thôi, chết rồi! Hình như thầy ta đã biết hết mọi thứ suy nghĩ trong đầu ta rồi. Ta còn mặt mũi nào là thầy tu nữa đây!” .

Chú vội quăng chiếc quạt và cắm cổ chạy, nhưng các chú điệu và Sa di khác đuổi theo, bắt được chú, và đưa chú đến gặp Đức Thế Tôn.

Thấy các chú Sa di đến, Đức Thế Tôn hỏi:

- Các chú đến có chuyện chi?

- Bạch Thế Tôn, chú này tự nhiên bỏ chạy, không biết chú bắt măn hay u uất điều gì. Chúng con đã chạy theo, bắt được chú, và đưa chú về đây.

- Này, những gì họ nói chú thấy có đúng không?

- Dạ... thưa đúng, bạch Thế tôn!

- Tại sao chú làm một việc kỳ cục thế? Chú không phải là tu sĩ ở thiên môn? Mai sau chú không phải là Như Lai sứ giả? Chú không muốn trở thành một tam thừa tứ quả giải thoát tăng? Chú thật có lỗi đấy nhé!

- Bạch Thế Tôn, con chán quá! - Chú vừa thưa vừa khóc.

- Chán vì nỗi gì?

Chú Sa di kể lại tự sự từ lúc nhận y cho đến khi đập quạt vào đầu Trưởng lão, nhất là những tâm tư vọng tưởng phiêu bạt trong đầu. Và cuối cùng chú thú thực:

-Bạch Thế Tôn, con chán nản và sợ quá nên bỏ chạy.

- Này, con lại đây.- Đức Thế Tôn gọi.

Chú đến quỳ dưới chân Đức Thế Tôn. Ngài đưa tay xoa đầu chú Sa di trẻ đẹp, dễ thương, và nói:

- Đừng phiền muộn nữa. Tâm tư lang thang, dong ruổi và vương mắc đủ thứ như thế. Phải tự nỗ lực tháo gỡ ba mối ràng buộc tham, sân, si thì mới được tự do, tự tại. Ngài đọc kệ:

Tâm lang thang cô độc,

Vô hình, ẩn hang sâu,

Người điều phục tâm rồi,

Hẳn thoát vòng ma buộc.

(PC. 37)

ĐẾN CHÙA THẤY CẢNH MUỐN TU VỀ NHÀ LỊU ĐỊU CÔNG PHU KHÓ TRÒN

Truyện kể rằng một hôm có một thanh niên thuộc gia đình khá giả, sống tại Xá Vệ, vào rừng tìm một con bò đực đi lạc. Cậu phải vất vả luôn lách từ bụi gai này đến lùm cây nọ mới tìm thấy nó vào lúc giữa trưa. Phần mệt mỏi, đói khát; phần nắng nóng gay gắt, cậu tự nghĩ:

- Ta nên vào chùa xin quý sư chút gì lót lòng.

Cậu đến gặp các sư, chấp tay cúi đầu chào lễ phép, và cung kính đứng sang một bên. Bây giờ còn một ít thức ăn thừa đựng trong thố, các sư thấy cậu mồ hôi đầm áo, mặt mày hốc hác, bèn nói:

- Trông cậu có vẻ đói và khát đấy. Còn thức ăn đó, hãy ăn đi.

Cậu thanh niên đưa hai tay lên trán xá xá, rồi bê thố cơm ăn ngon lành. Ăn xong, cậu rửa tay, uống nước, và thưa:

- Bạch quý sư, hôm nay quý sư có dự lễ trai tăng?

- Không! Chúng tôi đi khát thực như thường lệ.

Cậu thanh niên liền nghĩ: “Dù ta có ngày đêm lao tác khổ nhọc đến đâu cũng khó mà có được thực phẩm bổ dưỡng như thế này. Còn các sư thì tứ thời sung túc, ăn uống thoải mái, ngủ nghỉ thanh nhàn. Ôi, cuộc sống tu hành sao mà ung dung, thư thái thế! Ta sẽ từ bỏ lối sống thế tục, lên đường làm Sa môn” .

Sau đó cậu xin xuất gia, được Đức Thế Tôn chấp nhận và cho gia nhập Tăng đoàn. Cậu siêng năng tu tập và hoàn tất mọi nhiệm vụ của một tân Sa môn. Và sau một thời gian sinh hoạt điều độ, tránh dãi nắng dầm mưa với ngày ngày hai buổi lùa bò vào rừng, cậu da thấm thịt và quắc thước hẳn ra.

Nhưng rồi cậu trầm nghĩ: “Tại sao ta phải hành nghề khát sĩ, sống nhờ vào thực phẩm của bá tánh thập phương? Ta phải tự lực cánh sinh, phải tay làm hàm nhai mới rõ mặt anh hào” .

Thế là cậu trở về nhà, tiếp tục nếp sống năm xưa. Cậu cày cuốc đào bới chỉ mấy tuần mà tay chân chai lì, mặt mày sạm nám. Sau đó cậu thì thầm:

- Khổ ơi là khổ! Tại sao ta tự đeo gông vào cổ? Ở chùa sướng vậy không tu, về nhà thổi lửa khói mù mắt luôn! Ta phải làm Sa môn thôi.

Cậu đến chùa xin tu lại, làm thị giả quý sư, và chỉ được ít lâu thì dâm ra bắt mẫn, cáu gắt, rồi lén bỏ chùa trở về nhà. Nhưng ở nhà được mấy ngày thì tâm can ray rứt, bức bách khó chịu đến nỗi cậu phải thốt lên:

- Tầm thường quá! Tẻ nhạt quá! Quanh quẩn mãi cũng chỉ ngần ấy chuyện, lắm thế nhi là muôn kiếp trầm luân.

Nói xong, cậu đi thẳng đến gặp Tăng đoàn xin sám hối. Thấy cậu lễ lạy thiết tha, và nhất là đã một thời tận tình phục vụ quý sư, cậu được phép xuất gia một lần nữa. Và như thế là cậu đã liên tục vào ra giáo hội sáu lần. Các sư đùa với nhau: “Sư ông dao động tâm tư, khi vui thì đến khi đừ thì đi.” Và cậu được cho pháp danh là Tâm Phục, sư Tâm Phục (Cittahattha).

Vì đi về như thế nên vợ cậu có thai. Lần thứ bảy, cậu mang cuốc cào từ rừng về nhà, cắt chúng xong, vào phòng riêng, và ngồi ngẫm nghĩ: “Ta sẽ khoác lại y vàng. Cuộc sống thế gian sao mà nặng nề trầm nịch quá!” .

Bấy giờ vợ cậu đang nằm ngủ sượng trên giường, chỉ có một mảnh đồ lót che thân, miệng mở toang hoác, nước miếng chảy ra thành dòng, lại còn ngáy rồ rồ nghe phát tởm. Cậu thấy nàng như một xác chết sinh trương. Rồi một ý nghĩ nghiêm mật hiện ra trong đầu cậu: “Mọi thứ trên đời đều vô thường - khổ - không - vô ngã. Vì nàng mà ta đã bao phen vào ra nơi tôn nghiêm tịnh địa, không tiếp tục được cuộc sống thiên môn” .

Cậu chụp lấy chéo y vàng, vọt ra khỏi nhà, cột y quanh bụng và cầm đầu chạy một mạch đến tu viện.

Thấy chàng rẽ hành động khác thường như thế, bà mẹ vợ vào phòng, thấy con gái đang nằm tênh hênh góm ghiếc mới vỡ lẽ, bèn thâm trách:

- Phoi ra bày hầy thế này bảo ai không góm! Đúng là nái sề!

Bà quát:

- Dậy! Đồ thứ đàn bà thôi! Thấy mày ngủ trơ tráo như súc vật nên chồng mày ghê tởm và bỏ đi rồi.

- Cái gì! Đi đâu? Đi đâu rồi nó cũng về. Mẹ khỏi lo. Nàng vừa vung tay vừa quát nhưng đôi mắt vẫn nhắm nghiền.

Chít-ta-ha-tha vừa chạy vừa lẩm bẩm:

- Vô thường! Vô thường! Tất cả đều vô thường - khổ - không - vô ngã.- Và cậu chứng ngay sơ quả Tu đà hoàn.

Đến tu viện, cậu đánh lễ Tăng đoàn, khẩn khoản xin tu lại, nhưng các sư không chấp nhận, nói:

- Thiên môn chúng tôi không dám nhận cậu vào giáo hội nữa. Phạm việc gì cũng sự bất quá tam, đây cậu quá lục, sợ lắm! Đầu óc cậu giống như viên đá mà!

- Kính lạy Thế Tôn, kính bạch đại chúng, lần này con quyết chí tu hành, xin thương con, hu!... hu!...

Thấy cậu quỳ khóc nức nở, tỏ vẻ thiết tha; vả lại cậu cũng rất có tình với Đức Bổn Sư và đại chúng, nên cậu lại được Thế Tôn cho vào Tăng đoàn tu tập. Và chỉ vài hôm sau, cậu chứng quả A la hán với vô lượng phép màu vi diệu.

Sau đó đại chúng nhắc khéo thầy:

- Này, Chít-ta-ha-tha, chỉ có sư mới quyết định được ngày đi, ngày về đây nhé! Kỳ này tu hành như vậy là đủ lắm rồi!

- Thưa quý tôn huynh, đệ đã bị thế trần ràng buộc. Nay đệ đã cắt đứt xích xiềng, giải thoát hệ lụy, đệ không muốn đi nữa.

Hơi ngạc nhiên, các sư đến gặp Đức Thế Tôn, thưa:

- Bạch Thế Tôn, Chít-ta-ha-tha khẳng định là đã đoạn tuyệt dục trần, như vậy là vọng ngôn hay chánh ngữ?

- Chánh ngữ! .- Đức Thế Tôn đáp. Khi tâm không an định thì có đến có đi. Nay Chít-ta-ha-tha đã liễu ngộ chánh pháp, vượt qua thiện ác thì đâu còn khái niệm đi và đến.

Nói xong, Ngài đọc kệ:

Người tâm không an định,
Chánh pháp không liễu tri,
Tín tâm bị lung lạc,
Trí tuệ chẳng đạt gì.
Người tâm không ái dục,
Không bị sân nhuế hành,
Vượt trên mọi thiện ác
Tinh giác hết sợ quanh.

(PC. 38 -39)

Rồi một hôm, sau thời tịnh niệm trong chánh điện, các Sa môn bắt đầu bàn tán:

- Quý huynh đệ thấy đấy, bảy lần xuất gia hoàn tục, tham dục buộc ràng, vào ra thênh thang mà chứng thành đạo quả! Nghĩ mà tủi cho thân phận phước mỏng nghiệp dày của anh em chúng mình.

Nghe các Sa môn nhỏ to bàn luận, Đức Thế Tôn vào chánh điện, ngồi đúng vị trí của mình, và hỏi:

- Các thầy có gì vui mà bàn tán sôi nổi vậy hè?

Rồi không đợi trả lời, Ngài tiếp:

- Đúng vậy, này các thầy Tỳ kheo, tham dục quả thật rất nguy hại. Chúng có thể phá vỡ mọi công trình nguy nga, thánh thiện. Chúng có thể lôi kéo con người từ bệ phóng cao sang xuống tận nấc thang cơ hàn, cùng khổ. Ai có thể mô tả hết những tác hại rợn người của chúng đối với vạn loại hữu tình?

Ngay chính ta đây, trong một tiền kiếp, chỉ vì nửa lon đậu giống với một cái mai cùn mà phải sáu lần khoác áo cà sa, về nhà thế tục.

- Hỡi nào? Bạch Thế Tôn!

Các Sa môn hỏi mà rờn ốc cả người.

- Các thầy muốn nghe truyện này sao? Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ kheo.

*

* *

Thuở xưa, khi Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) trị vì xứ Ba La Nại, có một nhà thông thái tên là Mai hiền giả, Ku-đa-la (Spade sage, Kuddala). Ông là một tu sĩ thuộc phái ngoại đạo, ẩn cư tám tháng trong rừng Hy Mã Lạp Sơn. Vào một đêm mưa đầu mùa thoáng mát, mặt đất ẩm ướt, ông liền nghĩ: “Ta có nửa lon đậu giống và một cái mai cùn. Chắc đậu chưa hư” .

Thế là ông quay về nhà, bẫm xới một lô đất nho nhỏ, gieo hết hạt đậu, và cẩn thận làm một hàng rào bao quanh nó. Đến khi đậu chín, ông nhổ chúng lên, lật hái để dành nửa lon đậu giống, phần còn lại cất làm lương thực. Rồi ông lại thầm nghĩ: “Tại sao ta phải sống cuộc đời thế tục lụi đụi thế này? Ta sẽ vào Hy Mã Lạp Sơn tu thêm tám tháng” .

Ông già từ gia môn, khoác áo thầy tu một lần nữa. Như thế đấy, chỉ vì nửa lon đậu giống và một cái mai cùn mà ông phải bảy lần về nhà ra núi.

Đến lần thứ bảy, ông thầm nghĩ:

- Ta đã bảy lần xuất gia, rồi hoàn tục. Tất cả chỉ vì cái mai cùn quái ác này. Ta sẽ vất quách nó đi cho rồi.

Ông đi đến bờ sông Hằng, mang theo nửa lon đậu giống và cái mai cùn. Đứng trên bờ sông, ông suy nghĩ: “Nếu ta thấy những thứ này rơi nơi đâu thì ta buộc phải xuống sông tháo gỡ chúng ra. Chi bằng cẩn thận ném thế nào để khỏi nhìn thấy điếm rơi của chúng. Ông liền gói nửa lon đậu giống trong một miếng vải, và cột nó vào cán mai. Sau đó ông nhắm mắt, cầm đầu cán mai quay tròn ba vòng trên không, rồi ném mạnh một cái. Ông quay lui để khỏi nhìn thấy cái mai rơi xuống sông, và ông reo lên ba lần: “ Ta đã chiến thắng rồi! Ta đã chiến thắng rồi!”

Ngay lúc đó, quốc vương Ba La Nại, từ cuộc dẹp loạn biên cương trở về, dựng trại bên bờ sông Hằng, xuống sông tắm, và nghe tiếng reo sáng khoái: “Ta đã chiến thắng rồi! Ta đã chiến thắng rồi!”, tiếng reo mà xưa nay không một vua chúa nào thích lọt vào tai. Quốc vương đến gặp Chít-ta-ha-tha, gằn giọng hỏi:

- Ta vừa bắt kẻ thù phủ phục dưới chân ta, và ta đã trở về trong vinh quang hiển hách. Trong thâm tâm ta đang vang lên khúc nhạc: “Ta đã chiến thắng!”
Còn người, người vừa hô to: “Ta đã chiến thắng rồi!” là nghĩa thế nào?

Mai hiền giả đáp:

- Quốc vương chinh phục đạo tặc và thổ phỉ bên ngoài. Chiến thắng đó rồi sẽ bị kẻ khác chiếm lại. Còn thảo dân đã chinh phục được kẻ thù bên trong, đó là tên cướp tham dục. Hắn sẽ không bao giờ chế ngự thảo dân được nữa. Thắng được hắn mới xứng danh là chiến thắng đích thực.

Nói xong, hiền giả đọc kệ:

Chinh phục giặc ngoại xâm,

Chưa phải là toàn thắng,

Người dứt tâm tham dục,

Là đích thị thắng nhân.

Lúc bấy giờ, hiền giả chuyên tâm trầm tư quán tưởng các yếu tố cấu tạo nước trên dòng sông Hằng, và bỗng nhiên đại ngộ. Người đứng lên, ngồi kiết già giữa hư không, và tuyên thuyết pháp thoại. Quốc vương vô cùng kinh ngạc, định tâm lắng nghe, rồi sụp lạy tôn giả và xin làm tu sĩ. Một quốc vương khác thuộc nước láng giềng, nghe tin vua Ba La Nại từ bỏ ngai vàng, xuất gia hành đạo, bèn nghĩ: “Nhân cơ hội này ta sẽ tiến quân thôn tính vương quốc của hắn” .

Nhưng khi đến nơi, thấy kinh thành trù phú, dân tình hiền hòa, nhà vua thâm nghĩ: “Một quốc vương có thừa uy dũng, cai trị một nước hùng mạnh, đô thị nguy nga, quân dân hòa mục, vậy mà quyết bỏ quốc thành thê tử, phát nguyện tu hành, thật là hy hữu! Ta cũng nên theo gương ngài” .

Quốc vương đến gặp tôn giả, thành tâm đánh lễ, xin ngài xuất gia và được cộng trú với đồ chúng. Tương tự như thế, bảy quốc vương lần lượt từ bỏ ngai vua, dốc lòng đầu trần chân đất, đó đây khát thực qua ngày, và cùng với pháp lũ du hóa bốn phương. Tôn giả đã thể hiện nếp sống thánh thiện, và cuối cùng đạt đến cảnh giới Phạm thiên.

Đức Thế Tôn dừng lại trong giây lát, đảo mắt nhìn một lượt các thầy rồi mỉm cười, nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, như các thầy suy đoán, lúc đó ta chính là Mai hiền giả. Nên biết tham dục nguy hại như vậy.

TỪ BI LÀ VŨ KHÍ HÀNG PHỤC SẠCH MA QUÂN

Truyện kể rằng tại Xá Vệ có 500 Sa môn lãnh thọ yếu chỉ thiền quán từ Đức Thế Tôn rồi đến một ngôi làng rộng lớn cách xa hàng trăm dặm. Dân chúng thấy đoàn Sa môn nghiêm trang từng bước tiến vô làng, họ cùng nhau đem lễ vật, thức ăn, nước uống ra nghinh tiếp, cúng dường Tăng đoàn, và hỏi:

- Kính bạch quý sư, quý sư đi đâu?
- Đến một nơi tạm ổn, thưa thí chủ.- Các Sa môn đáp.
- Vậy thì phước cho chúng con. Xin thỉnh quý sư ở lại đây an cư ba tháng. Chúng con sẽ được dịp thân cận quý sư, nương tựa Tam bảo và thọ trì giới luật. Vị côi cả trong làng chấp tay thưa.
- Lành thay!... Lành thay!...

Sau đó, thấy các sư đông quá, họ đổi ý:

- Bạch quý sư, có một cánh rừng rộng cách đây không xa, các sư có thể an trú, tu tập tại đó.

Thế là đoàn Sa môn phải tiếp tục cuộc hành trình đến khu rừng nọ.

Bấy giờ các thần linh, yêu quái trong rừng liền nghĩ: “Đoàn Sa môn đã đến rồi. Nếu họ lưu trú nơi đây thì thật là bất lợi cho ta về nhiều phương diện” .

Chúng từ trên cây cao xuống ngồi dưới đất tiếp tục suy nghĩ, tìm cách trấn an:

- Nếu các Sa môn ở lại đây đêm nay thì sáng mai chắc họ sẽ đi.

Nhưng ngày hôm sau, sau khi khát thực và thiền hành quanh làng, các Sa môn lại trở về cánh rừng trú xứ.

Các thần linh thầm nghĩ:

- Hẳn là đã có thí chủ thỉnh Tăng đoàn thọ trai nên họ đã trở về lại nơi đây. Ngày mai chắc chắn là họ sẽ đi thôi.

Chúng ngồi trên mặt đất trầm tư suy diễn qua hai tuần như thế, rồi chúng khẳng định:

- Rõ ràng là đoàn Sa môn đã quyết tâm ở lại đây ba tháng. Như vậy thì rất bất tiện cho nếp sinh hoạt gia đình chúng ta, nhất là ta phải ngồi thừ ra thế này. Bằng cách nào chúng ta cũng phải trục xuất họ. Thế là chúng thực hiện quỷ kế hù dọa bằng cách biến hóa ra nhiều hình dạng âm binh, ma quỷ: khi lơ lửng chiếc đầu không mình, lúc sừng sững thân hình không đầu, đặc biệt là vào lúc nửa đêm, bốn bề hoang vắng, từ trong bụi cây, hốc đá vang ra

những âm thanh kỳ dị, nghe rợn ớn, rợn người; trong lúc đó cơ thể các Sa môn bỗng dưng bất an: hắc hơi, sổ mũi, ho khan v.v... và tâm tư dao động về những bóng dáng âm binh, cô hồn chấp chờn, ẩn hiện. Tăng đoàn đồng lòng quyết định từ bỏ trú xứ, trở về bản tự với Đức Thế Tôn.

Họ rời khỏi cánh rừng rắc rối, đi thẳng về gặp Bốn Sư, cung kính đánh lễ Ngài, rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Vì sao các thầy trở về? Ở đó không tiện cho việc tu tập sao?

- Dạ!... rất bất tiện, bạch Thế Tôn. Chúng con bị nhiều ám ảnh rừng rợn. Chúng cứ diễn đi diễn lại hoài trước mắt; khủng khiếp nhất là những âm thanh quái dị, tru tréo cả đêm, nên thân tâm chúng con thường bị bất an, dao động, dẫn đến lâm bệnh thời khí khá nhiều. Bạch Thế Tôn nơi đó quả thật nhiễu loạn, chúng con phải lui về thôi.

- Các thầy nên trở lại nơi đó.

- Dạ... không được, bạch Thế Tôn!

- Các thầy thấy đấy! Lần trước các thầy đi với hai bàn tay trắng, không một vũ khí hộ thân. Lần này các thầy đi phải mang theo vũ khí.

- Vũ khí gì, bạch Thế Tôn? Thầy trò mình tu hành có vũ khí gì đâu! .- Các Sa môn hỏi với gương mặt hồn nhiên, ngỡ ngác.

- Được rồi, ta sẽ trao vũ khí cho các thầy.- Đức Thế Tôn nói.

Sau đó Ngài tụng toàn phẩm kinh Từ Bi (Metta sutta) với những lời mở đầu như sau:

Người khéo luyện thiện tâm,

Đạt cảnh giới tịch tịnh,

Ắt thường niệm chân chính,

Chánh trực và hiền hòa,

Nhu nhuyển điều phục ma,

Diệt trừ mọi kiêu mạn.

Tụng xong, Đức Thế Tôn nhấn nhủ như lời kệ:

Này các thầy Tỳ kheo,

Hãy tụng kinh Từ Bi,

Nơi núi rừng cô quạnh,

Dù không nơi thanh cảnh,
Cũng sẽ được an lành,
Vào tịnh địa rừng xanh,
Sẽ có ngay am thất.

Theo lời huấn thị, các Sa môn đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi lên đường trở lại cánh rừng tu tập. Trước khi vào trú xứ, các sư đều tụng kinh Từ Bi, và thần linh ở rải rác khắp nơi đều cảm thấy hân hoan, mát mẻ trong lòng. Chúng kéo nhau đến vãn an Tăng đoàn, xin được mang y bát, đem nước rửa chân tay các sư, và phát nguyện hộ trì cánh rừng nghiêm mật. Từ đó, không một hồn ma vất vưởng, chồn vờn; không một âm thanh oán than, văng vẳng. Tâm tư các sư mỗi lúc một an nhiên, định tĩnh; tự tâm soi chiếu, nội thủ u nhân; và ngày đêm quán niệm về lẽ suy vong của sắc thân ngũ uẩn:

Căn thân vốn mong manh,
Bấp bênh và dễ vỡ,
Như lọ sành sắc sỡ,
Sớm muộn sẽ tan hoang.

Đức Thế Tôn đang thiền định trong tịnh thất, thấy các Sa môn đã phát huy cao độ năng lực thiền quán, bèn tuyên thuyết pháp thoại cho họ:

- Đúng thế! Đúng thế! Nay các thầy Tỳ kheo, thân này vốn thật mong manh. Bấp bênh dễ vỡ như bình sứ thôi.

Thuyết xong, Ngài phân thân trong ánh hào quang đến ngồi hiện diện trước mặt các Sa môn, đọc kệ:

Biết thân như nồi đất,
Trụ tâm như thành trì,
Đánh ma bằng gươm trí,
Thủ thắng, đừng lụy gì.

(PC. 40)

RA TAY SẴN THÚ BÃY CHIM KẾT DÂY OAN NGHIỆT TỰ TÌM KHỔ ĐAU

Có một thanh niên thuộc hàng trưởng giả, gia tộc nhiều đời giàu sang phú quý, và sinh sống tại Xá Vệ. Một hôm nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng

chánh pháp, cậu nhận thức được giá trị đích thực của hạnh viễn ly thế tục, bèn dốc lòng cầu đạo, từ giã gia đình, xin Phật xuất gia, được Ngài thọ ký, và cho vào Tăng đoàn với pháp danh là Ti-xa (Tissa). Thấy thời giờ như tên bắn, năm tháng tợ thoi đưa, sư Ti-xa dốc tâm thọ trì giới luật, tinh cần nghiên cứu kinh văn, nhưng rủi thay toàn thân sư bỗng dung nổi đầy mụn nhọt. Lúc đầu chúng to bằng hạt cải, sau đó chúng phát triển dần dần bằng hạt bắp, hạt đậu, và cuối cùng chúng vỡ ra, mủ máu rịn chảy loang lổ khắp người, đau nhức vô cùng, tanh hôi khủng khiếp. Bấy giờ sư được gọi là Trưởng lão Pu-ti-ga-ta Ti-xa (Putigatta Tissa). Sau một thời gian, xương cốt của sư bắt đầu rệu rạo, cơ bắp bèo nhèo, y phục nhăn nheo vì mủ máu kết thành từng mảng khô cứng. Các bạn đồng môn pháp lữ đều động lòng thương xót, nhưng không ai dám đến gần chăm sóc sư. Sợ bệnh tật lây lan, họ đành phải nhả tâm khiêng luôn chiếc giường sư nằm ra ngoài và để trên mặt đất dưới một tàng cây râm mát.

Bấy giờ chư Phật, theo thông lệ, mỗi ngày nhập từ bi quán hai lần: buổi sáng quán sát vạn loại hữu tình, buổi tối chiếu rọi muôn loài vô thức. Đức Thế Tôn, từ tịnh thất tôn nghiêm, trải tâm lân mẫn, soi khắp tam thiên đại thiên thế giới, bắt gặp Sa môn Ti-xa đang độ chín muồi trên đường tu chứng A la hán. Ngài tự nhủ:

- Sa môn này đã bị huynh đệ thiên môn bỏ rơi, không được ai đoái hoài thương tưởng. Nếu ta không dang tay tiếp sức, không an ủi trông nom thì sư còn biết nương tựa vào đâu.

Đức Thế Tôn liền xả định, ra ngoài thiền thất, giả bộ dạo quanh tu viện một vòng, rồi đi thẳng vào nhà un lửa. Ngài lấy một chiếc ấm đất khá lớn, rửa sạch, đổ đầy nước, xong bắt nó lên lò và nổi lửa đun. Khi thấy nước sắp sôi, Ngài đến đứng cạnh giường Ti-xa, nhìn sư một lượt bằng ánh mắt từ ái, cảm thông, như người mẹ hiền nhìn đứa con thoi thóp mà vô phương cứu chữa căn bệnh hiểm nghèo, cô đặc nghiệp lực. Sợ Đức Thế Tôn lây bệnh, các sư lớn tiếng thưa:

- Bạch Thế Tôn, mời Thế Tôn đi cho. Chúng con sẽ khiêng sư đó vào phòng.

Họ khiêng Ti-xa vào phòng nấu nước. Đức Thế Tôn tự tay cởi y phục Ti-xa, lấy nước nóng tắm rửa, lau chặm từng vết lở nhầy nhựa khắp thân thể. Sau đó Thế Tôn cho khiêng sư ra ngoài ánh nắng mặt trời để hong khô mụn nhọt. Khi toàn thân được khô ráo, Đức Thế Tôn cũng tự tay mặc y hậu vàng tươi cho Ti-xa. Cảm thấy toàn thân khinh khoái, tâm trí tinh anh, Ti-xa chấp tay nhìn Đức Thế Tôn với ánh mắt lung linh và nụ cười hàm tiếu. Thế Tôn đứng cạnh gối Ti-xa, nói:

- Nay Sa môn Ti-xa, ý thức tư duy sắp từ giả thầy rồi đó. Căn thân thầy sắp thành vô dụng như khúc gỗ mục nằm bên vệ đường.

Nói xong, Ngài đọc kệ:

Rồi đây thân xác này,

Sẽ nằm dài trên đất,

Bị vất nằm vô thức,

Như gỗ mục bên đường.

(PC. 41)

Đức Thế Tôn vừa đọc kệ xong thì Trưởng lão Pu-ti-ga-ta Ti-xa chứng quả A-la-hán và vào Niết-bàn ngay. Đức Thế Tôn làm lễ hỏa táng cho Trưởng lão, thu nhặt xá lợi và dựng tháp tôn trí.

Thấy cử chỉ ân cần của Đức Thế Tôn, các sư thắc mắc, hỏi:

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Pu-ti-ga-ta Ti-xa sẽ tái sanh vào đâu?

- Ti-xa đã vào Niết-bàn, này các thầy Tỳ kheo.

- Bạch Thế Tôn, một Sa môn cư mang trọng bệnh lại vào Niết-bàn? Tại sao xương cốt của sư rệu rạo ra như thế? Trong tiền kiếp sư đã gieo trồng thiện căn gì mà kiếp này chứng quả A la hán nhanh vậy?

- Nay các thầy Tỳ kheo, tất cả đều do thiện nghiệp của Ti-xa đã vun bồi từ kiếp trước.

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão đã làm gì?

- Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ kheo.

*

* *

Vào thời Đức Phật Ca Diếp (Kassapa), Ti-xa là một tay bẫy chim chuyên nghiệp. Ông đã từng bắt vô số chim chóc, một nửa dâng cho hoàng gia, phần còn lại ông bán lấy tiền. Để giữ chim bắt được khỏi sấy, ông thường bẻ cánh, bẻ chân chúng và chắt thành một đồng, rồi đem bán chúng ngày hôm sau. Khi nào bắt được nhiều, ông dành một ít để chiên, nướng và cùng thưởng thức với gia đình hay bè bạn.

Một hôm, khi thức ăn đặc sản chim trời được xào nấu dành riêng cho ông thì có một Sa môn đã chứng quả A la hán đến cửa nhà khát thực. Ngắm nhìn Trưởng lão, Ti-xa bỗng thấy trong lòng hân hoan, cảnh vật tươi mát, vợ con trông đẹp và dễ thương hẳn ra, ông bèn nghĩ: “Ta đã sát hại và thụ hưởng

quá nhiều chim muông thú vật. Nay gặp Trưởng lão từ bi đến nhà, sẵn món đặc sản chim rừng ngon tuyệt, ta sẽ cúng dường cho sư một ít lấy thảo.

Ông đem thịt chim hầm và những thức ăn ngon khác đặt vào bát của Sa môn, rồi ông chấp tay vái chào, và nói:

- Bạch Trưởng lão, nguyện cầu mai sau con được thánh quả thù thắng như Trưởng lão chứng ngộ vậy.

- Lành thay! Xin hồng ân chư Phật chứng minh lời cầu nguyện chân thành của thí chủ.

Này các thầy Tỳ kheo, chính nhờ công đức bố thí cúng dường vật thực cho bậc A la hán và nguyện lực thiết tha mà Ti-xa ngày nay chứng thành đạo quả. Và cũng chính vì bẻ chân, bẻ cánh các loài chim chóc mà Ti-xa phải chịu mang trọng bệnh: xương cốt rệu rạo, lở loét khắp người. Nhân quả tương ứng như hình với bóng. Các thầy thấy đấy!

- Hay quá! Hay quá! bạch Đức Thế Tôn. Namo Tassa Bhagavato Arahatto Samma Sambuddhassa.

Đại chúng chấp tay đồng niệm danh hiệu Đức Bổn Sư, đánh lễ Ngài và lui ra.

--- oOo ---

Phần 7 - TÍN TÂM BỐ THÍ CÚNG DƯỜNG NGHIỆP DUYÊN CHƯA DỨT TẮT VƯƠNG OAN TÌNH

Truyện kể rằng tại Xá Vệ, trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika) có một mục tử gia nhân tên là Nan-đa (Nanda) chăm sóc bầy gia súc của ông. Nan-đa mặc nhiên có lắm tiền nhiều của, và thừa phương tiện vui chơi, hưởng thụ. Một hôm Nan-đa thấy Ke-ni-da (Keniya), một ẩn sĩ khổ hạnh đã thoát ly thế tục, du hóa đó đây với phong thái ung dung, thanh thoát. Nan-đa bèn nảy sanh một ý là thỉnh thoảng cậu đem năm loại sản phẩm làm bằng sữa bò đến nhà Cấp Cô Độc để được ngắm nhìn Đức Thế Tôn, nghe Ngài thuyết pháp, và thỉnh Ngài đến nơi trú ngụ của mình. Đức Thế Tôn chần chừ chưa đến, vì Ngài chờ cho trí tuệ của Nan-đa đến hồi chín muồi. Nhưng rồi một hôm, Đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn thiên hành khát thực, nhận thấy trí tuệ của Nan-đa đã đến thời lưu lộ, Thế Tôn liền tách ra khỏi đoàn đến ngồi dưới gốc cây nơi trú ngụ của Nan-đa.

Thấy Đức Thế Tôn an nhiên thiên tọa, Nan-đa mừng quá, chạy đến đánh lễ Ngài cùng chào hỏi Tăng đoàn với tấm lòng thiết tha hộ đạo. Sau đó Nan-đa dâng năm loại sản phẩm đặc biệt như bơ, bánh ngọt, phô mai v.v... làm bằng

sữa bò cho Đức Thế Tôn và Tăng chúng suốt tuần. Đến ngày thứ bảy, Đức Thế Tôn đáp lễ bằng cách tuyên thuyết một bài pháp thoại nói lên công đức vô biên của hạnh bố thí, bao gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí là phân phát, cúng dường y phục, lương thực, trụ xứ, thuốc thang và những vật cần dùng khác cho các bậc tu hành chân chính, hay lương dân gặp cảnh cơ hàn. Pháp thí là giáo dục quần sanh, hay trao truyền chánh pháp của Đức Như Lai cho thính chúng với tâm bình đẳng. Đó là nghĩa vụ thiêng liêng của một Sa môn. Tăng đoàn thọ dụng lễ vật cúng dường của thập phương tín thí thì phải chuyên tâm tu tập giới - định - tuệ, nghiên cứu kinh - luật - luận để thuyết giảng giáo lý, hướng dẫn Tăng ni và tín đồ Phật tử theo đúng lộ trình tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Vô úy thí là an ủi, truyền đạt, phổ biến quan điểm chính trực cho người nghe ngộ hầu tăng thêm sức mạnh nội tâm, không dao động hoảng hốt trước nghịch cảnh khủng bố, trấn áp, hay phủ dụ độc chiêu. Khi Đức Thế Tôn kết thúc thời pháp thoại thì Nan-đa chứng ngay sơ quả Tu đà hoàn, tức mới bắt đầu vào dòng thánh trí. Cậu cảm thấy tâm hồn thanh thản, đầu óc rỗng rang, hình hài đứng trên mặt đất mà nhẹ nhàng như bay giữa hư không. Cậu đánh lễ Đức Thế Tôn, xin bê bình bát và đi theo tiền Ngài một đoạn rất xa. Sau đó Đức Thế Tôn nói:

- Được rồi! Hãy dừng lại, tín đồ của ta.

Theo lời Đức Thế Tôn, Nan-đa đánh lễ Ngài và quay lui.

Ngay lúc đó, một mũi tên oan nghiệt từ cánh cung của một thợ săn vô tình đã xé gió kết liễu cuộc đời cậu. Thấy cảnh thương tâm đột ngột, các Sa môn chạy báo tin cho Đức Thế Tôn với vẻ thảm trách:

- Bạch Thế Tôn, vì chúng ta đến đây mà Nan-đa phải thiệt mạng. Tội nghiệp quá! Mới bê lễ vật cúng dường, vui vẻ tiễn Thầy lên đường để rồi quay về thọ nạn. Nếu Thế Tôn không đến đây, Nan-đa đâu ra nỗi này!

Đức Thế Tôn đáp:

- Nay các thầy Tỳ kheo, dù ta có đến hay không, dù Nan-đa có viễn du bốn phương tám hướng đi nữa thì cũng không thể nào thoát khỏi tử vong. Không ai thay thế hay san sẻ được nghiệp lực của tự thân.

Nói xong, Ngài đọc kệ:

Kẻ thù hại kẻ thù,

Oan gia hại oan gia,

Không bằng tâm niệm ác,

Do chính ta hại ta.

(PC. 42)

Tầng chúng lắng nghe Đức Thế Tôn nhưng không ai hỏi gì về tiền kiếp của Nan-đa, nên Ngài không nói thêm gì nữa.

CẦU ĐƯỢC ƯỚC THẤY VỐN XƯA NAY PHÓNG TÂM LỘNG NGŨ ẤT CÓ NGÀY

Khi Đức Thế Tôn an trú tại Xá Vệ, có người con trai của một trưởng ty ngân khố tên là Xô-ray-da (Soreyya) cùng bạn bè thân tộc dong xe ra ngoài thành để tắm sông. Bấy giờ Trưởng lão Ma-ha Ka-cha-da-na (Maha Kaccàyana) đang thiền hành khát thực với y bát vàng rực ngoài thành Xô-ray-da. Nhìn thấy sắc thân vàng óng của Trưởng lão, Xô-ray-da thâm nghĩ:

- Ô, ước gì Trưởng lão là vợ của ta! Hoặc vợ ta có sắc thân vàng óng như Trưởng lão!

Ý nghĩ vừa thoáng qua đầu óc Xô-ray-da thì chàng liền biến thành một phụ nữ. Chàng xuống xe với tâm trạng bối rối và cảm đầu chạy. Không biết chuyện gì xảy ra, đám tùy tùng thắc mắc:

- Thế là thế nào? Tại sao vậy?

Sau khi biến nam thành nữ, Xô-ray-da hoảng quá, lầm lũi đi thẳng về hướng Ta-ka-xi-la (Takkasila). Các bạn đồng hành tìm chàng khắp nơi nhưng không gặp. Số người đang tắm vội lên bờ, thay đồ và về gấp. Họ bị chất vấn:

- Xô-ray-da đâu?

- Chúng tôi nghĩ tắm xong cậu ấy đã về rồi.

Cha mẹ Xô-ray-da thất kinh, chạy tìm cùng khắp, nhưng không gặp chàng. Họ vò đầu bứt tóc, than khóc nghe não nuột. Cuối cùng họ cho rằng Xô-ray-da đã chết đuối, và thiết lễ ma chay giải oan.

Thấy đoàn người đang đi về hướng Ta-ka-xi-la, Xô-ray-da, một thiếu nữ kiêu diễm, lững thững theo sau xe ngựa của viên trưởng đoàn. Thấy vậy, một thanh niên trong đoàn hỏi:

- Xin lỗi, cô là ai? Sao cô theo hoài xe chúng tôi vậy? Hay là mời cô lên xe cho đỡ mệt.

- Cảm ơn! Tôi đi bộ được rồi. Các ông cứ tự nhiên.

Đi được một đoạn khá xa, Xô-ray-da thắm mệt. Không thể tiếp tục từng bước bộ hành, nàng đành phải hỏi lộ cho người trưởng đoàn một viên ngọc quý để có chỗ trên xe. Đoàn lữ hành liền nghĩ: “Con trai của trưởng ty ngân khố ở Xá Vệ chưa vợ. Chúng ta sẽ cho cậu ấy biết về cô phụ nữ xinh đẹp này, và chúng ta chắc sẽ có quà hậu hỷ” .

Khi đến Ta-ka-xi-la, họ báo tin cho cậu ngay:

- Cậu hai, chúng tôi đã mang về cho cậu một viên ngọc quý của người phụ nữ kiều diễm.

Được tin vui, chàng liền cho mời Xô-ray-da đến. Thấy cô xinh đẹp và trạc tuổi với mình, chàng yêu nàng và lấy nàng làm vợ tức khắc.

Xô-ray-da lấy con trai của trưởng ty ngân khố thành Ta-ka-xi-la, và sau ba năm, nàng sanh được hai bé trai nữa. Thế là Xô-ray-da làm cha của hai bé trai tại thành Xô-ray-da, và làm mẹ của hai bé trai ở thành Ta-ka-xi-la, tổng cộng là bốn trai.

Bấy giờ có bạn đồng hành của Xô-ray-da đem 500 thương xa từ Xô-ray-da đến thành Ta-ka-xi-la buôn bán. Xô-ray-da đứng tại cửa sổ trên lầu nhìn xuống đoàn xe, và nhận ra ngay người bạn thân của mình. Nàng sai thị nữ đi mời khách quý đến tư dinh và tiếp đãi rất nồng hậu. Ngạc nhiên trước sự đón tiếp trọng vọng, khách hỏi:

- Thưa bà, tôi chưa bao giờ gặp bà, nhưng bà tiếp tôi tử tế quá. Bà biết tôi?

- Vâng, tôi biết rất rõ. Ngài sanh ra và lớn lên tại thành Xô-ray-da, phải không?

- Vâng, đúng thế, thưa bà.

Sau đó Xô-ray-da hỏi thăm sức khỏe cha mẹ, vợ con và được khách cho biết tất cả đều khỏe mạnh. Nhưng khách thắc mắc hỏi:

- Sao bà biết họ?

- Vâng, tôi biết họ rõ lắm. Họ có một người con trai duy nhất. Bây giờ anh ấy ở đâu, thưa ngài?

- Xin bà đừng nhắc đến anh ấy. Một hôm, chúng tôi cùng đánh xe ra ngoài thành để tắm, thỉnh linh anh ấy biến mất. Chúng tôi không ai biết anh ấy đi đâu, và việc gì đã xảy ra. Chúng tôi tìm khắp mọi nơi, nhưng không thấy tăm hơi gì cả. Cuối cùng, chúng tôi báo tin buồn cho cha mẹ anh ấy. Họ khóc than ai oán và lập đàn giải oan cho vong linh của người xấu số.

- Trời ơi, anh ấy là tôi đây nè!

- Thưa bà, không phải chuyện đùa! Anh ấy là bạn chí thân của tôi. Anh ấy thông minh, tài trí và rạng rỡ như một thiên thần.

- Khỏi lo, này ông bạn quý của ta! Ta chính là con trai của trưởng ty ngân khố thành Xô-ray-da.

- Sao có chuyện lạ vậy!

- Thế ông bạn còn nhớ gặp Trưởng lão Ma-ha Ka-cha-da-na ngày hôm đó không.

- Có chứ, làm sao quên được! Người trông vàng rực như ông Phật ấy mà!

- Ồ, khi nhìn Trưởng lão, ta dấy tâm tham luyến: “Ước gì Trưởng lão là vợ ta, hoặc vợ ta có sắc thân vàng óng như Trưởng lão”. Và ngay lúc khởi niệm như thế, ta liền biến nam thành nữ. Bối rối và xấu hổ quá, không dám cho ai biết, đành phải trôi giạt đến đây.

- Thế là sai lầm! Tại sao không cho tôi biết? Và anh đã sám hối Trưởng lão chưa?

- Chưa! Tôi không dám. Làm sao mở miệng nên lời. Nhưng cậu có biết hiện giờ Trưởng lão ở đâu không?

- Ngài ở gần đây, ngay trong thành này.

- Giá mà ngài an trú nơi đây, ta sẽ cúng dường vật thực và giúp đỡ ngài.

- Thế thì tốt! Hãy chuẩn bị lễ vật. Tôi sẽ đi xin ngài hỷ xả cho anh.

Người bạn năm xưa của Xô-ray-da đến gặp Trưởng lão, cung kính đánh lễ ngài, ngồi sang một bên và thưa:

- Bạch Trưởng lão, ngày mai thỉnh ngài đến nhà con thọ nhận lễ vật cúng dường.

- Xin lỗi, cậu không phải là du khách?

- Xin Trưởng lão đừng bận tâm về việc con là du khách hay không du khách. Thỉnh Trưởng lão ngày mai đến nhà con.

Ngày hôm sau, theo bước thiền hành, Trưởng lão đến đứng trước cửa nhà thí chủ. Ngài được mời ngồi trên một chiếc ghế sang trọng với nhiều lễ vật quý hiếm bày ra trên bàn trước mặt. Sau đó thí chủ dẫn người phụ nữ ra quỳ dưới chân ngài, đoạn cậu đánh lễ và thưa:

- Bạch Trưởng lão, xin Trưởng lão từ bi hỷ xả cho cái tội tạp niệm của bạn con đây.

- Thế là thế nào?... Ta chưa hiểu!

- Bạch Trưởng lão, người phụ nữ này vốn là bạn trai của con. Một hôm ngắm sắc tướng kỳ diệu của ngài, bỗng khởi tâm tham luyến, và liền biến nam thành nữ. Xin ngài xót thương hỷ xả cho cái tội vô minh của chúng sanh.

- Thôi được rồi! Hãy đứng lên. Ta không biết việc này, nhưng nguyện hỷ xả tất cả.

Sau đó ngài tán dương sắc diện của Đức Bồ Sư:

Dung nhan Phật tổ tợ trăng rằm,
Nhu vàng hồng nhựt tỏa nắng trong,
Lung linh chiếu khắp vòng trời đất,
Hỷ xả từ bi khởi tận lòng.

Trưởng lão vừa dứt lời thì Xô-ray-da liền biến nữ thành nam. Quý tử của trưởng ty ngân khố thành Ta-ka-xi-la nói với vợ:

- Em yêu quý, chúng ta là cha là mẹ của hai con thơ. Chúng ta phải có bổn phận chăm sóc chúng nên người. Em đừng buồn, và không nên đi đâu.

- Anh yêu, em đã trải qua hai lần biến đổi thân tướng trong một kiếp người: từ nam qua nữ, rồi từ nữ trở lại nam. Trước kia là cha của hai con trai, gần đây là mẹ của hai con trai. Vậy là quá đủ rồi. Em không thể vào ra căn nhà thế tục nữa. Em sẽ là Sa môn, là đệ tử của Trưởng lão. Anh chăm sóc hai con cẩn thận, đừng để chúng tủi thân.

Nói xong, Xô-ray-da ôm con vào lòng, hôn chúng, xong trả con lại cho cha chúng, và ra khỏi nhà với chí nguyện xuất gia, hành đạo.

Trưởng lão chấp thuận Xô-ray-da vào Tăng đoàn với nguyên danh hiệu và lên đường về Xá Vệ.

Được tin kỳ lạ, dân chúng trong thành rất hân hoan, phấn khởi. Họ đến gần Sa môn Xô-ray-da, hỏi:

- Tin đồn Trưởng lão là cha của hai bé trai, rồi là mẹ của hai bé trai nữa, có đúng vậy không? Nếu đúng thì Trưởng lão thương cặp trai nào hơn?

- Cặp trai mà ta là mẹ! Ta khẳng định như thế.

Sau khi từ giã đám đông, Trưởng lão Xô-ray-da thường đi đứng nằm ngồi một mình, lúc nào cũng trầm tư quán tưởng về lẽ sinh diệt, biến hoại và cuối cùng chứng quả A la hán với phép màu vi diệu.

Sau đó nhiều người đến thăm Trưởng lão và hỏi:

- Sự thể như vậy sao? Sư thương yêu hai cháu nào nhất?

- Sự thật là như vậy, này các huynh đệ, và ta không còn duyên ái với cháu nào nữa cả.

Nghe thế, các Sa môn đến gặp Đức Thế Tôn, thưa:

- Bạch Thế Tôn, Sa môn Xô-ray-da nói năng e chưa thật. Trước kia sư nói sư thương hai cháu mà sư làm mẹ nhất. Nay sư nói không duyên lưu thương cảm ai cả. Như vậy phải chăng là vọng ngôn, bạch Thế Tôn!

- Nay các thầy Tỳ kheo, tâm tư ngôn hạnh của Xô-ray-da đã quang minh chính đại từ khi thầy ấy chứng thành đạo quả. Không mẹ cha hay con cái nào mang lại phước điền cho nhau, trừ tự tâm thanh tịnh và sở nguyện chân thành.

Nói xong, Ngài đọc kệ:

Mẹ cha hay bà con,
Không làm gì được cả,
Chính nhờ tâm nguyện lành,
Đưa ta lên cao cả.
(PC. 43)

ĐẤT ƯƠM MẦM SỐNG VÔ BIÊN

KẾT GIAO MẠNG MẠCH LƯU TRUYỀN TÔNG MÔN

Một đêm nọ, sau cuộc hành trình vất vả, xuyên suốt cả một vùng nông thôn rộng lớn, các Sa môn cùng Đức Thế Tôn cuối cùng cũng về tới Kỳ Viên. Các sư nhứt trí họp nhau trong chánh điện để rút ra những bài học kinh nghiệm cho các chuyến viễn hành, du hóa về sau. Thượng tọa niên trưởng Chơn Tâm bắt đầu đề cập đến những hình thái sinh động qua các mẫu đất đá đa dạng với màu sắc lung linh, kỳ dị của chúng. Sư nói:

- Quý huynh đệ thấy đấy, chuyến viễn du vừa qua đã giúp ta tai nghe mắt thấy vô số điều thú vị. Ai bảo cỏ cây hoa lá, sỏi đá núi rừng không tình không nghĩa với con người, nhứt là với những bần tăng viễn ly dung dị, du hóa bốn phương theo hạnh nguyện mà Đức Thế Tôn đã dày công tu tập, chứng ngộ và truyền đạt cho chúng ta:

Bát com lý tưởng khắp ngàn nhà
Bước chân đạo nghiệp muôn dặm xa
Chỉ vì sinh tử hai việc lớn
Xuân thu giáo hóa tháng ngày qua.

Không biết quý huynh nghĩ sao, thấy gì, chứ Chơn Tâm này đặc ý nhứt là những loại đất đá kiên gan bền chí, phơi mình ra trước phong ba bão tố, nắng hạn mưa dầm, không than thân trách phận mà lại tô điểm thanh sắc, khí vị cho khách đi đường. Tuyệt quá!

- Thượng tọa nói sao chứ em thấy có gì đâu mà phải thi vị hóa như vậy! Đất đá muôn đời vẫn là đất đá. Không khéo như sư Chánh Trí suýt nữa trượt chân lăn xuống đồi vì một cục đá mất nét, thấy người đi tới mà vẫn nằm chình ình ra đó.- Sư Thiện Hỷ phát biểu và đại chúng che miệng cười thú vị.

- Em thấy cũng nên suy nghĩ, đúng hơn là quán niệm về các loại đất đá. - Sư Ngô Giải trình trọng nói - Suốt cuộc hành trình, chúng ta chứng kiến vô số cảnh quan, nổi bật nhất vẫn là đất đá. Mà không đáng quan tâm sao được! Chúng ta sống cũng nhờ đất mà chết cũng nhờ đất. Vạn loại hữu tình và vô tình đều đang nương nhờ, tá túc và sanh sôi nảy nở trên mặt đất này. Kỳ diệu thay! Quý huynh xem, cùng từ dưới lòng đất vươn lên, nhưng mỗi loài hoa đều có màu sắc và hương vị khác nhau, đó là chưa kể ngô khoai lúa nếp, cây trái bốn mùa; chúng luân lưu sinh diệt với muôn màu, muôn vẻ trên ruộng đồng, rừng núi từ năm này qua tháng nọ, nhưng khí chất đất đá có khác gì đâu!

- Có chứ! - Sư Nhất Thanh tỏ vẻ không cùng quan điểm. Nói sỏi đá có cùng khí chất thì hình như chưa chính xác. Em thấy đất đá cũng có hình dạng và màu sắc khác nhau, vậy là khí chất và biên độ không đồng, nhất là các loại đất ruộng, đất gò : nơi này bằng phẳng, nơi kia gồ ghề; chỗ này lầy lội, chỗ nọ khô khan; rồi thì đất đen, đất đỏ, đất trắng, đất vàng ... úi dzời, nhiều loại pha tạp lắm!

- Hay! không ngờ Nhất Thanh nín nín mà nay ra đòn ác liệt ta! - Sư Tâm Trục vụt nói và Tăng chúng cười ồ vui vẻ.

- Nghe đại chúng nói cười hưng phấn trong chánh điện, Đức Thế Tôn bước vào, hoan hỷ ngồi giữa các sư, nói:

- Chà! các thầy có gì mà hân hoan, sôi nổi vậy hè?

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Minh Hạnh đáp, quý huynh đệ đang nhận xét về các loại đất đá đã bắt gặp trên cuộc hành trình vừa qua.

- Vậy sao! Nay các thầy Tỳ kheo, các thầy chỉ mới luận bàn hay góp ý cho nhau về những lớp đất đá dễ thấy bên ngoài. Các thầy nên nhìn sâu, thấy rõ những lớp đất đá cô đặc bên trong để rồi lau chùi, mài giũa sao cho chúng trở thành những hạt kim cương lung linh phản chiếu ra muôn màu muôn vẻ, thế mới là đức kết kinh nghiệm, quán sát tinh tường sau mỗi chuyến hành trình.

Ngài mỉm cười, đọc kệ:

Ai chinh phục Thiên giới,

Địa cầu và Dạ ma,

Thông giảng kinh Pháp Cú,
Như người khéo hái hoa.

Hữu học chinh phục đất,
Thiên giới và Dạ ma,
Thông giảng kinh Pháp Cú,
Như người khéo hái hoa.
(PC. 44, 45)

LANG THANG NHƯ ÁNG MÂY TRỜI BÔNG BÈNH NHƯ BỌT NƯỚC PHƠI CHÂN GHÈNH

Truyện kể rằng thuở nọ có một Sa môn dốc tâm cầu đạo, quyết chí tu hành. Sư tha thiết đánh lễ Đức Thế Tôn, xin Ngài trao truyền yếu chỉ thiền quán, rồi một mình một bóng đi vào rừng sâu thực hành thiền định. Sau một thời gian dài nỗ lực cao độ, ngày đêm trầm tư quán tưởng về lẽ sanh-trụ-dị-diệt của vạn loại hữu tình, nhưng tia chớp liễu ngộ vẫn chưa lóe sáng trong tâm. Cây cảnh quanh sư vẫn hồn nhiên đâm chồi nảy lộc và thay màu đổi sắc theo chu trình xuân sanh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn. Một cơn gió nhẹ thổi qua, dăm ba chiếc lá chao động lìa cành, rồi nằm tro vơ trên mặt đất cho đến thời tan loãng theo vũ trụ vẫn xoay. Sư quán niệm hoài, thiền định mãi mà chưa khám phá ra nguyên nhân của sự tồn vong, luân chuyển. Một buổi mai nọ, nhìn những tia nắng vàng lung linh nhảy múa, khi ẩn khi hiện qua các cành lá rì rào, sư lại càng thắc mắc về lẽ sinh thành, hủy diệt. Sư quyết định tạm biệt núi rừng, trở về thỉnh Đức Thế Tôn trao cho một công án khác, phù hợp với khả năng và nguyện vọng của sư hơn.

Trên đường về Trúc Lâm, sư phải băng qua một khu đồi trọc, rồi đến một cánh đồng rộng. Mặt trời mỗi lúc một lên cao, độ nóng càng thêm gay gắt. Sư bỗng thấy một hiện tượng quái dị cứ chờn vờn ẩn hiện trước mặt. Sư đi thì nó đi. Sư đứng thì nó đứng. Sư chạy thì nó chạy như thể trêu chọc sư. Sư tự hỏi không biết đó là phép màu huyền bí hay hiện tượng ảo hóa thường xuất hiện ở những nơi đồng không mông quạnh. Bỗng dung sư nhớ lại lời pháp thoại của Đức Thế Tôn:

Này các thầy Tỳ kheo,
Hãy trụ tâm thiền quán,

Pháp hữu vi tan loãng,
Nhu mây nổi, sương sa,
Nhu điện chớp lóe nhòa,
Nhu mộng寐 huyễn hóa.

Ngay tức khắc, sư trực nhận ra vòng sinh diệt của mọi hiện tượng đang quay cuồng theo nghiệp cảm duyên khởi và đang liên tục diễn ra trên cõi đời này. Cảm thấy sảng khoái, phấn khích, sư tiếp tục đếm từng bước thiền hành cho đến khi mặt trời đứng bóng. Phần nóng nực, phần đói khát và thấm mệt, sư ngồi nghỉ mát dưới một tàng cây trên bờ sông A-chi-ra-va-ti (Aciravatī). Một lát sau, sư xuống sông uống nước, tắm rửa và ngâm mình thư giãn trong dòng nước trong xanh; đoạn sư lên ngồi thanh thảo trên một tảng đá bằng phẳng trong bóng râm, cạnh một dòng thác đang tuôn nước rào rào. Nhìn những chiếc bong bóng tròn vo, to tướng cứ liên tục nhấp nhô, sanh diệt theo sức ép của từng làn sóng luân phiên xô vào ghenh đá, sư như bắt được của quý, miệng mỉm cười, nói: “À... ta thấy rồi. Sanh tử, tồn vong là thế!” . Sư từ từ đi vào chánh định với niềm hỷ lạc vô biên.

Đức Thế Tôn bấy giờ đang nhập định trong thiền thất, thấy tướng mạo của sư uy nghi như núi Tu Di và rạng rỡ như ánh trăng rằm, Ngài cất lời tán thán: “Đúng thế! Đúng thế! Này Sa môn. Những bong bóng nước và hiện tượng ảo hóa nhấp nhô sanh diệt thế nào thì vòng sanh tử miên trường của chúng sanh cũng nổi trôi tan biến như thế đó”.

Ngài đọc kệ:

Hình hài như huyễn hóa,
Thân xác tợ bọt bèo,
Bề tên hoa dục vọng,
Tử thần hết đời theo.

(PC. 46)

Thế Tôn vừa đọc kệ xong thì sư liền chứng quả A la hán với pháp lực nhiệm màu, thần thông quảng đại. Trưởng lão xả thiền, tiếp tục hành trình về thăm Bốn Sư với tâm trạng ung dung thư thái, khinh khoái khôn lường. Trưởng lão vừa đi vừa tán thán dung nghi, uy lực của Đức Đạo Sư:

Báo thân Phật tổ lộng ánh vàng,
Uy đức vang lừng khắp thế gian,
Mát nụ cười tươi – thiên đế phục,

Bao dung ánh mắt – quý vương hàng.

MỘT THOÁNG SÂN TÂM BUÔNG ÁC NGŨ' KHỔ ĐAU OAN TRÁI KẾT BAO ĐỜI

Thuở xưa, khi Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) trị vì nước Ba La Nại, có một thân vương húy Tú Phát (Kesava) dứt khoát từ bỏ ngôi vị, xa lánh thế trần, sống đời phạm hạnh. Năm trăm môn nhân quyến thuộc thấy vậy cũng giã từ quyền thế cao sang, theo gương thân vương lên đường khổ tu hành đạo. Sau đó thân vương rất được quần chúng tin yêu, kính phục. Ka-pa (Kappa), quan thủ khổ của thân vương cũng theo chủ nhân làm đệ tử. Ấn sĩ Tú Phát cùng môn đệ vào Hy Mã Lạp Sơn khổ tu tám tháng. Khi mùa mưa đến, họ cùng nhau về thành Ba La Nại khát thực những vật dụng cần thiết như muối, dấm v.v... Quốc vương rất vui mừng đón tiếp ấn sĩ, chấp thuận phái đoàn lưu trú tại hoa viên hoàng cung qua bốn tháng mưa, và nhà vua hứa sáng tối nào cũng đích thân đến vấn an, chăm sóc ấn sĩ.

Nhóm môn đệ tạm trú được vài hôm thì cảm thấy khó chịu, ray rứt trong lòng vì những tiếng ngựa hí, voi gầm. Họ đến thưa với Đạo sư Tú Phát:

- Bạch Thầy, phiền quá! Chúng con phải đi nơi khác mới an định được thân tâm.

- Đi đâu bây giờ, quý huynh đệ?

- Trở lại vùng Hy Mã Lạp Sơn, bạch Thầy.

- Đâu được! Quốc vương đã hứa cho chúng ta an trú tại đây qua hết mùa mưa. Nửa chừng bỏ đi khó coi lắm!

- Nhưng chúng con không thể lưu trú lâu hơn nữa, bạch Thầy! Chúng con sẽ chọn một nơi gần đây để tiện việc liên hệ với Thầy.

Họ đánh lễ và tạm biệt Đạo sư, chỉ còn Ka-pa ở lại chăm sóc và thân cận với Thầy.

Sáng hôm sau quốc vương đến vấn an Đạo sư, không thấy các ấn sĩ, bèn hỏi:

- Ủa! môn đồ đi đâu hết rồi?

- Họ nói ở đây bất an quá nên họ đã về lại vùng Hy Mã Lạp Sơn rồi, tâu đại vương.

Ít lâu sau, Ka-pa cũng nản lòng, và mặc dù Đạo sư Tú Phát hết lời thuyết phục môn đệ mình đừng bỏ đi, nhưng cậu vẫn nằng nặc xin tạm biệt Thầy, trở về núi rừng với huynh đệ khổ hạnh.

Đạo sư Tú Phát cứ bận tâm về cách sinh hoạt và nếp khổ luyện của nhóm môn sinh mà đâm ra xao xuyến, bức bách trong lòng. Quốc vương cho mời y sĩ đến chữa trị cho Đạo sư, nhưng bệnh trạng không mấy khả quan. Cuối cùng, Tú Phát gặp quốc vương, tha thiết cầu rằng:

- Tâu đại vương! Đại vương muốn bản đạo chóng được khỏe mạnh lắm phải không?

- Đúng thế, Đạo sư! Giá mà ta có phép màu kỳ diệu thì ta khôi phục sức lực cho Đạo sư ngay giờ phút này.

- Đa tạ đại vương. Nếu đại vương muốn bản đạo được thân tâm an lạc, bệnh tật tiêu trừ thì cho bản đạo về lại núi rừng, công phu tu tập với môn đệ của bản đạo.

- Tốt lắm, Đạo sư!

Quốc vương truyền bốn cận thần, do Na-ra-đa (Narada) chỉ đạo, khiêng Tú Phát đến gặp đồ chúng và để tâm theo dõi bệnh tình của ẩn sĩ.

Được tin Đạo sư sắp về, Ka-pa liền thông báo cho tất cả huynh đệ đều biết. Họ cùng nhau hân hoan đến đánh lễ, vấn an, và dâng nhiều loại hoa quả đặc biệt cho Đạo sư. Ngay lúc đó, ngay lúc tình sư đệ được chan hòa theo ánh mắt nụ cười, theo tâm tư nguyện vọng của những người viễn ly thế nghiệp, tịch tịnh tâm hồn thì Đạo sư Tú Phát khỏe mạnh lại ngay: đầu óc linh hoạt, da dẻ như vàng ròng.

Sau đó quốc vương cứ thắc mắc: “Ta ưu ái phái đoàn ẩn sĩ như thế mà họ vẫn ra đi, vẫn nghi ngờ thiện chí của ta. Làm sao ta chiếm được niềm tin yêu của họ. Chỉ còn cách duy nhất là có được một ái nữ thuộc dòng tộc Đức Thế Tôn, và như vậy thì họ sẽ coi ta là bà con quyến thuộc với đấng Đại Giác”. Quốc vương liền truyền lệnh gửi văn thư đến hoàng tộc Thích Ca (Sakyas) với nội dung cầu hôn một nương tử xinh đẹp. Nhà vua còn phái sứ thần tìm hiểu tiểu nương kia thuộc dòng công khanh nào.

Hoàng tộc Thích Ca nhóm họp, xem xét vấn đề và nhận định rằng:

- Tên hôn quân bạo chúa đó là kẻ thù không đội trời chung của chúng ta. Nếu từ chối yêu sách, hẳn sẽ có cơ cất binh tàn sát hoàng triều. Và lại hẳn đâu ngang hàng đẳng cấp với vương tộc nhà mình, biết làm sao đây!

Hoàng thân Đại Danh (Mahānāma) tự nguyện đứng ra tháo gỡ rắc rối:

- Ta có một thiếu nữ đang độ đương thì, cực kỳ xinh đẹp, tên là Va-xa-ba-kha-ti-da (Vāsabhakhattiyā), con gái đầu lòng của một tiện nữ nô lệ khỏe mạnh, tháo vác. Chúng ta đem nộp cho hắn.

Sau đó thân vương đón tiếp phái đoàn sứ giả, trình trọng thưa rằng:

- Hy hữu thay! tiểu quốc chúng tôi được diễm phúc kết thân với quý quốc, được vinh dự dâng cho đại vương một công nương tú lệ, đa tài.

- Tên gì?... Con ai?... - Trưởng đoàn sứ giả hỏi với giọng đầy quyền uy, thế lực.

- Dạ thưa ... tôn nữ cách cách của hoàng thân

Đại Danh, huynh đệ của Đức Thế Tôn đấy ạ! Nàng đa tài, xinh đẹp và rất có hiếu với hoàng thân quốc thích.

- Như vậy thì tốt lắm!

Sau đó phái đoàn sứ giả cung tay cáo từ, trở về hoàng cung tâu lại mọi việc với quốc vương.

Được tin sáng khoái, quốc vương liền ra khải dụ đem kiệu xe rước công nương về hoàng triều cho người gáp. Nhưng đám trung thần của quốc vương lắm mưu nhiều kế, bán tín bán nghi, sợ hoàng tộc Thích Ca chơi trò trá trở, đem nộp ả dân đen tiện tỳ nào đó thì nguy! Họ bàn với quốc vương gửi văn thư yêu cầu hoàng thân Đại Danh cùng ăn chung bàn với công nương. Đại Danh chấp thuận, cho người trang điểm tiểu thư xiêm y rực rỡ, dung mạo diễm kiều, rồi đưa nàng đến quan phủ cùng dự yến tiệc, và sau đó trao tiểu nương cho sứ giả. Nàng được đưa về Xá Vệ và được quốc vương hết lòng yêu quý, phong làm hoàng hậu, cai quản 500 cung phi, mỹ nữ.

Một năm sau, hoàng hậu hạ sanh được một hoàng tử, trông khôi ngô tú dị, toàn thân lấp lánh như ánh vàng ròng. Quốc vương vô cùng hưng phấn, truyền lệnh thái giám báo tin cho thái hậu biết là hoàng hậu, công nương của hoàng thân Đại Danh thuộc hoàng phái Thích Ca đã sanh được một hoàng tử, và thỉnh thái hậu đặt quý danh cho cháu. Thái hậu được tin, lòng lâng lâng cảm kích, thầm nghĩ hoàng hậu là người đoan trang thùy mị, trung hậu đảm đang, được thần dân tôn vinh mến phục; nay lại sanh cho quốc vương một hoàng tử kỳ vĩ, hẳn là được quốc vương sủng ái tuyệt đối, vậy ta nên đặt tên cháu là Va-la-ba (Valabā), có nghĩa là tôn quý; nhưng thái giám đã trọng tuổi, hơi nặng tai, nghe nhầm ra Vi-đư-đa-ba (Vidūdabha), và tâu với quốc vương rằng thái hậu rất tâm đắc với danh xưng này. Thoạt đầu quốc vương lấy làm lạ, vì húy danh chẳng có ý nghĩa gì cả. Tên hoàng tử là đại diện cho sơn hà xã tắc mai sau, vậy mà nghe ra rất ngớ ngẩn; hay biết đâu đó là vương hiệu xa xưa của hoàng triều, quốc vương đành phải âm thầm chấp thuận. Thế là hoàng tử được vinh hạnh mang tên Vi-đư-đa-ba, và được phong chức tổng lãnh binh khi còn là một cậu bé. Quốc vương tin rằng vai trò của Vi-đư-đa-ba ở hoàng triều hẳn làm đẹp lòng Đạo sư lắm.

Vi-đu-đa-ba trưởng thành trong nhung lụa và quyền lực. Khi lên bảy tuổi, thấy các công tôn khác được ông ngoại cho nhiều trò chơi trẻ em như ngựa, voi, lạc đà, khí, gấu v.v..., hoàng tử lên tiếng hỏi mẹ:

- Mẫu hậu ơi, các công tử kia được ông ngoại cho nhiều quà đẹp quá! Con không có gì cả! Mẫu hậu không có cha mẹ sao? Con không có ông bà ngoại sao?

- Con yêu quý của mẹ, ông bà ngoại của con là hoàng thân dòng Thích Ca, ở cách đây xa lắm, nên không tiện gửi quà cho con.

Đến năm mười sáu tuổi, hoàng tử lại hỏi:

- Thừa mẫu hậu, con muốn về quê ngoại thăm ông bà và gia phong mẫu hậu.

- Nay, con yêu quý của mẹ, con còn nhỏ, phần đường xá xa xôi hiểm trở, đi lại bất tiện lắm. Con nên nỗ lực luyện văn múa võ, cưỡi ngựa bắn cung cho thật giỏi để mai sau thay phụ hoàng mà giữ gìn xã tắc, nghe con!

Không hài lòng với những lời tâm huyết của mẹ, hoàng tử vẫn khăng khăng đòi về thăm quê ngoại. Cuối cùng mẫu hậu chấp thuận lời đề nghị của con. Chàng báo tin cho phụ hoàng và lên đường với một đám tùy tùng hùng hậu. Va-xa-ba-kha-ti-da liền gửi mật thư báo cho hoàng thân biết trước mọi việc, và vương triều Thích Ca cố tình đưa đám công tôn trai trẻ về thôn làng nghỉ mát. Do đó, khi Vi-đu-đa-ba đến thành Ca-tỳ-la (Capila), họ tập trung tại hoàng cung khách đường và hoàng tử được tiếp đón tại đó. Họ nói:

- Hoàng tử, đây là lĩnh tôn, đây là lão bá bá, đây là lão đại thúc ... của hoàng tử.

Chàng phải đi giáp vòng, thi lễ từng người nhưng không một ai đáp lễ lại. Thấy bị xúc phạm, chàng nghiêm giọng hỏi:

- Tại sao không ai đáp lễ ta?

Nhóm hoàng tộc đáp:

- Hoàng tử, các công tôn trai trẻ như hoàng tử đã đi nghỉ mát hết rồi.

Tuy nhiên, chàng vẫn được tiếp đón trọng hậu. Và sau vài hôm, chàng cáo từ ra về với phái đoàn.

Bấy giờ có một phụ nữ nô lệ đem sữa và nước ra rửa chỗ ngồi của Vi-đu-đa-ba với một tay che mũi, tỏ vẻ khinh khi, gớm ghiếc và nói:

- Đây là chỗ ngồi của thằng con mụ nô lệ Va-xa-ba-kha-ti-da!

Ngay lúc đó, một cận thần trở lại lấy chiếc khăn để quên, thấy nghe mọi chuyện, và sau giây lát tìm hiểu mới nắm được ngọn nguồn của chốn bí sử thâm cung. Té ra mẫu hậu tôn quý kia đích thị là đứa con hoang của mụ gia

nô trong cung phủ của lão hoàng thân Đại Danh thuộc dòng tộc Thích Ca. Gã cận thần liền thông báo cho đoàn vệ binh biết, và thế là nô khí hóc lên ngùn ngụt. Khi Vi-đư-đa-ba biết rõ sự thật đau lòng, chàng nắm tay đám thẳng lên trời và lớn tiếng thề độc:

- Hôm nay dòng giống Thích Ca rửa chỗ ngồi của ta bằng sữa và nước, mai kia lên ngôi ta sẽ rửa chỗ đó bằng máu họng của bọn chúng.

Khi phái đoàn sứ giả về tới Xá Vệ, họ tâu rõ mọi việc tai nghe mắt thấy với đại vương. Nhà vua vô cùng phẫn uất trước hành vi khinh suất, tráo trở của hoàng thân, và hạ lệnh truất phế tước hiệu hoàng hậu, đày mẹ con xuống hàng nô lệ như xưa.

Vài hôm sau, quốc vương đến gặp Thế Tôn, thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, ta rất đau lòng phải nói ra điều này. Hoàng tộc Thế Tôn vọng ngôn thất tín, lừa đảo gian manh, đã trao cho ta con gái của một tiện nữ nô lệ mà dám bảo là tôn nương cách cách của hoàng thân Đại Danh. Ta đã tước hết danh hiệu cao quý của hoàng triều ban tặng, đày mẹ con hoàng hậu xuống hàng nô lệ cho phù hợp với triều cương quốc pháp.

- Tâu đại vương, như vậy thì e bất công, khe khắt với hoàng tộc Thích Ca. Va-xa-ba-kha-ti-da được tấn phong cách cách tại tôn phủ của hoàng thân Đại Danh, thuộc dòng võ tướng, thế là con của hoàng thân. Còn Vi-đư-đa-ba là con của đại vương, là hoàng tử chánh hiệu; vậy thì gia phong mẫu hệ có dính dáng gì với tôn tộc đương triều?

Nghe lời biện giải thâm trầm, hữu lý và nhân hậu của Thế Tôn, quốc vương an tâm, hoan hỷ, phục chức hoàng hậu và hoàng tử cho hai mẹ con.

Khi Vi-đư-đa-ba lên ngôi, thay thế phụ hoàng phát huy thế lực, tân vương liền nghĩ đến cái nhục rửa ghế năm xưa mà nghiêng răng tuyên bố:

- Ta sẽ tàn sát dòng tộc Thích Ca cho chúng biết thế nào là uy quyền và danh dự.

Quốc vương lên đường thân chinh với một đoàn quân hùng hậu: binh khí lấp lánh, giáp trụ oai hùng.

Sáng hôm đó, như thường lệ, Đức Thế Tôn thiền định trong tịnh thất, trải tâm từ bi quán chiếu thế gian, thấy dòng tộc Thích Ca sắp đến hạn tuyệt diệt. Động lòng bi悯, Ngài thăm nhủ:

- Nguy khôn thay! Ta không thể không để tâm che chở thân tộc hoàng triều.

Và sau một vòng thiền hành, khát thực, Thế Tôn trở về tịnh thất với tâm tư hóa giải hận thù. Đêm đó, bằng thần lực nhiệm màu, Ngài đến sát biên giới

giữa thành Ca-tỳ-la và vương quốc của Vi-đù-đa-ba, thiên đình dưới một tàng cây nho nhỏ.

Trưa hôm sau, trên đường phục thù rửa hận, Vi-đù-đa-ba chợt thấy Đức Thế Tôn đang nhập định sừng sững như núi Tu di dưới tàng cây thừa lá. Động lòng kinh ngạc, nhà vua cung kính đánh lễ đấng Đại Giác, và nói:

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn không thiên đình hay nghỉ mát dưới tàng cây đa cổ thụ bên vương quốc của trẫm? Ở đây nóng bức quá!

- Cảm ơn đại vương quan tâm! Bóng râm dòng tộc của ta đủ che mát cho ta rồi!

Ngài hiểu Thế Tôn hẳn đã đến với mục đích bảo bọc thân tộc hoàng triều, Vi-đù-đa-ba ngỏ lời tạm biệt Ngài và lui binh về Xá Vệ. Sau đó Thế Tôn cũng về lại Trúc Lâm.

Nhưng mối hận truyền kiếp với dòng tộc Thích Ca cứ ray rứt tâm can, lảng vảng trong đầu, khiến quốc vương phải cất binh rửa nhục lần thứ hai. Lần này cũng thấy Thế Tôn uy nghi bất động dưới tàng cây như lần trước, và Vi-đù-đa-ba lại phải quay về. Lần thứ ba cũng thế. Đến lần thứ tư, thấy ác nghiệp của dòng tộc Thích Ca quá đồi sâu dày, đã một thời đổ thuốc độc xuống sông vì tranh nhau ngọn nước vào ruộng, tưới tắm hoa màu, Thế Tôn đành phải im lặng, để cho oan khiên ác trược vận hành theo duyên nghiệp của nó.

Vi-đù-đa-ba tiên quân với quyết tâm tàn sát dòng tộc Thích Ca. Và lạ thay, dòng tộc của đấng Đại Giác Thế Tôn sẵn sàng thuận theo số kiếp điêu tàn, mặc dù họ được coi là những binh sĩ dạn dày sương gió, kinh nghiệm chiến trường, múa kiếm bắn cung cực kỳ điêu luyện. Họ đã bị quân lính của Vi-đù-đa-ba tàn sát đến từng em bé còn nằm nôi hay đang ngậm vú mẹ, chỉ tha mạng cho những ai thuộc tôn phủ hoàng thân Đại Danh. Thế là quốc vương Vi-đù-đa-ba đã trừ được mối hận năm xưa, đã rửa sạch chỗ ngồi của mình bằng máu huyết của quân khinh bạc. Dòng tộc Thích Ca bị tru diệt đến tận gốc.

Hoàng thân Đại Danh được quốc vương Vi-đù-đa-ba, cháu ngoại, cung kính đưa về hoàng triều, tiếp đãi nồng hậu. Tới bữa điểm tâm, hoàng thân tự nghĩ:

- Thế nào ta cũng sẽ được mời ăn sáng với hần. Bá quan văn võ hoàng triều thà tán thân thất mạng chứ quyết không ăn chung bàn với con bọn nô lệ.

Thấy ngoài vườn thượng uyển có một hồ sen nên thơ, hoa lá đong đưa, hương thơm ngào ngạt, hoàng thân nghĩ:

- Quốc vương, ta muốn ra bờ hồ dạo mát một chút.

- Hoàng thân tự nhiên, giang sơn này vĩnh viễn là xã tắc của hậu duệ hoàng thân. Mong hoàng thân an tâm, thoải mái, và hãy quên đi những ấn tượng không vui.

Nhìn dòng nước trong xanh với từng đàn cá tung tăng bơi lội, Đại Danh trầm ngâm suy nghĩ: “Nếu từ chối ăn sáng, sẽ bị hấn giết liền. Nếu chung mâm cùng bàn, thì còn gì là tông phong đẳng cấp. Cá ơi! cho ta theo các người với!” .

Đại Danh xõa tóc, bện thành hai lọn, buộc vào hai ngón chân cái, rồi lạng lẽ lao nhẹ xuống hồ.

*

* *

Một hôm, trên bước đường thân chinh dẹp loạn, Vi-đu-đa-ba cùng binh đoàn dựng trại nghỉ đêm trên bờ sông A-chi-ra-va-ti (Aciravati). Một số quân sĩ ngủ trên nền cát mịn giữa lòng sông khô cạn, số còn lại nằm trên bờ đất gồ ghề. Nửa đêm, số nằm trên bờ thức dậy, bảo kiến ra nhiều quá, cắn, đốt không ngủ được. Thế là họ đổi chỗ, xuống ngủ dưới lòng sông, còn nhóm kia lên nằm trên bờ. Bấy giờ ở thượng nguồn có cơn giông tố nổi lên, mưa tuôn như thác đổ, nước theo sông cuộn cuộn xuôi dòng, cuốn phăng mọi thứ, và số binh sĩ nằm giữa lòng sông kia đều bị nước lôi ra biển, làm môi cho các loại kinh ngư, chỉ số nằm trên bờ thì an toàn, hú vía.

Dân chúng thấy thế bàn tán xôn xao, cho rằng chính bọn ác ôn man dã kia đã tàn sát dòng tộc Thích Ca nên nay bị trời tru đất diệt, trả lại công bình cho bá tánh lương dân. Môn đồ của đấng Đại Giác Thế Tôn cũng hơi nóng mũi, lên tiếng rì rào sau thời tịnh niệm:

- Quý huynh đệ thấy đấy, oan oan tương báo, nghiệp chướng khôn cùng. Đúng là sinh sự sự sinh ngày nào dứt, hại người người hại thuở nào nguôi.

Nghe các sư nhỏ to nhận định trong chánh điện, Đức Thế Tôn bước vào, ngồi giữa đại chúng, tươi cười, hỏi:

- Chà! Các thầy có gì mà bàn luận ra vẻ cần mật thế?

- Bạch Thế Tôn, vụ tàn sát dòng tộc Thích Ca năm xưa và cảnh lũ lụt khủng khiếp vừa qua phải chăng là oan gia tụ hội, nghiệp báo khó lường!

- Nay các thầy Tỳ kheo, Đức Thế Tôn thấp giọng nói, nhân quả như bóng với hình. Cho dù những ai kia có thành đạt mục tiêu hay an tâm mãn nguyện cỡ nào thì cũng khó mà thoát khỏi cơn lũ lụt khủng khiếp tràn qua ngôi làng đang thiếp ngủ, tử thần hấn lôi họ ra khơi và dìm họ xuống tận biển sâu đau khổ.

Ngài đọc kệ:
Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Tử thần sẽ kéo bừa,
N như lự cuốn làng ngủ.
(PC. 47)

--- o0o ---

Phần 8 - CHO DÙ BIÊN BIỆT SƠN KHÊ NHƯNG TÂM TƯ VẤN VỌNG VỀ CỐ HƯƠNG

Truyện kể rằng thiên thần Hoa Mang, Ma-la-ba-ri (Garland-Wearer, Mālabhārī) một hôm vào lạc viên ở tầng trời thứ Ba mươi ba với một ngàn tiên nữ. 500 tiên nữ trèo lên cây hái hoa, thả xuống; 500 tiên nữ nhặt hoa, kết thành từng tràng và trang điểm cho thiên thần. Một tiên nữ ngồi trên cành cây cao bỗng dung đầu thai vào một gia đình vọng tộc ở Xá Vệ. Vừa mở mắt chào đời, cô đã nhớ rõ kiếp trước của cô là vợ của thiên thần Hoa Mang. Do đó, khi lớn lên, cô thường hái nhiều loại hoa khác nhau, kết thành từng tràng cúng dường Đức Thế Tôn và Tăng đoàn với ước nguyện sẽ được tái sinh với người chồng cũ.

Khi lên mười sáu tuổi, cô được cha mẹ gả cho một thanh niên khỏe mạnh, nhanh nhẹn thuộc gia đình thâm tín Tam bảo. Nhờ thế, cô thường viếng chùa, lễ Phật, cúng dường lương thực, y phục và những vật dụng cần thiết khác cho Thế Tôn và đại chúng với lời khẩn nguyện:

- Nguyện cầu Thế Tôn và hiện tiền chúng Tăng chứng minh công đức, giúp con được tái sinh với người chồng cũ.

Mỗi khi cúng dường, lễ Phật cô đều dâng lời ước nguyện duy nhất như thế. Tăng chúng thấy vậy nhìn nhau, thắc mắc:

- Cô này lạ thật! Coi bộ nét na thùỵ mị, lễ Phật cúng dường như vậy mà vẫn đa sầu, đa cảm. Chồng ngồi bên cạnh trợ vợ, đang tâm tư tưởng chồng hờ kiếp nao! Đúng là: sông ái ân nước dâng ngàn thước, biển khổ đau sóng dập muôn trùng.

Các sư không ngần ngại tặng cho cô biệt hiệu là Trọng Phu, Pa-ti-pu-ji-ka (Husband-Honorer, Patipūjikā). Cô thường xuyên chăm sóc tăng đường được thiết lập giữa một ngôi làng hiền hòa, vắng vẻ. Cô ngày ngày quét dọn phòng xá sạch sẽ, chuẩn bị nước nôi và bàn ghế thơm tạt cho Tăng chúng.

Cô cẩn trọng tích lũy công đức, nuôi dưỡng thiện nghiệp; và niềm vui đã đến với gia đình nhà chồng, cô có thai và sanh được một cháu trai bụ bẫm, dễ thương sau mười tháng tinh chuyên chăm lo ẩm thực cho Tăng đoàn. Khi cháu vừa biết đi, cô sanh thêm đứa thứ hai, rồi đứa thứ ba, đứa thứ tư; và trong vòng sáu năm, cô sanh được bốn cháu trai khỏe mạnh, lanh lợi, thông minh.

Một buổi sớm mai, tiết trời dịu mát, cô dâng lễ vật cúng dường Đức Thế Tôn, nghe Ngài thuyết pháp, thọ trì giới luật, và đến cuối ngày thì cô lặng lẽ qua đời sau một chút choáng váng. Cô được tái sanh với người chồng trước theo ước nguyện thiết tha của mình.

Trong khoảng thời gian cô làm dâu, làm vợ, sanh con, lễ Phật, cúng dường, giúp chùa, công quả và già từ dương thế thì các tiên nữ vẫn còn đang trang điểm hương hoa cho thiên thần. Vừa chợt thấy cô, thiên thần Hoa Mang hỏi:

- Từ sáng tới giờ ta không thấy thiếp. Phu nhân đi đâu về đó?
- Thiếp đã đầu thai một kiếp, thưa phu quân.
- Phu nhân nói sao?
- Đúng thế, thưa phu quân! Thiếp đã đầu thai một kiếp.
- Phu nhân đầu thai vào cõi nào?
- Trong một gia đình khá giả ở Xá Vệ.
- Phu nhân ở đó được bao lâu?
- Cuối tháng thứ mười thì thiếp được mẹ thiếp cho ra đời. Khi lên mười sáu tuổi, thiếp phải theo chồng về một gia đình khác. Thiếp đã sanh được bốn người con trai. Rồi thiếp lo việc nhà, việc chùa quần quật suốt ngày. Chẳng hạn như lễ Phật, cúng dường, tụng kinh, bái sám, bửa củi, nấu ăn, giặt giũ, rửa ráy v.v... nhưng thiếp lúc nào cũng cầu nguyện sao cho được tái hợp với phu quân.
- Hay lắm! Thế ... thọ mạng của người đời được bao lâu?
- Chỉ vón vẹn một trăm năm!
- Ngán ngủi vậy sao?
- Đúng vậy, thưa phu quân!
- Nếu thọ mạng người đời ngắn như vậy thì họ chỉ biết ăn chơi, ngủ nghỉ hay lễ Phật, cúng dường?

- Dạ!... Họ vốn thích buông lung phóng dật, tận hưởng khoái lạc, sống thác theo đời; cho dù sống đến muôn kiếp họ vẫn thế, chẳng có chủ đề hay định hướng gì cho chu trình sanh - lão - bệnh - tử.

Vô cùng ái ngại, thiên thần Hoa Mang cất tiếng hỏi:

- Nếu như phu nhân nói người đời chỉ sống trăm năm, và nếu như họ thường phóng ngôn lộng ngữ, câu thả buông lung, ăn ngủ vô độ thì làm sao trong thời gian ngắn ngủi ấy họ có thể liễu sanh thoát tử, tận khử khổ đau?

- Phu quân hỏi nhiều quá! Hạ giới một chuyến thì biết. Thiếp thấy sao nói vậy.

- Ha!... Ha!... Thôi được rồi. Cảm ơn phu nhân đã cho ta biết đôi điều ở dương thế.

Sáng sớm hôm sau, các sư vào làng khát thực, đến tăng đường, thấy nước nồi không có, bàn ghế ngổn ngang, trên thềm dưới sân lá dòn chông chát, bèn vui miệng nói:

- Ủa, cô Trọng Phu nay sao giải đãi thế! Nhớ đức lang quân năm xưa đến nỗi quên cả nghĩa vụ thiên môn sao? Thưa bà Trọng Phu kính mến!

Một Phật tử từ trong nhà chạy ra, chấp tay xá xá và nói lấp bắp:

- Bạch chư sư, cô ấy mất tối hôm qua rồi. Tội nghiệp! suốt ngày lễ Phật, cúng dường, bòn mót công quả; tối về tắm rửa, com nước xong, lên giường nằm là đi luôn. Tội nghiệp quá!

Các sư đã chứng quả A la hán thì thản nhiên trước sự vận hành của các pháp hữu vi, còn các sư chưa thành đạt thì ngậm ngùi, liếc nhìn nhau và đưa tay lau nước mắt.

Sau thời thiền hành, khát thực, các sư đến tu viện, đánh lễ Đức Thế Tôn, thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, Phật tử Trọng Phu mất rồi. Cô ấy cẩn trọng, chăm chỉ, góp nhiều công sức cho chùa, nhưng vẫn một lòng nguyện tác hợp với người chồng cũ. Bạch Thế Tôn, cô ấy đâu thai về đâu? Liệu cô ấy có gặp lại người chồng cũ không?

- Nay các thầy Tỳ kheo, người chồng cũ mà cô ấy nguyện tác hợp không giống như ý nghĩ suy diễn của các thầy. Đó là thiên thần Hoa Mang ở tầng trời thứ Ba mươi ba. Cô ấy đầu thai trong khi đang trang điểm hoa hương cho thiên thần đó. Nay cô ấy đã về quê cũ, gặp lại người xưa trong bầu không khí phu thê hạnh phúc.

- Đúng vậy sao, bạch Thế Tôn?

- Như Lai chon ngữ giả, thật ngữ giả, bất cuống ngữ giả.
- A Di Đà Phật! Bạch Thế Tôn, thọ mạng của chúng sanh trên cõi đời này sao ngắn ngủi quá! Buổi sáng lễ Phật tụng kinh, tối về già từ dương thế!
- Nay các thầy Tỳ kheo, thọ mạng của con người trên cõi đời này quả thật mong manh, cho nên họ bỏ công tìm kiếm và hưởng thụ dục lạc. Nhưng tiếc thay, ý dục lạc chưa thỏa thì đã bị tử thần lôi họ ra đi với những lời khóc than ai oán.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn mỉm cười, đưa mắt nhìn đại chúng một lượt, xong Ngài đọc kệ:

Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Dục vọng, ý chưa vừa,
Đã bị tử thần kéo.

(PC. 48)

VUI THAY BỐ THÍ CÚNG DƯỜNG

SÂN THAM ĐOẠN TUYỆT, MƯỜI PHƯƠNG AN LÀNH

Truyện kể rằng tại thị trấn Thịnh Đường (Jaggery), cách thành Vương Xá không xa, có một phú ông vang danh giàu có nhưng khét tiếng bủn xỉn nên quần chúng gọi ông là lão gia Chí Kiệt Kô-xi-da (Nigardly Kosiya). Lão không bao giờ cho ai một hạt đậu, hạt mè; thậm chí vợ con trong nhà, gia nhân phục vụ, và ngay cả bản thân lão cũng phải tách bạch khẩu phần theo kiểu đo lọ tương ớt, đếm củ dưa hành. Kết quả là cái gia sản kết sù của lão chả có ý nghĩa gì, chẳng mang lại cho ai trong gia đình một chút tự hào hãnh diện, mà chỉ gây ghen ngào u uất như một ngục tù đầy dẫy âm binh.

Một sáng tinh mơ, trời trong gió mát, bốn bề vắng lặng, cảnh vật êm đềm và thanh thoát làm sao! Đức Thế Tôn xả thiền sau một thời khởi tâm đại bi, vận dụng Phật nhãn quán chiếu thế gian, thấy ngay vợ chồng phú ông đang trầm ngâm suy nghĩ bên ánh đèn leo lét trong chôn cô phòng. Họ tận dụng từng giờ từng phút để tích lũy lương thực, tàng trữ châu báu, nhưng lại khép kín tâm hồn đến lạnh lùng xơ cứng. Động lòng từ ái, Thế Tôn chờ dịp khai mở trí tuệ, khơi mầm thiện căn cho họ đến gần với chánh pháp.

Ngày hôm sau, Chí Kiệt đến hoàng cung hầu hạ quốc vương, trải thân quy lụy hoàng gia để có được chút danh bá hộ. Rồi trên đường về nhà, Chí Kiệt thấy một gã ăn mày đang cạp chiếc bánh gai gàn nát cả lá. Thế là dịch vị trong người lão cứ rần rần tiết ra, làm cho lão nuốt nước bọt liên hồi mà chả chế ngự được cơn thèm khát. Khi về tới nhà, lão ngồi phịch xuống ghế, đắm chiêu suy nghĩ:

- Nếu bảo ta muốn ăn bánh gai thì bao nhiêu người trong nhà cũng sẽ nhao nhao mong ngóng bánh gai, và thế thì hao tốn lắm! Gạo mè đường nếp đậu mà chịu cho xuê! Phải nhịn thôi!

Chí Kiệt đi tới đi lui để hàng phục con đói, và nhất là để tìm ra kế sách ăn bánh một mình. Thời gian lặng lẽ trôi qua, cơn đói bức bách đến nổi da thịt Chí Kiệt bỗng dựng đôi sắc vàng khè, gân cốt nổi lên ngoằn ngoèo như đàn giun lãi rục rịch trên bó rạ khô. Lão vội vã vào phòng, quăng mình trên chiếc giường gỗ, tâm trạng lo sợ thất thoát tài sản còn hơn là sợ ai biết mình thèm ăn bánh gai.

Thấy chồng nằm úp mặt xuống giường, chốc chốc lại thở dài nghe nảo nuốt. Người vợ đến ngồi trên mép giường, đưa hai tay xoa xoa lưng chồng, an ủi:

- Minh nghe em nói này. Có chuyện gì vậy?

- Chả có chuyện gì cả!

- Quốc vương có đòi hỏi gì nữa không? Chơi thân với bọn vua quan có lúc sẽ đi ăn mày hay mang gông vào cổ nghe anh!

- Suyt!... câm mồm. Nói năng bậy bạ có ngày mất lưỡi cả đám!

- Vậy thì con cái và đám gia nhân có đũa nào tiêu xài tùy tiện, làm phiền anh không?

- Không có gì cả, mệt bà quá!...

- Anh đừng giấu em! Không có gì cả thì tại sao nom anh khốn khổ thế này! Da thịt bồng dung vàng khè, gân cốt nổi lên ló nhố trông phát ón! Hay là anh thèm khát thứ gì? Một vợ sáu con chưa vừa hả?

Chí Kiệt nằm im bất động. Nỗi lo sợ hao hụt tài sản khiến lão không nói nên lời.

Dần lòng hết nổi, người vợ thét lên:

- Nói!... Ông mê con nào? Một hớp rượu ngon không dám dính môi nhưng sẵn sàng dâng cả hương hỏa từ đường này cho nó phải không?

- Bà sao!... Nói nhỏ nhỏ có được không! Vâng, tôi thèm lắm! Chí Kiệt vừa nói vừa nuốt nước miếng ừng ực.

- Thèm thứ gì? Ông nai lưng ra làm giàu để được chết đói chết khát hả?

- Ước gì bà cho tôi một chiếc bánh gai. Lão nói với đôi môi như mếu.

- Tại sao ông không nói là ông thèm ăn bánh gai? Ông nghèo khổ lắm hả? Ông mần tro mò trấu không ra bánh gai hả? Ông mang danh Chí Kiệt là phải lắm! Được rồi, tôi sẽ làm bánh đãi cả làng cho ông xem.

- Ố kìa!... Chí Kiệt ngồi phất dậy. Bà khùng hả? Việc gì phải quan tâm đến họ! Tay làm hàm nhai! Quảng đại từ bi cũng bị tù! Bà hiểu chưa?

- Vậy thì ít ra cũng vui vẻ với bà con chòm xóm chứ?

- Đánh chết cái nết không chừa! Cái tật hoang phí của bà khó ưa lắm!

- Thế mọi người trong nhà này ngồi nhìn ông ăn bánh. Họ là gỗ đá tro tro, không có cảm xúc!

- Nữa!... Bà thật sự không hiểu thế nào là bừa bãi, vung vít!

- Vậy con cái của ông thì sao? Chẳng lẽ cha ăn bánh, con liếm lá!

- Chúng dùng cơm canh rau đậu như thường lệ là được rồi.

- Còn tôi đây?

- Bà ấy à!... Khổ quá! Tại sao bà phải kể hết người này đến người nọ?

- Thôi được!... Tôi chỉ làm một cái cho ông vừa lòng.

- Nhưng coi chừng chứ chúng nó sẽ thấy bà làm bánh trong nhà. Tốt nhất là đem một ít gạo nếp sữa mật, nôi niêu xoong chảo với ba cục gạch lên sân thượng là ổn. Bánh làm xong là tôi ăn liền, khỏi ai thấp thỏm dòm ngó gì cả.

Để vừa lòng chồng, người vợ đem các thứ cần thiết lên lầu bảy, đóng cửa cài then, cầm con cái và gia nhân lên xuống, âm thầm nhóm lửa làm bánh cho lão gia Chí Kiệt.

Sáng hôm đó Thế Tôn bảo Trưởng lão Mục Kiền Liên (Moggallāna) đến thành Vương Xá khất thực, tìm cách gặp vợ chồng Chí Kiệt đang nấu bánh trên lầu cao, thuyết giảng cho họ biết thế nào là vô ngã, vô thường, vị tha và nội kết; xong, bằng thần thông diệu lực, đưa họ đến tu viện Trúc Lâm gặp Thế Tôn với 500 Tỷ kheo để cùng nhau thưởng thức hương vị đặc thù của loại bánh gai Chí Kiệt.

Chỉ trong khoảnh khắc, Mục Kiền Liên đã đứng sừng sững giữa hư không trước phòng Chí Kiệt như một pho tượng rực rỡ. Vừa thấy dung nghi Trưởng lão, Chí Kiệt hết hồn, đứng bật dậy, nhưng chỉ trong giây lát thì trấn an được ngay và gằn giọng nói:

- Ông đạo, ông muốn gì? Dù cho ông trở tài phù phép đi lại giữa hư không cũng chả kiếm được chút gì. Mời ông đi ngay cho!

Trưởng lão cất bước đi đi lại lại trong không trung.

Nổi nóng, Chí Kiệt quát:

- Ông đạo, cho dù ông ngồi kiết già ở đó thì cũng chả đánh động được lòng vị tha của ta đâu!

Trưởng lão liền xếp chân ngồi kiết già như đang nhập định.

Bực quá, Chí Kiệt thách thức:

- Ông đứng trên ngưỡng cửa sổ này cũng vô ích thôi. Cơm gạo đâu mà cho các ông. Một lũ lười biếng. Thấy ai có của thì lò mò tới. Thật không biết xấu hổ, liêm sĩ gì cả!

Trưởng lão liền đứng trên ngưỡng cửa sổ.

Hết chịu nổi, Chí Kiệt trợn mắt, chỉ tay vào mặt Trưởng lão, nói:

- Ông có phun mây, nhả khói đi nữa thì cũng chả sòn một sợi lông chân của ta.

Trưởng lão huýt nhẹ một cái và căn nhà liền chìm trong khói mù dày đặc.

Chí Kiệt phần uất, định nói: “Dù mi có ho ra cát, khạt ra lửa cũng thế thôi”. Nhưng vì vừa ho, vừa sặc, nước mắt nước mũi trào ra, và nhất là sợ căn nhà bị thiêu rụi, nên lão dần được sên tâm, ôn tồn nói với vợ:

- Mình ơi!... Làm thêm một cái bánh còn con cho hấn để hấn đi cho khuất mắt. Hấn đang trí mạng đòi ăn đấy!

Người vợ cho một chút bột vào nồi, nhưng bánh lại nở to, làm nước trong nồi tràn ra. Chí Kiệt đau lòng thầm nghĩ: “Hấn là bà ấy đã lấy nhiều bột quá!” ; và thế là Chí Kiệt đích thân nhéo một tí bột dính trên đầu thìa cho vào nồi, nhưng bánh lại to hơn cái trước. Và cứ thế, bánh họ nấu cái nào cũng lớn hơn cái trước. Cuối cùng Chí Kiệt nói với vợ:

- Bà ơi!... Coi cái nào nhỏ nhỏ cho đại nó một cái. Nó đứng đó hoài làm tôi xôn mắt lắm!

Nhưng khi người vợ vừa lấy một cái thì tất cả bánh trong rổ đều dính chùm lại với nhau, ngạc nhiên, bà nói:

- Mình ơi!... Bánh dính chùm, không gỡ ra được!

- Để đó tôi gỡ cho. Chuyện nhỏ mọn thế mà cũng kêu réo!

Chí Kiệt gắng sức tách bánh ra, nhưng càng tách chúng càng dính chặt. Cuối cùng, chồng nắm một đầu, vợ nắm một đầu, cố kéo tách bánh ra, nhưng vẫn không được.

Trong khi Chí Kiệt hì hục chiến đấu với bánh, mồ hôi toát ra đầm người, và lòng tham bỗng dưng biến mất. Quay sang nhìn vợ, lão nói:

- Bà ơi!... Tôi không cần những thứ này nữa. Cúng dường rỏ bánh cho ông sư đó đi.

Theo lời chồng, người vợ bê rỏ bánh đến trước mặt Mục Kiên Liên. Trưởng lão mỉm cười, tán thán:

Vui thay bố thí cúng dường,

Xan tham đoạn tuyệt, mùi hương an lành,

Vô thường, vô ngã, vô danh,

Vô công dụng xú viên thành đạo tâm.

Chí Kiệt sững sốt đến trần người, mắt đăm đăm nhìn Trưởng lão mà hai gối quỳ xuống lúc nào không hay. Ông chấp tay, thưa:

- Kính bạch Trưởng lão, mời Trưởng lão đến đây, ngồi trên chiếc giường này và dùng bánh tự nhiên.

- Cảm ơn thí chủ. Đức Thế Tôn và 500 Sa môn đang chờ bánh gai của thí chủ tại tu viện Kỳ Viên. Nếu không trở ngại, mong lão gia và phu nhân đem bánh và những thực phẩm khác đến cúng dường Thế Tôn và đại chúng, rồi cùng nhau thưởng thức cho vui.

- Nhưng Trúc Lâm cách đây xa quá, bạch Trưởng lão. Chúng con đi bằng cách nào?

- Khỏi lo!... Miễn sao thí chủ hoan hỷ thì mọi việc sẽ đâu vào đó.

Thế là một chiếc cầu thang xinh xinh nối liền giữa biệt thự của lão gia với ngõ môn Kỳ Viên. Vợ chồng Chí Kiệt đến chùa nhằm giờ thọ trai. Họ đem bánh gai, bơ, sữa, đường, mật vào trai đường, đánh lễ cúng dường Thế Tôn và đại chúng, rồi tất cả cùng nhau thọ thực trong bầu không khí chan hòa, thân mật.

Thọ trai xong, vợ chồng Chí Kiệt được Thế Tôn tán thán công đức và ban cho một thời pháp thoại về hạnh xả ly xan tham, vun bồi trí tuệ và lợi ích phước điền. Sau đó họ ngỏ lời tạm biệt Thế Tôn, đại chúng, và ra về trong niềm hạnh phúc vô biên.

Tối hôm sau, đại chúng họp nhau trong chánh điện, ai ai cũng hãnh diện ca ngợi thần lực của Trưởng lão Mục Kiền Liên.

- Quý huynh đệ thấy đấy, thần thông diệu lực của Trưởng lão Mục Kiền Liên quả thật bất khả tư nghì. Chỉ trong giây lát, Trưởng lão đã giáo hóa lão gia Chí Kiệt nhận thức được lý vô thường, vô ngã, đem vật thực đến chùa cúng dường lễ Phật, thật là thậm thâm hy hữu.

Nghe các Sa môn tán dương hưng phấn trong chánh điện, Thế Tôn bước vào, nói:

- Vui hỷ?!... Các thầy có gì mà họp nhau bàn luận thú vị thế này?

Đại chúng vừa liếc nhìn nhau thì Thế Tôn tiếp lời:

- Nay các thầy Tỳ kheo, các thầy hóa duyên với chúng sanh phải đến tận thôn làng, gặp mặt từng người, viếng thăm từng hộ mà không làm suy giảm niềm tin, hao tổn tài vật, và phiền lòng thí chủ. Hãy thuyết giảng cho họ biết đức hạnh của Đức Phật cũng giống như sứ mạng của một con ong, đúng không? Ong suốt đời tần tảo, bay tìm khắp muôn nơi, hút nhụy hoa làm mật, dâng hương vị cho đời, nhưng ong không tác hại gì cả. Tỳ kheo Mục Kiền Liên là thế đó.

Im lặng trong giây lát, Thế Tôn mỉm cười và đọc kệ:

Tỳ kheo vào làng xóm,

Như ong đến vườn hoa,
Lấy mật xong bay ra,
Không hại gì hương sắc.

(PC. 49)

Không ai bảo ai, đại chúng đồng chấp tay, cúi đầu, khể niệm: A Di Đà Phật. Rồi họ đứng lên đánh lễ Đức Thế Tôn và lui ra với những bước chân nhẹ nhàng nhưng vững chãi hơn.

TUYẾT RƠI TRƯỚC CỬA CHƯA TỪNG QUÉT LẠI LO SƯƠNG PHỦ MÁI NHÀ NGƯỜI

Truyện kể rằng tại Xá Vệ có một tín nữ, vợ của một thương gia giàu có, rất mực thuần thành, chăm lo ẩm thực và những nhu cầu cần thiết khác cho một ẩn sĩ lỏa thể hiệu Pa-thi-ka (Pāthika) như chăm lo yêu quý đưa con trai duy nhất của bà vậy. Một hôm, những người láng giềng đến chùa nghe Thế Tôn thuyết pháp, rồi về nhà hết lời tán dương dung nghi uy lực của Đức Đạo Sư: nào là pháp âm ngọt ngào, êm dịu; nào là diện mạo rạng rỡ như ánh trăng rằm; hai tai Phật dài, đầy đặn và đẹp làm sao; đôi mắt Ngài hiền hòa, trong sáng và đằm lòng nhân ái v.v... Khi nghe các bà ca ngợi đức hạnh và phong thái thanh thoát của Thế Tôn, tín nữ cũng muốn đi chùa nghe pháp. Bà bày tỏ ý định với ẩn sĩ:

- Bạch thầy, con muốn đến chùa nghe Phật thuyết pháp.
- Có gì mà nghe! Quanh đi quần lại cũng chỉ ngần ấy chuyện: cũng Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, nghe cũ rích! Còn nữa, tu hành mà lo y phục chỉnh tề, làm đóm làm dáng, đi đứng quy cách, ngủ nghỉ điều độ, ăn uống tùy duyên ... khó tin lắm!

Lần nào tín nữ định đi chùa cũng bị ẩn sĩ tìm cách ngăn cản với lời lẽ gằn như thóa mạ. Cuối cùng, bà quyết định thỉnh Thế Tôn đến nhà để bà được nghe pháp.

Một đêm nọ, bà bảo đưa con trai duy nhất của bà đến chùa thỉnh Đức Thế Tôn trưa hôm sau đến nhà bà thọ trai. Cậu thiếu niên, theo nếp lễ giáo, đến chào ẩn sĩ, và thế là Pa-thi-ka bắt chuyện:

- Cậu đi đâu mà đến đây đêm hôm khuya khoắt thế này?
- Dạ!... Mẹ con bảo con đến chùa thỉnh Phật trưa mai đến nhà thọ trai.

- Đi đâu cho phí sức, về đi! Có gì xảy ra ta chịu.
- Dạ... nhưng con sợ mẹ con mắng lắm!
- Có ta đây còn sợ nỗi gì? Thầy trò mình sẽ hưởng phần dâng lễ đặc biệt đó.
- Không được!... Mẹ con sẽ đánh con chết.
- Ô kìa!... Vậy thì đi đi, nhưng đừng cho địa chỉ. Nói vòng vo đôi điều rồi về gấp, nghe chưa?

Theo lời ản sĩ, cậu thiếu niên đến chùa gặp Thế Tôn, thưa mời Ngài xong là hối hả ra về.

Vừa gặp ản sĩ, Pa-thi-ka liền hỏi:

- Sao!... Cậu làm đúng những điều ta dặn chứ?
- Dạ... vâng ạ! Thầy bảo sao con làm vậy.
- Khá lắm!... Đêm nay ở lại đây. Ngày mai chúng ta sẽ mặc nhiên thọ dụng lễ vật cúng dường đó.

Sáng sớm hôm sau, ản sĩ đưa cậu thiếu niên về nhà, và cả hai ngồi nghe ngóng ở phòng sau.

Được tin Thế Tôn đến thọ trai, bà con chòm xóm hăng hái đến trang hoàng nhà cửa tươm tất, nhất là thiết kế một chỗ ngồi cao sang để cung nghinh Đức Phật an tọa.

Từ tờ mờ sáng hôm đó, Thế Tôn vận y, ôm bình, thiền hành thẳng đến căn nhà của tín nữ. Bà ra tận cổng tiếp đón và gieo mình sát đất đánh lễ Thế Tôn. Xong bà mời Ngài vào trai phòng, bê nước cho Ngài rửa tay, chân và thỉnh Ngài ngồi vào chánh tòa, thọ dụng lễ vật cúng dường.

Thọ trai xong, với âm thanh ngọt ngào êm dịu, Thế Tôn cất lời hồi hướng công đức:

Cung nguyện thập phương tam thế Phật,

Hộ trì gia đạo vĩnh an khương,

Viễn ly ác kiến tam đồ khổ,

Bát nhã hoa khai tuyệt đoạn thường.

Thế Tôn vừa dứt lời thì tín nữ và các Phật tử phụ hầu trai lễ đều đồng thanh niệm danh hiệu Đức Bổn Sư, biểu lộ sự hoan hỷ và hãnh diện được Phật quang lâm, thọ ký.

Từ phòng sau, nghe mọi người đồng niệm hồng danh Bổn Sư, ẩn sĩ lửa thể khỏi tâm kiêu mạn, ghen tức trong lòng, bèn xông ra phòng ngoài, lớn tiếng hủy báng:

- Con đĩ già kia, mi đâu còn là tín nữ của ta. Rồi đây mi sẽ tan xương nát thịt vì cái tội tán dương, cung kính lão ăn mày lẻo mép này.

Pa-thi-ka trợn mắt, khuynh tay trút lời đê tiện xong là vọt ra khỏi cửa, chạy mất. Tín nữ vô cùng ân hận về những lời nhục mạ trơ tráo của tên ẩn sĩ ác tâm đến nỗi đầu óc rối bù, tâm tư loạn động, không còn lòng dạ mặt mũi nào hầu Phật nghe pháp. Hiểu rõ tâm trạng của tín nữ, Thế Tôn hỏi:

- Tín nữ, người không thể định tĩnh tâm hồn, lắng nghe chánh pháp nữa phải không?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con rất đau buồn về những lời hồ đồ, thô lậu của gã ẩn sĩ đó. Không ngờ lâu nay con tận tâm chăm sóc một gã côn đồ, điên loạn. Thật có tội với Tam bảo. Xin Thế Tôn từ bi, hỷ xả cho gia đình con.

- Có gì mà hỷ xả! Thế Tôn tươi cười nói. Không nên nhận xét, đánh giá lời lẽ của một kẻ ngoại đạo như thế. Không nên quan tâm đến hạng người như vậy. Hãy tỉnh giác. Hãy quán chiếu lỗi lầm do chính mình gây ra. Đừng trữu lòng ray rứt theo kiểu: tuyết rơi trước cửa chưa từng quét, lại lo sương phủ mái nhà người.

Ngài mỉm cười, đọc kệ:

Đừng tò mò vạch lỗi,
Việc người làm hay chưa,
Hãy nhìn lại việc mình,
Đã làm hay vất bừa.

(PC. 50)

TRAO TRUYỀN GIỚI LUẬT PHẬT ĐÀ ĐÓ LÀ SỨ MẠNG TẶNG GIÀ SÁ MÔN

Tại Xá Vệ, có một cư sĩ đã chứng quả Tư đà hàm, tên là Đắc Thủ (Chattapāni). Một sáng sớm nọ, nhằm ngày chay tịnh, và theo nếp sinh hoạt thiền môn, Đắc Thủ phải đến chùa lễ Phật, nghe Pháp.

Trong lúc Đắc Thủ đang ngồi nghe pháp thoại trong chánh điện thì quốc vương Pa-xen-na-đi Kô-xa-la (Pasenadi Kosala) đến lễ Phật cúng dường.

Đắc Thủ thấy lòng mình phân vân, ái ngại, không biết có nên đứng lên cung đón quốc vương hay không. Cuối cùng, ông quyết định:

- Ta đang ngồi trước sự hiện diện của bậc Chuyển luân thánh vương, tức là vua trong những vì vua. Nếu ta đứng lên chào quốc vương thì hóa ra ta xem thường uy đức cao dày của đấng Pháp vương. Nhưng nếu ta không đứng lên cung nghinh hoàng thượng thì mạng sống này khó bề an toàn. Một khi nhà vua cau mày thì cỏ cây cũng phải gục đầu vàng úa, biết làm sao đây! Nhưng thôi! Đã quyết thì làm, đã đốn thì vác, thà chết chứ không chịu thất lễ với Đức Thế Tôn. Thế là Đắc Thủ cứ mặc nhiên tịnh tọa.

Thấy Đắc Thủ không đứng lên chào mình, tâm can quốc vương bỗng dung sôi lên sùng sục, nhưng nhà vua liền trấn an, vui vẻ, thản nhiên đánh lễ Thế Tôn và cung kính ngồi sang một bên. Tuy nhiên, những tia lửa sân hận, kiêu khí cứ chập chờn, thắp thoáng vút qua khóe mắt quốc vương. Nhận thấy hậu quả nguy kịch có thể xảy ra, Thế Tôn dịu giọng, nói:

- Đại vương, Đắc Thủ là một hiền giả, thông đạt tam tạng giáo điển, và lúc nào cũng hoan hỷ với duyên nghiệp thành tựu hay bất hạnh của mình.

Nghe Thế Tôn tán thán nhân cách trung hậu của Đắc Thủ, quốc vương hạ hỏa, lờ đi hành vi xem ra như trịch thượng của một thần dân.

Rồi một hôm, sau bữa điếm tâm, quốc vương đứng trên lan can hoàng cung, nhìn thấy Đắc Thủ tay cầm dù vải, chân mang giày hạ, đi ngang trước sân. Ngay tức khắc, quốc vương lệnh vệ sĩ đưa Đắc Thủ đến trước bệ rồng. Được lệnh diện kiến long nhan, Đắc Thủ liền cởi bỏ giày, dù ; trình trọng từng bước đến trước mặt quốc vương, khấu đầu thi lễ với lời chúc thọ theo kiểu thiết triều:

- Hoàng thượng vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!

Sau đó Đắc Thủ bình thân, rón rén bước sang một bên.

Thấy ngôn hạnh đoan trang, cung cách tự tin và cẩn mật của Đắc Thủ, quốc vương hỏi:

- Nay cư sĩ, tại sao người phải cởi bỏ giày, dù; phải đi đầu trần chân đất thế?

- Muôn tâu hoàng thượng, khi được lệnh triệu kiến long nhan, thảo dân đã cởi bỏ giày dù ngay.

- Hôm nay người mới nghe danh hoàng thượng?

- Thưa không ạ! Thảo dân đã biết hoàng thượng là bậc anh minh thánh đức, là biểu tượng phước điền cho sơn hà xã tắc. Xá Vệ ạ!

- Thế thì tại sao hôm nọ thấy ta đến chùa lễ Phật, nghe pháp, người vẫn điềm nhiên tọa thị, không đứng lên chào ta?

- Muôn tâu hoàng thượng, thảo dân đang ngồi trước đức Chuyển luân thánh vương, đứng lên chào hoàng thượng e lỗi đạo với đấng Pháp vương, người mà đại vương còn phải cung kính đánh lễ; xin hoàng thượng lượng thứ.

- Khá lắm! Thôi, việc đã qua, cho qua! Nhưng này, nghe nói người bát lăm kim cổ, thông đạt tam tạng thánh giáo; vậy người hãy vào cấm cung, thuyết giảng giới luật cho cung phi, được không?

- Dạ... không dám! Muôn tâu hoàng thượng.

- Tại sao?

- Dạ... vào ra cung cấm hoàng triều dễ bị dư luận lên án lắm, dù là việc quốc gia đại sự hay thăm viếng thâm tình, tâu hoàng thượng!

- Nói thế không được! Hôm nọ gặp ta, người bảo đứng lên chào hoàng thượng là lỗi đạo tông môn; nay vào cung vua thì người cho là thiên hạ đàm tiếu. Người định lộng giả thành chơn, buông lời sỉ nhục đầy chắc!

- Dạ... không dám, không dám, muôn tâu hoàng thượng! Cư sĩ mà dăng đàn thuyết pháp, tụng giảng giới luật, ôm trọn chức năng của giới Sa môn thì khó coi lắm, e sẽ bị nặng lời chỉ trích! Xin hoàng thượng cung thỉnh một Trưởng lão thâm uyên lo việc đó cho.

- Thôi được! Người có thể lui ra.

Sau đó quốc vương phái một sứ thần đến gặp Thế Tôn với lời thỉnh nguyện:

- Bạch Thế Tôn, hoàng hậu Ma-li-ka (Mallikā) và chánh phi Va-xa-ba-kha-ti-da (Vāsabhakhattiyā) của trăm muốn thọ trì giới luật. Vậy thỉnh Thế Tôn phái 500 Sa môn thường xuyên đến hoàng triều thuyết giảng giới luật cho họ.

- Đại vương.- Thế Tôn đáp, xưa nay chư Phật không thể thường xuyên đến một nơi nào.

- Vậy thì, bạch Thế Tôn, thỉnh một Tỳ kheo.

Thế Tôn giao trách nhiệm cho Trưởng lão A Nan. Và thế là A Nan ngày ngày đến cấm cung thuyết giảng giới luật cho hoàng hậu và chánh phi. Ma-li-ka chí tâm cầu học, nghe đâu nhớ đó, và nhất là ứng dụng giới luật vào nếp sinh hoạt hằng ngày trong cung phủ, nên quốc vương hoan hỷ lắm; còn Va-xa-ba-kha-ti-da thì học hành chiếu lệ, tai nghe giới luật mà lòng đạo hoa viên, kết quả là không nắm được phần tinh hoa, cốt tủy của giới luật.

Một hôm Thế Tôn hỏi A Nan:

- Này, A Nan, quý vị Ưu bà di của thầy có hiểu và áp dụng được giới luật vào nếp sống hằng ngày không?

- Dạ... thưa có, bạch Thế Tôn!

- Ai đạt hiệu quả cao nhất?

- Dạ... Ma-li-ka. Hoàng hậu dốc tâm tu học nên nắm được tông chỉ của giới luật, còn chánh phi thì hay giải đãi, không tha thiết mấy với cung cách điều thân, luyện tâm nên còn nhiều mặt hạn chế.

Nghe A Nan trình bày kết quả trao truyền và hành trì giới luật, Thế Tôn nói:

- Này, A Nan, giới luật ta thuyết giảng, đối với những ai không tha thiết lắng nghe, không học, không ứng dụng, không truyền bá, thì chẳng lợi ích gì cả; giống như một đóa hoa sắc màu rực rỡ mà thiếu hẳn hương vị ngọt ngào. Hình thức huy hoàng mà nội dung rỗng tuếch thì chưa được gọi là viên mãn. Nhưng nếu ai chí tâm lắng nghe, học tập, ứng dụng và truyền bá giới luật thì được công đức và phước báo vô lượng, vô biên.

Ngài đọc kệ:

Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương,
Nói hay làm không được,
Kết quả có chi lường.

Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương,
Nói hay và làm giỏi,
Kết quả thật vô lường.

(PC. 51-52)

TÍN TÂM VUN XỚI PHƯỚC ĐIỀN PHÁT HUY NGUYỆN LỰC VÔ BIÊN QUẢ LÀNH

Tương truyền rằng Minh Nguyệt (Visàkhà) là một nữ đại thí chủ đối với Đức Thế Tôn và Tăng đoàn. Bà thâm tín chơn Phật, suốt đời toàn tâm tận lực vun xới phước điền bằng cách chăm lo ẩm thực, cung cấp y phục, xây dựng phòng xá và phục vụ thuốc thang cho Tăng chúng. Bà phụng sự Tam bảo với tâm hồn rộng rang, thanh tịnh, hồn nhiên và vô ngại.

Một đêm rằm tháng tư, nhân lúc dự lễ khánh thành một tu viện, thấy công đức xây dựng của mình được thành tựu viên mãn, nhất là niềm vui được thể hiện qua từng bước thiền hành của Đức Thế Tôn và đại chúng vòng quanh chánh điện, bà cùng con cháu chấp tay chánh niệm theo sau chúng Tăng. Bỗng dung bà trầm nghĩ: “Thế là tâm nguyện bấy lâu của ta nay được thành tựu”. Bằng ngữ điệu uyển chuyển ngọt ngào, bà cất lời tán thán:

Bao năm tứ sự cúng dường,
Hộ trì Tam bảo tuyên dương pháp mầu,
Thiền môn lộng ánh trăng sao,
Nghe trong cây cỏ dạt dào tình quê.

Nghe âm thanh luyến láy mượt mà của bà, các sư lấy làm ngạc nhiên, hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con chưa bao giờ nghe Minh Nguyệt hát. Thế mà hôm nay thấy bà cùng con cháu hân hoan ca khúc khải hoàn vòng quanh tu viện. Phải chăng bà ấy lên cơn tâm thần hay có điều uẩn khúc trong lòng?
- Này các thầy Tỳ kheo, Thế Tôn đáp, tín nữ đâu có hát. Chỉ vì tâm nguyện xây chùa được thành tựu nên phấn khởi reo lên thành lời đầy thôi.
- Nhưng... bạch Thế Tôn, Minh Nguyệt phát nguyện xây chùa hồi nào?
- Các thầy muốn biết sao?
- Vâng ạ, bạch Thế Tôn!
- Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ kheo.

*

* *

Thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, có một Đức Phật hiệu là Pa-đu-mút-ta-ra (Padumuttara) xuất hiện tại thành Ham-xa-va-ti (Hamsavatī). Cha của Ngài là Xu-nan-đa (Sunanda) và mẹ Ngài là Xu-ja-ta Đê-vi (Sujàtā Devi). Bấy giờ có một tín nữ chăm lo tứ sự cúng dường cho đấng Đạo Sư. Bà có người bạn thân thường cùng nhau đến chùa lễ Phật, nghe pháp. Thấy bà tiếp xúc thân thiện và được Đạo Sư quý mến, bà bạn tự nhiên thắc mắc trong lòng: “Vi sao phụ nữ được chư Phật ưu ái như thế?”

Một hôm, để giải tỏa nghi vấn, bà mạnh dạn lên tiếng:

- Kính bạch Đạo Sư, con có chút vướng kẹt, xin Đạo Sư từ bi hỷ xả tháo gỡ cho. Thú thật, người phụ nữ này quan hệ thế nào với Ngài?
- Cô ấy là ân nhân, là nữ đại thí chủ của ta.

- Đạo Sư, vì sao phụ nữ thường là ân nhân của chư Phật?
- Vì nguyện lực thiết tha của họ.
- Đạo Sư, liệu một phụ nữ có thể trở thành ân nhân bằng nguyện lực như thế ngay trong lúc này?
- Dĩ nhiên!
- Thế thì, bạch Đạo Sư, con xin cúng dường vật thực cho hàng ngàn Sa môn trong bảy ngày.
- Lành thay!... Lành thay!...

Suốt bảy ngày, bà tịnh tâm cúng dường thức ăn, nước uống cho Tăng đoàn. Đến ngày thứ bảy, bà gieo người đánh lễ dưới chân Đạo Sư và tỏ lời thiết tha phát nguyện:

Kính bạch Đạo Sư, con cúng dường lễ vật không phải vì phước báo chư thiên mà chỉ nguyện được chút phước điền trong tay Phật tử như Đạo Sư vậy. Ước sao con là mẫu thân của một Đức Phật tương lai. Con là tín nữ trung kiên hàng đầu tận tâm cung hiến y phục, vật thực, phòng xá, thuốc thang cho Đức Phật đó.

Bỗng dung một ý nghĩ chợt đến với Đức Đạo Sư: “Liệu ước nguyện thiết tha như vậy có được thành tựu?” Và sau một thoáng quán chiếu tương lai, Ngài nói:

- Ngàn vạn kiếp sau sẽ có Đức Phật hiệu Gô-ta-ma (Gotama) ra đời. Lúc đó cô là một nữ cư sĩ chánh tín Tam bảo, tên là Minh Nguyệt. Cô sẽ có dịp trang trải công đức, thiết lập phước điền nơi tay Thế Tôn. Cô sẽ là mẫu thân của Ngài. Cô sẽ là tín nữ hàng đầu nguyện dâng tứ sự cúng dường cho Ngài.

Và tất nhiên là ước vọng của bà sẽ được thành tựu viên mãn. Bà qua đời, tái sanh vào thế giới chư thiên. Đến khi mãn phần thoát kiếp, bà lại được đầu thai dưới danh hiệu công chúa thứ bảy, út nhất nhưng cũng được cung chiều nhất của quốc vương Ka-xi (Kàsi), nhằm thời Đức Phật Ca Diếp (Kassapa). Lớn lên, bà được phụ hoàng và mẫu hậu xây dựng gia thất, theo chồng lập nghiệp, và cũng suốt đời lễ Phật, công quả, cúng dường Tam bảo với các chị em khác trong gia đình.

Một hôm, bà đánh lễ Đức Ca Diếp và phát lời thệ nguyện:

- Kính bạch Tôn Sư, ước sao con là mẫu thân của một Đức Phật tương lai như Tôn Sư vậy. Con là tín nữ trung kiên hàng đầu nguyện dâng tứ sự cúng dường cho Đức Phật đó.

Và sau khi hoàn tất hạnh nguyện một đời, bà lại được hóa kiếp thành ái nữ của lão gia tử phú Đa-nan-ja-da (Dhananjaya). Thế là những chuỗi ngày vun bồi phước huệ, thanh tẩy thân tâm, thân cận thiện hữu lại tiếp tục gắn liền với bà.

- Vậy đó, này các thầy Tỳ kheo.- Thế Tôn lập lại. Tín nữ đâu có hát. Chỉ vì tâm nguyện viên thành nên lòng mừng reo lên thành lời đầy thôi.

Rồi Đức Phật kết luận:

- Này các thầy Tỳ kheo, từ nhiều loại hoa khác nhau, người làm hoa gom chúng thành từng đống, rồi kết chúng thành từng tràng, tạo thành những vòng hoa rực rỡ sắc màu, đậm đà hương vị. Tâm trí của Minh Nguyệt cũng vậy: nhiều kiếp huân tu, tận lực công quả.

Ngài mỉm cười, đọc kệ:

Nhiều tràng hoa được kết,

Từ những đóa hoa tươi,

Thân sanh diệt kiếp người,

Phải làm nhiều việc thiện.

(PC. 53)

--- o0o ---

Phần 9 - HƯƠNG NGƯỜI ƯƠM ĐỨC HẠNH NGƯỢC GIÓ BAY MUÔN PHƯƠNG

Tương truyền rằng một đêm nọ, trong lúc hành thiền, nhứt tâm đại định, Trưởng lão A Nan lại nảy ra ý nghĩ như sau:

- Thế Tôn có ba loại hương ưu việt, gọi là đàn hương, căn hương và hoa hương. Tuy nhiên, loại hương nào cũng bay theo chiều gió. Vậy thì có loại hương nào bay ngược chiều gió, hoặc có loại hương nào vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió?

Sau đó một ý nghĩ khác cũng chợt đến với Trưởng lão:

- Một mình ta ra sức giải đáp vấn đề này thì phỏng có ích gì! Ta sẽ tham vấn Đức Bổn Sư, và chỉ có Ngài mới đủ trí tuệ diễn giải nghĩa lý.

Trưởng lão đến gặp Bổn Sư, trình trọng thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, theo con biết thì có ba loại danh hương: đàn hương, căn hương và hoa hương, nhưng loại hương nào cũng bay theo chiều gió. Vậy

thì, bạch Thế Tôn, có loại hương nào vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió?

- Nay A Nan, Thế Tôn đáp, thường thì loại hương nào cũng bay theo chiều gió, nhưng có một loại hương đặc biệt, loại hương thù thắng, vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.

- Nhưng... bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn giải thích thêm loại hương nào vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.

- Nay A Nan, hãy lắng nghe:

Nếu ở bất cứ thôn làng hay thị tứ nào trên cõi đời này mà có người, bất luận nam nữ già trẻ, chí tâm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; suốt đời giữ vững năm giới, tức là không sát sanh hại mạng, không cướp đoạt trộm cắp, không gian díu tà hạnh, không bịp bợm dối trá, không rượu chè nghiện ngập; người như thế như đinh sẽ có được hương vị siêu việt, vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.

- Nay A Nan, Thế Tôn tiếp:

Nếu ai nuôi dưỡng đức hạnh,

Thuận theo nếp sống chân thành,

Quyết tâm xả ly tham dục,

Đoạn tuyệt thành kiến, ghét ganh.

Nếu ai khoan dung, khoáng đạt,

Vị tha, bố thí, tu thiền,

Thân cận Sa môn phạm hạnh,

Tụng kinh, bái sám tinh chuyên.

Nếu ai tán dương ân đức,

Chư Phật Bồ Tát mười phương,

Nỗ lực chu toàn hạnh nguyện,

Khuyên người nương tựa Pháp vương.

- Nay A Nan, nếu tại thôn làng hay thị tứ nào có thiện nam tín nữ thiết tha làm được những việc nêu trên, thì đó chính là hương vị siêu việt, vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.

Thế Tôn đọc kệ:

Hương các loại hoa thơm,

Không thể bay ngược gió,
Hương người đức hạnh đó,
Ngược gió bay muôn phương.
Hương chiên đàn, già la,
Hương sen và vũ quý,
Ngân ấy loại hương vị,
Không sánh bằng giới hương.

(PC. 54, 55)

Dừng lại trong giây lát, Đức Thế Tôn hỏi:

- A Nan, thầy hết thắc mắc rồi chứ?

- A Di Đà Phật! Bạch Thế Tôn, nghe Thế Tôn diễn giải con càng thâm thía ấn tượng: "... xuất quảng trường thiệt tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới..."

- Thế Tôn mỉm cười.

- A Nan đứng lên đánh lễ Bôn Sur, lui ra với tâm trạng lâng lâng rằng mình có đức một Tôn Sur đích thực!

SA MÔN XÔNG GIỚI ĐỨC HƯƠNG CHƯ THIÊN NHÂN LOẠI CÚNG DƯỜNG QUY Y

Một thời Thế Tôn an trú tại tu viện Trúc Lâm, thành Vương Xá. Bấy giờ Trưởng lão Đại Ca Diếp (Mahà Kassapa) ẩn tu trong hang động Pi-pa-li (Pippali). Sau bảy ngày đốn thân chánh tọa, nội quán thâm sâu, đắm mình trong hương vị thiền duyệt, Trưởng lão đang từ từ xả định thì một ý nghĩ chợt đến:

- Nếu như ta khát thực quanh thành Vương Xá thì ...

Bấy giờ có 500 tiên nữ phát nguyện cúng dường thực phẩm cho Trưởng lão Ca Diếp, nhưng Trưởng lão từ chối tiếp nhận. Sáng hôm đó, Trưởng lão mặc pháp phục chỉnh tề, tay bê bình bát, nhứt niệm ung dung vào thành hóa duyên, hành đạo.

Lúc đó thiên chủ Đế Thích (Sakka) cũng muốn dâng lễ vật cúng dường cho Trưởng lão nên cải dạng thành một thợ dệt đang kéo sợi với Thiện Sanh (Wellborn), một thiên thần A-tu-la (Asura), cũng đang mắc thoi, luôn chỉ.

Thấy Trương lão thả từng bước uy nghi từ xa đi tới, thiên chủ Đế Thích vội vã đứng lên, ra tiếp đón ngài. Đế Thích ôm bát, mời ngài vào nhà, bê nước cho ngài rửa tay chân, đoạn đặt thức ăn sang trọng vào bát, rồi đánh lễ và ngỏ lời cúng dường.

Bấy giờ một ý nghĩ thắc mắc lại chợt đến với Trương lão: “Người này là ai mà thần lực siêu việt thế?” .

Và chỉ trong giây lát, ngài nhận ra gốc tích ngay: “Đây hẳn là thiên chủ Đế Thích” .

Nghĩ thế, Trương lão liền hỏi:

- Vì sao phải thay hình đổi dạng? Đừng làm vậy nữa nhé, thí chủ Mai Danh Kô-xi-da (Kosiya)!

- Bạch Trương lão, chúng con muốn tích lũy công đức; chúng con muốn vun xới phước điền.

Sau đó thiên chủ Đế Thích cáo từ Trương lão bằng cách cung kính đi nhiều ba vòng quanh ngài theo chiều quay mặt trời, rồi biến lên không trung với những lời tán dương khinh khoái:

Vui thay được cúng dường,

Đệ tử đáng Pháp vương,

Trương lão Đại Ca Diếp,

Ngào ngạt giới đức hương.

Thế Tôn đang đứng giữa chánh điện Trúc Lâm với Tăng chúng, nghe lời tán thán vang vọng trong không trung, Ngài nhìn quanh đại chúng và nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, hãy ngắm nhìn thiên chủ Đế Thích đang lượn người trên không kia!

- Thiên chủ đang làm gì vậy, bạch Thế Tôn?

- Đế Thích đã thay hình đổi dạng, cúng dường phẩm vật cho Trương lão Đại Ca Diếp, và giờ đây đang hưng phấn tán dương vang vọng khắp trời.

- Bạch Thế Tôn, làm sao Đế Thích biết Trương lão mà dâng lễ vật cúng dường?

- Các thầy thấy đây, cả thiên thần lẫn nhân loại đều tỏ lòng tôn kính và sẵn sàng hiến dâng lễ vật cúng dường cho Trương lão Đại Ca Diếp.

Nói xong, Thế Tôn cất lời tán thán:

Tỳ kheo tu khổ hạnh,

Thường quán pháp cúng dường,

Như thuốc nuôi huệ mạng,

Chư thiên cũng tán dương.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn tiếp:

- Nay các thầy Tỳ kheo, chính vì hương vị đức hạnh mà thiên chủ Đế Thích thân cận và cúng dường Trưởng lão Đại Ca Diếp đó vậy.

Ngài đọc kệ:

Hương chiên đàn, già la,

Chưa phải là thơm phức,

Hương người có giới đức,

Xông ngát cả chư thiên.

(PC. 56)

VÀO CẢNH GIỚI NIẾT BÀN SIÊU THOÁT TƯỚNG NHÂN GIAN

Một thời Trưởng lão Gô-đi-ka (Godhika), sau khi lãnh thọ yếu chỉ thiên quán từ Đức Thế Tôn, an tâm lập mệnh, quyết chí tu hành tại vùng núi đá đen trên đỉnh I-xi-ghi-li (Isigili). Sư hạ thủ công phu, chuyên tập thiền định, và sau một thời gian, sư đạt đến cảnh giới Phi tướng phi phi tướng xứ. Vì quá nỗ lực với pháp môn quán niệm nên sức khỏe Trưởng lão suy giảm: tứ chi mỗi mệt, khí lực hôn trầm; Trưởng lão sáu lần gia công nội quán nhưng vẫn không thành. Đến lần thứ bảy, Trưởng lão vào được chánh định, thâm nhập cảnh giới Phi phi tướng. Tuy nhiên, trong lúc xả thiền, Trưởng lão chột nghĩ:

- Rồi đây ta chắc gì có được giây phút tam muội thiền duyệt như thế này, hay phải bị chi phối bởi các pháp hữu vi giả hợp, phải bị quay cuồng theo cơn lốc khắc nghiệt của thời gian. Ta đâu làm chủ được thân mạng tứ đại này. Nó đến và đi theo chu trình sanh trụ dị diệt. Thà đi sớm theo ý nguyện của mình thì hơn. Đợi đến lúc mắt lờ tai điếc, chân tay quờ quạng, đi đứng xiêu vẹo thì chỉ gặp khổ nạn!

Thế là, chỉ trong tích tắc, ý nghĩ đoán mạng vụt đến với ngài:

- Đã đến lúc ta phải nhờ sự trợ giúp của con dao cạo.

Gô-đi-ka mở hộp, lấy chiếc dao cạo tóc đã ngả màu han rỉ, đem mài thật bén, đoạn lên nằm ngửa trên sạp gỗ, định ra tay kết liễu đời mình bằng lưỡi dao trên cổ.

Bấy giờ Ma vương, tên ác quỷ, thấy ý định quyết liệt của Trương lão, bèn khởi niệm:

- Sa môn này đã nghĩ đến công dụng của chiếc dao cạo, và những ai nắm sẵn nó trong tay như thế thì tình yêu, cuộc sống và mọi giá trị trên đời đều trở thành vô nghĩa. Họ đã vượt ra ngoài phạm vi đối đãi. Họ không còn đảo điên trong cảnh xung dương tán thán hay hủy báng khinh thường. Những người như thế hẳn đã chứng quả A la hán, đã đạt đến trí tuệ siêu việt. Nhưng nếu ta ra sức khuyên can Trương lão từ bỏ ý định giải thoát thân mạng như vậy thì chắc gì người đã nghe. Phải cầu Đức Thế Tôn. Chỉ có Ngài mới hàng phục được ý nguyện của môn đệ Ngài.

Ma vương liền cải dạng thành một thường dân xa lạ, đến vái chào Đức Thế Tôn và cất lời trịnh trọng:

- Hỡi tráng sĩ vĩ đại, đáng trí tuệ và thần lực siêu phàm, bậc giải thoát sân hận và sợ hãi, con xin hân hạnh quỳ dưới chân Ngài.

- Hỡi Đạo sư tôn quý, đệ tử Ngài đã siêu thoát sanh tử, nhưng vẫn suy tư và mong cầu cái chết. Hãy khuyên họ từ bỏ ý định quyên sinh, nguyện đức từ bi xót thương cứu độ.

- Hỡi đấng đại giác Thế Tôn, có sao môn đệ Ngài tu tập chánh pháp, nhứt tâm thiền định, nhưng cuối đời vẫn chưa thành tựu sở nguyện, vẫn chưa được gọi là viên mãn công phu?

Lúc đó Trương lão vừa kéo con dao, Thế Tôn nhận ra Ma vương ngay, Ngài đọc kệ:

Người vững tâm tu tập,

Xem nhẹ tướng nhân gian,

Trương lão đoạn tham ái,

Đạt cảnh giới Niết bàn.

Bấy giờ Thế Tôn cùng nhiều môn đồ theo Ngài đến nơi Trương lão đã ra tay sử dụng con dao. Tên ác quỷ thấy vậy liền biến thành một cột khói khổng lồ, dày đặc, ra sức tìm Trương lão khắp mọi nơi nhưng không gặp. Hắn loay hoay thắc mắc:

- Thần thức của Trương lão trụ vào đâu nhỉ?

Đức Thế Tôn chỉ cho các Sa môn thấy cột khói dày đặc, nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, Ma vương đang nỗ lực tìm kiếm thần thức của Thánh tăng Gô-đi-ka. Hắn đang lằm bằm, bực tức đấy.

Nhưng, như các thầy suy nghiệm, thần thức của Gô-đi-ka không vương mắc vào một nơi nào cả. Bởi vì, nay các thầy Tỳ kheo, Thánh tăng Gô-đi-ka đã vào Niết bàn.

Không tìm ra tông tích thần thức của Trưởng lão, Ma vương cải dạng thành một hoàng tử, tay cầm chiếc đàn nguyệt làm bằng loại gỗ hoàng lim, đến gặp Thế Tôn, hỏi:

- Ta đã tìm khắp mọi nơi: trên trời dưới đất, bốn phương tám hướng, nhưng không thấy Gô-đi-ka. Sư đã thác sanh vào cõi nào, thưa Tôn giả?

Thế Tôn mỉm cười, đọc kệ:

Ai nỗ lực thiên định,
Quyết tâm tu vững vàng,
Ngày đêm vui chánh niệm,
Đoạn thân tướng nhân gian.
Trưởng lão vào Niết bàn,
Nhờ dứt nghiệp tham ái,
Hàng phục sạch chướng ngại,
Hết vương lụy trần gian.

Vô cùng thất vọng, tên ác quỷ bỗng buông vội cây đàn, rồi biến mất với tâm trạng ngổn ngang, nặng trĩu.

Sau đó Thế Tôn nói:

- Nay ác quỷ, làm sao ngươi tìm ra nơi thần thức của Trưởng lão Gô-đi-ka an trú?! Trăm ngàn mưu chước, biến hóa như ngươi cũng không tìm được.

Ngài đọc kệ:

Những ai sống đức hạnh,
Cẩn trọng và trang nghiêm,
Giải thoát bằng thánh trí,
Ác ma không thể tìm.

(PC. 57)

THÂN BẰNG QUYẾN THUỘC ĐẬM ĐÀ CHỈ VÌ CUỒNG TÍN MÀ RÀ OÁN THÙ

Một thời tại Xá Vệ có hai người bạn thân tình với quý danh là Thiện Hộ (Sirigutta) và Minh Hóa (Garahadinna). Thiện Hộ là Phật tử tại gia của Đức Thế Tôn, còn Minh Hóa là môn đồ của phái ản sĩ lửa thể Ni Kiền Tử (Niganthas). Họ thường khuyên Minh Hóa mỗi khi gặp Thiện Hộ thì nên gọi ý thắc mắc:

- Tại sao bạn hay viếng thăm Sa môn Gô-ta-ma thế? Bạn hy vọng gì nơi ông ấy? Sao bạn không thân cận và giúp đỡ các Đạo sư lý tưởng của ta? Họ không xứng đáng cung kính, cúng dường sao?

Theo lời kích động của đám ản sĩ lửa thể, Minh Hóa gặp Thiện Hộ nơi nào cũng đều thốt ra hơi hướng khuyên dụ như thế.

Một hôm, thấy không thể im lặng và nhẫn nhục lâu hơn nữa, Thiện Hộ nói thẳng với Minh Hóa:

- Ông bạn, lúc nào gặp tôi ông cũng lái nhải ngân ấy chuyện. Thật không biết ngược! Những gã đứng đi đồng đồng, bản thủ lèo nhèo thế mà ông gọi là tôn sư! Tu hành kiểu gì mà thấy trơ tráo quá! Bọn họ hiểu biết được gì nào?

- Ô, ông bạn, không nên nói thế! Các tôn sư ta trông có vẻ dị hợm về hình thức nhưng thánh thiện về nội tâm. Họ quán thông cả quá khứ, hiện tại, vị lai. Họ thấu triệt tư tưởng, ngôn ngữ và hành động của mọi người. Họ thấy rõ mọi việc có thể và không thể xảy ra. Nói chung, không điều gì trên đời mà họ không biết.

- Nếu đúng như vậy mà không cho mình biết thì bạn quả thật có lỗi ghê gớm đấy nhé! Thật ra mình cũng đã nghe nói đến thần thông quảng đại, kiến thức siêu phàm của các tôn sư bạn. Nay, vì tình thân hữu, nhờ bạn vui lòng thỉnh họ đến đây một chuyến cho thỏa lòng ngưỡng mộ.

Minh Hóa âm lòng, đến gặp nhóm ản sĩ lửa thể, cung kính vái chào và thưa:

- Bạch quý thầy, Thiện Hộ nhờ con cung thỉnh quý thầy trưa mai đến nhà ông ấy thọ trai.

- Thiện Hộ đích thân nhờ đạo hữu đấy chứ?

- Vâng ạ, chính ông ấy.

Đám ản sĩ thấy đời lằng lằng nhẹ nhõm và hãnh diện nói với nhau:

- Vậy là việc đã thành. Thiện Hộ quy phục thì uy tín và lợi lộc chắc chắn sẽ đến với chúng ta mỗi ngày một thêm phong phú.

Thiện Hộ chuẩn bị trai lễ tại nhà, trong một khu vườn rất rộng. Ông cho người đào một hố dài, đổ đầy phân tro và nước thải xuống đó; hai bên đầu hố có trồng cọc và căng dây buộc chặt; rồi hai hàng ghế với hai chân trước trụ trên mặt đất, hai chân sau gác trên dây thừng được đặt dọc theo hai bên miệng hố để khi bọn ản sĩ vừa ngồi chạm ghế là chúng bị bật ngửa xuống hố liền. Sau đó ông cho phủ mặt hố bằng một tấm phen mỏng với lớp cây cỏ được ngụy trang trông như mặt vườn thật. Cuối cùng ông cho đặt hai hàng lọ sành sứ bóng loáng, nhưng trống rỗng, và mỗi miệng lọ đều có phủ một lớp vải vàng với ít com, cháo, đường, mật dính trên đó.

Từ tờ mờ sáng, Minh Hóa hối hả đến nhà Thiện Hộ. Vừa tới cổng, gã đã lớn tiếng hỏi:

- Sao!... Trai lễ cúng dường chư tôn đức đã chuẩn bị chu đáo rồi chứ?
- Vâng ạ, thưa ông bạn chân tình!
- Ủa!... Lễ vật và thực phẩm để đâu?
- Trong các lọ sành sứ kia kìa.
- Ô!... Vậy là nghiêm chỉnh, trịnh trọng. Đúng là một Thiện Hộ thuần thành, nhân cách!

Sau đó Minh Hóa khẩn trương đi mời 500 ản sĩ lửa thể.

Vừa thấy họ đến, Thiện Hộ vội vã chạy ra cổng vái chào, cung kính nghinh đón, và thăm nghĩ:

- Nghe Minh Hóa nói các người biết rõ quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu đúng như thật thì các người không nên vào căn nhà này, vì chả có gì gọi là phẩm vật, trai lễ. Còn nếu như các người khoái lộng ngôn xảo ngữ, thì cứ vào. Các người sẽ bị lao đầu xuống hố xí và sẽ bị đánh đòn thê thảm.

Ông mật lệnh cho một gia nhân khi thấy bọn lửa thể sắp ngồi xuống ghế thì lén ra phía sau tháo lẹ sợi dây thừng buộc vào đầu cọc.

Sau đó Thiện Hộ hướng dẫn đám lửa thể vào trai phòng, và khi họ sắp ngồi thì có người lớn tiếng thưa:

- Xin từ từ, thưa chư vị tôn sư, để buổi lễ được thêm phần trang nghiêm, trọng thể, xin mời chư vị đứng ngay trước chỗ của mình, chờ thí chủ tác bạch rồi cùng ngồi một lượt.
- Thiện tai! Thiện tai! Nguyên cầu gia chủ phát tài, phát lộc và đạo tâm kiên cố. Một giọng nói nhỏ từ đám lửa thể phát ra.

Tất cả đều đứng theo thứ tự, đợi lời tác bạch.

Một giọng nói trầm ảm và thanh lịch vang lên:

- Cung thỉnh chư vị an tọa.

Bọn ân sĩ vừa ngồi chạm ghế thì sợi dây thừng bung ra, tất cả đều bật ngựa xuống hố xí. Thiện Hộ cho đóng cửa lại, lôi từng tên lên đánh đòn với lời cảnh cáo:

- Từ nay về sau chừa cái tật huyên hoang, bịp bợm cho rằng biết hết mọi chuyện trên đời! Thần thông quảng đại để đâu mà phải lọt xuống hố xí... hả?

Thiện Hộ cho mở cửa và đuổi chúng đi, nhưng trước cửa có đồ nước vôi trơn trượt, bọn chúng lại một phen té ngựa, té nghiêng, người ngòm be bét, trông phát tởm.

Mọi người cười ngặt nghẽo, nói:

- Đây!... Biết rõ quá khứ, hiện tại, vị lai mà còn nhào tới, lộn lui, lồm cồm góm ghiếc thế.

Bọn lửa thể vừa gặng gượng bước đi, vừa méu máo gào thét:

- Mày hại bọn tao rồi!... Mày hại bọn tao rồi!...

Chúng hùng hục xông thẳng đến nhà Minh Hóa.

Thấy tình trạng nhục nhã, thâm của đám lửa thể, Minh Hóa cũng hai tay đấm ngực, gào lên:

- Mày hại tao rồi!... Mày hại tao rồi!... Họ đã chấp tay quỳ lạy mà mày còn cho người đánh đòn họ đến bầm da tím thịt. Mày đã bẫy các bậc tôn sư minh triết, ân ích phước điền của tao xuống hố xí như thế mà chưa hả dạ sao!... Mày ác lắm Thiện Hộ ơi!... Tao sẽ kiện cho mày mang gông mục cổ. Mày hãy mở to mắt ra mà xem!

Minh Hóa đâm đơn kiện. Thiện Hộ bị áp giải đến hoàng triều và bị quốc vương phạt một ngàn nén bạc vì tội làm nhục và đả thương nhân mạng.

Thiện Hộ kháng cáo:

- Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ điều tra sự thể rồi hạ lệnh trừng phạt cũng chưa muộn. Thảo dân lãnh án chỉ khi nào tâm phục, khẩu phục. Mong bệ hạ minh xét!

Sau đó Thiện Hộ kể hết mọi chuyện xảy ra. Quốc vương nổi nóng truyền lệnh phạt tiền và đánh đòn Minh Hóa chung với bọn lửa thể về cái tội phao tin đồn nhảm, phàm phu ngu dốt mà tự xưng thánh hiền!

Bị phạt, bị đòn, Minh Hóa cố dần lòng nuốt nhục, và đoạn tuyệt dao du với Thiện Hộ một thời gian. Nhưng rồi, một hôm, hấn bỗng thấy từ thâm tâm lóe ra một tia chớp phục thù, rửa hận. Hấn ra về tự tin, hy vọng, vừa đi vừa huýt gió thẳng đến nhà Thiện Hộ.

Vừa gặp Thiện Hộ, hắn đưa tay ra bắt và nhỏ nhẹ nói:

- Bạn bè chúng mình vì một chút sơ suất ngoài ý muốn mà đâm ra lạnh nhạt, xa cách. Thôi, việc đã qua, cho qua. Coi như chúng mình gặp năm hạn tháng xung vậ. Tình bạn muôn năm nhé! Cả hai đều cười và siết tay nhau thật chặt.

Rồi một hôm, Thiện Hộ tâm sự với Minh Hóa:

- Minh Hóa này, quy ngưỡng dám lỏa thể được tích sự gì? Kỳ vọng gì ở họ? Sao bạn không thân cận, cúng dường Đức Thế Tôn và các Sa môn cao quý của ta?

Như gã đứng chỗ ngựa, Minh Hóa vồn vã hỏi:

- Đức Thế Tôn của bạn hiểu biết thế nào mà khuyên ta thân cận?

- Ô, ông bạn, chớ nên nghi ngờ! Không một thứ gì ngoài tâm hiểu biết của Đạo sư ta. Ngài thấy suốt quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngài hiểu rõ từng ý nghĩ của vạn loại hữu tình.

- Ô, nếu đúng như vậy thì... sao lâu nay bạn không cho ta biết! Đây, nê chỗ thân tình, nhờ bạn thỉnh Đức Thế Tôn và 500 Sa môn ngày mai đến đây thọ trai.

Thiện Hộ nhanh chóng đến Kỳ Viên cung thỉnh Thế Tôn và 500 Sa môn theo sở nguyện của Minh Hóa, nhưng anh cũng không quên tường trình mọi việc đã xảy ra cho Thế Tôn lượng định. Ngài im lặng, mỉm cười, thấy rõ mọi chuyện sắp diễn biến, và thâm nghĩ:

- Những ai cố tình phá hoại chùa chiền, hủy báng Tăng chúng, tức cũng đã có duyên với Phật pháp.

Ngài hoan hỷ nhận lời.

Thiện Hộ đến gặp Minh Hóa báo tin vui rằng Thế Tôn đã chấp thuận.

Để rửa sạch vết hần sỉ nhục, Minh Hóa cho đào một cái hố lớn, đổ đầy gỗ keo, rồi nổi lửa đốt thành một hầm than khổng lồ, hùng hực, nhờ sự trợ giúp của hai cây quạt to tướng thổi vù vù suốt ngày đêm. Trên miệng hố có thả vài ba thanh cây mỏng, một tấm phen trét đầy phân bò nhầy nhụa với một ít cỏ rom lún phún, nguy trang khéo đến nổi khó nhận ra đó đích thị là một hỏa than địa ngục. Mục đích là khi Tăng đoàn đi qua, các thanh cây sẽ gãy, và thầy trò Thế Tôn sẽ bị lao đầu xuống hố lửa.

Được tin tin đồ ngoại đạo thiết lễ trai Tăng cúng dường sư đệ Đức Thế Tôn, quần chúng rủ nhau đến xem rất đông. Kẻ thì bảo để ngắm thân tướng trang

nghiêm của Tăng đoàn; người thì muốn chờ xem Thế Tôn thuyết pháp và biểu lộ thần lực.

Sáng hôm đó, Thế Tôn và 500 Sa môn y bát chỉnh tề, thiền hành từng bước thẳng đến nơi trai lễ. Vừa thoáng thấy dáng Đức Thế Tôn, Minh Hóa vội vã chạy ra ngõ cung kính đón chào và thầm nghĩ: “Nghe Thiện Hộ nói người thấy suốt quá khứ, hiện tại, vị lai, và hiểu rõ mọi ý nghĩ của vạn loại hữu tình. Nếu đúng như vậy thì các người chớ nên vào căn nhà này, vì chả có gì gọi là phẩm vật, trai lễ, mà chỉ có lọt xuống hỏa khanh và bêu danh ô nhục” .

- Nghĩ thế, Minh Hóa thấy lòng dạ rọ rạc, bèn xin bê bình bát Đức Thế Tôn và cung thỉnh Tăng đoàn đi hàng ngang vào trai đường. Mục đích là để thầy trò Thế Tôn cùng lọt xuống hồ lửa một lượt cho bỏ lòng căm tức.

Nhưng, với Phật nhãn quán chiếu, Thế Tôn ra hiệu tất cả đứng lại, một mình Ngài đi thẳng đến hồ lửa, đưa một chân đặt lên miệng hầm, và những đóa hoa sen to bằng bánh xe từ từ nhô lên khỏi mặt nước trong xanh, tỏa hương ngào ngạt. Thế Tôn lên ngồi trên một bông sen, Tăng chúng ngồi chung quanh trên những cánh sen bên dưới, tạo thành một tòa sen uy nghi, sừng sững giữa hồ. Thế là hầm lửa biến thành hồ sen, oan gia biến thành thiện hữu.

Minh Hóa đến quỳ lạy trước tòa sen, sụt sùi khóc, xin Thế Tôn và Tăng chúng hỷ xả cho cái tội vô minh, ngu muội: có mắt như mù, có tai như điếc, không nghe thấy được uy lực nhiệm màu của đấng đại giác Thế Tôn.

- Được rồi! .- Thế Tôn nói. Đi bê hết các lọ sành sứ tới đây.

Minh Hóa vâng lời và trở mắt kính ngạc, thấy lọ nào cũng đầy ắp thực phẩm: cơm, cháo, bơ, sữa, mạch nha, bánh ngọt và những thức ăn tinh khiết khác.

Với tín tâm tuyệt đối, Minh Hóa đánh lễ Đức Thế Tôn, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, và hiến dâng toàn bộ tài sản cho giáo hội.

Thế Tôn ngỏ lời hỏi hướng công đức:

Chưa ngộ đạt pháp nhãn,

Khó thấy công đức sanh,

Oán thù nội kết dứt,

Phước - trí tự nhiên thành.

Dừng lại trong giây lát, Ngài đọc kệ:

Giữa đồng rác bần thiêu,

Vắt bỏ bên đường hoang,

Hoa sen thơm ngào ngạt,
Đẹp lòng khách qua đàng.
Cũng vậy giữa nhân gian,
Ngập tràn rác trần thế,
Đệ tử bậc chánh giác,
Soi sáng khắp quần mê.

(PC. 58, 59)

Thế Tôn vừa dứt lời thì Thiện Hộ và Minh Hóa liền chứng quả Tu đà hoàn. Mọi người có mặt đều xin quy y và hân hoan được Thế Tôn trao truyền giáo pháp.

PHÓNG TÂM THEO DỤC LẠC NHÀU NÁT CẢ KIẾP NGƯỜI

Truyện kể rằng nhân ngày lễ hội, quốc vương Kô-xa-la (Kosala), Ba Tư Nặc ngồi uy nghi trên lưng con bạch tượng Pun-đa-ri-ka (Pundarika) được trang hoàng long lẫy với nghi thức vương triều cực kỳ hoa lệ diễu hành qua khắp kinh thành để quyên góp phẩm vật, thực tập giới hạnh và tích lũy công đức.

Trên sân thượng của một cao ốc nọ, có một thiếu phụ mở cửa sổ, đứng ngắm quốc vương trong giây lát rồi từ từ khép lại tấm màn, khiến quốc vương cứ tưởng ánh trăng rằm đã bị áng mây vô tình che khuất. Quả thật quốc vương say đắm thiếu phụ đến nỗi suýt nữa lộn nhào xuống lưng voi. Vội vã kết thúc chuyến phở nguyện phước điền, quốc vương quay về hoàng cung, gọi một cận thần đến hỏi:

- Này, khanh có thấy tòa cao ốc mà ta đứng ngắm một lát đó không?
- Thưa có, tâu hoàng thượng.
- Khanh có thấy một thiếu phụ nào ở đó không?
- Thưa có, tâu hoàng thượng.
- Thế thì hãy đi xem coi người ấy đã có gia đình hay chưa.

Sau khi tìm hiểu sự thật, vị cận thần về gặp quốc vương và tâu rằng:

- Tâu hoàng thượng, cô ấy đã có chồng.
- Thật sao! Vậy thì hãy triệu gặp chồng hắn đến đây.

Vị cận thần đến gặp phu quân thiếu phụ, truyền lệnh quốc vương, và đưa cậu ta về hoàng triều.

Đầu óc hoang mang lo lắng. Biết có vợ đẹp là tai họa khó lường, nhất là trong thời đại hôn quân bạo chúa. Nhưng mấy ai trên đời mà không ham mê vợ đẹp! Cậu đành nhắm mắt đưa chân, chấp hành vương pháp, theo quan thẳng đến hoàng cung, khấu đầu thi lễ quốc vương, rồi đứng sang một bên đợi lệnh.

Quốc vương lạnh lùng phán:

- Từ nay về sau ngươi là gia nhân của trẫm.
- Hoàng thượng vạn tuế. Xin đội ơn hoàng thượng. Nhưng thảo dân đã quen với nếp sinh hoạt thường nhật, sớm tối bên cạnh vợ con trong cảnh thái bình thịnh trị như thế này là vạn hạnh lắm rồi, xin hoàng thượng tha cho!
- Ta sẽ cấp phát bổng lộc cho ngươi đúng phép.
- Muôn tâu hoàng thượng, thảo dân không dám, xin hoàng thượng tha cho!
- Im đi, từ giờ phút này ngươi là gia nhân của trẫm.

Quốc vương trao cho gã một cái mộc, một thanh gươm, và đó là thâm ý của nhà vua: “Ta sẽ đồ tội cho hấn, giết hấn, và rồi chiếm đoạt vợ hấn” .

Run sợ trước cái chết ập đến bất cứ lúc nào, anh chồng khốn nạn kia phát nguyện hết lòng hết dạ hầu hạ quốc vương.

Ngọn lửa dục lạc trong lòng quốc vương cứ mỗi lúc một dâng lên ngùn ngụt mà vai trò trách nhiệm của tên gia nô chưa hề thất thố. Cuối cùng, để có được giai nhân, thỏa mãn dục vọng, nhà vua hạ thủ theo kế sách ném đá giấu tay bằng cách gọi tên gia nô đến, truyền lệnh:

- Nay, cách đây một dặm có một dòng sông quý hiếm, gọi là huyết mạch của trời đất ban cho; hãy đến đó hái một ít bông súng xanh trắng và cạy một ít đất sét đỏ vàng đem về cho trẫm xông tắm tối nay. Về trễ là mất mạng đấy!

Rùng rợn trước cái chết chòn vòn, cậu về nhà hỏi vợ:

- Em ơi, cơm nấu chưa?
- Đang sôi trên bếp đó.

Khỏi đợi cơm chín, cậu múc đại vại vá cho vào cái thố với chút cà ri, xong đây nắp, bỏ vào một túi lát, túm lại, rồi hồi hả lên đường thi hành vương lệnh.

Đến nơi, vừa bày cơm ra trên bờ sông thì thấy ngay một bà lão cũng có vẻ đói khát như mình, cậu mời khách cùng dùng bữa. Khi ăn xong, cậu vét một nắm cơm quăng xuống sông cho cá và lớn tiếng khấn rằng:

- Nguyện sơn thần hà bá, địa mẫu thủy long chứng giám cho lòng con. Quốc vương cố tình vu oan giáng họa nên bắt con đày đọa thế này. Trời ơi! Biết bông súng, đất sét đâu mà tìm! Xin chư vị thiện thần giúp con với, hu... hu...!

Nhờ chút tình thơm thảo: thương tưởng kẻ lỡ đường, san sẻ với cá tôm, long vương động lòng, cải dạng thành một cụ ông, đến gặp cậu, nói:

- Nay, thấy cậu có lòng vị tha, thật thà chơn chất, lực tận thế cô; thôi, để ta giúp cho một tay.

Ông cụ trao cho cậu một bó bông súng xanh trắng và một gói đất sét đỏ vàng rồi đi mất.

Ở hoàng cung, quốc vương thầm nghĩ: “Trên đời có nhiều phương tiện sinh hoạt lắm. Nếu như hẳn thực hiện đúng lời ta phán thì sẽ hỏng bét mục tiêu” .

Thế là nhà vua cho đóng cửa lại và cất giữ chìa khóa.

Cậu gia nô mang hoa và đất sét về hoàng cung, thấy cửa bị khóa chặt, kêu gọi mãi mới có người lên tiếng, và được biết đó là nghiêm lệnh của quốc vương: không ai được phép ra vào lúc này. Niềm vui vụt tắt, cái chết chờ vờn, cậu thả gói đất sét xuống thềm, máng bó hoa lên cánh cửa, và kêu lớn lên:

- Hỡi bà con cô bác, hỡi huynh đệ nghe đây, hãy làm chứng cho thảo dân này. Nô bộc đã thực hiện đúng mệnh lệnh của quốc vương. Vậy thì quốc vương không còn lý do khép tội tru diệt nô bộc này nữa. Xin bà con dân chúng minh oan cho kẻ hèn này. Xin cảm ơn! Xin cảm ơn!

Cậu kêu lên ba lần như thế, rồi bơ vơ ngơ ngác chẳng biết về đâu, đành phải lững thững đi thẳng đến tu viện. Vâng, chỉ có các thầy, những người đã xả ly xan tham, lập hạnh giải thoát, mới giàu lòng lân mẫn cho cậu tá túc qua đêm.

Đêm đó nhà vua không sao ngủ được. Toàn thân như bị thiêu đốt bởi ngọn lửa dục vọng chiếm đoạt vợ người. Ác tâm vụt đến, oan nghiệt bùng lên, quốc vương quyết định sáng hôm sau hạ sát tên gia nô, mật đưa thiếu phụ về nơi cung điện.

Vì dục tình rạo rực, quốc vương không sao chợp mắt. Toàn thân nóng ran như lên cơn sốt. Miệng khô, đầu choáng, tai nghe vo vo như có muôn ngàn âm thanh đục khoét. Hoảng quá, nhà vua cho triệu đạo sĩ hoàng triều sáng hôm sau đến ngay để giải trình hiện tượng.

Vừa đặt tay lên trán quốc vương, đạo sĩ hỏi:

- Tâu hoàng thượng, hoàng thượng đã nghe những gì nào?

- Ôi, loạn xạ: ù ù... vo vo... xèo xèo..., nhức óc lắm! Hãy xem thử điềm gì?

Tối tăm mù mịt, chẳng biết nguyên do, nhưng nếu không có đôi lời bí hiểm theo kiểu chiêm tinh giải mộng thì còn gì là thanh danh uy tín của bậc cố vấn đương triều về mặt siêu hình. Gã đạo sĩ Bà la môn tỏ vẻ đăm chiêu giây lát, rồi trịnh trọng nói:

- Muôn tâu hoàng thượng, xin hoàng thượng bình tĩnh, nguy kịch rồi! E rằng thọ mạng của hoàng thượng ...

- Sao?... Cứ nói thẳng, đừng ngần ngại!

- Dạ... vận số của hoàng thượng!...

- Không có cách nào thiên giải được sao?

- Dạ... khó quá!... À, còn một cách. Được rồi!... Tâu hoàng thượng.

- Cách gì? Ánh mắt quốc vương bỗng lóe sáng lên.

- Tâu hoàng thượng, chỉ còn cách tìm cho đủ các loài sinh vật như voi, ngựa, bò, dê, heo, cừu, gà, vịt; mỗi thứ 100 con, đặc biệt là 100 gái đồng trinh và 100 trai tú lệ để dâng hiến thần linh. Chỉ còn cách đó là thọ mạng diên niên, phúc lộc nông hậu cho hoàng thượng.

Suy nghĩ trong giây lát, quốc vương cả quyết nói:

- Được rồi! Ta phải cứu lấy mạng vị của ta với bất cứ giá nào.

Thế là từng toán gia đình vâng lệnh đi tìm nhân mạng và súc vật mang về đây vườn, tiếng gấm rú than khóc vang lên cả một góc trời.

Chợt nghe thấy cảnh ồn ào náo loạn, người vật ngổn ngang, hoàng hậu Ma-li-ka (Mallikà) đến gặp quốc vương, hỏi ra sự thể mới thấy rõ đầu óc cuồng tín của bọn ả sĩ Bà la môn. Hoàng hậu trách khéo quốc vương:

- Hoàng thượng, quả thật thần thiếp không sao hiểu nổi! Đường đường là một đấng minh quân, thống lãnh muôn dân, cai trị xã tắc, trí tuệ thần lực như vàng thái dương, vậy mà nỡ tin theo lời luận bàn nhảm nhí của bọn ả sĩ ngu muội đó sao?! Không thể bảo tồn thọ mạng của mình bằng cách hủy diệt sinh mệnh của kẻ khác. Hoàng thượng anh minh, hãy đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư của nhân thế, xin Ngài lời khuyên và làm theo lời Ngài.

Như khát được nước, như đói được cơm, quốc vương hớn hờ theo hoàng hậu đến tu viện, đánh lễ Thế Tôn, rồi cung kính đứng sang một bên.

Thế Tôn đáp lễ, hỏi:

- Quốc vương và hoàng hậu đến đột xuất thế này chắc có chuyện cần.

Thấy hoàng thượng đứng trân trân, hoàng hậu đỡ lời:

- Bạch Thế Tôn, chắc hoàng thượng còn bị ám ảnh bởi cái chết mà ẩn sĩ Bà la môn đã gán cho hoàng thượng.

Sau đó hoàng hậu kể hết mọi chuyện xảy ra ở hoàng cung, nhất là việc hiến tế sinh mạng cho thần linh để cầu trường thọ, và việc tai vua bị khuấy động bởi những âm thanh quái dị.

Nghe qua, Thế Tôn im lặng trong giây lát, đoạn Ngài mỉm cười, nói:

- Đại vương, không thể hủy diệt một sinh mạng hay nhiều sinh mạng để có được một sinh mạng. Mọi hiện tượng trên đời đều có mối quan hệ nhân quả và hữu cơ với nhau. Những âm thanh loạn động trong tai đại vương chính là thanh sắc đau thương của kẻ đã gây nhiều lầm lỗi. Đại vương không chết. Hãy bảo trọng long thể!

- Bạch Thế Tôn, họ đã làm gì mà sanh ra những âm thanh quái quỷ như thế?

- Vậy thì hãy lắng nghe, đại vương và hoàng hậu.

*

* *

Từ thuở xa xưa, cách đây hai vạn năm, có Đức Thế Tôn Ca Diếp (Kassapa) ra đời. Ngài thường cùng với hai vạn Sa môn đã đoạn trừ kiết sử vân du giáo hóa chúng sanh tại thành Ba La Nại. Dân chúng ở đây hiền hòa và rất tín tâm Tam bảo. Họ thường liên kết với nhau thành từng nhóm năm ba người, đem y phục lễ vật cúng dường thánh chúng. Bấy giờ có bốn thương gia trong thành giàu sang phú quý đến nỗi không biết phải chi tiêu tiền bạc thế nào cho bỏ thừa hàn vi. Một hôm, nhân lúc thù tạc cao hứng, một người gợi ý:

- Nay, các bạn, chúng ta có chút duyên lành, làm ăn tương đối phát đạt, nô nê na là... nhìn lên cũng chẳng hơn ai, đến khi nhìn xuống chẳng ai bằng mình. Để tình thâm giao càng thêm bền chặt, ruộng phước bốn mùa kết trái đơm bông, xin đề nghị rằng chúng ta nên cùng nhau dành mỗi tháng một ít tiền hay phẩm vật cúng dường Thế Tôn và đại chúng, những người đã đoạn trừ tham dục, tinh nguyện suốt đời kham khổ tu hành. Quý huynh thấy thế nào?

- Anh sao, mệt quá! .- Một người lên tiếng. Khéo lo con bò trắng răng. Mũi ai nẩy thở. Có làm thì mới có ăn, không dung ai dễ mang phần đến cho. Đó là lẽ công bình trong trời đất. Lao động vất vả thì được nếm mùi tự do. Nào, dzô!...

- Đúng rồi! .- Người thứ ba phát biểu. Đại gì làm tôi mọi cho ai. Một cắc một xu không phải là tiền, không phải là mồ hôi nước mắt, không phải là thành quả của tính toán tư duy! Còn khuya mới bố thí cúng dường. Gạo thom nếp dẻo chỉ dành cho những ai nỗ lực với đời.

- Chí lí! người thứ tư tiếp. Các cậu thấy đấy, của cải không phải tự dung mà có. Chúng ta đã phải đổ mồ hôi sôi nước mắt mới được ngày hôm nay. Hưởng thụ là hợp lý. Còn việc người ta, đại gì bận tâm cho khổ.

Từ đó về sau, họ đua nhau lên mặt, vung vít tiền bạc qua các thanh lâu tửu điếm. Họ đã vung tay phá vỡ biết bao gia đạo ấm êm. Chỉ vì đam mê sắc dục mà họ đã vong ân bội nghĩa với gia đình, tổ tiên và xã hội; để rồi cuối cùng, thân tàn lực kiệt, dật dờ phiêu bạt như khúc gỗ mục lã lóc ra khơi. Họ đã bị đọa vào địa ngục A tỳ sau khi chết, và chịu nhiều ngục hình thống khổ triền miên.

Xúc động trước lời pháp thoại của Đức Thế Tôn, quốc vương thâm nghĩ:

- Tà tâm tà hạnh quả thật là trọng tội. Chỉ vì một chút ham mê dục lạc, cướp đoạt vợ người mà đầu óc ta đâm ra đen tối, bức bách trong lòng đến nỗi cả đêm không sao chợp mắt. Từ nay về sau ta phải tu tỉnh thể nào để xứng đáng là một Phật tử trung kiên, một quốc vương trí tuệ, uy dũng và nhân đức.

Đoạn quốc vương chấp tay xá Đức Thế Tôn và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, từ lúc cha sanh mẹ đẻ đến nay con mới biết thế nào là đêm dài. Bấy giờ, cậu gia nhân suýt bị thiệt mạng đang đứng bên cạnh quốc vương, nghe lời tâm sự của người mà thấy lòng mình se lại, bèn sụp lạy Đức Thế Tôn, mếu máo thưa:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay quốc vương hiểu rõ thế nào là đêm dài. Hôm qua bản thân con cũng chiêm nghiệm được thế nào là đoạn đường thiên lý.

Kết hợp hai ý, Thế Tôn mỉm cười, nói:

Quốc vương thấy đêm dài,

Anh này thấy đường xa,

Tâm trí thường dao động,

Biết bao giờ tỉnh ra.

Và Ngài đọc kệ:

Mắt ngủ thấy đêm dài,

Mệt nhoài thấy đường xa,

Kẻ ngu luân hồi mãi,

Chánh pháp biết đâu là!

(PC. 60)

Quốc vương liếc nhìn hoàng hậu ra hiệu đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi cả hai cáo từ Ngài, trở về hoàng cung trả tự do cho người và vật đã bị bắt giữ. Súc vật thì tung hứng chạy nhảy, còn đám nam nữ thanh niên thì trương cổ hò reo, đấm tay lên trời hô lớn: “Hoàng hậu Ma-li-ka muôn năm! Hoàng hậu Ma-li-ka muôn năm! Nhờ ân đức của người mà chúng con được tha mạng!”

Tối hôm đó, sau giờ tịnh niệm, đại chúng ngồi lại trong chánh điện, phiếm luận sự việc đã diễn ra trong ngày. Họ bảo Ma-li-ka là một Phật tử thâm tín Tam bảo, nhờ đức hạnh và trí tuệ của hoàng hậu mà bao nhiêu mạng sống khỏi bị chết oan. Đức Thế Tôn, nghe các thầy nhỏ to góp ý trong chánh điện, từ thiên thất vào ngồi ngay giữa pháp tòa, tươi cười hỏi:

- Các thầy chưa về phòng nghỉ sao? Có gì mà trình trọng thế?

- Bạch Thế Tôn, Thượng tọa quản chúng thưa, chính nhờ đức đại từ bi năng hỷ xả của hoàng hậu Ma-li-ka mà bao nhiêu sinh mạng kia còn hít thở được khí trời. Hy hữu thay!

- Nay các thầy Tỳ kheo, Phật tử chân chính thì lúc nào cũng trải rộng tình thương và tôn trọng sự sống. Ma-li-ka khéo léo vận dụng đức hạnh và trí tuệ nên đã cứu được vô số sinh mạng trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Từ bi và trí tuệ là nền tảng vững mạnh của đạo nghiệp ta đó.

- A Di Đà Phật. Đại chúng chấp tay xá Thế Tôn, rồi cùng theo Ngài về phòng riêng ngủ nghỉ.

--- o0o ---

Phần 10 - CHỈ VÌ LÒNG NẶNG SÂN THAM

NGU SI TỰ ÁI ĐỐT AM THẮT THẦY

Truyện kể rằng khi an trú tại động Pi-pa-li (Pippali), trưởng lão Ma Ha Ca Diếp (Mahà Kassapa) có hai chú đệ tử theo hầu. Một là Ssa di Chí Tịnh, tình tình chơn chất, trung hậu đảm đang; hai là Sa di Chí Động, nói năng liến thoắng, tánh khí thất thường. Chí Động hay lánh nặng tìm nhẹ, thường cướp công Chí Tịnh bằng những lời lẽ ngọt ngào, khéo léo với Bổn Sư. Như mỗi khi thấy Chí Tịnh đem nước vào phòng tắm thì Chí Động liền đến gặp Trưởng lão, thưa:

- Bạch Thầy, mời Thầy đi tắm, có nước rồi ạ!

Thấy Chí Động lạnh tay lệ mắt, thường ba hoa khoác lác, lập công lấy điểm với Thầy bằng những hành vi thiếu trung thực. Chí Tịnh nghĩ cách chơi khăm cho bỏ ghét. Một hôm, chờ Chí Động ngủ say, Chí Tịnh đun sôi một ấm nước đầy, xong đổ nước vào nồi và bê ra giấu ở nhà sau, chỉ để lại một ít trong ấm, rồi ra sông tắm.

Vừa mới thức dậy, thấy bếp lửa sắp tàn với ấm nước còn bốc khói bên cạnh, Chí Động đoán là Chí Tịnh đã nấu nước và bê ra nhà tắm. Thế là cậu hối hả chạy đến gặp Bồn Sư, chấp tay cúi đầu thưa với vẻ trịnh trọng:

- Bạch Thầy đi tắm ạ! Nước đã bê vào nhà tắm rồi.

Sau đó cậu cùng đi với Thầy. Nhưng vào nhà tắm không thấy nước, Trưởng lão hỏi:

- Ủa, nước đâu? Điều thiệt là!...

Chí Động sững sờ ngơ ngác, không biết trả lời bằng cách nào, bèn hằm hằm đi thẳng xuống nhà bếp để tìm ra manh mối. Thấy than còn đỏ, ấm còn nóng, nhưng nước đi đâu. Lạ nhỉ! Trong tích tắc, cậu đoán ra sự thể và găm mặt lăm bằm:

- Thằng ranh này đều thật! Mi chơi ông hả! Rồi sẽ biết tay tao! Nhưng biết hẩn đi đâu mà tìm để lấy nước cho Thầy tắm, nghiệt chứ!

Chí Động đang đứng phân vân trong nhà bếp thì thấy Chí Tịnh từ ngoài ngõ đi thẳng vào nhà sau, bê nồi nước nóng vào nhà tắm rồi đến thỉnh Thầy. Trưởng lão bấy giờ mới vỡ lẽ rằng té ra lâu nay Chí Động lằng xằng cướp công Chí Tịnh. Sơ tâm nhập đạo, tuổi tác còn non mà đã cơ tâm thế này thì e rằng khó mà uốn nắn!

Tắm xong, Trưởng lão cho gọi Chí Động đến, hỏi:

- Lâu nay điều thường mời Thầy đi tắm, nhưng Chí Tịnh nấu nước phải không?

- Chí Động cúi mặt, không đáp.

- Sao Thầy hỏi mà điều không trả lời?

- Bạch Thầy ... ai nấu cũng vậy thôi, miễn có nước và con mời Thầy đi tắm là được rồi.

- Thế thì có lỗi. Đã là người xuất gia thì phải suy nghĩ và nói năng chân thật. Đừng bao giờ đánh cắp công đức và thành quả của người khác. Hãy đi sám hối Chí Tịnh.

Động lòng tự ái và xấu hổ với Thầy với bạn, Chí Động thâm nghĩ: “Chỉ vài giọt nước mà Thầy làm nhục ta trước mặt mọi người! Không phải xin lỗi

sám hối gì với ai cả! Sống trong hang động, bữa đói bữa no, khổ thấy bà mà làm như vinh hạnh lắm vậy!

Sáng hôm sau, Chí Động lánh mặt, chờ Thầy và Chí Tịnh lên đường hóa duyên, khát thực, cậu vội bê bát đến đứng trước cửa nhà của một Phật tử thường cúng dường thực phẩm cho Trưởng lão. Thấy vậy, thí chủ hỏi:

- A Di Đà Phật, sao chú đến một mình! Sư ông đâu?

- Dạ!... Hôm nay Trưởng lão không được khỏe nên bảo tiểu Tăng đến đây.

- Được rồi, chú chờ một chút nhé!

Thí chủ đem nhiều thức ăn ra, cho vào đầy bát, chấp tay xá xá rồi lui vào nhà.

Chí Động tay trái bê bát, tay phải đưa lên ngực niệm thiện tai, thiện tai rồi quay lui.

Trên đường về am thất, Chí Động vừa đi vừa ăn hết thực phẩm cúng dường cho Trưởng lão.

Trưa hôm đó, thấy Thầy trò được Phật tử cúng dường nhiều lễ vật, vải vóc, Chí Động càng thêm ám ức và ngấm ngấm trây lười ra mặt.

Ngày hôm sau, vừa thấy Trưởng lão đến trước ngõ, thí chủ thân quen liền ra chào hỏi:

- A Di Đà Phật, mừng quá, Trưởng lão đã khỏe lại rồi!

- Ủa!... Bàn đạo có ốm đau gì đâu mà khỏe lại!

- Vậy sao!... Hôm qua chú Chí Động bảo Trưởng lão bị ốm, không đi thiền hành khát thực được. Con đã làm vài món đặc biệt cúng dường Trưởng lão. Té ra là!...

- Được rồi, được rồi!... Để bàn đạo hỏi lại xem.

Trưởng lão nhận lễ vật cúng dường của thí chủ, tụng một thời kinh ngắn hồi hương công đức rồi cáo từ, trở về am thất.

Tối hôm đó, Trưởng lão cho gọi Chí Động đến, hỏi:

- Thầy được biết là điếu đi khát thực một mình, có phải vậy không?

- Chí Động quỳ gối, chấp tay cúi mặt, không nói.

- Con đã từ giã gia đình, cách ly cha mẹ, theo Thầy học đạo, xả ly xan tham, vậy mà con không nghe lời Thầy thì nghe ai! Đã là người xuất gia, tu hạnh giải thoát, thì phải thanh tịnh thân – ngữ – ý. Từ nay về sau con phải thành thật, không được thọ dụng lễ vật theo danh nghĩa của người khác, và phải theo Thầy thiền hành khát thực, nghe chưa?

Chí Động lạy Thầy ba lạy, xin sám hối, nguyện hứa không dám tái phạm. Nhưng trong lòng vẫn thấy gai gai, thâm nghĩ: “Hôm qua, chỉ vì vài giọt nước sôi mà Thầy cho ta là kẻ gian manh, lường gạt. Hôm nay, chỉ vì dăm ngum cháo hoa mà Thầy bảo ta là tên lương lậu, khinh suất. Hơn nữa, được của ngon vật quý thì Thầy dành hết cho Chí Tịnh, còn thân phận mình có ra chi, bị đối xử tệ bạc thế này thì quá đáng. Ta đã có cách, rồi sẽ biết tay ta!” .

Sáng hôm sau, Chí Động giả bộ cảm cúm, không đi khát thực với Thầy, một mình ở nhà lấy búa đập tan nát các vật dụng sành sứ dùng để nấu nước và đựng thức ăn, xong sẵn tay phóng hỏa đốt rụi am tranh của Thầy, rồi bỏ trốn. Và tất nhiên, sau khi mạng vong, loại người như thế chắc chắn sẽ bị đọa vào địa ngục A tỳ.

Dân chúng thấy vậy bàn tán:

- Quả thật là nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà. Từ bi phải đi với trí tuệ chớ. Sư ông hiền quá, giáo hóa chi thứ đó!

- Đúng là vô minh ngu muội, muôn kiếp trầm luân! .- Một người khác lên tiếng. Thầy nhỏ nhẹ khuyên dạy mà nó cho là nhục mạ nhân cách, chà đạp danh dự của nó. Hừ!... Đồ lấu cá. Ngừ đó bỏ đời cho vêu mả!

- Khiếp thật!... Một cụ ông vụt nói và ứng khẩu ngâm bốn câu thơ với giọng mỉa mai, buồn buồn:

Sư sãi sân si đốt phá chùa,

Chỉ vì đau đầu chuyện hơn thua,

Ôi đời nguy khốn nhiều gian ác,

Len lỏi vào ra các cửa chùa.

Mọi người bật cười nhưng không dấu được nỗi xót xa hiện qua ánh mắt.

Rồi một hôm, có một Sa môn từ Vương Xá đến Kỳ Viên thăm Thế Tôn. Sau khi đánh lễ Đức Bổn Sư, vị Sa môn ngồi sang một bên, Thầy trò hàn huyên tâm sự một lát, Đức Thế Tôn hỏi:

- Thế nào, Tăng chúng và Ma Ha Ca Diếp vẫn khỏe chứ?

- Bạch Thế Tôn, Tăng chúng sinh hoạt bình thường, Ma Ha Ca Diếp vẫn khỏe, nhưng... bị một chú điếu phóng hỏa đốt am vì tự ái về những lời răn dạy của Trưởng lão, rồi trốn mất.

- Đây đâu phải là lần đầu tiên cậu ấy lên cơn tự ái về những lời khuyên dạy của Thầy rồi nổi loạn đốt am, phá nhà. Trong tiền kiếp cậu ấy cũng đã ra tay hành động như thế. Đức Thế Tôn mỉm cười, nói.

- Trời đất!... Hung bạo vậy sao, bạch Thế Tôn.

Vậy thì hãy lắng nghe:

*

* *

Vào thời xa xưa, khi Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) trị vì tại xứ Ba La Nại, có một chú chim chóp mào xin-gi-la (Singila) xây một cái tổ làm nhà trên rặng Hy Mã Lạp Sơn. Một hôm, trong khi trời đổ mưa tầm tã thì có một cậu khỉ hồi hải nhảy đến với dáng co ro, run rẩy ra vẻ lạnh lẽo lắm. Vừa nhác thấy cậu ta, chóp mào liền nheo mắt, lên giọng ngâm:

Này anh bạn khi ta ơi,
Tay chân đầu mặt giống người thế gian,
Cớ sao chịu cảnh cơ hàn,
Không làm nên nổi một gian nhà tôi!

Khi ta tự nhủ: “Đúng thế! Tay chân ta tương đối giống người nhưng đâu có trí tuệ như họ mà làm nên nhà cửa, lâu đài”. Cậu ngược mắt nhìn Xin-gi-la, hạ giọng đáp lời:

Này anh bạn Xin-gi-la,
Tay chân đầu mặt của ta giống người,
Chỉ vì thiếu tuệ thiên tư,
Mà ra suốt kiếp nương từ rừng xanh!

Chóp mào thầm nghĩ: “Sống nay đây mai đó, lang thang phiêu bạt, nhảy nhót liên hồi như người thì làm gì có nhà có cửa mà an thân lập mệnh. Đói nghèo rách nát là phải!”. Để cảnh tỉnh ông bạn phóng dật, bất định, chóp mào cất giọng hơi thẳng thắn:

Khéo xảo ngôn, phản trắc,
Thiếu thành tín, buông lung,
Sống nổi trôi, khinh bạc,
Chuốc bất hạnh, khốn cùng!
Hãy nỗ lực hướng thượng,
Từ bỏ tập quán xưa,
Dựng túp lều nho nhỏ,
Phòng bão tố, nắng mưa!

Khi ta thấy bị xúc phạm, ngồi im lặng nén giận và nhận định: “Chóp mào cho ta là loại du côn mất dạy, du thủ du thực, lẳng xăng trạo cử, lĩnh ngữ xảo ngôn; đau nhất là bảo ta ác tâm phản phúc, mưu hại bạn bè. Sắc sảo và hùng biện đấy! Được rồi, ta sẽ cho mi biết thế nào là công thành danh toại, phúc thọ diên niên của mi.” Khi ta liền nhảy vọt lên cây, tóm lấy tổ chim xé nát và vắt hết rom rác bay theo chiều gió. Mục đích là thỏa cơn tự ái và giảm mặt chóp mào. Nhưng vừa thấy khi trợn mắt vung tay thì, nhanh như chớp, Xin-gi-la đã vọt ra khỏi tổ bay mất.

Dừng lại trong giây lát, Đức Thế Tôn tiếp:

- Thấy chưa? Khi kia chính là Sa di Chí Động, còn Xin-gi-la đích thị là Ca Diếp vậy. Thầy nghĩ sao? Ca Diếp nên sống một mình hơn là gần gũi với hạng vô minh, thiếu trí như thế.

Ngài đọc kệ:

Nếu như không gặp bạn,
Hơn mình hay ngang mình,
Thà quyết sống một mình,
Chớ thân cận kẻ ngu.

(PC. 61)

SUỐT ĐỜI VUN VÉN CỦA TIỀN NHÃN TÂM ÍCH KỶ OAN KHIÊN CHẤT CHỒNG

Tương truyền rằng tại Xá Vệ có một quan thủ kho tên là A-nan-đa (Aṇanda). Ông ấy có 800 triệu bảo vật nhưng vô cùng keo kiệt nên được mệnh danh là Trùm Tích. Cứ hai tuần một lần, ông họp mặt cả nhà, lên giọng trình trọng nhắc nhở mọi người, đặc biệt là cậu con trai Mu-la-xi-ri (Mulasiri) duy nhất của ông, về ba điểm trọng yếu như sau:

1. Đừng cho rằng có 800 triệu bảo vật này là nhiều.
2. Chớ để thất thoát một mảy may tài sản nào của gia đình.
3. Phải luôn luôn ý thức và nỗ lực vun bồi của cải ngày thêm phong phú.

Vì rằng: một xu lọt qua kẽ tay, sẽ có ngày gia nghiệp sụp đổ. Cho nên: năng nhặt thì chặt bị.

Và để dễ nhớ, ông cô đọng quan điểm của mình thành một khúc ngâm gọi là kim ngôn di huấn:

Xưa nay hương sắc phai màu,
Hãy xem đàn kiến chung nhau xây nhà,
Ong kia hút mật phấn hoa,
Người khôn bồi đắp cửa nhà hiển vinh.

Ít lâu sau, ông chỉ cho cậu con trai của ông thấy vị trí năm kho báu, hướng dẫn cận kề cách bảo quản chúng, rồi đột nhiên ngã bệnh và qua đời, để lại một gia sản đồ sộ, đáng được tự hào, nhưng không cách nào xóa hết những vết nhơ tham lam, bủn xỉn.

Bấy giờ, gần cổng thành có một ngôi làng với khoảng trên dưới một ngàn gia đình thuộc bộ tộc Can-đa-la (Candālas) sinh sống, và A-nan-đa được đầu thai vào dạ một phụ nữ dân quê ở đó. Quốc vương, được tin A-nan-đa qua đời, liền triệu Mu-la-xi-ri đến hoàng cung, bổ nhiệm chàng giữ chức thủ khổ, thay phụ thân chàng.

Dân làng Can-đa-la sinh sống bằng nghề khuân thuê vác mướn, kiếm được đồng tiền cực khổ vô vàn; vậy mà từ lúc cần thai của người phụ nữ kia, mức sinh hoạt của họ sa sút hẳn đi: kiếm việc rất khó, vật giá gia tăng, đói nghèo lan khắp. Họ thường bảo nhau:

- Chúng ta lao động quần quật suốt ngày như trâu bò mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại có nguy cơ tệt hại hơn nữa chứ! Chắc là có tên mặt trơ trán bóng hay đầu trộm đuôi cướp nào lọt vào cái làng này.

- Đừng suy diễn mà tội nghiệp người ta ông ơi! Hay là chúng ta nên đến làng khác kiếm kế sinh nhai.- Một thanh niên ra vẻ tự tin, phát biểu.

- Thôi em ơi, tội nghiệp cho cái thân già này quá! Qua nghĩ: “Cây khô tưới nước cũng khô, vận nghèo đi tới xứ mô cũng nghèo”.- Một ông cụ gầy guộc, ở trần, vận chiếc khổ cũ nát góp ý với giọng ảo não, chán đời.

- Đúng! “Gánh nghèo lên đống trên non, co chân mà chạy nó còn chạy theo!” Một người đứng tuổi vừa nói vừa co chân lên như minh chứng cho mọi người thấy.

Nhưng rồi họ cũng nhất trí với nhau chia thành hai nhóm, ra sức điều tra sự việc, và cuối cùng đi đến kết luận rằng:

- Tên xấu xa khốn kiếp, gieo rắc khổ đau cho dân làng chắc chắn chui vào nhà này.

Và thế là họ trục xuất người phụ nữ mang thai ra khỏi làng, vĩnh viễn biệt xứ.

Bà ôm thai nhi lên đường với những giọt nước mắt sụt sùi theo từng bước chân vô định. Bà phát nguyện gánh chịu oan khiên, chịu mang ngang trái miễn sao bà được mẹ tròn con vuông. Bà đã phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, đói lạnh róc người cho đến thời khai hoa nở nhụy. Và, việc gì đến phải đến, bà đã sanh được một bé trai.

Khôn thay, tay chân tai mắt mũi miệng của em bé không nằm đúng vị trí của chúng. Một quái thai. Một quái vật gớm guốc chưa từng thấy trên đời! Vậy mà, vì thâm tình cốt nhục, mẫu tử thiêng liêng, người mẹ vẫn ôm con vào lòng với từng lời ru bất diệt. Khôn khổ lắm bà mới nuôi nổi con. Vì rằng nếu bé con theo, bà sẽ bị mọi người nguyên rủa và khó kiếm được bát cháo chén cơm. Nhưng nếu để con ở nhà, nó sẽ bị bơ vơ đói khát, tội nghiệp xiết bao! Có lúc bà ôm con mà lòng đau như dao cắt, ruột thắt tợ tơ vò, thậm chí trách ông trời sao mà bất công với những người cùng khổ đến thế.

Đến khi đưa con tạm đủ trí khôn, biết đi xin ăn, bà đặt vào tay nó một bát sành và nghẹn ngào nói:

- Con ơi, vì con mà mẹ đã phải ném trái hồng sa túi nhục, vô số khổ đau. Con ơi, vì số kiếp đọa đày, mẹ không thể lo cho con được nữa. Con hãy tự nuôi thân bằng cách nướng nhờ vào lòng vị tha nhân ái của mọi người nghe con. Hãy trân trọng và biết ơn từng hạt cơm sợi chỉ của họ nghe con!

Bà ôm con khóc nức nở, rồi khoác tay ra hiệu nó lên đường.

Thằng bé lang thang xin ăn cùng khắp thôn làng, phố thị. Một hôm, nó đến đúng căn nhà mà nó đã từng làm chủ với tư cách là quan thủ khố A-nan-đa. Nhớ lại tiền kiếp, nó đi thẳng vào nhà một cách tự nhiên, qua ba căn phòng mà không ai hay biết. Đến khi vào phòng thứ tư, các em bé trai, con của quan thủ khố Mu-la-xi-ri đang nô đùa, nhìn thấy khuôn mặt quái dị của nó mà thất kinh hồn vía, la khóc thét lên. Mấy cậu gia nhân chạy vào, thấy thằng nhỏ mặt mày khủng khiếp, bèn lớn tiếng quát:

- Đồ quỷ, mày phải cút ra khỏi nhà này ngay! Ngó coi, rùng rợn chưa!

Vừa nói xong là chúng đàn thằng nhỏ một trận đích đáng, rồi lôi nó sên sệt ra khỏi nhà và vất nó trên một đồng rác.

Ngay lúc đó, trên đoạn đường thiền hành khát thực, Đức Thế Tôn, được Trưởng lão A Nan theo hầu, đi ngang qua và thấy rõ mọi việc. Quay nhìn Trưởng lão, Thế Tôn giải thích sự kiện đã diễn ra để giải đáp vấn đề. Động lòng bi mẫn, Trưởng lão đích thân mời Mu-la-xi-ri đến gặp Thế Tôn, dân làng thấy thế cũng đi theo và tụ tập rất đông.

Gặp Đức Thế Tôn, Mu-la-xi-ri cung kính đảnh lễ Ngài mà lòng cứ xôn xao thắc mắc không biết có chuyện gì hệ trọng. Thế Tôn nhìn thẳng vào đôi mắt của quan thủ khổ, hỏi:

- Đạo hữu có biết cậu bé bị đánh bầm mình sưng mặt này là ai không?
- Dạ... không biết, bạch Thế Tôn! Thưa... có chuyện gì ạ?
- Đây là cha của đạo hữu đấy! Quan thủ khổ A-nan-đa đấy!
- Không thể!... Phi lý!... Xin Thế Tôn hiểu cho rằng con đương là mệnh quan của triều đình. Mu-la-xi-ri nghiêm sắc mặt nói.
- Ta hiểu. Nhưng sự vận hành của nghiệp lực thì như hình với bóng.

Đoạn Thế Tôn đảo mắt nhìn cậu bé, nói:

- Đây A-nan-đa, hãy chỉ năm kho bảo vật cho con trai của ngươi xem.

Cậu bé làm theo lời của Đấng Đại Giác. Mu-la-xi-ri điêng cả người, sụp lạy Đức Thế Tôn với nước mắt nước mũi tuôn trào và không dám đứng dậy.

Đức Thế Tôn đưa tay đỡ Mu-la-xi-ri và đọc kệ:

Con ta, tài sản ta,
Kẻ ngu mãi lo xa,
Chính ta còn không có,
Tài sản, con đâu ra.

(PC. 62)

TƯỜNG RẰNG TRÍ TUỆ VÔ BIÊN NÀO NGỜ NGU ĐỘN TRIỀN MIỀN SUỐT ĐỜI

Truyện kể rằng, tại một ngôi làng nọ, có hai người bạn, Chí Thiện và Mật Thủ, thân nhau từ thuở nhỏ. Chí Thiện thì nói năng chơn chất, hồn nhiên trung thực với bạn bè; còn Mật Thủ thì lanh lợi, xảo ngôn và hay lợi dụng lòng tốt của người khác. Một hôm, nhân kỷ niệm ngày Đản sanh của Đức Thế Tôn, cả hai cùng theo các Phật tử đến Kỳ Viên nghe Ngài thuyết pháp. Chí Thiện lắng lòng ghi nhớ và ứng dụng Phật pháp vào nếp sinh hoạt hằng ngày của mình, như làm thế nào để hướng dẫn cuộc sống phù hợp với Bát chánh đạo: chánh kiến (quan điểm chân chánh), chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), chánh ngữ (nói năng chân chánh), chánh nghiệp (sinh hoạt chân chánh), chánh mạng (lập mệnh chân chánh), chánh tinh tấn (nỗ lực chân chánh), chánh niệm (ghi nhớ chân chánh), chánh định (thiền định chân chánh); và nhất là biến cho được ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, huệ thành ngũ

lực, tức là năm sức mạnh tiềm ẩn làm nền tảng cho việc phát huy nhân cách và đạo phong của người con Phật. Đó là: chánh tín Tam bảo, nỗ lực hướng thiện, dứt trừ vọng tưởng, an định thân tâm và hoạt dụng trí tuệ. Mật Thủ thì ngược lại. Đi chùa không phải để lễ Phật nghe Pháp mà là để thực hiện mưu đồ thầm kín, đúng ra là để ứng dụng đôi tay quyền biến (mật thủ) giữa chốn thiền môn. Trong khi mọi người đang định tâm tụng niệm thì Mật Thủ mất la mảy lét, đảo tới vòng lui, và lẹ tay gỡ phất túi vải đựng năm các bạc buộc ngang thắt lưng của một ông cụ định cúng dường xây cốc cho Tăng chúng nhưng còn đang lom khom lạy Phật. Đúng là tay chôm chia chuyên nghiệp và táo bạo. Hắn có bao giờ hiểu được thế nào là lương thiện và bất lương, danh dự và ô nhục. Hắn chỉ biết cách len lỏi giữa đám đông, ra tay trộm cắp tiền bạc châu báu của người khác rồi đem về khoe khoan thành tích láo bịp với vợ. Hắn thường ra mặt sung sướng trên mồ hôi nước mắt của bà con bất hạnh. Hắn đang đứng trên bờ vực thẳm mà tự hào về nề nếp gia phong của mình.

Tan lễ, trên đường về nhà, Mật Thủ cười nói huyền thuyên, ra vẻ rất tâm đắc về những lời thuyết giảng của Đức Phật. Đoạn gã quay sang Chí Thiện, hỏi:

- Này, cậu đã nấu cơm ở nhà chưa?

- Chưa! Tay làm hàm nhai ấy mà. Định trên đường về, mua ít gạo nấu cho tiện.

- Thấy cậu giờ này mà còn lặn độn, thiếu trước hụt sau. Độc thân là hãm hiu thế đó! Lấy vợ đi. Kiếm cô nào phốp pháp, lanh lợi, xông xáo một chút. Như vợ tớ đấy!... vừa về tới ngõ là đã nghe tiếng cười nói rộn rã từ trong nhà vọng ra. Mình luôn lách cựa khổ cỡ nào cũng thấy mát ruột khi có được một nội tướng đồng thanh đồng thủ như thế. Nghe lời tớ đi! Đừng chần chừ nữa! Hay... để tớ làm mai cho một tiểu thư... đúng mốt!

- Xin cảm ơn! Nghe Thế Tôn thuyết pháp riết rồi mình muốn đi tu quá.

- Ngu!... Mật Thủ quắc mắt nói như một nhát búa phập vào khúc gỗ mục. Cậu tưởng đi tu sướng lắm hả! Sống lệ thuộc vào lòng hảo tâm của bá tánh lương dân mà hãnh diện! Mọi người như tớ thì thầy trò ông Cồ Đàm có nước treo y máng bát chửi ở đó mà dài lưỡi “luân hồi sanh tử, vô ngã giả danh”. Đã vô ngã giả danh thì nhận lễ vật cúng dường làm gì? Chẳng lẽ để ra sức nuôi dưỡng cái thân tướng vô ngã giả danh ấy! Thấy chưa? Toàn là mâu thuẫn và phi lý. Này... mà “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại” là gì cậu? Tớ nghe ông nói hồi sáng mà như vẹt nghe sấm, chả hiểu gì cả.

- Đầu óc anh đâu có tập trung vào chuyện lễ nghi giáo điển mà hiểu. Thế anh có bao giờ nghe nói đến câu tục ngữ “Ngu ngu tầm ngu, mã tầm mã” chưa?

- Có!... Trâu theo trâu, ngựa theo ngựa. Đúng quá!
 - Đó đó!... Na ná như vậy đó. Mèo hoang thì gặp chó hoang, chàng đi móc túi gặp nàng chia chôm.
 - Cậu nói ai móc túi? Đừng vu khống nhé! Cậu là cái thá gì mà dám mĩa mai vợ chồng tớ là phường đầu trộm đuôi cướp, trâu ngựa chó mèo. Hãy giữ miệng giữ mồm đấy! .- Mật Thủ nói với vẻ mặt choắt lại và đôi môi run run mím mím như điện giật.
 - Ấy chết!... Không phải thế!... Xin lỗi, xin lỗi!... Ý mình muốn nói là trên đời cái gì cũng có nhân duyên với nhau cả. Thân cận với Phật pháp và Thánh tăng cũng thế. Phải có duyên. Phải có sự tương ưng giữa hai tầng số thì mới hiểu, mới rung động theo giáo pháp của Như Lai.
 - Như Lai là gì? Mật Thủ liếc xéo và nhú mũi, hỏi.
 - Là “vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ ...”
 - Là sao?...
 - Là không từ đâu đến và cũng không đi về đâu ...
 - Thôi được rồi!... Toàn là chữ với nghĩa. Cái lưỡi cậu càng lúc càng dài đấy. Cậu nói cái gì nghe cũng bùi tai. Bỏ chuyện đó đi! Tiện đường về nhà tớ ăn trưa, được chưa?
 - Xin đa tạ! Chí Thiện nhận lời để xua tan mối hoài nghi của bạn.
- Vừa tới ngõ, Chí Thiện đã nghe giọng nói the thé rít lên:
- Nữa!... Trúng mảnh thể nào mà rước “chánh tông gàn” về đây!
 - Minh ơi có khách. Cho chúng tôi ăn cơm với nhé! Mật Thủ giả vờ không nghe thấy gì và vừa đi vừa nói giọng bông đùa cho đượm nét uy phong gia trưởng.
 - Ai thế?... Úi dzời, xin chào bác ạ! Lâu quá mới được bác tới chơi.- Vợ Mật Thủ nói giọng đura đảy.
 - Chào chị. Xin chúc sức khỏe và may mắn cả nhà!
- Khoảng mười lăm phút sau, bà chủ nhà bê lên một mâm cơm đạm bạc, ra giọng xởi lởi nói:
- Mời bác dùng bữa với nhà em. Đột xuất quá, mong bác thông cảm!
 - Thế này thì nhất rồi. Đúng là một nội tướng tể nhị và đảm đang. Anh Mật Thủ quả thật có phước!
 - Xin mời! .- Mật Thủ hươ tay đảy về tự mẫn.

- Xin mời! .- Chí Thiện đáp lễ.

Chỉ trong giây lát, Mật Thủ ngược nhìn Chí Thiện, nói giọng triết lý:

- Tớ nghĩ cũng lạ thật! Đúng là mọi việc đều có thể xảy ra dưới gầm trời này. Như ông Cồ Đàm chẳng hạn: đường đường là một thái tử, rồi sẽ lên ngôi hoàng đế, cai trị xã tắc muôn dân, quyền cao tột đỉnh, châu báu đầy kho, mỗi bước chân đi là ngựa xe nghênh rước, bá tánh cúi đầu; nhất là vợ đẹp con ngoan như thế mà nữ phải tay ra đi, chấp nhận cuộc sống cô đơn, khổ hạnh, rồi nhiều người thấy thế noi theo, từ bỏ cha mẹ, đoạn tuyệt gia đình..., thật là một lũ ngu si hết chỗ nói!

- Không biết ai ngu hơn ai! Đức Thế Tôn từ bỏ ngôi vị quốc vương để đạt đến ngôi vị Pháp vương, đoạn đường phấn đấu cho tự thân thanh tịnh, trí tuệ siêu phàm, trải dài vô lượng kiếp, chứ không phải một sớm một chiều như thò tay...

- Thò tay làm gì?... Ai thò?... Cậu nói gì tớ không hiểu?...

- Thôi, thôi!... một giọng nói lạnh lạnh từ nhà dưới vọng lên, mời hai triết gia xoi giùm cho, ngày mai đến Kỳ Viên tha hồ mà tranh luận với Đức Phật. Mời khách về nhà mà lý sự như thế thì còn ai dám lui tới nữa! Ông thiệt là!...

- Bạn bè chúng tôi phần khích một chút cho vui ấy mà, bà sao!... .- Mật Thủ chữa thẹn.

Cả hai tiếp tục dùng bữa, rồi tạm biệt nhau qua ánh mắt xã giao chứ thật sự chưa được tâm bình khẩu phục.

Mấy hôm sau, Chí Thiện đến thăm Kỳ Viên với tâm trạng phân vân, không được tự nhiên như trước kia, Thế Tôn gọi Chí Thiện, hỏi:

- Đạo hữu có gì vướng kẹt trong lòng thì tâm sự với Thầy, đừng để lâu ngày thành nội kết. Đạo hữu biết đấy: giang sơn dễ đổi, tập khí khó dời!...

Chí Thiện xúc động đến nghẹn ngào, chấp tay cúi đầu với hai giọt nước mắt rưng rưng. Thế Tôn nắm tay Chí Thiện đưa về tịnh thất.

- Nào, có gì nói cho Thầy nghe!

- Bạch Thế Tôn, con muốn theo Thầy học đạo, nhưng Mật Thủ bảo ai sống đời phạm hạnh là ngu dại, là không nắm được đầy đủ hương vị của cuộc đời, là trốn tránh trách nhiệm với đồng bào, đồng loại; ông còn bảo con chạy ăn từng bữa không xong nên tính chuyện lừa đảo; con hoang mang quá, bạch Thế tôn!

- Hừ!... có vậy mà hoang mang!...

Thế Tôn mỉm cười, đọc kệ:
Người ngu biết mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí,
Người ngu cho mình trí,
Thật đáng gọi chí ngu!
(PC. 63)

Thầy trò cùng cười. Chí Thiện đánh lễ Thế Tôn, cáo từ ra về với cõi lòng
thên thang, nhẹ nhõm.

THÍCH NGỒI NGẨM GIỮA PHÁP TÒA HIỀM VÌ CHỮ NGHĨA NHẬT NHÀ CĂN CƠ

Truyện kể rằng U-đa-di (Udayi) là vị sư già ít học, ít có duyên với sách vở
chữ nghĩa, nhưng lại thích ra vẻ bề bề kiêu cách với đồng môn pháp lữ, nhất
là với người lạ. Một hôm, sau thời quán niệm, các bậc Trưởng lão rời khỏi
chánh điện, U-đa-di ở lại và lên ngôi trên pháp tòa theo tư thế của một Pháp
sư đang diễn thuyết. Bấy giờ có một số du tăng đến hầu thăm Đức Thế Tôn,
thấy U-đa-di ngồi uy nghi trên pháp tòa, trông ra dáng quảng học đa văn,
quán thông kinh điển, bèn nghĩ: “Đây hẳn là đại lão Pháp sư, may quá!” Họ
cung kính đánh lễ U-đa-di và thưa:

- Kính bạch Pháp sư, hôm nay chúng con có chút duyên lành, được gặp Pháp
sư, xin Pháp sư từ bi chỉ dạy cho chúng con một số vướng mắc về Phật pháp.
- Nghi gì cứ hỏi. Biết đâu nói đó. Miễn khách sáo!
- Dạ... thưa Pháp sư, lâu nay chúng con học tập kinh văn nhưng chưa hiểu rõ
thế nào là “ngũ uẩn giai không và tứ đại phù trì”.
- Có thể mà cũng hỏi! Ngũ uẩn giai không là năm uẩn đều không. Tứ đại
phù trì là bốn đại giữ giúp.
- Sao đơn giản thế, thưa Pháp sư! Theo giáo lý chúng con học thì ngũ uẩn là:
sắc, thọ, tưởng, hành, thức; tức là hình sắc, cảm thọ, tri giác, tâm hành và
nhận thức. Năm yếu tố này hoàn toàn lệ thuộc vào các điều kiện thời gian và
không gian, chúng không có thật tánh, không hiện hữu độc lập, nên gọi là
không. Còn tứ đại là: đất, nước, gió, lửa; tức là bốn nguyên tố: rắn, lỏng, khí
và nhiệt vận hành trong mỗi cá thể chúng sanh. Ngũ uẩn và tứ đại hỗ tương

duyên hợp với lục căn lục trần mà hoạt dụng tương tục theo dạng giả danh, nên gọi là không.

- Thiện tai! Thiện tai! Cái uyên áo của Pháp sư là ở chỗ đó. Khơi gợi. Khơi gợi cho ý thức tham vấn bùng vỡ đúng lúc. U-đa-di gõ gõ ngón tay trở xuống thành pháp tòa nói.

- Thưa Pháp sư, chúng con còn một mối nghi nữa!

- Tự nhiên!

- Thế nào là quán “tứ niệm xứ”?

- Chà!... Thấy các sư thông thái quá mà còn hỏi chi nữa hè!

- Chúng con muốn lĩnh thọ thâm ý kiến giải của Pháp sư.

- Vậy là các người muốn đổ ta! Muốn chơi ta hả?

- Dạ không dám! Chúng con thật sự muốn cầu học, xin Pháp sư hoan hỷ!

- Ừ!... thế thì được. Nhưng trước hết ta muốn thấy sự hiểu biết của quý vị. Hãy trình bày ta xem.

- Thưa Pháp sư, theo chúng con biết thì quán “tứ niệm xứ” là quán niệm, suy xét về bốn lĩnh vực hay đối tượng cơ bản, tiên quyết cho cuộc hành trình của người xuất gia, tu hạnh giải thoát. Đó là: 1. Quán thân bất tịnh: quán sát sâu sắc để thấy rõ căn thân là một tổ hợp không trong sạch, nói cách khác là bản thiu. 2. Quán thọ thị khổ: chiêm nghiệm tận cùng để thấy mọi cảm thọ vui buồn đều khổ; nói chung, nhận lãnh sắc thân và nhu cầu sinh hoạt là đương đầu với vô vàn khổ lụy. 3. Quán tâm vô thường: soi rọi tinh tế để thấy tâm tư máy động, luôn lách vô thường. 4. Quán pháp vô ngã: rà xét toàn triệt để thấy các pháp hữu vi vô vi, tức là đối tượng của nhận thức, đều do duyên sanh, không có tự tánh, hoàn toàn vô ngã. Quán niệm và ngộ đạt “tứ niệm xứ” sẽ giúp hành giả vững bước trên lộ trình thẳng đến mục tiêu thánh đạo.

- Hay!... Cái bí quyết ưu việt của Pháp sư là thế đó. Khơi gợi. Khơi gợi cho tinh hoa phát tiết, nghi vấn tự tiêu.

- Này, chúng tôi nói cho sư biết nhé. Chúng tôi đang tạo cơ duyên cho sư nhìn lại chính sư đấy! Lâu nay nghe nói ở Kỳ Viên có một sư sống lâu lên lão làng, tu học phát phơ mà hành xử bệ vệ, nếu không muốn nói là hợm hĩnh; thích làm thầy thiên hạ mà hiếm khi đụng đến sách đèn, kinh điển. Sư biết pháp tòa đó dành cho ai không? Thế Tôn và đại chúng từ bi hỷ xả cho sư nhiều lắm rồi đó!

- Ô kìa!... “Thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã” mà lại!...

- Đừng nói với ông ấy nữa. Gàn bướng! Phạm thượng! Thế mà cũng xênh xang y áo ra vào thiền môn. Thế Tôn hiền quá! Một sư trẻ trong nhóm nói nhỏ.

Sau đó họ cùng nhau đến đánh lễ, vãn an Đức Thế Tôn và thưa rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, vừa rồi chúng con thấy một trưởng lão ngồi chễm chệ trên pháp tòa, té ra sư không những mù mờ về Phật pháp mà còn ngang bướng về ngôn hạnh!

- Thế đây!... Sư Quảng Tạo đó! Sư tạo ra nhiều dáng nhiều vẻ lắm! Đại chúng trách hoài mà sư chứng nào tật nấy, giai do tập khí tri độn mà ra; đúng là thân người khó được, Phật pháp khó thông, chúng sanh khó độ!... Hy vọng từ từ rồi thầy ấy sẽ sáng láng và nhuần nhuyễn ra! Thế Tôn cười chúm chím nói và đọc kệ:

Kẻ ngu dầu trọn đời,

Thân cận với người trí,

Cũng không hiểu pháp vị,

Như muông trong nồi canh.

(PC. 64)

MUÔN KIẾP XUÔI DÒNG VƯƠNG KHỔ LUY NHỨT THỜI NGỘ ĐẠT SẠCH TRẦN DUYÊN

Một hôm, Đức Thế Tôn thấy một nhóm ba mươi người đàn ông đang hung hăng chạy khắp nơi tìm kiếm một phụ nữ trên sườn đồi bông vải (kappasika). Gặp Ngài, một gã đen thùi thùi, thở hồng hộc, hỏi:

- Bạch Tôn giả, Ngài có thấy một phụ nữ ôm một bao vải to tướng chạy qua đây không? Con điếm đó! Chuyên nghề lường gạt, bắt được là chúng tôi xé xác nó ngay!

- Té ra quý vị đang chạy tìm một con điếm. Đã là điếm thì hẳn là giỏi nghề lường gạt, nhất là lường gạt ngọc ngà châu báu, tiền của sinh lực của những người khác phái, tìm chi nữa cho khổ!

- Mệt quá!... Một là thấy, hai là không thấy! Đang sốt ruột sốt gan mà còn nghe đâm chọc, biện giải vòng vo!...

- Điếm khác phái, điếm bên ngoài, thì bòn rút tài sản sự nghiệp của đối phương; còn điếm cùng phái, điếm bên trong, thì hủy diệt công trình sáng tạo, trí tuệ siêu việt của chính đương sự.

- Thừa Tôn giả, những gì Ngài nói là cho chính Ngài, hay cho tất cả mọi người.

- Nay ông bạn đáng yêu, việc nào quan trọng hơn, thù thắng hơn – lao tâm tổn sức chạy tìm người phụ nữ, hay tịch tịnh tư duy tìm lại chính mình!

- Thế Tôn!... Đúng là Đức Thế Tôn rồi!... Cậu thanh niên miệng nói, tay chấp vào hai gối quỳ phịch dưới chân Như Lai với hai mắt trân trân nhìn Ngài.

Sau đó cậu đi thông báo cho mọi người đến gặp Đạo Sư.

Vừa thấy họ từ xa đi lại, Thế Tôn gọi: “Hãy đến đây, này các thầy Tỳ kheo!” Và thế là ba mươi Sa môn với ca sa, bình bát chỉnh tề, đi thành hàng dọc, tiến đến dâng lễ Đức Thế Tôn, và được Ngài thuyết giảng cho họ một Pháp thoại về bảy yếu tố giác ngộ, tức là “Thất bồ đề phần, còn gọi là thất giác chi, thất giác ý hay thất giác phần”.

Với âm thanh như sóng biển rì rào, Thế Tôn cất giọng:

- Nay các thầy Tỳ kheo, để tiến đến Thánh đạo hay chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, bước đầu hành giả phải tu tập thân khẩu ý theo bảy điều cơ bản như sau:

1. Chánh niệm: suy nghĩ và ghi nhớ chánh pháp, loại bỏ tạp niệm vọng tưởng, một đường thẳng đến mục tiêu tối thượng.
2. Trạch pháp: xem xét, khảo sát, tuyển chọn cho mình những đối tượng tư duy chân thật, lành mạnh; nhất là chọn đúng pháp môn tu tập, phù hợp với căn cơ và thể trạng tâm sinh lý của chính mình.
3. Tinh tấn: xác định hướng đi đích thực rồi thì phải nỗ lực phấn đấu, phát huy thiện căn, hàng phục tập khí, đồng mãnh tiến bước trên lộ trình giải thoát.
4. Hỷ lạc: vui vẻ phấn chấn, hòa hợp lạc quan; nghe đông tổ như gió lộng thổi non, thấy tuyết sương như nắng hồng sưởi ấm; nhất là xem ốm đau nghịch cảnh như quân bình thể lý tâm tư, gặp hủy báng khinh khi như xoa bóp thần dược tiêu trừ kiêu căng ngạo mạn.
5. Khinh an: nhẹ nhàng thanh thản, tự tại thông dong; ăn rau rừng như nhai cam thảo, uống nước suối như nuốt đề hồ; nghe chim ca như nhạc trời vang vọng, ngắm hoa nở như cánh mạn đà la; phiền não tiêu tan, kiến chấp khô kiệt.
6. Thiên định: tâm tư tịch tịnh, vắng lặng, đứng yên; vọng tưởng hết duyên dấy khởi, thân tâm rỗng sạch hồng trần.

7. Hành xả: buông bỏ, xả ly; dứt bật kiến chấp, ngã pháp tiêu vong, tâm cảnh dung thông, tuệ giác hiển lộ.

Thế Tôn vừa dứt lời thì ba mươi Sa môn liền chứng quả A la hán, thần thông diệu dụng, pháp lực sâu dày; tất cả chấp tay đồng niệm danh hiệu: Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lần, rồi đánh lễ Đức Đạo Sư và lui ra.

Tối hôm đó, sau thời tịnh niệm, các sư ngồi lại trong chánh điện luận bàn về sự kiện đã diễn ra trong ngày. Người thì bảo các Sa môn kia đã có túc duyên nhiều đời nhiều kiếp với Đức Thế Tôn, kẻ thì tự trách mình thiên hành mòn gót, thiên tọa cứng lưng mà chưa thấy được chút gì gọi là chân không diệu hữu; chỉ có các vị Trưởng lão đã chứng thánh quả thì mặc nhiên tịnh tọa, hiểu rõ ngọn nguồn: ý niệm trước mê lầm, nguyên dạng chúng sanh; ý niệm sau tỏ ngộ, diện mục Phật tử.

Nghe các sư lên tiếng luận bàn, Thế Tôn vào ngồi giữa chánh điện, mỉm cười, nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên ba mươi Sa môn kia vấp phải lỗi lầm. Họ đã từng hành xử như thế, và họ cũng đã từng tu hành thanh tịnh, chứng đắc thanh văn. Kiếp này họ thành tựu quả vị nhanh như thế âu cũng là phước duyên hội tụ, nhân quả tương phù. Quý thầy ngạc nhiên và thắc mắc lắm sao!

- Kính bạch Thế Tôn, chúng con không dám thắc mắc. Chúng con chỉ mừng cho họ và tủi cho chính mình. Chúng con nguyện tu tập tinh tấn hơn nữa,

- Thiện tai! Thiện tai! Hồng nào hồng chẳng có gai, thành công nào lại không dài gian lao.

Ngài đọc kệ:

Người trí với người trí,
Gần nhau trong phút giây,
Chánh pháp nhận ra ngay,
Như lưỡi nếm canh vậy.

(PC. 65)

--- o0o ---

Phần 11 - KHỞI TÂM KIÊU MẠN KHINH THƯỜNG VIÊN THÀNH ĐẠO QUẢ CÒN VƯƠNG VẾT HẸN

Thuở nọ có một thanh niên mắc bệnh phong cùi, tên Xúp-pa-bút-đa (Suppabuddha), ngồi cách xa ngoài Tăng đoàn nghe Thế Tôn thuyết pháp và chứng đắc Thánh quả. Lòng lâng lâng khinh khoái, cậu muốn bày tỏ phước duyên thành đạt của mình cho Thế Tôn biết, nhưng thấy thân hình tiều tụy, lở loét chân tay, cậu không dám tự nhiên chen chân qua giữa Tăng đoàn, bèn kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi đại chúng đánh lễ Thế Tôn, xá chào tạm biệt, cậu mới giả vờ theo họ đi được một đoạn, rồi quay trở lại, định vào tu viện Kỳ Viên trình diện Đức Đạo Sư.

Bấy giờ thiên chủ Đế Thích (Sakka) thâm nghĩ: “Xúp-pa-bút-đa mắc bệnh phong cùi mà thành tựu thánh quả, lại còn muốn mình chứng trí tuệ siêu việt của mình với Đức Thế Tôn. Ta phải thử xem!” .

Đế Thích hiện nguyên hình giữa không trung, ngay trước mặt Xúp-pa-bút-đa, nói:

- Này, Xúp-pa-bút-đa, ngươi đang mắc bệnh hiểm nghèo, bơ vơ lạc lõng, khốn khổ bần hàn. Ta sẽ ban cho ngươi vô số ngọc ngà châu báu, nếu như ngươi quả quyết khẳng định: “Phật đó không phải Phật, Pháp đó không phải Pháp, Tăng đó không phải Tăng. Ta không cần Phật, không cần Pháp, không cần Tăng”.

Cậu cùi nhìn thẳng vào mặt Đế Thích, sắc giọng nói:

- Ngươi là ai?

- Ta là Đế Thích, là vua của các cảnh giới chư thiên.

- Ngớ ngẩn! Nói vậy mà không biết xấu hổ! Ngươi không xứng đáng nói chuyện với ta. Ngươi bảo ta nghèo khổ, túng thiếu, đau buồn; ngược lại thì đúng hơn, ta đã đạt được niềm an lạc và bảo kho bảo vật. Đó là: chánh tín Tam bảo, huân tập đức hạnh, hành xử khiêm cung, sợ vương tội lỗi, ngộ đạt thánh trí, viễn ly tịch tịnh và thành tựu trí tuệ. Ai có bảo kho báu này, chư Phật không coi người ấy là nghèo khổ, và cuộc đời của họ tất nhiên là có ích cho mình, cho người, cho hiện tại và cho mai sau.

Thấy rõ sự thật, Đế Thích hân hoan đến gặp Thế Tôn, trình bày cung cách vấn đáp của bậc ngộ đạo, và được Thế Tôn xác định một lần nữa:

- Đế Thích, cho dù ngươi có tổn trăm ngàn lượng vàng nén bạc đi nữa thì cũng không thể nào thuyết phục được Xúp-pa-bút-đa nói: “Phật đó không phải Phật, Pháp đó không phải Pháp, Tăng đó không phải Tăng”.

Sau đó Xúp-pa-bút-đa đến tu viện, đánh lễ Đức Thế Tôn, trình Phật ân chứng sở đắc, rồi nhẹ nhàng quay gót ra về. Vừa đi được một đoạn thì bị một con bò cái tơ từ trong một lùm cây hùng hục xông ra, đâm hai sừng vào

mạn sườn của cậu, hất tung người lên, cậu rớt xuống đất và chết ngay tức khắc.

Thấy cảnh thương tâm, Tăng chúng hoảng hốt chạy đến gặp Phật, trình bày sự thể vừa mới xảy ra; nêu thắc mắc vì sao một người mắc bệnh nan y, hình hài ô uế lại sớm thành đạo quả, rồi bị ngộ nạn chết oan, khổ đau chồng chất, và được Thế Tôn giải thích:

- Nay các thầy Tỳ kheo, các thầy thắc mắc là phải. Mọi việc diễn ra trên đời chưa hẳn do ngẫu nhiên hay tình cờ, mà thường bị chi phối bởi những mắc xích nhân quả, móc dính vào nhau. Trường hợp bất hạnh vừa qua cũng thế. Các thầy muốn biết lai lịch chuyện này sao?

- Vâng ạ, bạch Thế Tôn!

- Vậy thì hãy lắng nghe và chiêm nghiệm!

*

* *

Vào một đêm trăng thanh gió mát, trong một tiền kiếp xa xưa, có bốn thanh niên con nhà giàu có đưa một cô gái làng chơi hạng sang đến một hoa viên hành lạc. Khi đêm về khuya, bốn bề vắng lặng, cô gái cũng đã thật sự ngây ngật với lạc thú men nồng, một tên rít giọng nói:

- Phải bé khâu phi tang đi thôi, thượng sách đấy! Đêm hôm khuya khoắt thế này mấy ai hay biết mà lo sợ!

- Không được, tàn nhẫn quá! Dầu sao chúng mình cũng đã tỏ tình và dan díu với nàng. Tên thứ hai ngỏ lời ngăn cản.

- Cậu lạc hậu quá! tên thứ ba lên tiếng. Ăn bánh khỏi trả tiền mà cậu còn thắc mắc cái nỗi gì!

- Đúng!... Không những được ăn ngon màø còn được tiền nữa chứ! Một trăm quan tiền mua vui chứ đâu phải năm cắc ba xu. Đó là chưa kể ngọc ngà châu báu nó đeo đầy tay đầy cổ kia kìa! Ra tay nhanh gọn là hợp lý. Tên thứ tư gằn giọng quả quyết.

Thế là bốn tên bất lương, gian ác kia ra tay giết chết cô gái mà chúng đã từng trao lời đường mật, ôm ấp nồng nàn. Sau đó chúng lấy lại tiền bạc và cướp hết vòng vàng của nạn nhân rồi bỏ đi. Trong cơn mê sáng, cô gái vẫn thấy loáng thoáng trong đầu những ý niệm trả thù: “Được rồi!... Nhớ đấy!... Bọn bay dày xéo thân thể tao, lường gạt tiền bạc tao, cướp đoạt tài sản tao ... Tao nguyện làm quỷ dạ xoa bám theo hồn ma bóng quế tụi bay cho đến ngày tụi bay tan xương nát thịt. Vì lời báo thù tuyệt hậu đó mà quỷ dạ xoa đã đầu thai dưới dạng con bò cái, và lần lượt húc chết bốn thanh niên đã một thời

gây án mạng, trong đó có Xúp-pa-bút-đa, biệt danh là hai cùi, mà các thầy đã từng nghe kể theo truyền thuyết.

- Mô Phật, ghê quá!... Nhưng vì sao cậu ấy bị cùi mà chóng thành đạo nghiệp, và rồi cậu ấy sẽ thác sanh về đâu? bạch Thế Tôn. Một chú Sa di hỏi.

- Không phải nhanh chóng, đúng ra là lâu lắm, phải trải qua vô số kiếp tu hành thanh tịnh mới thành tựu đạo nghiệp; động cơ chính là cậu ấy đã khởi phát thiện tâm, ngăn chặn các bạn giết người cướp của như trong truyện vừa kể, và dĩ nhiên là cậu ấy được thác sanh ở tầng trời thứ Ba mươi ba. Còn việc bị cùi là vì trong một tiền kiếp, cậu ấy thấy thân hình gầy gò đen đúa của Đức Phật độc giác Ta-ga-ra-xi-ki (Tagarasikhi) mà sanh tâm gớm ghiếc, khạc nhổ nước bọt sau lưng Ngài. Vì tâm khinh bạc ngạo mạn nên cậu bị đọa địa ngục lâu dài, và cũng chính vì hành động thô ác như thế mà mãn kiếp đọa đầy, đầu thai làm người, tu hành tinh tấn, chứng đắc thánh trí, nhưng phải mang trọng nghiệp cùi hủi, bị mọi người nhòm tòm, xa lánh.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn tiếp:

- Nay các thầy Tỳ kheo, trên thế gian này, ai cũng có một thế giới nghiệp lực riêng biệt. Và nghiệp, như các thầy đều biết, là sự vận hành, tạo tác của thân khẩu ý. Chủ yếu là ý. Có tác ý là đã tạo nghiệp. Cho nên, giàu sang hay khốn cùng, hạnh phúc hay khổ đau, cao quý hay thấp hèn, tất cả đều do tâm tư thiện ác mà dệt thành.

Ngài đọc kệ:

Kẻ ngu si thiếu trí,
Tự ngã hóa ra thù,
Ác nghiệp tạo lần hồi,
Phải chịu quả cay đắng.

(PC. 66)

NƯỞNG LỜI PHẬT TỔ THÁNH TĂNG GIẢI TRỪ OAN KẾT, AN LÀNH THÂN TÂM

Tương truyền rằng thuở nọ có một nông phu đang cày xới trên cánh đồng cách thành Xá Vệ không xa thì có mấy tên trộm cướp lên vào thành bằng cách bơi qua dòng sông, mở đường hầm chui vào nhà một phú ông, cướp hết vàng bạc châu báu, rồi trốn thoát qua ngõ độc đạo đó. Một tên mưu lược hơn đồng bọn, lanh tay gói trọn một ngàn quan tiền và những bảo vật khác trong ché áo lót của mình, rồi khăn trương cùng nhau trực chỉ đến cánh đồng

thanh vắng để phân chia tài sản cướp được. Khi xử lý xong, mỗi tên ôm một gói, hãnh diện ra mặt như ca khúc khải hoàn. Bất giác, một tên đánh rơi gói bạc vàng của mình xuống một bờ nương mà không hề hay biết, cứ tiếp tục tiến bước với đầu óc lâng lâng trong phi vụ tiếp theo.

Sáng sớm hôm đó, Thế Tôn vận dụng Phật nhãn quán chiếu thế gian, thấy ngay bác nông phu kia hiển hiện trong mạng lưới tri kiến của Ngài, và tai nạn nguy khốn sắp xảy ra. Ngài thầm nghĩ:

- Người nông phu này sẽ ra đồng cày bừa vào lúc sáng sớm. Chủ nhân tài sản bị đánh cắp chắc chắn sẽ truy tìm bọn đạo tặc, và khi nhìn thấy cái túi này, họ sẽ đánh đập và tóm cổ ông ngay tức khắc. Ngoài ta ra, ông không còn ai là nhân chứng. Và lại ông đã quyết tâm nương theo Thánh Đạo, ta có bổn phận phải đến với ông ấy.

Ngay từ tờ mờ sáng bác nông phu đã ra ruộng. Thế Tôn và Trưởng lão A Nan cũng đến thẳng cánh đồng đó. Vừa thấy Thế Tôn, lão phu ngừng tay, đến đánh lễ Ngài, và rồi trở lại tiếp tục công việc. Thế Tôn đáp lễ, rồi đi thẳng đến chỗ có chiếc túi rơi, đưa mắt nói với thị giả A Nan:

- Nhìn kia, A Nan, một con rắn độc!

- Con thấy rồi, bạch Thế Tôn, đúng là một con rắn độc cực kỳ nguy hại!

Nghe nói rắn độc, bác nông phu liền nghĩ: “Trải bao mùa qua lại trên cánh đồng này, ta có bao giờ thấy rắn độc rắn hiền gì đâu; vậy mà nay thầy trò Thế Tôn nói có rắn độc, đúng thế sao?” .

Sau khi thả lời nhận xét, Thế Tôn ra hiệu cho A Nan tiếp tục khởi hành.

Sợ bị rắn độc cắn, bác nông phu thầm nghĩ: “Ta phải giết nó đi thôi”. Thế là ông cầm một cây cọc nhọn, xăm xăm đi thẳng đến nơi, nhưng chỉ thấy một cái túi vải căng phồng nằm bên bờ cỏ. Ông lại suy nghĩ: “Thế Tôn hẳn đã ám chỉ cái túi này là con rắn độc”. Không biết làm thế nào cho hợp lý, ông bèn vùi túi vải sâu trong bờ cỏ, lấy đất lấp lại, rồi tiếp tục công việc đồng áng.

Khi trời sáng hẳn, đám trai tráng của gia đình phú ông kia đã khám phá ra tông tích của bọn đạo tặc. Họ lần theo dấu vết, đến đúng nơi phân chia bảo vật, và thấy ngay những dấu chân của bác nông phu. Họ men men theo vết tích đó mà đến đúng mục tiêu. Họ bới đất và nhặt được túi vải đựng vàng bạc. Thế là họ vung tay trợn mắt xỉa xói lão phu, đánh đập ông, cáo buộc ông là phường đạo tặc khéo thay hình đổi dạng, và giải ông lên vương phủ.

Khi nghe trình tấu xong mọi việc, quốc vương khép lão phu vào tội tử hình vì đã manh tâm cướp đoạt tài sản của nhân dân. Sai nha liền trói gô tay ông ra sau lưng, và trên đường đưa ra pháp trường, họ chốc chốc lại quát roi vào

người ông. Bị sai nha thẳng tay đánh đập nhưng ông vẫn thản nhiên và liên tục lặp lại hai câu nhận định của thầy trò Thế Tôn:

- Nhìn kia, A Nan, một con rắn độc!

- Con thấy rồi, bạch Thế Tôn, đúng là một con rắn độc cực kỳ nguy hại!

Ông cứ nói tới nói lui hoài những câu này khiến đám sai nha sanh nghi, hỏi:

- Người đang lặp lại lời lẽ của Đức Thế Tôn và A Nan phải không? Điều đó có nghĩa gì?

- Ta sẽ trình bày đầy đủ chi tiết, nếu ta được phép gặp quốc vương.- Bác nông phu yêu cầu.

Thế là họ đưa ông đến diện kiến quốc vương, và được quốc vương hỏi:

- Tại sao người phải lặp lại những lời như thế?

- Tâu quốc vương, thảo dân suốt đời cày sâu cuốc bẫm, làm ăn lương thiện, chưa hề không cho mà lấy của ai một cọng rơm ngọn cỏ, mong quốc vương lượng xét.

Sau đó ông kể lại trọn vẹn câu chuyện từ lúc ra ruộng đến khi gặp Đức Thế Tôn và A Nan.

Quốc vương nghe xong, nói:

- Thế là đã có nhân chứng vật chứng, mà nhân chứng ở đây là Đức Thế Tôn, bạch Đạo Sư hiếm có trên đời. Thôi, hãy mở trói cho lão phu. Ta sẽ đích thân điều tra và giải quyết vụ việc rắc rối này.

Tối hôm đó, quốc vương đưa lão phu đến đánh lễ Đức Thế Tôn, hàn huyên tâm sự đôi điều và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn và A Nan đã đi ngang qua một cánh đồng và thấy một nông phu đang cày ruộng?

- Đúng thế, thưa quốc vương!

- Thế Tôn có thấy gì nữa không?

- Một túi vải đựng vàng bạc châu báu.

- Khi thấy túi vải, Thế Tôn có nói gì không?

- Nhìn kia, A Nan, một con rắn độc! Ta nói thế, và A Nan đáp: Con thấy rồi, bạch Thế Tôn, đúng là một con rắn độc cực kỳ nguy hại!

- Bạch Thế Tôn, nếu lão phu này không nói Thế Tôn là nhân chứng thì mạng sống của lão hẳn khó bề cứu thoát. Nhờ lập đi lập lại lời nói của Thế Tôn và

A Nan mà sinh mệnh của lão còn tồn tại trên trái đất này. Hãy đánh lễ Thế Tôn, hồi lão phu có duyên với Phật.

Bác nông phu quỳ mọp dưới chân Thế Tôn khóc sụt nước mắt, rồi ông quay sang khấu đầu lạy tạ quốc vương với những lời chúc phúc nghẹn ngào: “Quốc vương anh minh vạn tuế, quốc vương anh minh vạn tuế!”

Sau đó Đức Thế Tôn nói:

- Quốc vương, chính ta nói ra những lời đó! Người khôn ngoan trí tuệ chớ bao giờ làm việc gì phải ân hận về sau.

Ngài tươi cười đọc kệ:

Người tạo nghiệp bất thiện,

Làm xong sanh ăn năn,

Mắt đẫm lệ than rằng,

Phải chịu quả cay đắng.

(PC. 67)

TUNG HOA DÂNG LỄ THẾ TÔN

QUỐC VƯƠNG TRỌNG THƯỜNG, LƯU TÔN THANH DANH

Truyện kể rằng Tấn Lài (Sumana), người làm vườn, sáng sớm nào cũng dâng cho quốc vương Tần Bà Sa La (Bimbisàra) tám phần hoa lài thượng hạng, và dĩ nhiên, chú được trả công mỗi phần hoa là tám quan tiền xứng đáng. Một hôm, Tấn Lài vừa mang hoa vào thành thì gặp ngay Đức Thế Tôn đang thả từng bước khất thực, thiển hành với hào quang sáu màu từ thân Ngài tỏa ra rực rỡ, theo sau là Tăng đoàn, tạo thành một hàng dài trông uy nghi và thánh thiện làm sao!

Thoáng nhìn thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Đức Thế Tôn, Tấn Lài muốn tôn vinh Ngài bằng một hình tượng cụ thể, nhưng nhìn quanh, chẳng có gì, ngoài tám phần hoa dâng hiến quốc vương. Cuối cùng chú quyết định cúng dường hết giỏ hoa cho Phật dù phải bị tổng lao, trục xuất hay thiệt mạng.

Tấn Lài hân hoan đến trước Thế Tôn, quỳ gối, dâng hoa lên ngang trán, đánh lễ ba lần, đoạn đứng lên vốc hai nắm hoa tung lên trên không, và lạ thay, chúng kết thành một tràng hoa như chiếc lọng che trên đầu Ngài. Sau đó chú tiếp tục tung sáu nắm hoa còn lại lên không trung, và chúng cũng kết thành ba tấm rèm che lưng bên phải, bên trái và sau lưng Ngài.

Dâng hoa xong, Tấn Lài cung kính đứng sang một bên, Thế Tôn và Tăng đoàn từ từ tiến vào thành. Những đóa hoa kết trên không cũng sừng sững đong đưa theo nhịp bước của cửa đấng đại giác Thế Tôn.

Thấy cảnh tượng huyền diệu đang diễn ra giữa kinh thành, không ai bảo ai, hàng vạn người đổ xô ra phố, tay cầm cành hoa hay miếng vải, vừa đi vừa phát phát trước Tăng đoàn theo nhịp điệu tôn vinh xung tán Như Lai.

Để tuyên dương thiện tâm và công đức của người làm vườn, Thế Tôn cùng Tăng đoàn đi sâu vào thành khoảng ba dặm và dừng lại tại một công viên xinh đẹp, nơi trống kèn đàn địch đang được trôi lên nghinh đón Đạo Sư. Suốt buổi sáng hôm đó Tấn Lài như đi trong bông lai tiên cảnh, ngây ngất lâng lâng. Và cuối cùng, chú sung sướng đánh lễ tạm biệt Thế Tôn và Tăng đoàn, thông dong ra về với chiếc giỏ xách trống rỗng.

Vừa về tới nhà, Tấn Lài bị vợ lườm mắt, hỏi:

- Tiền đâu? Được quốc vương hậu đãi hay mon men theo con nào mà về trề thế?!

- Mở miệng ra là nặng mùi tiền bạc với ghen tuông! Đúng là: nhứt thời vợ đại trong nhà, nhì thời nhà đột, thứ ba nợ đòi! Thay vì dâng hoa cho quốc vương, tôi đã cúng dường cả giỏ hoa đó cho Đức Thế Tôn rồi.- Tấn Lài hồn nhiên đáp.

- Ô kìa!... ông muốn chết hả? Ông muốn tuyệt diệt cả nhà hả? Ai có quyền lực và đáng sợ hơn – quốc vương hay Đức Phật? Ông Phật từ bi hỷ xả, chả có gươm đao dao mác. Còn quốc vương!... Trời ơi ông điên rồi!... Mẹ con tôi biết làm thế nào thoát nạn bây giờ!

- Bụng làm dạ chịu. Dù bị quốc vương tra tấn, lưu đày hay xử trảm, tôi vẫn thấy trong lòng an lạc và hạnh phúc vô biên. Được chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Từ Phụ và được tắm mình trong ánh hào quang của Ngài thì thật là hy hữu trên đời. Cả hoàng thành rần rần đón tiếp Thế Tôn và tán dương pháp lực kỳ diệu của Ngài, chỉ một mình bà ngồi ở nhà chờ tiền và lăm mồm bậy bạ!

- Rồi ông sẽ bị cụt tay cụt chân cho mà coi, ở đó mà Phật tỏ với Thánh tăng!
Sợ bị liên lụy, mẹ vợ bé con te te đến hoàng triều, xin gặp quốc vương để tố cáo vụ việc.

Vừa bước vào vương phủ, bà dập đầu xuống đất lia lịa, méu máo khóc và tâu rằng:

- Muôn tâu thánh thượng, chồng con hôm nay bỗng dung điên loạn, đem hoa cúng dường cho Đức Thế Tôn. Ngu quá!... Con đã bỏ nó rồi. Mẹ con con vô tội, xin thánh thượng khai ân tha mạng!

Là một Phật tử thuần thành, anh minh và độ lượng, quốc vương thầm nghĩ: “Vì sợ vương pháp mà đoạn tình đoạn nghĩa với chồng con và gia tộc. Chao ôi, triều cương quốc chế ta ban hành cứng nhắc và độc ác lắm sao! Nhân tình thế thái thay đổi mau chóng vậy sao! Không!... xét cho cùng là do ấu trĩ, do ba tên giặc quái ác tham sân si luôn bày mưu lập kế và nhuộm đen tâm trí con người” .

Suy nghĩ trong giây lát, quốc vương giả bộ giận dữ, phán:

- Được rồi! Ta sẽ trừng trị đích đáng những kẻ xem thường uy danh quốc thể, dám đem hoa của ta dâng cho Đức Thế Tôn. Nhà ngươi có thể ra về.

Biết tâm hồn quốc vương lúc nào cũng khoan hồng và dung dị, Thế Tôn hướng dẫn Tăng đoàn đến thẳng hoàng triều. Quốc vương đích thân ra tận ngõ môn nghinh đón Tăng đoàn vào hoàng cung, nhưng Thế Tôn ngỏ ý muốn dừng lại tại đó. Quốc vương thắc mắc:

- Sao hôm nay Thế Tôn không vào cung điện?

- Nếu ta vào thì quân chúng làm sao thấy được công đức nhiệm mầu của Tấn Lại, người làm vườn sáng nào cũng dâng hoa cho quốc vương.

Sau đó quốc vương cho người đem thực phẩm và lễ vật sang trọng ra cúng dường Tăng đoàn, và được Thế tôn hồi hướng công đức:

Thiện tai giải thoát hạnh,

Tịch tịnh tâm thường tu,

Tận trung hưng xã tắc,

Bách tánh nhuận công phu.

Quốc vương đánh lễ Thế Tôn, tiễn Ngài và Tăng đoàn một đoạn đường, xong quay về truyền áp giải Tấn Lại đến hoàng cung luận tội:

- Nhà ngươi nói gì khi dâng hoa cho Đức Thế Tôn?

- Xin quy y và cúng dường Thế Tôn giỏ hoa này cho dù con bị vương pháp tống lao, biệt xứ hay tử hình. Thảo dân nói thế, tâu hoàng thượng!

- Người biết khi quân phạm thượng bị tội gì không?

- Chém đầu hoặc lưu đày, tâu hoàng thượng!

- Biết thế nhưng ngươi vẫn cố tình vi phạm?

- Dạ... thảo dân biết nói sao cho sạch lòng trong mắt! Xin hoàng thượng định tội.

- Nói vậy chứ khanh là một thân dân trung tín, đáng khen! Thôi, về đi!

Tấn Lại lạy tạ ân vua, đưa tay lau nước mắt và bước lui ra ngoài vương cung.

Sau đó quốc vương ra khẩu dụ ban cho Tấn Lại tám thớt voi quý, tám con tuần mã, tám nam nô lệ, tám nữ nô lệ, tám bộ bảo châu, tám ngàn quan tiền, tám vị cung nữ và tám thôn trù phú. Mỗi món quà đều gấp tám lần.

Thấy người làm vườn dâng cho Thế Tôn chỉ một giỏ hoa mà được phước lộc to lớn, nhất là cả hoàng thành hân hoan nô nức suốt ngày, Trưởng lão A Nan sanh tâm thắc mắc hỏi:

- Bạch Thế Tôn, công đức Tấn Lại sẽ như thế nào?

- Vĩ đại lắm, A Nan! Vì đạo hữu đó đã cúng dường giỏ hoa cho ta, đã quy y ta, đã dâng hiến cả tánh mạng cho ta; người ấy sẽ không bị trôi lăn trong tam đồ lục đạo suốt trăm ngàn kiếp, sẽ được sanh vào thế giới chư thiên, rồi sẽ hiện thân nhân tướng, hội nhập ta bà, và sẽ tu hành thành Phật độc giác hiệu là Xu-ma-na (Sumana).

Thế Tôn sau đó trở về tu viện Trúc Lâm, vào trong tịnh thất, nhưng những đóa hoa kỳ diệu kia vẫn còn tươi màu, thoảng hương ngan ngát và máng trên những cành trúc lung linh hai bên lối đi.

Tối đến, sau thời tịnh niệm, nghe giọng bàn tán nhỏ to hưng phấn trong chánh điện, Thế Tôn bước vào, ngồi giữa Tăng chúng, nói:

- Chà... các thầy có gì vui hỷ!

- Bạch Thế Tôn, chúng con đang tán thán công đức của người làm vườn. Quả thật không gì kiên cố và nhiệm màu bằng tín tâm và nguyện lực của hàng Phật tử chánh tín Tam bảo, Thượng tọa quảng chúng đáp.

- Đúng vậy, này các thầy Tỳ kheo. Hãy tu tập, và hướng dẫn Phật tử tu tập thế nào để khi một ý nghĩ, một lời nói hay một hành động dấy lên không những không dẫn vật, ân hận mà còn mang lại hạnh phúc, an lạc cho tâm hồn.

Ngài mỉm cười đọc kệ:

Người tạo được thiện nghiệp,

Làm xong không ăn năn,

Hoan hỷ, lòng phơi phới,

Hái quả phúc thường hằng.

(PC. 68)

RÁP TÂM CHIẾM HỮU TƯ TÌNH

XẢO NGÔN MƯU MỆO ĐIỀU LINH TÀN ĐỜI

Truyện kể rằng trải qua trăm ngàn kiếp luân hồi sanh tử, khi hiện thân ở nhân gian, lúc thác sanh nơi thiên giới; khi là thiện nam, lúc là tín nữ; cuối cùng Thanh Liên (Uppalavanna) đầu thai vào nhà một thương gia giàu có tại thành Xá Vệ dưới dạng một ái nữ kiều diễm, nổi bật nhất là nước da xanh tươi mịn mơn tọt đài sen nên nàng được đặt tên là Thanh Liên. Đến tuổi lập gia đình, tất cả các công tôn vương tử, nghệ sĩ thương nhân từ khắp nơi tranh nhau đến nhà nàng xin cầu hôn. Thấy con gái mình mỗi ngày một rực rỡ như đóa sen xanh dưới ánh nắng hồng, rồi ong bướm tới lui, rập rờn qua lại, nhất là khái niệm: “Trai chưa vợ như ngựa không cương, gái dễ thương như bom mìn nổ chậm” cứ lảng vảng trong đầu, nơm nớp ái ngại, khiến cha nàng trầm nghĩ:

- Đúng là mỗi nhánh mỗi hoa, mỗi nhà một cảnh. Có đưa con gái thông minh tú lệ thế này mà nhờ xảy ra bề gì thì không những tội nghiệp cho con mà còn tổn thương danh giá đến gia tộc. Tuy không thể đáp ứng hết nguyện vọng của con nhưng ta đã có cách.

Ông gọi Thanh Liên đến, ôn tồn nói:

- Con ơi, con biết đấy!... Cha mẹ chỉ có một mình con duy nhất. Gia nghiệp đồ sộ, uy thế vững vàng. Lâu nay biết bao thanh niên thuộc dòng trâm anh thế phiệt, vương tướng công hầu đến cầu hôn con, nhưng con vẫn một mực từ chối. Cha mẹ không đoán ra ước vọng của con, không thỏa mãn được chí nguyện của con. Cha mẹ buồn lắm! Nếu con thấy trần gian tạm bợ, thế sự vô thường; con chán cảnh tay xách nách mang, chân quàng duyên nợ thì con nên xuất gia đầu Phật, gia nhập Ni chúng, tinh tấn tu hành cho đạt thành chánh giác. Được thế là con đã dương thanh danh, hiển phụ mẫu, báo hiếu cứu huyền thất tổ, đền đáp trọn vẹn bốn ân. Ý con thế nào?

Như hạn hán gặp mưa rào, khổ nghèo được châu báu, nàng sung sướng đáp:

- Thưa cha, con muốn tu hành phạm hạnh, tránh nghiệp hồng trần. Con muốn xuất gia.

- Hay quá!... Vậy là ý nguyện của con hợp với hoài vọng của cha rồi.

Sáng hôm sau, hai cha con đến yết kiến Thế Tôn, và Thanh Liên được vào Ni viện.

Nếp sống tu hành khiêm cung, dung dị và rất phù hợp với những người cùng chung chí hướng. Ít lâu sau, cô được phân công chăm sóc một thiền thất đặc biệt, dành riêng cho việc tịnh tâm quán niệm. Một hôm, sau khi quét dọn và thắp đèn xong, cô nhìn ngọn đèn dầu bập bùng nhảy múa một lát rồi đứng yên sừng sững như một mũi kiếm tỏa ánh hào quang. Cô ngồi lặng người, nhìn trân trân ngọn đèn không chớp mắt. Cô tập trung tư duy quán tưởng về những nguyên tố tạo ra ánh lửa và từ từ đi vào chánh định lúc nào không hay. Đến khi xả thiền, cô chứng quả A la hán với thần thông diệu dụng, pháp lực cao cường.

Ít hôm sau, cô vào làng thiền hành khát thực, rồi vô rừng ẩn cư dưới một tàng cây bên vách đá. Thấy cô quyết tâm hành đạo, tịch tịnh công phu, các Phật tử chung nhau xây cho cô một thảo am tương đối ổn định. Thế là cô ngày ngày vào thành Xá Vệ khát thực, xong lui về trú xứ nỗ lực tinh cần, phát huy đạo nghiệp. Bấy giờ có A-nan-đa (Ānanda), một thanh niên Bà la môn, anh họ của cô, đã âm thầm phát điên vì cô, từ khi cô chưa xuất gia, nhưng chưa có cơ may tiếp cận. Nay được tin cô sinh hoạt một mình trong rừng, cậu quyết ra tay thực hiện mưu kế để thỏa mãn dục vọng. Cậu manh tâm rình rập, chờ đến một sớm mai nọ, như thường lệ, cô bê bát thiền hành khát thực, cậu bí mật lén vào thảo am, chui nằm dưới gầm giường, chờ giây phút nồng nàn mà cam chịu kiến vàng đốt chích thân thể.

Khát thực xong, cô về am thất, đóng cửa, thay đồ, và vừa ngồi xuống giường thì A-nan-đa từ dưới gầm giường chui vọt ra, chụp hai vai nàng lật ngửa và đè nàng xuống. Mặc cho nàng vùng vẫy, quát mắng: “Đồ khốn nạn!... Đồ khốn nạn!... Buông ta ra!... Buông ta ra!... Bà con ơi cứu tôi với!... Bà con ơi cứu tôi với!...” . Rất tiếc, lời cầu cứu của cô quá lẻ loi, đơn độc, mất hút giữa núi rừng. A-nan-đa tha hồ tung hoành bạo lực, vung vít ngôn từ, rồi vội vã ra đi, mặc cho cô ngất xỉu trên tấm ván gỗ.

Vừa lo sợ, vừa ân hận, A-nan-đa cầm đầu cầm cổ đi một mạch. Bất giác cậu sa chân xuống một hố sâu. Cậu cũng cất giọng thất thanh cầu cứu: “Bà con ơi cứu tôi với!... Bà con ơi cứu tôi với!...” nhưng giọng điệu của cậu cũng lẻ loi, đơn độc và mất hút giữa núi rừng. A-nan-đa chết thê thảm dưới lòng hố lạnh, và chắc chắn đọa vào địa ngục A tỳ.

Đến lúc tỉnh dậy, Thanh Liên, vì đau buồn ám ức, đem chuyện riêng kể cho một thân hữu nghe. Cô này mau miệng mách chuyện với các thầy, và các thầy liền trình vụ việc lên Thế Tôn. Được tin, Thế Tôn họp chúng, dạy rằng:

- Nay các thầy Tỳ kheo, kẻ ngu si thiếu trí, thô lậu hồ đồ, dù xuất gia hay tại gia, Tăng Ni hay Phật tử, vương tử hay thường dân; nói chung, những ai ham mê khoái lạc, sắc dục trần gian đều buông lung phóng túng, nhếch nhác

bê tha; không biết rượu nồng là thuốc độc, mỹ vị là bùa mê; cứ ngựa cỏ khề khà, dang tay bầu vú. Họ đang phóng tâm tạo tội, hủy diệt giống nòi mà cứ tưởng như thể đang nhắm nháp đề hồ, ngậm nghe đường mật. Tiếc thay! Ngài đọc kệ:

Ác nghiệp chưa chín muối,
Kẻ ngu tưởng đường mật,
Ác nghiệp khi chín thật,
Kẻ ngu gánh khổ đau.

(PC. 69)

Nhưng rồi một đêm nọ, sau thời tịnh niệm, một số sư trẻ còn thắc mắc, ngồi nán lại trong chánh điện, tiếp tục luận bàn và đánh giá sự thể. Sư Quảng Diễn ra về thông thái, nhanh nhẩu phát biểu:

- Quý huynh đệ thấy đấy, ngay cả những bậc đạo cao đức trọng, suốt đời ẩn cư trong hang động núi rừng, đã vượt ra ngoài vòng vây hãm của lạc thú đam mê; vậy mà mỗi khi gặp nữ sắc là tâm can dòn dập, huyết mạch căng phồng. Còn họ ... chưa phải thánh nhân! Họ đâu phải là cây khô gỗ mục, gò mối đá ong. Họ là những con người bằng xương bằng thịt, cũng ăn uống ngủ nghỉ và hỷ nộ ái ô như mọi người. Họ có quyền yêu thương hưởng thụ và say đắm với nhau. Tự nhiên và dễ hiểu quá! Thấy ngôn từ của Quảng Diễn thao thao, sắc bén, các sư khác ngồi im re, không biết nói gì thêm.

Ngay lúc đó, Thế Tôn bước vào, mỉm cười hỏi:

- Các thầy còn luận bàn chuyện gì mà chưa về phòng nghỉ?

Các sư nhìn nhau, im lặng.

Để xua tan nghi hoặc, Thế Tôn tiếp:

- Nay các thầy Tỳ kheo, những ai đã vượt ra ngoài vòng vây hãm của lạc thú đam mê, ái ân trần thế thì không còn vướng kẹt trong sắc dục nhân tình. Giống như giọt nước rơi trên lá sen, nó sẽ lăn mất chứ không thể đọng lại trên đó. Cũng thế, hạt cải không thể nằm gọn trên đầu mũi kim; nó sẽ vượt mất. Cho nên, tình yêu đôi lứa, ái dục nhân quần có tăng lên gấp đôi, gấp ba lần cũng không khuấy động được tâm trí của người đã đoạn trừ lậu hoặc, dứt bật ái nhiễm. Các thầy thấy sao? Hết phân vân rồi chứ?!

- A Di Đà Phật! Các sư đồng chấp tay và cúi đầu niệm.

Ngài đọc một kệ trong phẩm Bà la môn:

Như nước trên lá sen,

Đầu kim hạt cải mèn,
Dục lạc không vương mắc,
Ta gọi Bà la môn.

Sau đó Thế Tôn cho mời quốc vương Pa-xen-na-đi, Kô-xa-la (Pasenadi Kosala) đến tu viện Kỳ Viên, nói:

- Quốc vương, như ngài đã thấy, càng lúc càng có nhiều nam nữ thanh niên từ giã gia đình, xuất gia học đạo, tu hạnh giải thoát, ẩn cư trong rừng. Nhưng phụ nữ tu tập trong rừng thì bất tiện quá. Những gã lông bông mất nết, ngôn hạnh hoang sơ cứ lảng vảng rình rập, chờ cơ hội là đột nhập vào am thất mà tung hoành, gây rối. Các cô khó bề an tâm lập nguyện. Nếu có một tu viện dành cho Ni chúng tu học trong thành thì hay quá.

- Sao Thế Tôn không cho con biết sớm!

Quốc vương hoan hỷ nhận lời và hứa sẽ ban hành một đạo luật nghiêm phạt những ai xâm phạm thiền môn và đạo hạnh Ni phái.

Từ đó, nhiều Ni viện mọc lên trong thành, và Ni chúng không được phép ẩn cư tu tập trong rừng nữa.

ĐANG TÂM NGUYỄN RỬA THÁNH TĂNG CHUNG THÂN HIỆN HIỆN VẾT HẸN TRẦM LUÂN

Từ lúc biết đi, Sơn Cầu (Jambuka) không nằm trên giường, không ăn thực phẩm bình thường mà chỉ ăn toàn phân giải của chính mình. Cha mẹ đau lòng, không nỡ vất con, đành bóp bụng nuôi dưỡng và thăm an ủi với nhau: “Nó còn nhỏ, đã biết gì mà trách mắng!” Nhưng khi lớn lên, nó không chịu mặc quần áo, đi đứng trần truồng, nằm lăn dưới đất, chải tóc bằng mảng gai bồm, và cũng chỉ ăn cứt của nó. Cha mẹ thấy hiện tượng quái đản, xấu hổ với bà con láng giềng, bèn nghĩ: “Thằng nhỏ này khác thường, không thích ứng với nếp sống gia đình; cho nó xuất gia, theo nhóm ẩn sĩ khổ hạnh A-ji-va-ka (Ajivakas), sống lữ lộ trong rừng núi thì phù hợp hơn.

Họ đem con đến gặp vị thượng thủ A-ji-va-ka, thưa rằng:

- Thưa đạo sĩ, cháu này thích sống khổ hạnh, muốn theo hầu hạ đạo sĩ cho trí tuệ ngày thêm minh mẫn. Xin đạo sĩ từ bi hóa độ cho cháu!

- Được thôi!... nhưng không chịu nổi nếp sống tu hành khổ hạnh thì trả cháu về với gia đình đây nhé!

- Vâng ạ!... Xin đội ơn đạo sĩ.

Trút được gánh nặng, ông bà mừng thầm, vái chào tạm biệt đạo sĩ, lui gót ra về với đầu óc lâng lâng như bay theo mây gió.

Ngày hôm sau, A-ji-va-ka gọi Sơn Cầu đến, nói:

- Sáng nay chúng ta vào làng hóa duyên, hãy theo thầy cho quen với nếp sinh hoạt đạo giáo.

- Thầy đi đi. Con muốn ở yên một chỗ! .- Sơn Cầu trả lời với hai mắt nhắm nghiền.

Họ thúc giục hai ba lần mà Sơn Cầu vẫn khăng khăng từ chối.

Khi nhóm ẩn sĩ đi rồi, Sơn Cầu đến cạy nắp hồ xí, chui xuống hầm, hai tay vốc phân, vắt từng cục và cho vào mồm ăn ngon lành. Trưa đến, A-ji-va-ka đưa thức ăn xin được của dân chúng trong làng, nhưng Sơn Cầu vẫn một mực từ chối, nói:

- Con không cần những thức ăn này. Con có thức ăn riêng của con.

- Thức ăn riêng của con tìm đâu ra?

- Ngay tại đây!

Mấy ngày sau, Sơn Cầu cũng nhất quyết không đi khát thực. Sanh nghi, A-ji-va-ka cho người mai phục để xem Sơn Cầu tìm kiếm thức ăn bằng cách nào. Thế là họ bắt quả tang cậu ta chui xuống hồ xí ăn cứt. A-ji-va-ka nghe tin, điếng người, nói với đồ chúng:

- Khiếp nhỉ!... Hắn là người hay súc vật? Nhớ ra đồ đệ của Sa môn Gô-ta-ma biết được chuyện này, rồi họ rêu rao rùm beng lên rằng: “ Nhóm ẩn sĩ khổ hạnh A-ji-va-ka đang luyện tập pháp môn ăn cứt”, thì chúng ta còn mặt mũi nào đối diện với mọi người và phát huy đạo nghiệp! Nghiệt quá!...

Họ quyết định trục xuất Sơn Cầu ra khỏi đoàn thể ngay tức khắc.

Bơ vơ lạc lõng, không biết về đâu, Sơn Cầu đành tạm ẩn trong một hang núi, và ngày đêm đến hồ xí công cộng ăn cứt.

Một hôm, có mấy người trên đường đến cầu tiêu, thấy Sơn Cầu đứng thẳng người, chân trái gác trên đùi chân phải, tay vịn tảng đá, miệng há toang hoác, mắt trợn ngược nhìn thẳng hướng gió như đang luyện tập bùa phép.

Thoáng thấy Sơn Cầu, ngỡ rằng đạo sư đang phù chú phong vũ, họ rón rén tiến đến gần, thi lễ và hỏi:

- Thưa đạo sĩ, sao ngài trợn mắt, há miệng thế?

- Ta là người ăn gió, ngoài ra không dùng một loại thực phẩm nào khác.

- Ngài đứng co chân như vậy để làm gì?

- Tu luyện khổ hạnh. Nếu ta đi hai chân, trái đất sẽ rung chuyển và vỡ ra từng mảnh. Ta đứng một chân vì thương các người đây! Ta nguyện suốt đời đứng như thế này, không ngồi và chẳng bao giờ nằm.

Thế là họ tin lời Sơn Cầu. Và chẳng mấy chốc, nguồn tin ẩn sĩ thánh thiện dị thường loan truyền khắp kinh thành Ma Kiệt Đà (Magadha). Dân chúng đua nhau dâng hiến thực phẩm đủ thứ, nhưng Sơn Cầu dừng dung đáp:

- Ta chỉ ăn gió thôi. Ta không thọ dụng thực phẩm. Vì nếu ta dùng thực phẩm như các người thì còn gì là ẩn sĩ khổ hạnh, hy hữu trên đời.

Nghe thế, dân chúng lại càng kính trọng hơn. Họ tha thiết khẩn cầu:

- Kính bạch đạo sĩ, xin thương tình chiếu cố chúng con. Nếu như đạo sĩ nhận từ tay chúng con chút quà nhỏ mọn này thì chúng con chắc chắn sẽ được giàu sang phú quý, phúc thọ khang an.

Trước sức ép van nài, và để đề cao tâm nguyện từ bi, Sơn Cầu ngắt một lá cỏ cô-xa, quẹt một chút mật ong và mạch nha họ dâng cúng, đặt trên đầu lưỡi của mình, và nghiêm giọng nói:

- Đủ rồi!... Các người hãy ra về với trọn lời nguyện ước.

Sơn Cầu đi lại lỏa lồ, ăn uống phân giải, chải tóc bằng mảng gai bóm, và nằm lăn trên đất đá suốt năm mươi lăm năm như vậy.

Như thường lệ, sáng nào Thế Tôn cũng vận dụng Phật nhãn quán sát thế gian, xem ai có duyên với Phật pháp trước khi Ngài ôm bình thiền hành, khát thực. Một hôm, ẩn sĩ lỏa thể Sơn Cầu lọt vào mạng lưới tri kiến của Ngài. Và ngay tức khắc, Ngài nhận ra tiềm năng giác ngộ siêu việt của Sơn Cầu đã đến lúc chín muồi. Ngài thâm nghĩ: “Ta chỉ đọc một câu kệ mà Sơn Cầu và tám mươi bốn ngàn chúng sanh ngộ đạt chánh pháp, giữ sạch vô minh” .

Ngày hôm sau, Thế Tôn khát thực một vòng thành Vương Xá, xong trở về tịnh thất, nói với Trưởng lão A Nan:

- A Nan, Thầy định đến gặp ẩn sĩ lỏa thể Sơn Cầu.

- Thế Tôn đi một mình?

- Ồ, một mình tiện hơn.

Và Ngài lên đường vào lúc chạng vạng tối.

Đến nơi Sơn Cầu ẩn cư, Thế Tôn báo hiệu bằng cách đằng hắng giọng, gọi:

- Sơn Cầu!... Sơn Cầu!...

- Thằng quỷ nào biết mình mà gọi vậy hè! .- Sơn Cầu lâm bâm, đáp:

- Ai đó?
- Ta đây! Một Sa môn đây!
- Đại sư muốn gì?
- Xin vui lòng cho ta trú một đêm.
- Không còn chỗ!
- Chỉ một đêm thôi, Sơn Cầu. Làm phước mà!...
- Chớ nói nhiều. Đây không phải nhà trọ. Sa môn có chỗ Sa môn, ngựa trâu có chỗ sinh tồn ngựa trâu. Thế gian lắm chuyện ưu sầu, lưu manh xỏ lá biết đâu mà lường!
- Ta van xin Sơn Cầu!...
- Ồ, hay nhỉ!... Thế... Sa môn mà bình bát và túi lọc nước đâu?
- Đi nơi nào cần ta mới mang chúng theo.
- Vậy thì đến nơi nào cần mà ở!...

Bấy giờ cách nơi ẩn cư của Sơn Cầu không xa có một hang núi, Thế Tôn đến nghỉ đêm tại đó.

Canh một, Tứ Đại Vương đến hầu Thế Tôn, tỏa hào quang rực rỡ bốn hướng. Canh hai, Đế Thích thay phiên. Canh ba, đến lượt Đại Phạm Thiên, và cả dãy núi sáng mát như ánh trăng rằm. Thấy hiện tượng kỳ lạ, Sơn Cầu kinh ngạc, cả đêm không sao chợp mắt.

Sáng sớm hôm sau, Sơn Cầu đến gặp Thế Tôn, vái chào thân thiện, rồi trình trọng đứng sang một bên, hỏi:

- Đại sư, đêm qua ai đến với đại sư mà cả dãy núi sáng rực lên thế?
- Tứ Đại Vương, Đế Thích và Đại Phạm Thiên.
- Họ đến để làm gì?
- Hầu hạ ta!
- Đại sư cao quý hơn Phạm Thiên, Đế Thích?
- Dĩ nhiên!... Ta là nhơn thiên chi Đạo Sư.
- Đại sư không đùa đấy chứ!
- Mỗi lời nói của Như Lai, muôn ngàn năm vẫn không sai lời nguyên.
- Ngài cao siêu và huyền diệu quá! Ta đã năm mươi lăm năm nhọc nhằn khổ luyện trên cõi đời này, nhất là những năm tháng gần đây, ta đứng một chân, sống nhờ không khí, vậy mà được mây ai đoái hoài thương tưởng!

- Sơn Cầu, người có tài ứng khẩu đấy!... Người đã lừa được nhiều người khờ khạo. Giờ đây người định lừa ta nữa sao? Chẳng phải suốt năm mươi lăm năm qua người sống nhờ phân người, đi đứng lỏa lồ, nằm trên đất đá, và chải tóc bằng mảng gai bóm? Người đã dài hơi lừa bịp mọi người rằng: “Ta ăn không khí; chỉ đứng một chân; không bao giờ ngồi; chẳng bao giờ nằm”. Người đang tìm cách maø mắt ta nữa đấy chắc! Người biết nguyên do vì sao người bị đọa đày hèn mạt, khốn nạn như vậy không?

- Không biết, xin Đại sư chỉ cho!

- Vì gian tâm tà kiến, vọng ngôn ác khẩu của người trong tiền kiếp!

- Trời ơi!... Con đã làm gì, bạch Đại sư!

- Vậy thì hãy lắng nghe:

*

* *

Từ thuở xa xưa, trong thời Đức Ca Diếp (Kassapa) chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có một cư sĩ thuần thành, chánh tín Tam bảo, thiết lập một thảo am và dâng hiến tứ sự cúng dường cho một Trưởng lão tu tập. Bấy giờ có một Thánh tăng, đã chứng quả A la hán, thiền hành khát thực trước nhà cư sĩ. Thấy phong thái uy nghi, dung nhan hiền hòa của vị du Tăng, gia chủ sanh tâm cung kính, mời sư vào nhà cúng dường thực phẩm sang trọng, và một khổ vải để may y hậu. Sau đó ông gọi thợ hớt tóc đến cắt tóc cho sư, và tự tay kê giường cho sư nằm nghỉ trong một phòng biệt lập ngoài vườn.

Kịp lúc Trưởng lão đến nhà cư sĩ khát thực như thường lệ, thấy cảnh du Tăng được đãi ngộ đặc biệt, sư nổi máu ganh tị; và trên đường về thảo am, sư cứ âm ách trong lòng:

- Mới từ đâu đến mà được trọng vọng thế sao! Ta có còn là Trưởng lão nữa không! Bấy lâu nay ta chưa được cái ưu ái đó!

Đêm đến, vì ngọn lửa tham lam, sân hận, si mê cứ nung nấu tâm can, không sao chợp mắt, sư thường trụ bèn chống gậy đến gặp du Tăng, chỉ tay vào mặt, và gằn giọng nhục mạ:

- Ông khách, đừng giả vờ nghiêm trang đạo mạo để được tứ sự cúng dường nhé! Người nên ăn cứt còn hơn ăn cơm của thí chủ! Tóc tai như người mà cắt tĩa, chỉ cào bừa bằng loại gai bóm thôi! Hạng người như người mà cũng y hậu chỉnh tề, tứ thời trần trùng trùng trục thì phải phép hơn! Còn nữa, thân xác đó mà nằm trên giường chiếu thì phí quá, trên đất cát sỏi đá thì phù hợp hơn!

Với lòng từ bi lân mẫn, Trưởng lão du tăng chỉ biết im lặng và thâm niệm:

- Nguyện cầu hồng ân Tam bảo phù hộ độ trì cho pháp hữu của con khỏi bị quả báo vì tội lộng ngôn ác khẩu, ganh ghét tị hiềm. Con xin hỷ xả tất cả.

Nửa đêm hôm đó, Trưởng lão du tăng lặng lẽ rời khỏi nhà thí chủ với lòng thông cảm bao la.

Vì ác tâm tà kiến, ngôn hạnh thô lậu, Trưởng lão thường trụ tuy đã trải qua hai mươi ngàn năm thiền định tu tập nhưng vẫn chưa đủ công năng hiệu lực, hết kiếp vẫn bị đọa vào địa ngục A tỳ, chịu nhiều thống khổ. Nay được đầu thai làm người thì phải mưu mang bốn nghiệp: ngày ngày ăn cứt, đi đứng trần truồng, tóc chải gai bóm, nằm trên sỏi đá. Hủy báng Thánh tăng, trọng tội thế đây, Sơn Cầu!

Như sét đánh ngang tai, Sơn cầu khuyu người, ôm chân Phật khóc sụt mướt, van xin:

- Thế Tôn ơi, cứu con với!... Cứu con với Thế Tôn ơi!... hu... hu...

Động lòng bi mẫn, Thế Tôn dang hai tay nói:

- Hãy đến đây, Tỳ kheo!... Hãy sống đời phạm hạnh!

Nhờ uy lực nhiệm mầu của Đức Thế Tôn, nhất là nhờ hai mươi ngàn năm tu tập thiền định, Sơn Cầu đột nhiên hiện tướng Sa môn với phong thái trang nghiêm, y bát đầy đủ.

Hôm đó dân chúng đua nhau đến kinh thành Ma Kiệt Đà cúng dường lễ vật cho Sơn Cầu. Thoáng thấy Thế Tôn, họ liền nghĩ:

- Ai vĩ đại hơn? Ấn sĩ cao minh Sơn Cầu của chúng ta, hay Sa môn Gô-ta-ma?

Rồi họ đi đến kết luận:

- Gô-ta-ma đích thân đến tìm Sơn Cầu, vậy thì ấn sĩ dứt khoát phải được tôn vinh hơn Sa môn.

Đọc được tâm ý của dân chúng, Thế Tôn nói:

- Sơn Cầu, hãy giải nghi cho những ai còn thắc mắc.

Sơn Cầu vọt lên quỳ giữa không trung, chấp tay hướng về chính điện Thế Tôn, nói:

- Ngưỡng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là Đạo Sư, là đấng cha lành của chúng sanh, vinh hạnh cho con được làm đệ tử Ngài.

Sơn Cầu đáp xuống đất và lễ Phật ba lạy.

Dân chúng thấy vậy, hân hoan tán thán:

- Kỳ diệu thay thần lực của Thế Tôn. Chúng con xin kính lễ Ngài.

Và Thế Tôn đáp lời:

- Nay thiện nam tín nữ, lâu nay Sơn Cầu sống nhờ lá cỏ cô-xa mà quý vị đã mang đến. Nay ta hoàn tất đạo nghiệp cho ả sĩ. Có điều nếu như Sơn Cầu kiêng khem thực phẩm qua cảm nghĩ ăn năn hối lỗi, thì những khổ luyện như thế không bằng một phần mười sáu chánh niệm công đức trang nghiêm.

Ngài đọc kệ:

Kẻ ngu sống hằng tháng,

Nhờ ngọn cỏ cô-xa,

Chưa bằng phần mười sáu,

Người hiểu chánh pháp mà!

(PC. 70)

--- o0o ---

Phần 12 - CHỈ VÌ LÁ CỎ BỜ MƯƠNG MÀ GIEO KHỔ LUY ĐOẠN TRƯỜNG CHO NHAU

Truyện kể rằng thuở xưa có những thiện nam tín nữ giàu lòng nhân ái, tích thiện tu tâm, chung nhau công sức dựng một thảo am trên bờ sông gần thành Ba La Nại cho một vị Phật Độc-giác an trú tu hành. Như thường lệ, sáng nào Đức Phật cũng vào thành hóa duyên, khát thực; còn dân chúng thì rất mực thuần thành, thường mang hương hoa lễ vật đến thảo am cúng dường Ngài. Một hôm, có một nông phu đang cày ruộng nhìn thấy dân chúng nô nức đi thành từng đoàn qua cánh đồng đến thảo am. Sợ bờ mương bị sạt lở, hoa màu bị hư hoại, ông lên tiếng cảnh báo:

- Các người hân hoan trong lòng mà không thấy kẻ khác âm thầm đau khổ. Ruộng nương đang vào vụ mùa, lúa nếp sắp lên nay mai; quý vị sáng chiều đi rầm rập như trẩy hội thế này thì đường sá đê điều nào chịu nổi. Xin bà con cô bác đi ngõ khác giùm cho!

- Đến chùa lễ Phật cầu kinh là đi trẩy hội chứ gì nữa! Hôm nào đi với chúng cháu một chuyến thì bác sẽ thấy thế nào là trời xanh mây trắng nắng vàng, lung linh cánh bướm nhịp nhàng đài hoa.- Một thiếu nữ lạnh trí ví von.

- Ở đây không có thời giờ thờ thần đất nhé! .- Bác nông phu hơi nặng giọng.

- Đường sá ta cứ đi, ruộng ai người ấy cày, đúng chưa? .- Một thanh niên ra vẻ lý luận.

Và thế là ngày ngày trên bờ ruộng vẫn có người đi thành hàng dài đến thảo am. Bực tức vì thấy lời cảnh báo của mình không có hiệu lực, lão nông phu một hôm nảy sanh ác kế trong tâm và làm bầm ra miệng:

- Rồi bọn bay sẽ biết, vỏ quít dày có móng tay nhọn! Giai do cái thảo am và lão sư cụ đó! Ngày nào còn thảo am, ngày ấy ruộng nương còn bị sạt lở. Đốt quách nó đi là xong chuyện!

Yêu kế đã quyết, chờ dịp ra tay. Một hôm, thừa cơ Đức Phật độc giác vào thành khát thực, lão nông phu xông đến thảo am, đập nát tất cả những bát lọ sành sứ dùng để đựng đồ ăn thức uống, và vung tay phóng hỏa đốt rụi thảo am không chút ân hận.

Khi khát thực về, thấy thảo am bỗng nhiên biến thành một đồng tro tàn lạnh lẽo, Đức Phật mỉm cười, vẫy tay từ giã trú xứ thân thương, tiếp tục lên đường tuyên dương đạo nghiệp.

Chiều hôm đó, như thường lệ, các Phật tử đem hoa quả dầu mè đến thảo am lễ Phật cúng dường, thấy cảnh vật tiêu điều, tro than rơi vãi, họ đưa mắt nhìn nhau, ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao thế này? Tôn sư của chúng ta đâu? Kẻ nào manh tâm phá hủy chùa chiền, hãm hại sư trưởng, kẻ ấy sẽ bị điều linh thống khổ, vĩnh kiếp đọa đày.

- Ta đó! Lão nông phu đứng trong đám đông, đồng dục lên tiếng. Các người xem thường lời cảnh báo của ta, khinh ta quê mùa đốt nát, không có cách đối trị với các người hủ, các người dám làm gì ta nào?

Chẳng nói chẳng rằng, đám đông xông tới vây kín lão nông phu; kẻ đâm người đá, dằn lão một trận chí tử, và tất nhiên là lão gục chết trên vũng máu oan khiên.

Lão bị đọa vào địa ngục A tỳ, chịu nhiều thống khổ lâu dài; nay lại đầu thai làm quỷ mãn xà trên đỉnh kèn kèn, thật là khổ đau khôn kiếp!

Sau khi kể xong truyện tiền thân của một lão nông phu gây ác nghiệp, Thế Tôn nói:

- Nay các thầy Tỳ kheo, ác nghiệp giống như sữa vậ. Ác nghiệp chưa đơm hoa kết trái, hay chưa đổi sắc chín muối, cũng giống như sữa chưa rót vào bình lọ, hay chưa kết tủa đông dần. Một khi ác nghiệp đến, khổ đau liền hoành hành.

Ngài đọc kệ:

Ác nghiệp chưa kết trái,

Như sữa chưa đông ngay,

Nung đốt kẻ ngu này,

Tựa lửa phủ tro vậy.

(PC. 71)

NGÓN NGHỀ RÈN LUYỆN TINH THÔNG VẬN HÀNH CHỆCH HƯỚNG TAN THÂN NÁT ĐÒI

Thuở xưa, tại thành Ba La Nại, có một thanh niên khuyết tật, bị teo một chân, đi đứng không vững, nhưng có tài ném đá và tạo hình bằng lá cây nên được mọi người mến tài, đặt cho biệt hiệu là Thiện Xảo. Cậu thường ngồi tại cổng thành, dưới một gốc cây đa cổ thụ, ném đá biểu diễn và cắt tỉa hình dạng súc vật. Trẻ em trong thành thường vây quanh cậu, nhờ cậu làm cho chúng những con thú rừng như voi, cọp, sư tử, gấu, khỉ v.v... với nhiều tư thế uyển chuyển, kỳ dị, bằng những chiếc lá đầy tạp sắc và lăm kích cỡ dễ thương. Để đáp lại tài năng và lòng hào hiệp của cậu, các em thay phiên mang thực phẩm và bánh kẹo đến cho cậu.

Một hôm, trên đường ngoạn cảnh đến lạc viên, quốc vương đi ngang qua nơi hành nghề của cậu. Các em thấy ngựa xe rầm rập từ xa đi tới, chúng vội đỡ cậu thanh niên bất hạnh nhưng tài hoa vào sau gốc cây đa, đẩy cậu vào giữa những chùm rễ tua tủa, kín mít, rồi vọt chạy tứ phương. Bấy giờ mặt trời đã lên cao, khí hậu oi bức, nhất là thấy cây đa khổng lồ, cành lá sum suê, quốc vương cho dừng xe hóng mát dưới tàng cây. Bỗng thấy ánh nắng cứ nhấp nhô trước mặt, quốc vương nhìn lên và thấy nhiều hình dạng thú rừng được cắt tỉa tài tình bằng lá cây đa và được máng trên các cành tỏa tỏa bên dưới. Nhà vua thích thú ngắm nhìn những con thú lá cây đang tung tăng nhảy múa trong gió, và hỏi:

- Những tác phẩm này của ai?

- Tâu quốc vương, một thái giám thừa, nghe nói đây là thú tiêu khiển của một thanh niên bị bại liệt một chân, nhưng có tài ném đá và tạc hình bằng lá cây nên được quần chúng phong cho mỹ hiệu là Thiện Xảo.

- Hãy tìm cậu ấy cho ta. Chân bị bại liệt nhưng tay thì tuyệt vời; âu cũng là lẽ công bình của trời đất! .- Quốc vương đưa tay về vờ mấy sợi ria mép, trầm giọng nói.

Sáng hôm sau, cậu thanh niên bại liệt được đưa đến hoàng triều, diện kiến quốc vương. Thấy cậu đứng co ro một chân, còn chân kia thì cụt ngắn và khẳng khiu như một que củi, quốc vương động lòng, cho miễn lễ, và hỏi:

- Người tuy bất túc nhưng có biệt tài, đó là luật bù trừ trong vũ trụ. Ta có một đạo sĩ chuyên việc lễ nghi hoàng triều, nhưng hắn có tật lắm lời. Mỗi khi vào đề là hắn nói liên tu bất tận, không cho ai mở miệng mở mồm. Bực mình quá! Ta muốn mỗi khi hắn há miệng là người ném vào đó một cục phân dê. Liệu làm được không?â

- Tâu bệ hạ, tiện nhi làm được.

- Bằng cách nào?

- Tâu bệ hạ, cho phép con gợi ý.

- Tự nhiên!

- Bệ hạ ngồi sau tấm màn, đối diện với đạo sĩ khi tiếp chuyện. Con sẽ dùng mũi dao nhọn khoét một lỗ tròn nho nhỏ trên tấm màn, thế là xong.

Trưa hôm đó, quốc vương thực hiện kế hoạch, và cứ mỗi khi đạo sĩ há miệng là một cục phân dê bay vô mồm. Đến khi bao phân đã hết mà đạo sĩ vẫn còn hung phấn thao thao. Thiện Xảo kéo vệt tấm màn, ngậm báo việc đã xong. Quốc vương nghiêm giọng, nói:

- Đạo sĩ, mỗi khi khai tấu điều gì, khanh nói ào ào như mưa gió; quên mất binh gia quân pháp, lễ giáo vương triều. Sợ bị cướp lời hả? Khanh nói hăng say đến nỗi nuốt hết một bao phân dê mà còn muốn nuốt thêm một bao nữa!

Giật mình như bị sét đánh, vị đạo sĩ Bà la môn cúi đầu im lặng, và từ đó về sau không dám hé môi trước mặt quốc vương.

Để tưởng thưởng tài năng điều luyện, mấy hôm sau quốc vương cho triệu cậu thanh niên khuyết tật đến hoàng cung, khen rằng:

- Nhờ khanh mà ta có được tâm hồn yên tĩnh, đầu óc thanh thoi.

Đoạn quốc vương ra khẩu lệnh ban cho cậu thanh niên bất túc kia tám mâm vàng bạc châu báu và bốn ngôi làng trù phú ở bốn hướng đông tây nam bắc của kinh thành. Một cận thần nghe tin đột xuất như thế bèn tức cảnh sinh tình:

Cho hay tiểu xảo riêng tư,

Mà ra bửu bối giúp người lừng danh.

Xả thân xây đắp kinh thành,

Chập chờn phước họa rắp ranh công hầu!

*

* *

Bấy giờ có một người đàn ông đứng tuổi, khỏe mạnh, chân tay đầy đủ nhưng lam lũ quanh năm, nhất là đôi vai u lên, cứng ngắc nên được mệnh danh là Mã Kiên. Thấy cậu què nhờ chút tài vật mà được nên danh nên phận, bổng lộc triều đình, thoát ly nghèo khổ. Đúng là tàn nhưng chưa phé. Hy vọng vận may sẽ mỉm cười với số phận hẩm hiu của mình, ông đến gặp Thiện Xảo, tha thiết xin học nghề:

- Thưa thầy, tôi chừng này tuổi mà chưa có nghề ngỗng gì cả; gánh thuê vác mướn quanh năm, chai vai mòn gót mà vẫn khổ rách áo ôm. Thầy ơi!... Cái nghèo bóp chết đời tôi, mấy ai ngó bọn da mồi tóc sương! Xin thầy thương tình truyền cho tôi đôi chút tài nghệ của thầy.

- Mô Phật!... Cháu có nghề nghiệp gì đâu mà truyền. Chú mĩa mai cháu hả!

- Không dám!... Tôi nói thật mà. Cái tài ném đá và cắt tia lá cây của thầy đã nổi tiếng khắp kinh thành, quốc vương còn phải khâm phục. Xin thầy!...

- Chú đừng nói vậy tôn thọ cho cháu tội nghiệp. Cháu hay ba hoa khoác lác với đám con nít cho vui ấy mà!

Để bày tỏ thiện chí học nghề, Mã Kiên sụp lạy Thiện Xảo ba lạy, tình nguyện chiều tối nào cũng xoa bóp tay chân và xách nước cho Thiện Xảo tắm.

Sau một thời gian, thấy Mã Kiên thật tình hiếu học, Thiện Xảo cảm kích, bung tay truyền hết tài nghệ của mình.

Một hôm, để hiệu ý nguyện của Mã Kiên, con người vai u cổ nám ấy lại có một tâm hồn chân thành, trung tín, không nệ tuổi tác, cần mẫn học hành, Thiện Xảo hỏi:

- Chú Mã Kiên, nay thì chú đã có được tất cả những gì mà chú mong muốn. Bây giờ chú định làm gì nào?

- Trước hết, xin cảm ơn thầy đã tận tình dạy dỗ. Mã Kiên sẽ biểu diễn nghệ thuật trước công chúng.

- Bằng cách nào?

- Bằng cách ném viên sỏi trúng ngay huyết đạo tử vong của một con bò hay một người đi đường.

- Trời đất!... Chú muốn chết cả lũ hả? Chú muốn bị phạt một trăm quan tiền? Nhất là động đến cha mẹ, vợ chồng, con cái của người ta. Tù rục xương đấy chú nhé!

- Thế à!... Vậy tôi sẽ liệu cách, miễn sao thoát ly nghèo đói, nổi tiếng với đời.

- Nổi tiếng và khét tiếng khác nhau xa lắm đó nghe chú!
- Xin cảm ơn!... Xin cảm ơn!...

Mã Kiên sau đó bọc một túi đá cuội, hăng hái ra đường tìm kiếm mục tiêu.

Đầu tiên ông gặp một con bò cái đang lững thững đi trên lề đường. Ông vừa đưa tay vô túi bốc viên sỏi thì một ý nghĩ vụt đến: “Không được! Thế nào nó cũng có bạn trai”. Rồi ông gặp một cậu bé tay bế con gà tre. Máu nghề nghiệp lại rần rần rọ rọ, nhưng ông kịp phản tỉnh: “Áy chết, nó có cha có mẹ!”. Sau cùng, vừa thấy Xu-nét-ta (Sunetta), Đức Phật độc giác, đang từ một thảo am bên bờ gió lộng vào thành khát thực, ông chợt nghĩ: “Người này hẳn là... không mẹ không cha, không ông không bà, không cháu không con. Tội tình gì mà sợ. Chơi một phát xem sao!”. Thế là ông cầm viên sỏi nhắm lỗ tai phải của Xu-nét-ta búng mạnh một cái, Ngài rùng mình, và thấy lỗ tai trái có vài giọt máu rịn ra. Viên sỏi đã phóng đi như một mũi tên xuyên thủng hai mắt trông. Đau quá, Xu-nét-ta ngưng khát thực, nhứt niệm thiền hành quay về thảo am, và nhập niết bàn tức khắc.

Ngày hôm sau, không thấy Xu-nét-ta vào thành, dân chúng thắc mắc: “Hẳn là đã có việc chẳng lành với ngài khát sĩ rồi!”. Họ kéo nhau đến thảo am và thấy Xu-nét-ta đã viên tịch. Ai ai cũng ngậm ngùi thương tiếc, che mặt khóc thầm. Riêng Mã Kiên, người đã trà trộn theo đám đông đến đó, thì hãnh diện khoe rằng:

- Đích thị rồi!... Một phát là trúng ngay. Tài nghệ của ta như thế thì an tâm, nhứt định sẽ nổi tiếng, thật xứng đáng với công phu rèn luyện.
- Ông nói gì cơ? .- Một bô lão hỏi Mã Kiên.
- Hôm qua thấy sư này ngang qua cổng thành, tôi búng viên sỏi thử tài một chút, không ngờ kết quả mỹ mãn. Tài nghệ của tôi đúng là đã đến hồi điều luyện.
- Bà con ơi! .- Một thanh niên quát lên. Chính tên này đã ám sát Xu-nét-ta. Hãy bắt nó lại! Gô nó lại!

Thế là Mã Kiên bị một trận đòn thâm da tím mặt và chết trong túi nhục. Hắn bị đọa vào địa ngục A tỳ, chịu nhiều thống khổ. Đến khi thoát kiếp thì lại làm ma búa tạ trên đỉnh kèn kèn.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn mỉm cười, nhìn đại chúng, hỏi:

- Các thầy có đoán ra Đức Phật độc giác Xu-nét-ta kia là ai không? Một tiền kiếp của ta đó!
- A Di Đà Phật.- Đại chúng chấp tay xá.

Đoạn Ngài tiếp:

- Nay các thầy Tỳ kheo, nếu người tâm lượng hẹp hòi, đầu óc nông cạn, mà trong tay có chút quyền lực hay tiểu xảo thì dễ sanh sự, bất lợi; trước nhất là tự chuốc lấy thảm hại cho chính mình.

Ngài đọc kệ:

Kiến thức và danh vọng,

Trở lại hại kẻ ngu,

Tiêu diệt ngay vận tốt,

Bữa nôt cả đầu ngu.

(PC. 72)

GIÁO NGÔN TẬT ĐỒ CHƯA PHAI BAO NĂM KHỔ HẠNH CŨNG HOÀI CÔNG PHU

Thuở nọ có một gia chủ, tục danh Tâm Ý (Citta), cư ngụ tại thành Ma-chi-ka-xan-đa (Macchikàsanda), thấy Trưởng lão Đại Danh (Mahànàma) đang thiền hành khất thực với phong thái uy nghi từ tốn, khoáng đạt thanh cao; ông bèn sanh tâm hoan hỷ, cung kính đánh lễ, xin ôm y bát, rồi thỉnh Trưởng lão về nhà cúng dường nhiều thực phẩm và lễ vật sang trọng.

Sau thời ngộ trai, ông được Trưởng lão ban cho một thời pháp thoại với tựa đề “Lục độ ba la mật”, tức là sáu đại hạnh siêu việt, kiên cố của Bồ tát hóa thân, gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ. Ba la mật, theo Hán ngữ, là “đáo bỉ ngạn”, nghĩa là qua bờ bên kia: bờ tự do giải thoát; còn bờ bên này (thử ngạn): bờ sanh tử khổ đau. Bố thí ba la mật là thể hiện hạnh nguyện vượt tầm đối đãi, ngôn ngữ thiền môn gọi là “tam luân không tịch”, tức là chủ bố thí, khách tiếp nhận, và vật dụng trao tặng đều ở trạng thái tịch tịnh tuyệt đối, không còn khái niệm ta và người, năng và sở, chủ thể và đối tượng; tất cả đều vận hành theo một trật tự dung thông và bình đẳng. Nhờ tín tâm sâu sắc, thiện nghiệp lâu đời, Tâm Ý đã nương theo pháp thoại và chứng quả Tu đà hoàn. Để thể hiện duyên lành hy hữu, Tâm Ý phát nguyện hiến cúng khu lạc viên Am-ba-ta-ka (Ambàtaka) làm nơi trú xứ cho Tăng đoàn bằng cách, theo tập tục, rót nước vào lòng bàn tay phải của Trưởng lão để minh chứng rằng khu vườn từ nay thuộc quyền sở hữu của Giáo hội, và trình trọng tuyên bố: “Đạo Phật đã được thiết lập vững mạnh”. Sau đó, một đại thí chủ cũng phát tâm xây dựng một tu viện khang trang, rộng rãi ngay giữa lạc viên, và thế là những cánh cửa thiền môn từ từ mở ra,

những nếp y vàng dần dần tụ lại, hợp thành một cộng đồng thanh tịnh trang nghiêm dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Tịnh Pháp (Sudhamma).

Một thời gian sau, hai Cao đệ quản chúng của Thế Tôn, nghe thanh danh và đức hạnh của Phật tử Tâm Ý, quyết định đến Ma-chi-ka-xan-đa để diện kiến dung nhan và tỏ lòng kính trọng thí chủ. Tâm Ý được tin, đích thân ra xa nửa dặm nghinh đón, đưa họ về chùa, thiết lễ trai tăng cúng dường, rồi được dịp nghe pháp, và chứng quả Tư đà hàm. Sau đó, Tâm Ý cung thỉnh hai Trưởng lão với một ngàn đồ chúng đến nhà thọ trai vào ngày hôm sau. Đoạn ông quay sang thưa với Sư trưởng Tịnh Pháp:

- Nhân thể kính mời Trưởng lão ngày mai đến nhà con thọ trai với các Sa môn.

Bực tức vì thấy mình được mời sau cùng, Sư trưởng Tịnh Pháp im lặng, ra về không quan tâm đến lời mời.

Tâm Ý cung kính mời hai ba lần mà sư Tịnh Pháp vẫn phớt lờ, lạnh nhạt.

Hôm sau, Tâm Ý chuẩn bị lễ trai tăng rất trang trọng. Và ngay từ lúc sáng sớm, Tịnh Pháp đã tự nhủ:

- Ta sẽ đến xem coi Tâm Ý thiết lễ thế nào, cúng kiếng những gì cho các Sa môn đó.

Thế là mới tờ mờ sáng, Tịnh Pháp đã y bát chỉnh tề, trực chỉ đến nhà Tâm Ý.

Thấy sư vào mà chẳng ngó ngang gì đến ai, Tâm Ý chấp tay vái chào, thưa:

- Xin mời Trưởng lão ngồi.

- Không dám!... Sư đáp với thái độ lạnh lùng như băng giá. Ta đâu được cái hân hạnh đó. Tiện đường hóa duyên, ghé xem tí thôi!

Nhưng thấy nhiều phẩm vật đặc sắc đã được bày biện để cúng dường nhị vị Cao tăng, Tịnh Pháp thấy ngứa mắt, buột miệng nói:

- Thí chủ, phẩm vật cao sang, hương vị tuyệt vời, nhưng còn thiếu một món!

- Món chi? Xin Trưởng lão từ bi chỉ giáo.

- Món bánh mè. Thiếu bánh mè thì ra be bét!

Tâm Ý im lặng, nhưng trong lòng thấy Tịnh Pháp và bóng dáng của loài qua điều chẳng khác là bao!

Vừa sợ, vừa tức, Tịnh Pháp vụt buông lời vô duyên, ngó ngán:

- Phải rồi!... Đây là nhà của thí chủ, đang cầu tài cầu lộc, chứ đâu phải chùa chiền gì của mình mà dám luận bàn, góp ý. Ta đi thôi!

Nghĩ tình thân cận bao năm, Tâm Ý tha thiết mời Sư trưởng Tịnh Pháp ở lại thọ trai với Tăng đoàn, nhưng sư một mực từ chối. Tập khí đồ kỵ tự nhiên thúc giục nhà sư hồi hã ra đi .

Ra khỏi nhà Tâm Ý, Tịnh Pháp xăm xăm đến Kỳ Viên, đánh lễ Thế Tôn và thuật lại mọi diễn biến đã xảy ra. Thế Tôn nói:

- Tịnh Pháp, thầy xuất gia tu học đã lâu mà tâm trí còn vương kẹt vậy sao! Thầy hiểu hai từ “nội kết” và “kiết sử” thế nào, giảng tôi nghe xem.

Thấy Tịnh Pháp cúi mặt bẽn lẽn, Thế Tôn tiếp:

- Nội kết, nói nôm na, là “táo bón”, những thứ cận bã cô kết trong lòng. Mà đã “táo bón” thì ruột gan ray rứt lắm, phải vậy không? Còn kiết sử? Kiết là trói buộc. Sử là dẫn dắt. Thầy đã bị nội kết dày vò, kiết sử lôi kéo như thế là vì thiếu chánh niệm và tỉnh giác. Thôi, hãy chiêm nghiệm! Hãy phản tỉnh! Tốt hơn là thầy nên trở lại gặp và xin lỗi thí chủ Tâm Ý.

Theo lời Thế Tôn, Sư trưởng Tịnh Pháp trở lại gặp thí chủ, tỏ vẻ ân hận, nói:

- Tâm Ý ơi!... Những gì diễn ra quả thật là ngoài ý muốn của chúng ta. Xin Tâm Ý hỷ xả để cho tình đạo bạn được ngày thêm bền vững nhé!

Tâm Ý im lặng, lạnh lùng xách thùng đi lấy nước tưới hoa.

Thấy thiện chí của mình bị xúc phạm, Tịnh Pháp buồn bực, về thuật lại sự thể với Thế Tôn, và được Thế Tôn khuyên nên trở lại xin lỗi Tâm Ý một lần nữa. Ngài thấy rõ mục tiêu của Tâm Ý là muốn chiết phục tính kiêu căng ngạo mạn của vị Sa môn này.

Nhưng trước khi Trưởng lão Tịnh Pháp cáo từ với một tân Sa môn được Thế Tôn cho phép tháp tùng, Ngài có đôi lời huấn thị:

- Nay Tịnh Pháp, khi các thầy từ giã gia đình, theo ta tu tập, là các thầy đã tự nguyện suốt đời vô sản, khát thực hóa duyên; nhờ lòng hảo tâm của bá tánh thập phương mà duy trì thọ mạng, phát huy đạo nghiệp; vậy thì các thầy còn lý do gì để mà khởi tâm kiêu hãnh. Muốn thoát khỏi ngôi nhà thế tục, ngôi nhà phiền não, ngôi nhà nổi trôi trong ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới, thì trước tiên phải bẻ gãy ngọn cờ kiêu mạn. Kiêu căng ngạo mạn là thành lũy chông gai, bít lấp lộ trình dẫn đến thánh đạo. Kiêu căng chớm khởi, ác nghiệp bùng lên. Người xuất gia học đạo, tu hạnh thanh bần thì phải luôn luôn hàng phục tập khí kiêu căng, chủ quan định kiến. Đừng bao giờ có ý nghĩ đây là chùa ta, trú xứ của ta, môn đệ của ta, thiện nam tín nữ của ta. Ta là trong sạch cao cả, ta là trưởng lão cao niên. Vì sao? - Vì một khi khởi lên khái niệm như thế thì trần lao phiền não ùn ùn kéo tới, nhận chìm thiện duyên công đức, che khuất thánh trí thần quang. Thầy đã nhận ra yếu chỉ của Như Lai và thiện niệm của Tâm Ý rồi chứ, Tịnh Pháp?

- A Di Đà Phật.- Tịnh Pháp đứng lên đánh lễ Thế Tôn với hai khóm mắt đỏ rần.

Im lặng trong giây lát, đoạn Thế Tôn mỉm cười, gật đầu và đọc kệ:

Kẻ ngu ham danh hão,
Khoái ngồi trước Sa môn,
Ưu quyền trong tu viện,
Thích mọi người suy tôn.

Hãy để Tăng và tục,
Cho rằng: “Việc ta làm,
Mặc dù lớn hay nhỏ,
Đều phải theo ý ta”.
Kẻ ngu ôm khát vọng,
Dục mạn lớn dần ra.
(PC. 73, 74)

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN, CẢM ỨNG MƯỜI PHƯƠNG TỊCH TỊNH TRANG NGHIÊM, THÀNH TỰU THÁNH ĐẠO

Truyện kể rằng tại Vương Xá có một tín đồ Bà la môn, húy Đại Trác (Mahāsena), cha của Trưởng lão Xá Lợi Phát. Một hôm, trên đường khát thực, Trưởng lão chợt nghĩ đến cảnh cơ hàn của cha mình mà bùi ngùi thương cảm, hai tay ôm bát theo nhịp bước thiền hành, thẳng đến trước nhà lúc nào không hay. Thoáng nhìn thấy con, Đại Trác bối rối, thầm nghĩ: “Thương quá!... Lậy gì bố thí cúng dường. Con ơi, chỉ có trời mới hiểu được cảnh khốn khó của cha”. Ông đảo mắt nhìn căn nhà trống trơn, rồi lách mình ra vườn sau giấu mặt.

Mấy hôm sau, nhân khóa lễ cầu kinh Bà la môn, ông nhận được một tô cháo trắng với một khúc vải thô, thế là ông liền nghĩ đến nếp sinh hoạt phạm hạnh thanh bần của người con. Và kỳ diệu thay, chính lúc đó Trưởng lão đang nhập định nhưng cũng bất gặp ngay thiện niệm của phụ thân. Sau khi xả thiền, Xá Lợi Phát khoác y, ôm bát, trực chỉ đến trước cửa nhà của thí chủ. Vừa thấy Trưởng lão, Đại Trác lòng vui phơi phới, vội chạy ra đưa Trưởng

lão vào nhà ngồi nghỉ, đoạn ông đích thân bê tô cháo đến trước Trưởng lão, nói rằng:

- Mong Trưởng lão nhận nơi đây lòng quý trọng và thương yêu vô hạn.

- Thiện tai!... Thiện tai!...

Xá Lợi Phất chỉ nhận nửa phần cháo, rồi sè tay che bát ra hiệu nhường phần còn lại cho phụ thân.

- Xin Trưởng lão độ hết, và cầu nguyện cho ta kiếp sau được an lành hạnh phúc.

Đại Trác sớt hết cháo vào bình bát. Trưởng lão im lặng, chú nguyện và thọ thực ngay tại chỗ.

Sau đó thí chủ hai tay nâng khúc vải lên, phát nguyện:

- Trưởng lão, ước gì mai kia ta cũng ngộ đạt chân lý như Trưởng lão.

- Hẳn là như vậy, này thí chủ Bà la môn.

Trưởng lão đứng lên, ngó lờn hồi hướng công đức và trở về Kỳ Viên.

Đại Trác tiễn Trưởng lão ra sân mà đầu óc cứ lâng lâng như đi trên mây gió. Đúng là:

Thấy con đạo nghiệp vuông tròn,

Đời cha dù có héo hon cũng đành.

Ít lâu sau, Đại Trác qua đời, thác sanh vào gia đình của một cặp vợ chồng Phật tử thuần thành, hết lòng cung kính và hỗ trợ Trưởng lão Xá Lợi Phất đang an trú tại Xá Vệ. Từ lúc cận thai, người vợ đã phát tâm rằng, đến thời khai hoa nở nhụy, nàng sẽ cung thỉnh Trưởng lão và năm trăm Sa môn đến nhà thọ lễ trai tăng và đặt tên cho cháu. Biết rõ thiện nguyện của vợ, người chồng rất mực hân hoan, chăm sóc từng miếng ăn giấc ngủ cho mẹ con thai nhi để được ngày ngày an vui, tăng trưởng.

Và rồi, sau chín tháng cưu mang, ôm ấp hoài vọng, nàng đã hạ sanh được một bé trai bụ bẫm vào một sớm mai trời thanh gió mát.

Để ước nguyện được thành tựu viên mãn, sau tuần sanh nở, hai vợ chồng thiết lễ trai tăng nhằm ngày trăng tròn. Và, cũng nhân dịp này, Trưởng lão được thí chủ cung thỉnh đặt tên cho em bé. Nhưng kỳ lạ thay, Trưởng lão vừa khởi tâm chú nguyện thì hài nhi liền đưa hai tay lên khỏi tấm chăn bông, ọ ẹ vài tiếng rồi cất lời trịnh trọng:

- Đây là đạo sư trước kia của ta. Nhờ Ngài mà ta có được cảnh huy hoàng rực rỡ hôm nay. Xin đánh lễ và cúng dường Ngài.

Năm trăm Sa môn và mọi người nhìn nhau ngỡ ngác, nhất là cha mẹ của em bé. Một hiện tượng hy hữu, chưa từng thấy trong đời.

- Bạch Trưởng lão, người mẹ đứng lom khom, run run hai tay nói, xin Trưởng lão thương vợ chồng con đặt cho cháu cái tên. Trời ơi!... Sao con của con mới được một tuần tuổi mà đã biết nói, lại nói Trưởng lão vốn là Thầy của nó. Lạy Phật, con sợ quá!... Hay là... xin Trưởng lão đặt tên cháu theo húy danh của Trưởng lão, cho cháu được ... ăn mày chút công đức ...

- Bình tĩnh.- Trưởng lão mỉm cười nói. Cái gì trên đời cũng có nhân duyên với nhau cả. Được rồi, cháu tên là Ti-xa (Tissa), gọi đầy đủ là U-pa-ti-xa (Upatissa).

Và U-pa-ti-xa chính là tục danh của Trưởng lão Xá Lợi Phát.

Cậu bé mỗi ngày một khôn lớn và trông tú lệ hẳn ra. Khi lên bảy tuổi, một hôm, nhân cả nhà viếng chùa, lễ Phật, rồi sang thăm Trưởng lão Xá Lợi Phát. Trong lúc sư đệ đang hàn huyên tâm sự thì cậu bé nói với mẹ:

- Mẹ ơi, con muốn ở chùa. Con muốn theo Sư ông.

- Không được!.- Người mẹ nói nhỏ vào tai con. Con còn nhỏ. Ở chùa ai chăm sóc cho con, nhất là cái tội... con biết tội gì hôn? Tội làm ướt giường ướt chiếu ban đêm đó!

- Nhưng con ở chùa thì tự nhiên nó hết.

- Hay nhỉ!...

Người mẹ ngạc nhiên trước câu trả lời dứt khoát của con, bèn liếc nhìn chồng, và thưa với ngài Xá Lợi Phát:

- Bạch Trưởng lão, bỗng dưng cháu nói muốn theo Trưởng lão. Cháu muốn xuất gia.

- Thật sao!... Ở chùa khổ lắm con ơi! .- Trưởng lão kéo Ti-xa đến trước mặt nói: Giữa cảnh thiên môn, khi con muốn êm đềm hạnh phúc thì chỉ thấy buốt giá cơ hàn, còn khi con muốn buốt giá cơ hàn thì chỉ thấy êm đềm hạnh phúc. Ngược xuôi đảo lộn, tình cảnh dị thường. Vì sao? Vì người đời thì thuận dòng xuôi bến, còn tu sĩ thì bạt thủy nghịch lưu. Nếp sống tu hành thường đơn côi thách thức như bóng dáng lẻ loi của những tay leo núi, trơ vơ sừng sững trên vách đá gồ ghề: phải gian nan vất vả, bền chí kiên cường mới đến đích, còn lệch chân sẩy tay là toi ngay thân mạng. Con thì ... thuộc dạng cành vàng lá ngọc, làm sao đương đầu với bão tố phong ba, cô thân chích bóng! .- Trưởng lão nói với em bé như tâm sự với một người trí thức trưởng thành.

- Dạ!... con sẽ chu toàn bổn phận theo lời chỉ giáo của Sư ông.

- Thiện tai!... Thiện tai!... Vậy thì kể từ giờ phút này con là thành viên của thiền môn.

Cậu bé liền được quy y thọ giới, mang pháp danh Thiện Nguyên, và được Thế Tôn trao cho một chủ đề thiền quán về ngũ uẩn, gồm hình sắc, cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức; đặc biệt là chiêm nghiệm về sự bất tịnh của sắc thân.

Sau đó cha mẹ của Thiện Nguyên đánh lễ Tam bảo rồi ra về, còn chú Sa di bé nhỏ kia hãnh diện khoác lên mình tấm pháp y màu nghệ, trông đường bệ và dễ thương như một chú sư tử con đang ung dung tự tại giữa cánh rừng thân thương quen thuộc.

Trong khi Thiện Nguyên tu tập tại Kỳ Viên, anh em huynh đệ cùng trang lứa thường lui tới nô đùa và trò chuyện với chú. Thấy nếp sinh hoạt thiền môn có phần trở ngại, Thiện Nguyên đến đánh lễ Đức Thế Tôn, trình bày quyết tâm viễn ly tịch tịnh, và được Thế Tôn hoan hỷ, nhắc lại yếu chỉ thiền quán về ngũ uẩn cho hành giả hạ thủ công phu. Thiện Nguyên sang đánh lễ Trưởng lão y chỉ sư, tác bạch thiện chí, rồi một mình thẳng đến rừng Khổ hạnh.

Một sớm mai nọ, Thiện Nguyên vào làng khất thực. Thấy tướng mạo đoan trang, dung nghi đỉnh đạc của một chú tiểu khác lạ, dân chúng cảm mến, đua nhau cúng dường rất nhiều lễ vật cho chú. Để đáp lại công đức của bá tánh thập phương, Thiện Nguyên ngỏ lời hồi hướng:

Nguyên cầu thí chủ an khương,

Thoát ly khổ lụy, tuyệt đường tử sinh.

Và chỉ sau ba tháng an cư, Thiện Nguyên chứng quả A la hán, với thần thông quảng đại, pháp lực siêu quần.

Bấy giờ, cũng sau ba tháng an cư, Trưởng lão Xá Lợi Phất đến vấn an Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngỏ ý muốn viếng thăm Thiện Nguyên. Thế Tôn hoan hỷ. Trưởng lão sang chào pháp lữ Mục Kiền Liên, Ma-ha Ca Diếp, và thế là ba Trưởng lão cùng với năm trăm Sa môn lên đường, hướng thẳng đến Khổ hạnh lâm.

Được Phật tử báo tin Tăng đoàn sắp đến, Thiện Nguyên rất đổi vui mừng, ra tận bìa rừng nghinh tiếp tôn Sư.

Thấy những nếp y vàng lấp lánh dưới ánh trời chiều, dân chúng hân hoan rủ nhau kéo đến rất đông, mục đích là chiêm ngưỡng Tăng đoàn và được nghe pháp thoại.

Lúc đó màn đêm dần dần buông xuống, cảnh vật vắng vẻ hoang sơ, Trưởng lão Xá Lợi Phất khuyên Phật tử và dân chúng ra về, nhưng họ khăng khăng muốn nghe pháp thoại. Không nỡ phụ lòng thâm tín Tam bảo của Phật tử, Trưởng lão cho đốt đèn đuốc lên, và bảo Thiện Nguyên thuyết pháp. Nhưng hầu hết Phật tử đều lên tiếng:

- Kính bạch Trưởng lão, tiểu Tăng của chúng con không biết thuyết pháp, chỉ biết chú nguyện hai câu đơn giản như sau:

Nguyện cầu thí chủ an khương,

Thoát ly khổ lụy, tuyệt đường tử sinh.

- Nhưng làm thế nào để được an khương, để được thoát ly khổ lụy, để được tuyệt đường tử sinh. Ngài Xá Lợi Phất nói. Phải có lý thuyết và thực hành chứ! Nào, Thiện Nguyên, hãy thuyết giảng và lý giải tường tận cho thính chúng!

Theo lời Trưởng lão, Thiện Nguyên lên ngồi trên một pháp tòa bằng cỏ, được đan kết giản dị giữa một khoảng đất trống, rồi cất lời trầm hùng thanh thoát với chủ đề thiên quán về ngũ uẩn mà chú đã ân cần tiếp nhận từ Đức Thế Tôn:

- Này thiện nam tín nữ, này chư Phật tử có duyên với Tăng lữ thiên môn, hẩn quý vị đều biết rằng trong chúng ta ai ai cũng có thân bệnh và tâm bệnh. Thân bệnh phần lớn là do ảnh hưởng của thời tiết và cung cách sinh hoạt thái quá của mỗi người; còn tâm bệnh thì bắt nguồn từ sự bất an của các trạng thái tâm lý. Thân bệnh thuộc về sắc; tâm bệnh thuộc về thọ, tưởng, hành và thức. Chúng ta thường bị khốn khổ về tâm bệnh nhiều hơn là về thân bệnh. Vì sao? Vì lúc nào ta cũng mang nặng ý niệm về ta và của ta. Nhưng ta và của ta là những khái niệm giả danh, không thật, không có tự tánh, không nắm bắt được, không thiết lập được. Những nhận thức sai lầm này nếu phát sanh trong tâm ta thì chúng sẽ kết thành những triền sử. Và triền sử là những sợi dây vi tế, bền chắc, trói buộc và dẫn dắt ta đi theo những lộ trình đầy dẫy chông gai, hiểm nguy và đọa lạc. Nói chung, nhận thức sai lầm càng sâu, đau thương khổ lụy càng dày.

Nhưng qua sáu đối tượng (sắc, thọ, tưởng, hành, thức và thể giới) mà ai không thấy cái ta và cái của ta thì người ấy sẽ không bị vướng mắc vào những ràng buộc của cuộc đời. Vì không vướng mắc cho nên không hoảng sợ, và không hoảng sợ thì được thông dong tự tại, tịch tĩnh niết bàn. Vị ấy biết chính xác rằng mình đã lấp được cống rãnh, vượt qua mương hào, phá vỡ thành lũy, mở tung xiềng xích và hội nhập thánh trí. Vị ấy không còn luân hồi sanh tử. Vị ấy đã ngộ đạt chân lý thực tại.

Thính chúng hân hoan vỗ tay vang cả cánh rừng, tán thán: “Sa di Thiện Nguyên tính tình điềm đạm, ít nói, nay bỗng dung lợi khẩu hùng hồn. Thế mới biết sức mạnh của tập thể Tăng thân!”

Trưởng lão Xá Lợi Phát cùng đại chúng rất đổi vui mừng về trí tuệ bùng sáng và đạo nghiệp viên thành của sư Thiện Nguyên.

Sáng hôm sau, dân làng thiết lễ trai phạn, cúng dường Tăng đoàn, rồi lưu luyến tiễn họ lên đường trở về Kỳ Viên thăm Đức Thế Tôn.

Sau ba tháng an cư xa cách, thầy trò nay lại đoàn tụ trong bầu không khí thắm tình thiên môn, đạo vị.

Rồi một buổi mai, Thế Tôn hướng dẫn Tăng đoàn và Thiện Nguyên thiền hành lên trên một đỉnh núi cao, bốn bề bát ngát với đại dương bao la. Thế Tôn hỏi:

- Thiện Nguyên, đứng trên đỉnh núi cao này, con nhìn thấy những gì nào?
- Bạch Thế Tôn, con chỉ thấy biển cả mênh mông và trời cao lồng lộng.
- Khi nhìn biển cả, đầu óc con có nảy sinh ý niệm gì không?
- Có ạ!... bạch Thế Tôn. Tự dung con cảm thấy nước mắt của con, trải qua vô số kiếp sanh tử luân hồi, đã trào ra còn nhiều hơn nước của bốn biển đại dương.
- Đúng thế!... Đúng thế!... Thiện Nguyên. Theo dòng duyên nghiệp quay cuồng trong tam đồ lục đạo, nước mắt của con đã tuôn chảy nhiều hơn là nước của đại hải trùng dương.

Và để dễ nhớ, Thế Tôn tóm lược nội dung theo thể loại niêm vận:

Giọt lệ nhân gian giăng bốn phương

Nổi theo năm tháng kết miên trường

Nhiều hơn nước biển vờn lai láng

Vọng niệm lên mầm nghiệp vẩn vương.

Thế Tôn lại hỏi:

- Thiện Nguyên, hiện nay con trú ngụ nơi nào?
- Trong một hang đá tại rặng núi này, bạch Thế Tôn.
- Con có thấy gì không?
- Dạ!... con đã thấy thân mạng con trải qua vô lượng vô biên kiếp sống chết, vùi dập trên dải đất này.

- Thiện tai!... Thiện tai!... Thiện Nguyễn, đúng là như thế. Theo chúng ta biết thì không một chúng sanh nào sau khi mạng vong mà không bị đặt nằm trên trái đất này. Nghe có vẻ phũ phàng thê thảm nhưng sự thật là như vậy.

Ngài cũng tóm tắt nội dung thực tại theo thể kệ thất ngôn:

Mười bốn ngàn dân táng nơi đây

Thân tan cốt rụi lấp voi đầy

Tử sanh luân lạc dòng vô tận

Thánh giả điều tâm thoát lưới vây.

Thế Tôn hỏi tiếp:

- Thiện Nguyễn, khi nghe tiếng cộp beo và những loài dã thú khác gầm rú trong cánh rừng này con có sợ không?

- Không những không sợ mà còn yêu quý cánh rừng vô hạn, bạch Thế Tôn.

Sau đó Thiện Nguyễn ứng khẩu đọc sáu mươi bài kệ ca ngợi cánh rừng. Thế Tôn và đại chúng nức lòng hoan hỷ về tâm trí rục rờ của chú sa di tuổi vị thành niên.

Đoạn Thế Tôn nói:

- Thiện Nguyễn!

- A Di Đà Phật, Thế Tôn gọi con.

- Thầy sắp đi đây. Con muốn theo Thầy hay trở về hang động?

- Dạ!... Thế Tôn cho con theo thì con đi, Thế Tôn bảo con về thì con về.

Trưởng lão Xá Lợi Phất đọc được ý niệm của Thiện Nguyễn, bèn nói:

- Thiện Nguyễn, nếu con muốn về thì hãy về đi!

Thiện Nguyễn đánh lễ Thế Tôn và Tăng đoàn rồi ra về, còn Thế Tôn và Tăng thân thì trở lại Kỳ Viên.

Tối hôm đó, đại chúng họp nhau trong chánh điện, luận bàn về khẩu khí xảo diệu của chú điệu khác thường:

- Các thầy nghĩ xem, Thiện Nguyễn quả thật vĩ đại và hiếm có trên đời! Một Trưởng lão cao niên nói. Có ai bảy tuổi xuất gia làm điệu, bảy ngày tu tập tại chùa, rồi một mình một bóng thẳng đến rừng Khổ hạnh, tu tập chỉ trong một thời gian ngắn đã thành tựu đạo nghiệp: thuyết giảng lưu loát, kinh điển am tường, phong thái đường đường, trí tuệ rục rờ; nhất là đi đến đâu cũng được quần chúng và Phật tử cung kính, cúng dường sung túc. Hy hữu quá!... Hy

hữu quá! Và xét cho cùng thì chắc là do túc duyên thiện nghiệp của gia đình Thiện Nguyên đã nhiều đời nhiều kiếp thâm tín chư Phật, hộ trì Tam bảo.

Nghe các sư nhận xét trong chánh điện, Thế Tôn bước vào, ngồi đúng vị trí của mình, tươi cười hỏi: “Có vấn đề gì mà các thầy luận bàn vui thế!” Rồi không đợi trả lời, Thế Tôn nói tiếp:

- Nay các thầy Tỳ kheo, nghiệm lại mà xem, trước mặt chúng ta có hai con đường. Một đường dẫn đến thế gian: mưu cầu tư lợi; một đường dẫn đến Niết bàn: tịch tịnh an vui. Bốn cánh cửa sanh – lão – bệnh – tử lúc nào cũng mở toang cho những ai thân ở trong rừng mà tâm ngoài phố thị. Bao lâu còn mưu cầu lợi dưỡng, lượn theo lòng người, là bấy lâu còn thay hình đổi dạng, chìm nổi lênh xuống. Còn những ai đi trên lộ trình dẫn đến thánh đạo: viễn ly danh lợi, vô ngại ung dung, vững chãi đ đoan trang, cất bước siêu việt, thì nhưt định sẽ tự tại giải thoát, chứng quả vô sanh.

Ngài đọc kệ:

Đường này đến thế gian,

Đường kia đến niết bàn,

Tỳ kheo đệ tử Phật,

Phải ý thức rõ ràng,

Đừng đắm say thế lợi,

Hãy tu hạnh ly tham.

(PC. 75)

--- o0o ---

HẾT